

TRƯỜNG TRÀO

(Huỳnh Ngọc Chiến dịch và bình chú)

RONG CHƠI CÙNG
Ư MỘNG ẢNH

幽 夢 影



CÔNG TY SÁCH THỜI ĐẠI NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

THAY LỜI DẪN

ĐỌC U MỘNG ẢNH VỚI TRĂNG MỜ PHỐ NÚI

Tùy bút

Tôi lên Buôn Mê Thuột đúng vào đầu mùa trăng. Dù là tiết Trung thu nhưng trăng lại rất mờ, gần như bị khuất sau những lớp mây đen ngthịt. Những đôi thông nhấp nhô lạng lẽ dưới cơn mưa chiều, kéo dài theo con đường nhựa từ tỉnh ĐăkNông đến cầu 14, trông đẹp lạ. Bên kia cầu là thành phố Buôn Ma Thuột. Cơn mưa chiều rất nhẹ như muốn kéo bầu trời xuống thấp hơn một chút. Và cái se lạnh êm ả của thành phố cao nguyên làm hồn khách bỗng thấy ấm áp và yên tĩnh lạ thường.

Trong túi xách tôi là mấy trang *U Mộng Ảnh* của Trương Trào, mà tôi tìm được tình cờ trên Internet. Trương Trào tự Sơn Lai, hiệu Tâm Trai và Trọng Tử, người tỉnh An Huy, sinh năm 1650 (năm Thuận Trị thứ tám, đời Thanh), không rõ năm mất. Ông sáng tác không nhiều, trong đó nổi tiếng nhất là “*U Mộng Ảnh*” (bóng mờ trong cõi mộng). *U Mộng Ảnh* chỉ là một tập sách nhỏ gồm 222 mục gồm những cách ngôn của Trương

Trào, phác họa ra một thế giới thơ mộng được nhìn qua đôi mắt tài hoa của một nghệ sĩ lớn, và nó đã làm say mê nhiều thế hệ văn nhân thi nhân Trung Quốc.

Nhiều người đọc những tác phẩm văn ngôn Trung Quốc thường chê lối văn biền ngẫu, vì cho rằng đó là lối văn sáo mòn về hình thức và nhạt nhẽo về nội dung. Điều đó có lẽ chỉ đúng với những tác giả bất tài. Nhiều câu văn biền ngẫu của Trương Trào đọc nghe ý vị lạ lùng, có lẽ vì nội dung hàm súc và tân kỳ của nó. Gần hai tuần trên cao nguyên, sống giữa cảnh thiên nhiên xinh đẹp, xa lìa cái xô bồ náo nhiệt của Sài Gòn, tôi mới có dịp thưởng thức trọn vẹn những câu cách ngôn đầy thi vị trong văn phong bay bướm của Trương Trào. Dù đã thay đổi nhiều nhưng Buôn Ma Thuật vẫn còn bóng dáng của một phố núi. Thiên nhiên vẫn còn đẹp lắm với những bản làng vùng xa và những nhà sàn nhả khói trong bóng sương chiều.

Có về lại với thiên nhiên, ta mới cảm nhận được Hóa công quả là một nghệ sĩ vĩ đại khi kiến tạo nên những diệu cảnh của trần gian để ban cho con người làm tặng vật. Và chỉ có người nghệ sĩ mới biết cảm nhận tặng vật đó để biến diệu cảnh trong thiên nhiên thành diệu cảnh trong lòng.

Có cảnh sơn thủy trên đất, có cảnh sơn thủy trên tranh, có cảnh sơn thủy trong mộng, có cảnh sơn thủy trong lòng. Cảnh sơn thủy trên đất đẹp ở gò hang u tịch, cảnh sơn thủy trên tranh đẹp ở bút mực lâm ly, cảnh sơn thủy trong mộng đẹp

*ở cảnh tượng biển ảo, cảnh sơn thủy trong lòng
đẹp ở vị trí tự nhiên.*

*Bóng sông núi trong vùng trăng là địa lý trong
thiên văn, hình tượng trăng sao trên sông nước
là thiên văn trong địa lý.*

U Mộng Ảnh quả là tác phẩm tuyệt vời của một người nghệ sĩ đem tài hoa vào đời để đi tìm và thưởng ngoạn cái Đẹp. Chỉ những tâm hồn tài hoa chân chính mới biết nâng niu và trân trọng cái Đẹp:

*Vì trăng mà lo mây, vì sách mà lo mối mọt, vì
hoa mà lo gió mưa, vì tài tử giai nhân mà lo
mệnh bạc, đó thực là tấm lòng Bồ Tát vậy.*

Chỉ những người như thế mới biết biến trần gian thành một vườn địa đàng thực sự, vì biết dùng:

*Một chữ tình để duy trì thế giới, một chữ tài để
tô điểm càn khôn.*

Đọc U Mộng Ảnh, lắm phen tôi phải giật mình tự hỏi tại sao chúng ta lại cứ mãi bon chen trong thế giới vật chất để tồn tại mà quên mất ý nghĩa đích thực của cuộc sống. Rốt cuộc thì cõi đời là một thiên đường để con người hưởng thụ hay chỉ là nơi buộc con người phải lao động khổ sai? Sao chúng ta lại cứ phải suốt đời lao động quần quật để hì hục vun đắp thêm cho cái khối lượng vật chất thường đã vượt quá nhu cầu sống thường ngày, mà không chịu bỏ ra những phút giây nhàn nhã để nhìn lại cuộc sống với muôn ngàn điều kỳ diệu quanh ta?

Đứng trên lầu ngắm núi, đứng đầu thành ngắm tuyết, ngồi trước đèn ngắm hoa, ngồi trong thuyền ngắm ráng chiều, dưới trăng ngắm mỹ nhân, mỗi cảnh đều có tình riêng.

Ánh nắng của núi, tiếng chảy của nước, màu sắc của trăng, hương thơm của hoa, vẻ nho nhã của văn nhân, dáng yêu kiều của mỹ nhân đều là những thứ không thể dùng tên gọi mà hình dung ra được, không thể nào nắm bắt được, quả đủ để làm ngơ ngẩn mộng hồn, đảo điên thần trí!

Chúng ta cứ hợm hĩnh vì những ngôi nhà cao tầng, vì những chiếc xe hơi bóng lộn, vì những bữa ăn trong nhà hàng sang trọng, vì những mối quan hệ giao du với những nhân vật tầm cỡ trong xã hội, như những thằng hề mãi múa may trên sân khấu đời “*full of sound and fury*”, mà không bao giờ hiểu được rằng dưới con mắt của Hóa công, đó chỉ là cuộc sống dung tục đầy thảm hại. Những người hưởng thụ thế giới đâu phải là những kẻ nhiều tiền lắm của mà chính là những người mang tâm hồn nghệ sĩ và hiểu được triết lý của chữ nhàn.

Con người không gì vui cho bằng nhàn. Nhàn đâu phải là không có gì để làm. Có nhàn mới đọc được sách, có nhàn mới du ngoạn được danh lam thắng cảnh, có nhàn mới giao du được với những bạn có ích, có nhàn mới uống được rượu, có nhàn mới viết được sách. Niềm vui trong thiên hạ, còn có gì lớn hơn nó nữa?

Đã lâu lắm rồi, tại một quán cà phê thung lũng nơi phố núi, tôi mới hưởng được cái thú ngồi uống cà phê một mình giữa cái yên tĩnh của bóng chiều hôm. Cái tĩnh lặng của cảnh vật đã lan tỏa thành cái tĩnh lặng trong lòng khách. Còn gì thú vị hơn, khi cùng Trương Trào ngắm những tảng đá đặt bên gốc cây để thưởng ngoạn một cảnh vườn u nhã:

*Đá đặt bên gốc mai nên cổ kính, đá đặt dưới
gốc tùng nên thô, đá đặt bên gốc trúc nên gầy,
đá đặt trong bồn nên tinh xảo.*

Chỉ một cánh bướm vờn hoa trong ánh nắng thoi thóp trên thảm cỏ xanh, nhưng cả khu vườn như rực sáng qua một câu văn tinh tế:

*Bướm là hóa thân của tài tử, hoa là biệt hiệu
của mỹ nhân.*

Tiếng chim hót, tiếng côn trùng rả rích đêm thâu, tiếng suối nước róc rách ... từ lâu đã chết trong tâm hồn chúng ta, thay vào đó là những thanh âm xô bồ của cuộc sống luôn hỗn loạn vì đồng bạc; hình ảnh vắng trắng menh mang trên sông nước, hay cảnh mây bay trên rừng núi trong bóng chiều hôm đã bị nhòa đi trong cảnh ngựa xe náo nhiệt. Chúng ta cứ bị cuốn theo cảnh đó mà không cảm nhận được rằng:

*Mùa xuân nghe tiếng chim hót, mùa hè nghe
tiếng ve ngâm, mùa đông nghe tiếng côn trùng
rả rích, mùa đông nghe tiếng tuyết rơi, ban*

*ngày nghe tiếng đánh cờ, dưới trăng nghe tiếng
tiêu réo rất, trong núi nghe tiếng gió thổi ngàn
thông, bên nước nghe tiếng sóng vỗ, mới không
sống uổng phí một đời.*

*Dưới thông nghe tiếng đàn cầm, dưới trăng nghe
tiếng tiêu, bên khe nghe tiếng thác đổ, trong núi
nghe tiếng tụng kinh, tai nghe ra mỗi tiếng đều
có ý vị riêng.*

*Dưới trăng bàn thiền, thú vị càng man mác;
dưới trăng luận kiếm, can đảm càng bông bột;
dưới trăng bàn thơ, phong thái càng u nhã; dưới
trăng ngắm mỹ nhân, tình ý càng nồng thắm.*

Đúng là chúng ta đã sống quá lãng phí trước những
tặng vật kỳ diệu của Thượng đế. Sống mà mắt như mù,
tai như điếc trước thiên nhiên. Càng đọc *U Mộng Ảnh*
chúng ta càng thấy cuộc sống ta lâu nay thảm hại là ngần
nào. Chúng ta mãi bươn chải lao lốt theo cuộc sống,
dùng mọi thủ đoạn để tồn tại với đủ mọi thứ tiện nghi
vật chất phù phiếm, mà không hề biết cách:

*Gãy hoa để gọi bướm, chất đá để mời mây,
trồng thông để đón gió, chứa nước để gọi bèo;
xây đài cao để mời trăng, trồng chuối để đón
mưa, trồng liễu để gọi ve.*

Ngồi một mình giữa thung lũng đọc *U Mộng Ảnh*
quả là một lạc thú trên đời. Song tôi thắc mắc mãi vì
sao tiêu đề lại là *U Mộng Ảnh*? Đó là bóng mờ trong cõi

mộng hay là chiếc bóng lẻ loi trong cõi mộng u buồn? Phải chăng ta chỉ thưởng ngoạn được vẻ đẹp của thế giới khi nhìn nó qua cõi mộng, như Trang Chu hóa bướm ngày xưa?

*Trang Chu mộng thấy mình hóa thành bướm,
đó là cái may mắn của Trang Chu; bướm nếu
mộng thấy mình hóa thành Trang Chu, thì đó
là cái bất hạnh của bướm.*

Giữa bóng trắng mờ ảo, lại ngồi một mình nơi quán cóc vắng vẻ ở vùng ngoại ô tĩnh lặng của thành phố cao nguyên, trong bụi cỏ rậm là tiếng côn trùng rả rích, tôi chợt nghiệm ra ý nghĩa của chữ “u mộng” và thấy thấm thía biết bao khi đọc:

*Đêm thanh ngồi cô độc, mời trăng kể lẽ chuyện
buồn; canh khuya ngủ một mình, gọi để nói
niềm sầu hận.*

Mà có đêm trăng mờ nào trên cao nguyên lại không gọi lên bao nỗi buồn man mác?

Buôn Mê Thuật, Trung Thu 2006.

TRƯƠNG TRÀO VÀ U MỘNG ẢNH

Trương Trào 张潮 (1650 – 1707) tự Sơn Lai 山來, hiệu Trọng Tử 仲子, và một ngoại hiệu khác là Tâm Trai cư sĩ 心齋居士, người huyện Hấp 歙縣 (nay thuộc thành phố Hoàng Sơn, tỉnh An Huy). Tổ tiên nguyên ở Vụ Nguyên 婺源 (nay thuộc tỉnh Giang Tây), đến năm 1028 mới dời về huyện Hấp. Cha ông là Trương Tập Khổng 張習孔, đậu tiến sĩ năm Thuận Trị thứ 6 (tức năm 1649), làm chức Thị Lang bộ hình. Đến năm 1652, Tập Khổng chịu tang mẹ và thấy hoạn lộ đầy hiểm họa, nên từ quan, về ở Dương Châu, bắt đầu kinh doanh gia nghiệp.

Trương Trào chào đời năm Thuận Trị thứ 7 (tức 1650), trưởng thành dưới sự giáo huấn nghiêm khắc của cha mẹ, chuyên tâm đọc sách. Theo một số tư liệu còn ghi lại thì từ lúc nhỏ, ông đã tỏ ra thông minh đỉnh ngộ tuyệt luân, ham đọc sách, tinh thông bách gia chư tử, đến

hai mươi tuổi thì đứng vào hàng ngũ chư sinh, dùng văn chương mà nổi tiếng khắp hai vùng nam bắc.

Trương Trào ư thường cùng cách danh sĩ đương thời cùng nhau xướng họa thơ văn. Ông bản tính tiêu sái, giao lưu với bạn bè rất phóng khoáng, không câu nệ. Ông hiểu liêm ở đất Tô Châu là Trương Vi Tuyền 張為泉 nhận xét về Trương Trào:

Lão Tử giáo hóa người Hồ, Triệu Tử giáo hóa ta. Ông anh Tâm Trai của ta, tự giáo hóa mình rồi giáo hóa cho người, tự tìm cái vui cho mình rồi đem cái vui đến cho người. (Lão Tử hóa Hồ, Triệu tử hóa ngô. Ngã Tâm Trai huynh, tự hóa hóa nhân, tự ngu ngu nhân. 老子化胡，潮子化吾。我心齋兄，自化化人，自娛娛人。)

Lão Tử hóa Hồ là truyền thuyết xuất phát từ thời Đông Hán, cho rằng Lão Tử khi về già bèn bỏ Trung Quốc mà đi về hướng tây, qua cử quan Hàm Cốc, vào xứ Tây Vực để giáo hóa cho người Hồ. Dựa theo truyền thuyết đó mà người Trung Quốc cho rằng Phật giáo xuất phát từ Lão Tử. Câu chuyện trên chỉ là một truyền thuyết muốn đặt Lão Tử ở một vị trí cực cao mà các học giả Trung Quốc thích dùng để tô vẽ thêm cho tư tưởng “Trung Quốc vĩ đại”, vốn kéo dài từ thời viễn cổ đến nay. Nhưng qua câu nói của Trương Vi Tuyền, ta cũng thấy được Trương Trào được bằng hữu đánh giá cao ra sao.

Theo tài liệu còn ghi lại, dù sinh ra trong gia đình

giàu có, nhưng Trương Trào tính tình trầm lặng, quả dục, sống rất đạm bạc, lại cực kỳ hiếu khách. Trong nhà lúc nào cũng đầy khách bốn phương tìm về, cùng nhau uống rượu ngâm thơ, người nào túng bấn cũng đều được giúp đỡ.

Dù tài năng hơn đời, nhưng Trương Trào lại không ưa lối văn bát cổ sáo mòn và vô bổ dùng trong thi cử thời bấy giờ, nên con đường cử nghiệp của ông lại không suôn sẻ. Ông đi thi nhiều lần nhưng không đỗ. Do khoa cử lận đận, bao nhiêu tráng chí hùng tâm đều tiêu tán, ông không còn thiết tha chuyện rong ruổi với đời nữa, nên lui về Dương Châu trứ thư lập thuyết. Ông có tác phẩm *Ngư Sơ Tân Chí* nổi tiếng ở đời. Tác phẩm này xác định cho ông vị trí của một nhà văn và nhà phê bình trong lịch sử văn học Trung Quốc. Nhưng nổi tiếng nhất là *U Mộng Ảnh*. Tên tuổi ông được lưu truyền hậu thế phần lớn là do tiểu phẩm này. Giống như khi nói đến Nguyễn Du là ta nghĩ ngay đến *Truyện Kiều*. *U Mộng Ảnh* gồm 222 mục. Mỗi mục gồm nhiều câu, hoặc đôi khi chỉ có một câu, ghi lại những nhận định của Trương Trào về nghệ thuật sống, nghệ thuật thưởng lãm văn chương, cảm nhận về thế giới, về nhân sinh, v.v... được viết bằng một văn phong tuyệt diệu. Đọc Trương Trào, nếu chỉ tìm hiểu nghĩa mà không thưởng ngoạn nhạc điệu trong câu văn thì cảm hứng cũng vơi đi không ít. Cho nên khi dịch, đôi khi tôi cũng biến đổi đôi chút để làm sao diễn đạt đủ nội dung mà vẫn giữ lại được nhạc điệu trong câu văn của Trương Trào. Văn chương của Trương Trào mang phong

cách giản đơn, nhưng nội dung thâm viển, ý vị sâu xa, tất cả đều chú trọng ở tính chân thật. Đây là điều dễ hiểu vì sao tác phẩm của Trương Trào lại có sức hấp dẫn lâu bền đến vậy, vì văn chương mà không chân thật thì không thể cảm động được lòng người.

Trước đây, trong một đợt lên Tây nguyên công tác, cảnh vật núi rừng đã đem lại cho tôi cảm hứng để dịch cuốn *U Mộng Ảnh*, lấy tên là “*Bóng Trăng Gió Núi*”. Tôi dịch trong những lúc ngồi nhâm nhi cà phê một mình trong những quán cà phê thơ mộng vùng cao nguyên. Xem như tìm một chút giao cảm với Trương Trào. Bản dịch sau đó được in với nhan đề *Bóng Trăng Gió Núi*, nhưng quá mỏng và không may là bị lỗi in ấn nên không được lưu hành.

Đã bao năm qua, thỉnh thoảng tôi vẫn lai rai đọc lại *U Mộng Ảnh* theo lối ngẫu nhĩ bói Kiều! Đọc *U Mộng Ảnh* có cái thú là có thể đọc bất cứ đoạn nào, và có thể ghi thêm những nhận xét, cảm xúc của ta – một điều mà các văn sĩ đời Thanh vẫn làm – khi đọc tác phẩm này. Bản dịch cũ, do lúc đó thiếu điều kiện tra cứu, còn đôi chỗ sai sót, và phần chú thích không được đầy đủ. Lần dịch lại này, tôi bổ sung thêm đủ bốn lời tựa cho cuốn *U Mộng Ảnh*. Bốn lời tựa này, nhất là lời tựa của Thạch Bàng, mở rộng thêm những chân trời bao la cho bạn đọc. Tôi ghi lại những cảm xúc của mình cho mỗi câu, gọi là phần *Nhàn đàm*, vừa là chú giải, vừa xem như là chuyện phiếm để cùng bạn đọc rong chơi với *U Mộng Ảnh*. Phần chú thích có liên quan đến thơ văn Trung Quốc cổ, tôi

ghi thêm nguyên văn và phiên âm, vì đọc văn thơ Trung Quốc cổ mà có kèm nguyên tác bản phồn thể vẫn luôn cái thú của người đọc sách. Cũng như đọc thơ Đường mà chỉ đọc phiên âm và dịch nghĩa thì khó lòng nhận ra được cái hay của nó.

Thế giới của Trương Trào là thế giới của khói mây lãng đãng với hoa bướm, trăng sao của một khách tài tử nhàn du trong cõi thế. Cho nên, đi vào thế giới đó, ta cũng nên đi bằng cái tâm của khách nhàn du. Và cái tâm gọi là “*chú giải*” của tôi cũng thế, xin bạn đọc xem như đó là cảm hứng lan man của khách nhàn du đi qua vườn văn, để sẻ chia cùng bạn đọc. Những câu nói của Trương Trào trong *U Mộng Ảnh*, có khi đọc thấy thú vị ngay, có khi phải nghiền ngẫm và trải nghiệm mới thấy là diệu bút.

Trước đây, khi dịch, tôi có lược bỏ một đôi câu. Lần này, tôi dịch trọn để không ảnh hưởng đến cái thú xem *U Mộng Ảnh*. Nội dung *U Mộng Ảnh* thường viết bằng lối văn biền ngẫu, vốn bị xem là theo khuôn sáo. Nhưng cái khuôn sáo nằm trong tay kẻ tầm thường sẽ thành sáo rỗng, khi nằm trong tay kẻ tài hoa thì cái khuôn sáo đó sẽ trở nên bay bướm, thanh tao.

Đọc *U Mộng Ảnh*, ta có cảm giác như đọc *Đăng Vương Các Tự* trước đó cả ngàn năm. Bài tựa của Thạch Bàng dành cho *U Mộng Ảnh* rất nhiều ưu ái. Đây là một trong bài tựa viết theo lối văn biền ngẫu hay nhất kể từ *Đăng Vương Các Tự* của Vương Bột. Bài tựa này, giống như bài tựa của Chu Mạnh Trinh viết cho *Truyện Kiều*, đã đẩy Hán ngữ lên một cung bậc mới, chấp cho Hán

ngữ đôi cánh của trí tuệ và tài hoa để đưa *U Mộng Ảnh* bay vào cõi ngôn ngữ tân kỳ.

Trước khi đọc *U Mộng Ảnh*, các bạn nên đọc đủ bốn lời tựa. Để hiểu *Mộng* và *Ảnh*. Và để chuẩn bị cho “*cuộc dạo chơi*” với Trương Trào trong cõi “*Nhất thiết hữu vi pháp; Như mộng, huyễn, bào, ảnh.*”

Huỳnh Ngọc Chiến

Cuối Xuân Mậu Tuất, 2018

TÁC PHẨM TRƯƠNG TRÀO

Sau đây là danh sách những tác phẩm do Trương Trào soạn hoặc biên tập.

Ngu Sơ Tân Chí 虞初新志

Đàn Kỳ Tùng Thư 檀幾叢書

Chiêu Đại Tùng Thư 昭代叢書

Hoa Điểu Xuân Thu 花鳥春秋

Ngoạn Nguyệt Ước 玩月約

Điền Nam ức Cựu Lục 滇南憶舊錄

U Mộng Ảnh 幽夢影

Thi Phụ Lục 詩附錄

Hoa ảnh Từ 花影詞

Tâm Trai Thi Tập 心齋詩集

Tâm Trai Tạp Tổ 心齋雜組

Bổ Hoa Để Thập Di 補花底拾遺

Lộc Thông Hoa Quán Thi Sao 鹿蔥花館詩鈔

Hề Nang Thốn Cẩm 奚囊寸錦

Xích Độc Ngẫu Tôn 尺牘偶存

Xích Độc Hữu Thanh Nhị Tập 尺牘友聲二集

Xích Độc Hữu Thanh Tam Tập 尺牘友聲三集

Thư Bản Thảo 書本草

Ẩm Trung Bát Tiên Lệnh 飲中八仙令

Hạ Tữu Vật 下酒物

Liên Trang 聯莊

Bài tựa thứ 1

DƯ HOÀI TỰ

*D*ư cùng kinh độc sử chi dư, hiểu lẫm bại quan tiểu thuyết. Tự Đường dĩ lai, bất hạ sở bách chủng. Bất dãn khả dĩ bị khảo di vong, diệc khả dĩ tăng trưởng ý thức. Như du danh sơn đại xuyên giả, tất thám đoan nhai, tuyệt hác; ngoạn kiều từng cổ bá giả, tất thái tú thảo, u hoa. Sử nhĩ mục nhất tâm, khâm tình di dăng. Thử phi đầu cân nại đái chương cú hủ nho chi sở tri dã. Cổ dư ư vịnh thi soạn văn chi hạ, bút lục cổ dật sự, kim tân văn. Tự thiếu chí lão, tạp trú sở thập chủng. Như Thuyết sử, Thuyết thi, Đảng lẫm, Doanh lẫm, Đông Sơn đàm uyển, Hãn thanh dư ngữ, Nghiễn lâm, Bất vọng ngữ thuật, Trà sử bổ, Tử liên hoa trai tạp lục, Man ông mạn lục, Thiển lâm mạn lục, Độc sử phù bạch tập, Cổ kim thư tự biện ngoa, Thu tuyết từng đàm, Kim Lăng dã sao chi loại. Tuy vị điều bản vấn thể, nhi hữu nhân tá sao, cơ biến đông nam chư quận, trực khả ngạo Tử Vân nhi nghệ Quân Sơn hỹ!

Thiên đô Trương Trọng Tử Tâm Trai, gia tích phiêu tương, hung la tinh túc, bút hoa liễu nhiều, mặc thẩm lâm ly. Kỳ sở trú thuật, dữ dư kỳ cổ tương đương, tranh kỳ đấu

phú, như Tôn Bá Phù dữ Thái Sử Tử Nghĩa tương ngộ ư Thần Đình, hựu như Thạch Sùng, Vương Khải kích toái san hô thời dã. Kỳ U Mộng Ảnh nhất thư, vưu đa cách ngôn diệu luận, ngôn nhân chi sở bất năng ngôn, đạo nhân chi sở vị kinh đạo. Triển vị đề hồi, tự xan Đế tương hăng giới, thính quân thiên chi quảng nhạc, bất tri thử thân tại hạ phương trần thế hỹ. Chí như: “luật kỷ nghi đối thu khí, xử thế nghi đối xuân khí. ”, “tỳ khả dĩ đương nô, nô bất khả dĩ đương tỳ”, “vô tổn ư thế vị chi thiện nhân, hữu hại ư thế vị chi ác nhân”, “tâm lạc cảnh nãi học tiên, tỵ khổ cảnh nãi học Phật”, siêu siêu huyền trợ, tuyệt thắng Chi, Hứa thanh đàm. Nhân đáng lữ tâm minh phủ, khởi chỉ bội vi thư thân nhi dĩ tai!

Man Trì lão nhân Dư Hoài Quảng Hà chế.

余懷序

余窮經讀史之餘，好覽稗官小說。自唐以來，不下數百種。不但可以備考遺忘，亦可以增長意識。如遊名山大川者，必探斷崖絕壑；玩喬松古柏者，必采秀草幽花。使耳目一新，襟情怡宕。此非頭巾襍襪章句腐儒之所知也。故余於詠詩撰文之暇，筆錄古軼事，今新聞。自少至老，襍著數十種。如“說史”，“說詩”，“黨鑑”，“盈鑑”，“東山談苑”，“汗青餘語”，“硯林”，“不妄語述”，“茶史補”，“四蓮花齋襍錄”，“曼翁漫錄”，“禪林漫錄”，“讀史

浮白集”，“古今書字辨訛”，“秋雪叢談”，“金陵野抄”之類。雖未雕板問世，而友人借抄，幾遍東南諸郡，直可傲子雲而睨君山矣！

天都張仲子心齋，家積縹緗，胸羅星宿，筆花繚繞，墨瀋淋漓。其所著述，與余旗鼓相當，爭奇鬥富，如孫伯符與太史子義相遇於神亭，又如石崇，王愷擊碎珊瑚時也。其“幽夢影”一書，尤多格言妙論，言人之所不能言，道人之所未經道。展味低徊，似餐帝漿沆瀣，聽鈞天之廣樂，不知此身在下方塵世矣。至如：「律已宜帶秋氣，處世宜帶春氣。」，「婢可以當奴，奴不可以當婢」，「無損於世謂之善人，有害於世謂之惡人」，「尋樂境乃學仙，避苦境乃學佛」，超超玄箸，絕勝支，許清談。人當鏤心銘腑，豈止佩韋書紳而已哉。

鬢持老人余懷廣霞製。

Bài tựa của Dư Hoài

Ta đã đọc hết kinh sử, nhân lúc nhàn rỗi lại thích xem những tiểu thuyết lật vật. Từ đời Đường đến nay, tiểu thuyết có đến hàng trăm loại, không những có thể bổ sung thêm cho những điểm thiếu sót trong kinh sử, mà còn có thể làm tăng trưởng kiến thức. Giống như kẻ du ngoạn núi cao sông lớn ắt phải đến thăm vách dựng, hang sâu; kẻ ham thích cao tùng, cổ bách ắt phải tìm tòi hoa thơm, cỏ lạ. Tại mắt đón nhận cái mới thì trong lòng

sáng khoái, lâng lâng. Đây không phải là điều mà hạng một sách hủ nho biết được.

Cho nên ta nhân lúc nhàn nhã mà ngâm nga thi phú, tuyển chọn văn chương, từ đặt sự thuở xưa cho đến điều nghe thấy hiện nay. Từ lúc nhỏ đến già, biên soạn đủ loại được mười quyển, đó là: *Thuyết sử, Thuyết thi, Đảng lâm, Doanh lâm, Đông Sơn đàm uyển, Hãn thanh dư ngữ, Nghiễn lâm, Bất vọng ngữ thuật, Trà sử bổ, Tứ liên hoa trai tập lục, Man ông mạn lục, Thiển lâm mạn lục, Độc sử phù bạch tập, Cổ kim thư tự biện ngoa, Thu tuyết tùng đàm, Kim Lăng dã sao*. Tuy chưa khắc thành bản in để ra mắt với đời, nhưng bè bạn đều sao chép, hầu như phổ biến khắp vùng đông nam. Nội dung giản trực có thể tự hào với Từ Vân mà ngạo nghễ cùng Quân Sơn^[1] vậy.

Trương Trọng Tử là Tâm Trai, ở chốn kinh đô, nhà chất đầy sách, bụng chứa trăng sao, bút hoa phóng khoáng, nét mực tung hoành. Những tác phẩm của ông cùng ta cờ trống tương đương, đua nhau nét phong phú, tranh nhau điểm tân kỳ, như Tôn Sách gặp Thái Sử Từ nơi Thần Đình^[2], như Thạch Sùng đập vỡ cây san hô của Vương Khải^[3] vậy.

Cuốn *U Mộng Ảnh* của ông chứa biết bao nhiêu là diệu luận cách ngôn, nói những lời người ta không thể nói, diễn đạt những điều người ta chưa từng diễn đạt. Ý vị vấn vương, như uống sương đêm của Thượng Đế, như nghe âm nhạc của trời cao, chẳng biết thân mình còn ở nơi trần thế hay không nữa. Những câu như:

- Luật kỹ nghi đái thu khí, xử thế nghi đái xuân khí.
- Tỳ khả dĩ đương nô, nô bất khả dĩ đương tỳ.
- Vô tổn ư thế vị chi thiện nhân, hữu hại ư thế vị chi ác nhân.

– *Tầm lạc cảnh nãi học tiên, tỵ khổ cảnh nãi học Phật*^[4]
 đều là những câu cao siêu huyền diệu, vượt trội hẳn những lời thanh đàm của Chi, Hứa.^[5] Người đời nên khắc cốt minh tâm, há có thể chỉ ghi nhớ mà thôi đâu!

Mạn Trì lão nhân Dư Hoài Quảng Hà ghi.

Chú thích

Dư Hoài (1616 – 1696) là tác gia văn học đầu đời Thanh. Ông tự Đạm Tâm 澹心, Vô Hoài 無懷, hiệu Mạn Ông 廣霞, Quảng Hà 廣霞, lại có hiệu Hồ Sơn ngoại sử 壺山外史, Hàn Thiết đạo nhân 寒鐵道人, về già lại tự xưng là Mạn Trì lão nhân 鬢持老人.

^[1] Từ Văn tức Dương Hùng 揚雄 (53 – 18 trước C.N) và Quân Sơn tức Hoàn Đàm 桓譚 (23? – 56?) là những triết gia đời Hán.

^[2] Thái Sử Từ (166 – 206) là danh tướng cuối đời Hán, ban đầu là tướng của Lưu Do, về sau theo về với Đông Ngô. Tôn Sách (175 – 200) là anh Tôn Quyền, hùng cứ vùng Giang Đông, là một trong những anh hùng lỗi lạc cuối đời Hán. Khi Từ còn là thủ hạ của Lưu Do, trong lúc đi do thám cùng một kỵ binh, đến Thần Đình thì gặp Tôn Sách đi với 13 kỵ binh hộ vệ. Thái Sử Từ liều chết quyết đấu cùng Tôn Sách. Sách nắm được yên ngựa, lột được áo bào của Từ còn Từ cũng giật được mũ của Tôn Sách. Đến khi quân sĩ hai bên cùng kéo đến, hai người mới buông nhau ra, nhưng đều cảm phục tài nhau theo kiểu “*anh hùng tương ngộ*”. Khi Từ trấn thủ huyện Kinh, Sách đích thân đem quân đến đánh, Từ bại trận và bị bắt. Sách tỏ ý ngưỡng mộ và dụ Từ chiêu hàng, Từ cảm kích mà quy thuận Đông Ngô, lập được nhiều công trạng.

[3] Thạch Sùng và Vương Khải là hai vị quan cực kỳ giàu có thời Tấn, sống rất xa hoa. Có lần hai bên cùng nhau khoe của trước bá quan, Tấn Vũ đế thấy Vương Khải kém hơn nên tặng cho Vương Khải một cây san hô cao hai thước. Vương Khải đem cây san hô ra thi, liền bị Thạch Sùng dùng cây gậy bằng ngọc như ý đập vỡ. Vương Khải cả giận, Thạch Sùng bèn đền cho một san hô cao bốn thước.

[4] Các câu được trích -dẫn trong 4 bài tựa này đều có trong bản dịch.

[5] Chi tức Chi Độn 支遁 (314 – 366), tự Đạo Lâm 道林, là một cao tăng, đồng thời một nhà Phật học uyên bác và là văn gia nổi tiếng đời Đông Tấn. Hứa tức Hứa Tuân 許詢, tự Huyền Độ 玄度, cũng là văn gia lỗi lạc đời Đông Tấn.

Bài tựa thứ 2

TÔN TRÍ DI TỰ

Tâm Trai trú thư mãn gia, giai hàm kinh chủ sử, tự xuất cơ trử, trác nhiên khả truyền. Thị biên thị kỳ nhất luân phiên vũ, nhiên tam tài chi lý, vạn vật chi tình, cổ kim nhân sự chi biến, giai tại thị hỹ. Cố để chi dĩ “mộng” thả “ảnh” vãn giả. Ngô văn hải ngoại hữu quốc yên, dạ trường nhi trú đoản, dĩ trú chi sở vi vi ảo, dĩ mộng chi sở ngộ vi chân; hựu văn nhân hữu ố kỳ ảnh nhi dục đào chi giả. Nhiên tắc “mộng” dã giả, nãi kỳ sở dĩ vi giác, “ảnh” dã giả, nãi kỳ sở dĩ vi hình dã da? Sư từ ẩn ngữ, ngôn vô tội nhi văn tức giới, thị tắc Tâm Trai sở vi tận tâm yên giả dã. Độc thị biên dã, kỳ khả dĩ văn phá mộng chi chung nhi tựu âm dĩ tức ảnh dã phù!

Giang Đông đồng học đệ Tôn Trí Di đề.

孫致彌序

心齋著書滿家，皆含經咀史，自出機杼，卓然可傳。是編是其一翬片羽，然三才之理，萬物

之情，古今人事之變，皆在是矣。顧題之以「夢」且「影」云者，吾聞海外有國焉，夜長而晝短，以晝之所為為幻，以夢之所遇為真；又聞人有惡其影而欲逃之者。然則「夢」也者，乃其所以為覺；「影」也者，乃其所以為形也耶？度辭隱語，言無罪而聞足戒，是則心齋所為盡心焉者也。讀是編也，其可以聞破夢之鐘而就陰以息影也夫！

江東同學弟孫致彌題。

Bài tựa của Tôn Trí Di

Tâm Trai viết sách chứa đầy nhà, đều hàm chứa ý nghĩa kinh sử, xuất phát từ nơi gấm vóc; văn chương lỗi lạc, đáng được lưu truyền. Cuốn sách này chỉ là một mẫu thit nhỏ, một sợi lông tơ^[1], nhưng đạo lý tam tài, sự tình muôn vật, việc người biến đổi xưa nay, tất cả đều nằm trong đó cả. Dùng các chữ *Mộng* và *Ảnh* mà nói, tôi nghe ở hải ngoại có một nước, đêm dài, ngày ngắn, cho những điều làm trong ngày là ảo, mà cho những chuyện gặp trong mộng là chân^[2]; lại nghe nói có kẻ ghét bóng mình mà chạy lánh^[3]. Vậy thì có phải *mộng* họ cho là thức, mà *ảnh* (bóng) họ cho là hình chăng? Những lời kín đáo, ý nghĩa sâu xa, kẻ nói thì vô tội mà người nghe đủ lấy đó để răn mình^[4], đó là điều mà Tâm Trai dốc hết tâm huyết để làm. Đọc cuốn này, có thể nghe ra tiếng chuông vang để tỉnh mộng^[5], và đến chỗ râm để mất bóng vậy.

Đồng học đệ là Giang Đông Tôn Trí Di đề^[6].

Chú thích

Tôn Trí Di (1671? –?), tự Khải Tự 恺似, hiệu Tùng Bình 松坪, người huyện Gia Định, phủ Tô Châu, tỉnh Giang Nam. Nhà nghèo nhưng hiếu học, tài hoa phóng dật, giỏi thi văn. Năm 1688, đỗ tiến sĩ, làm việc trong Hàn Lâm viện, làm quan đến chức Thị độc học sĩ. Không rõ năm mất.

[1] Luyện là thịt băm nhỏ, phiến vù là lòng của con thú thần Cát Quang trong thần thoại Trung Quốc. Ăn một mẫu thịt nhỏ cũng hiểu được giá trị của cả nồi thịt lớn, chỉ một sợi lòng cũng tượng trưng được cho thú thần, ý nói tác phẩm *U Mộng Ảnh* tuy nhỏ nhưng giá trị vô cùng to lớn.

[2] Chương Châu Mục Vương sách *Liệt Tử* ghi: “Ở góc nam cực Tây có một nước, không biết ranh giới tiếp giáp đến đâu, tên là Cổ Mãng. Khí âm dương không giao nhau nên không phân biệt được nóng lạnh; ánh sáng mặt trời, mặt trăng chẳng chiếu đến nên không phân biệt được ngày đêm. Người dân nơi đó không ăn, không mặc gì cả, mà chỉ ngủ nhiều. Ngủ một lần 5 tuần mới dậy, cho những điều làm trong giấc ngủ mới là thực, còn những điều thấy trong khi thức đều là dối.” (Tây cực chi nam ngưng hữu quốc yên, bất tri cảnh giới chi sở tiếp, danh cổ mãng chi quốc. Âm dương chi khí sở bất giao, cổ hàn thử vong biện; nhật nguyệt chi quang sở bất chiếu, cổ trú dạ vong biện. Kỳ dân bất thực bất ý nhi đa miên. Ngũ tuần nhất giác, dĩ mộng trung sở vi giả thực, giác chi sở kiến giả vọng. 西極之南隅有國焉，不知境界之所接，名古莽之國。陰陽之氣所不交，故寒暑亡辨；日月之光所不照，故晝夜亡辨。其民不食不衣而多眠。五旬一覺，以夢中所為者實，覺之所見者妄。)

[3] Chương Ngư Phủ sách *Trang Tử* ghi: “Người ta có kẻ sợ bóng mình, ghệt dấu chân mình mà bỏ chạy; chạy càng lắm thì dấu chân càng nhiều, chạy càng nhanh thì bóng càng bám chẳng rời thân, tự cho là vẫn còn chậm, nên càng chạy nhanh không nghỉ, kiệt sức mà chết. Không biết rằng ở chỗ bóng râm thì hết bóng, đứng yên thì hết dấu,

thật là ngu si quá đời!” (Nhân hữu úy ảnh ố tích nhi khứ chi tẩu giả, cử túc dĩ sở nhi tích dĩ đa, tẩu dĩ tậ nhi ảnh bất lý thân, tự dĩ vi thượng tri, tậ tẩu bất hữu, tuyệt lực nhi tử. Bất tri xử âm dĩ hữu ảnh, xử tĩnh dĩ túc tích, ngu diệc thậm hỹ! 人有畏影惡跡而去之走者, 舉足愈數而跡愈多, 走愈疾而影不離身, 自以為尚遲, 疾走不休, 絕力而死。不知處陰以休影, 處靜以息跡, 愚亦甚矣!)

[4] Câu “ngôn giả vô tội, văn giả túc giới.” xuất phát từ lời tựa của Kinh Thi: “Ngôn chi giả vô tội, văn chi giả túc dĩ giới. 言之者無罪, 聞之者足以戒。” Người nói ra không có tội vì câu nói đó có thể đúng, có thể sai, hoặc vô thưởng vô phạt; nhưng người nghe thì cần phải cân nhắc cẩn thận để xem có chính xác hay không.

[5] Thơ Đường có câu “Phá mộng hiểu chung văn trúc tự. 破夢曉鐘聞竹寺。” (Nghe tiếng chuông chùa trúc mà tỉnh giấc mộng sớm mai.)

[6] Những người cùng làm quan thời xưa, tự xưng một cách khiêm tốn là đồng học đệ.

Bài tựa thứ 3

THẠCH BÀNG TỰ

Trường Tâm Trai tiên sinh gia tự Hoàng Sơn, tài
bôn Lục, Hải,

Nam Lữ phú tị, cảm nguyệt đầu hoài; thược dược từ
thành, phồn hoa tác soạn.

Tô Tử Chiêm thập tam lâu ngoại, cảnh vật do nhiên;
Đỗ Mục chi Trấp Tử kiều đầu, lưu phong nhưng tại.

Tĩnh năng kiến tính, tuân tai nhân ngã bất gián nhi hỷ,
sân bất hình; nhược cận thăng y, hoặc giả thanh hư nhật
lai nhi trữ uế nhật khứ.

Lân tài tích ngọc, tâm thị linh tê; tú phúc cảm hung,
thân đồng đan phượng.

Hoa gian tuyển cú, tận lai châu ngọc chi âm; nguyệt hạ
đề từ, dĩ mãn san hô chi tứ.

Khởi như Lan Đài tác phú, cận biệt đông tây; Tất Viên
trú thư, đồ phân nội ngoại nhi dĩ tai!

Nhiên nhi phồn văn diễm ngữ, chỉ tài tử dư năng; nhi
trác thức kỳ từ, thành từ nhân bản sắc.

Nhược phù:

Thư tính tình nhi vi trữ thuật, duyên duyệt lịch dĩ tác thiên chương; thanh như Phạm thất chi chung, linh nhân mãnh tỉnh; hưởng nhược Ni Sơn chi đặc, biệt hữu thâm tư.

Tắc “U Mộng Ảnh” nhất thư, dư thành bất năng dĩ ư thủ vũ túc đạo, tâm khoáng thần di dã.

Kỳ vân: “Ích nhân vị thiện, hại vật vị ác.” hàm phương phát hồ ngoại vương nội thánh chi ngôn.

Hữu vị: “Luật kỷ nghi thu, xử thế nghi xuân”, diệp đào dung hồ thành ý chính tâm chi chí.

Tha như phiến hoa thốn thảo quân hữu hội tâm; dao thủy cận sơn bất di huyền tưởng;

Túc cơ vật ngoại, cổ nhân chi tao phách bất luân; tín thủ niệm thời, tạo hóa chi tinh vi nhập ngộ;

Hồ sơn thừa hứng, tận khả đầu nang; phong nguyệt duy đàm, kiêm cung huy chủ;

Kim thẳng giác lộ, hoẵng khai nhập mộng chi hào; bảo phiệt mê tân, trực độ quảng trường chi thiết.

Dĩ phong lưu vi đạo học, ngụ giáo hóa ư khôì hài.

Vi sắc vi không, tri do hữu giá cá tại; như mộng như ảnh, thả ứng tổ như thị quán.

Hồ thượng Hối Thôn học nhân Thạch Bàn tự.

石龐序

張心齋先生家自黃山，才奔陸海；

枏榴賦就，錦月投懷；芍藥詞成，繁花作饌。

蘇子瞻十三樓外，景物猶然；杜牧之廿四橋頭，流風仍在。

靜能見性，洵哉人我不間而喜嗔不形；弱僅勝衣，或者清虛日來而滓穢日去。

憐才惜玉，心是靈犀；繡腹錦胸，身同丹鳳。

花間選句，盡來珠玉之音；月下題詞，已滿珊瑚之筍。

豈如蘭臺作賦，僅別東西；漆園著書，徒分內外而已哉！

然而繁文豔語，止才子餘能；而卓識奇思，誠詞人本色。

若夫舒性情而為著述，緣閱歷以作篇章，清如梵室之鐘，令人猛省；響若尼山之鐸，別有深思。

則“幽夢影”一書，余誠不能已於手舞足蹈，心曠神怡也。

其云「益人謂善，害物謂惡」，咸彷彿乎外王內聖之言。

又謂「律已宜秋，處世宜春」，亦陶溶乎誠意正心之旨。

他如片花寸草均有會心；遙水近山不遺玄想；

息機物外，古人之糟粕不論；信手拈時，造化之精微入悟；

湖山乘興，盡可投囊；風月維譚，兼供揮麈；

金繩覺路，弘開入夢之毫；寶筏迷津，直渡廣長之舌。

以風流為道學，寓教化於談諧。

為色為空，知猶有這個在；如夢如影，且應做如是觀。

湖上晦村學人石龐序。

Bài tựa của Thạch Bàng

Trương Tâm Trai tiên sinh nhà ở Hoàng Sơn, tài hơn Lục, Hải^[1];

Phú Nam Lữ làm xong, trắng gấm đầy lòng; thơ thược được viết thành, muôn hoa rực rỡ.^[2]

Bên ngoài *Thập Tam Lâu* của Tô Thức^[3], cảnh vật như xưa; đầu cầu *Nhị Thập Tứ* của Đỗ Mục, phong lưu còn đó^[4].

Tâm tính có thể thấy tính, thật là nhân ngã không phân mà vui giận chẳng bày; sức yếu không mang nổi áo, phải

chẳng ngày càng dồn tụ thanh hư, mỗi lúc thêm vơi cạn bã.

Thương tài tiếc ngọc, tâm ấy linh tề;

Tâm gấm lòng thêu, thân đồng đan phượng.

Dưới trăng đề thơ, đã chứa đầy mấy giỏ san hô; giữa
hoa chọn văn, lọc hết được âm thanh châu ngọc;

Há đâu như Lan Đài làm phú, chỉ khác đông tây;
soạn sách Tất Viên, chỉ phân nội ngoại^[5]!

Nhưng kiến thức trác việt, tư tưởng tân kỳ mới thật
là bản sắc văn nhân; văn chương súc tích, lời lẽ gấm hoa,
chỉ có nơi khả năng tài tử.

Đến mức muốn biểu đạt tâm tình mà trước thuật, do
từng trải sự đời mà viết văn, trong như tiếng chuông côi
Phật, khiến người sức tỉnh cơn mê; vang như tiếng khánh
Ni Sơn, niềm riêng có nhiều thâm ý.^[7]

Vậy đọc cuốn *U Mộng Ảnh*, ta thực lòng không thể
không múa may chân tay, nghe lòng phơi phới.

Sách ghi: “*Ích nhân vị thiện, hại nhân vị ác*” phảng
phất lời *nội thánh*, *ngoại vương*.

Lại nói: “*Luật kỷ nghi thu, xử thế nghi xuân*”, hòa lẫn
nghĩa *chính tâm*, *thành ý*.^[8]

Đối với đóa hoa, cọng cỏ đều có hội tâm; sông xa,
núi gần không lìa huyền tưởng.^[9]

Lặng im vượt ngoài sự vật, không luận bàn cạn bã cổ
nhân; tự tại vô ngại ung dung, liễu ngộ chỗ huyền vi tạo hóa.

Cảm hứng chốn hồ sơn, chứa vào túi gấm; luận đàm về phong nguyệt, phe phẩy đuôi hươu.^[10]

Dây vàng mở đường giác, trong mộng soi rõ lòng tơ; bè báu độ sông mê, lời dạy Phật Đà vi diệu.^[11]

Lấy phong lưu làm nên đạo học, đem giáo hóa gởi chỗ cọt dừa;

Là sắc là không, biết “*do hữu giá cá tại*”^[12]; là mộng là ảnh, nên “*ứng tổ như thị quán*.”^[13]

Học nhân ở Thái Hồ là Hối Thôn Thạch Bàng viết tựa.

Chú thích

Thạch Bàng (1670 –?) tự Hối Thôn 晦村, hiệu Thiên Ngoại 天外, người ở Thái Hồ, thuộc tỉnh An Huy, là một nhân vật kỳ tài đời Khang Hy. Ông không những chỉ giỏi thi văn, từ, khúc, hội họa, mà cho đến các môn thiên văn, địa lý, binh pháp, ông cũng đều khảo cứu tinh thâm.

^[1] Theo một vài người chú giải thì Lục là Lục Cơ 陸機 (261 – 303), tự Sĩ Hành 士衡, một tác gia văn học lỗi lạc đời Tây Tấn. Hải chưa rõ là ai. Nhưng cũng có thể hiểu “*lục hải*” là “đất liền và biển”, như vậy “*tài bốn lục hải*” có nghĩa là tài năng vang dội năm châu bốn biển.

^[2] Bài Ngô đô phú 吳都賦 của Tả Tư 左思 có câu “*Nam lựu chi mộc, tương tư chi thụ*. 南榴之木，相思之樹。(Cây nam lựu là cây tương tư). Thân cây nam lựu xù xì uốn khúc có thể dùng làm nhiều đồ vật lạ. Kinh Thi có câu: “*Y kỳ tương hước, tặng chi dĩ thược dược*. 伊其相讌，贈之以芍藥。” (Nhân đấy mà nỏ đùa với nhau, đem tặng hoa thược dược.) Đoạn này muốn nói đến văn tài thi phú của Trương Triều.

^[3] *Thập tam lâu* là một thắng cảnh ở Hàng Châu. Tô Thức có câu thơ: “*Du nhân đô thượng Thập Tam Lâu*. 把酒祝君休，更須歡飲莫停杯。君看三百六十日，不覺老相催。 (Đã uống rượu chúc mừng rồi, còn phải vui uống đừng dừng lại. Nhìn xem ba trăm sáu mươi ngày, không覺 già theo đuổi.)”

cổ Dương Châu.” 遊人都上十三樓。不羨竹西歌吹，古揚州。
。) (Du khách đều đến Thập Tam Lâu, Đâu cần phải hâm mộ nơi ca
xướng Trúc Tây ở Dương Châu thời trước).

[4] *Tráp Tứ kiều* tức *Nhị Thập Tứ kiều* là kiệt tác kiến trúc thời
cổ ở Dương Châu, tỉnh Giang Tô, nay không còn. Cầu này gắn liền
với con số 24: dài 24 mét, rộng 2.4 mét, có 24 bậc cấp, 24 lan can,
nhân đó mà có tên. Cầu cong kiểu mái vòm, lan can như ngọc trắng,
trông tựa cầu vồng nằm trên sông, trông rất phiêu dật, điểm xuyết
cho cảnh vật Dương Châu.

Thơ Đỗ Mục:

青山隱隱水迢迢，
秋盡江南草未凋。
二十四橋明月夜，
玉人何處教吹簫。

Thanh sơn ẩn ẩn thủy điều điều
Thu tận Giang Nam thảo mộc điều
Nhị thập tứ kiều minh nguyệt dạ
Ngọc nhân hà xứ giáo xuy tiêu?
(Non xanh thấp thoáng, nước xa mù,
Thảo mộc Giang Nam buồn cuối thu.
Đêm sáng trăng soi cầu Tráp Tứ,
Tiếng tiêu người ngọc biết về đâu?)

[5] Ban Cố đời Hán làm bài *Lưỡng đô phú* 兩都賦, chia ra thành
Đông đô phú và *Tây đô phú*. Tất Viên (vườn trồng cây sơn), là nơi
Trang Chu soạn *Nam Hoa Kinh*.

[7] Tương truyền, mẹ Khổng Tử lên núi Ni cầu đảo mà hạ sinh
ra ông, cho nên Ni Sơn được xem nơi phát nguyên của Khổng học.

Khánh là một loại mõ. Sách Luận Ngữ, chương *Hiển Vấn* ghi:

Khổng Tử gõ khánh tại nước Vệ, có người gánh sọt tre đi ngang qua cửa họ Khổng, nghe tiếng khánh, nói: “Người gõ khánh kia có tâm sự thay!” (*Tử kích khánh ư Vệ. Hữu hà quý nhi quá Khổng thị chi môn giả, viết: “Hữu tâm tai! Kích khánh hồ!”* 子擊磬於衛。有荷蕢而過孔氏之門者，曰：「有心哉！擊磬乎！」) (Luận Ngữ – *Hiển vấn*, 39).

[8] “*Nội thánh ngoại vương*” có nghĩa là “bên trong có thể làm thánh, bên ngoài có thể làm vua.” “*Chính tâm, thành ý*” là hai điều mục trong phép tu thân của Nho giáo, theo sách *Đại Học*. Các câu trích dẫn nằm trong bản dịch.

[9] *Hội tâm* là hiểu tâm ý của người khác hoặc hiểu bản chất của sự vật một cách sâu xa; *huyền tưởng* là những tư tưởng cao siêu huyền diệu.

[10] Túi gấm lấy tích Lý Hạ đời Đường, Hạ thường dẫn một tên hề nô, cưỡi lừa lớn đi dạo chơi, lưng mang một túi gấm, gặp được ý hay bèn chép thành câu bỏ vào túi, tối về sắp xếp lại để soạn thành câu.

Chủ là một loại hươu, đuôi xù có thể dùng làm phát trần. Người đời Tấn, mỗi khi thanh đàm (tức bàn luận về những chủ đề cao xa), tay thường cầm đuôi con chủ để trợ giúp khi nói, cho nên “*huy chủ*” (phát đuôi con chủ) có nghĩa là đàm luận.

[11] Thơ Lý Bạch có câu “*Kim thẳng khai giác lộ, bảo phiệt độ mê xuyên*.” 金繩開覺路，寶筏度迷川。” (dây vàng mở đường giác, bè báu độ sông mê.)

[12] Câu “*Do hữu giá cá tại?*” xuất phát từ ngữ lục Thiền tông. Theo *Truyền Đăng Lục*, thiền sư Pháp Dung 法融 (594-657) đến núi Ngưu Đầu, ở trong hang đá gần chùa U Thê, ngày đêm tu tập thiền định. Đạo hạnh của sư cảm hoá được cả thú rừng nên chúng đem hoa quả đến cúng dường. Tứ tổ Đạo Tín nhân đi qua đó, xem khí tượng biết trên núi có bậc dị nhân, bèn đích thân lên núi tìm sư. Sư ngồi thiền không để ý đến ai. Tổ thấy thế bèn hỏi: “Ở đây làm gì?”

Sư đáp: “Quán tâm.”

Tổ hỏi: “Ai quán, tâm là vật gì?”

Sư không đáp được, bèn đứng dậy làm lễ. Sư hỏi và biết được là tứ tổ Đạo Tín nên tỏ lòng ngưỡng mộ, mời Đạo Tín vào tạm nghỉ sau am. Nhìn thấy hổ lang lẫn quần quanh hang, Đạo Tín dang tay, làm ra vẻ sợ hãi. Sư hỏi: “Vẫn còn cái đó sao?” (*do hữu giá cá tại?*)

Tổ hỏi lại: “Cái đó là cái gì?”

Sư không đáp được. Một lát sau, Tổ viết chữ “Phật” (佛) lên trên tảng đá, ngay chỗ sư ngồi thiền. Sư trông thấy giật mình, Tín hỏi: “Vẫn còn cái đó sao?”

Sư nghe vẫn không hội, bèn làm lễ cầu xin chỉ dạy. Tổ liền thuyết pháp, sư nghe xong, hoát nhiên đại ngộ.

^[13]Câu “*Ứng tổ như thị quán*” xuất phát từ kinh Kim Cương. Kinh này kết thúc bằng lời kệ:

Nhất thiết hữu vi pháp

Như mộng, huyễn, bào, ảnh

Như lộ diệt như điện

Ứng tác như thị quán

一切有爲法,

如夢幻泡影,

如露亦如電,

應作如是觀。

(Tất cả các pháp hữu vi,

Như bóng, bọt nước có gì khác đâu,

Như sương, như điện lóe mau,

Hãy xem như giấc chiêm bao mơ màng.)

Tác hay tổ cũng không khác nghĩa.

TÙNG KHÊ VƯƠNG TỰ

Ký viết: “Hòa thuận tích ư trung, anh hoa phát vu ngoại.” Phàm văn nhân chi lập ngôn, giai anh hoa chi phát vu ngoại giả dã. Vô bất bản hồ trung chi tích, nhi thích dữ kỳ nhân tiểu yên. Thị cố kỳ nhân hiền giả, kỳ ngôn nhã; kỳ nhân triết giả, kỳ ngôn khoáng; kỳ nhân cao giả, kỳ ngôn sảng; kỳ nhân đạt giả, kỳ ngôn khoáng; kỳ nhân kỳ giả, kỳ ngôn sáng; kỳ nhân vận giả, kỳ ngôn đa tình tư. Trương Tử sở vân: “đối uyên bác hữu như độc dị thư, đối phong nhã hữu như độc danh nhân thi văn, đối cần sức hữu như độc thánh hiền kinh truyện, đối hoạt kê hữu như duyệt truyền kỳ tiểu thuyết.” chính thử ý dã. Bĩ tại tích lập ngôn chi nhân, đáo kim truyền giả, khởi đồ truyền kỳ ngôn tai! Truyền kỳ nhân nhi dĩ hỹ. Kim cử tập trung chi ngôn, hữu khoáng nhược Tịnh Châu chi tiên, hữu sảng nhược Ai gia chi lê, hữu nhã nhược quân thiên chi tấu, hữu khoáng nhược không cốc chi âm; sáng giả tắc như tân cảm xuất cơ, đa tình tắc như du ty niếu thụ. Dĩ vi hiền nhân khả dã, dĩ vi đạt nhân, kỳ nhân khả dã, dĩ vi triết nhân khả dã. Thí chi Doanh Châu chi mộc, nhật trung thị chi, nhất diệp bách hình. Trương Tử dĩ nhất

nhân nhi kiêm chứng diệu, kỳ đãi Doanh mộc chi ảnh dư?
Nhiên tắc duyệt hồ thử nhất biên, bất xĩ dĩ Trương Tử ngô
đối, khánh bỉ ngã chi hoài! Hựu hể sĩ mộng trung tương tâm,
dĩ trí mê bất tri lộ, trung đạo nhi phản tai!

Đồng học đệ Tùng Khê Vương báỉ đề

松溪王序

記曰：「和順積於中，英華發于外。」凡文人之立言，皆英華之發于外者也。無不本乎中之積，而適與其人肖焉。是故其人賢者，其言雅；其人哲者，其言快；其人高者，其言爽；其人達者，其言曠；其人奇者，其言創；其人韻者，其言多情思。張子所云：「對淵博友如讀異書，對風雅友如讀名人詩文，對謹飭友如讀聖賢經傳，對滑稽友如閱傳奇小說。」正此意也。彼在昔立言之人，到今傳者，豈徒傳其言哉！傳其人而已矣。今舉集中之言，有快若並州之剪，有爽若哀家之梨，有雅若鈞天之奏，有曠若空谷之音；創者則如新錦出機，多情則如游絲裊樹。以為賢人可也，以為達人，奇人可也，以為哲人可也。譬之瀛洲之木，日中視之，一葉百形。張子以一人而兼眾妙，其殆瀛木之影歟？然則閱乎此一編，不啻與張子晤對，罄彼我之懷！又奚俟夢中相尋，以致迷不知路，中道而返哉！

同學弟松溪王拜題

Bài tựa của Tùng Khê Vương

Chương *Nhạc Ký* trong *Lễ Ký* nói: “*hòa thuận chứa bên trong, anh hoa phát ra ngoài.*” Phàm văn nhân lập ngôn đều là anh hoa phát tiết ra ngoài. Không ai là không lập cái gốc hòa thuận bên trong, mà ứng xử bên ngoài giống như mọi người. Cho nên, người hiền tài thì lời nói nhã nhặn, người minh triết thì lời nói nhanh nhẹn, người thanh cao thì lời nói sáng khoái, người đạt lý thì lời nói phóng khoáng, người kỳ lạ thì lời nói sáng tạo, người phong vận thì lời nói nhiều tình tứ. Lời Trương Tử nói: “*Đối uyên bác hữu như độc dị thư, đối phong nhã hữu như độc danh nhân thi văn, đối cần sức hữu như độc thánh hiền kinh truyện, đối hoạt kê hữu như duyệt truyện kỳ tiểu thuyết.*” chính là ý đó. Những người lập ngôn thời trước, còn truyền đến nay. Há chỉ truyền lại lời mà thôi đâu, còn truyền lại cả người! Nay xem tất cả những lời trong sách này, có lời nhanh nhẹn như mũi tên Tinh Châu^[1], có lời sáng khoái như trái lê nhà họ Ai^[2], có lời thanh nhã như nhạc trời, có lời phóng khoáng như “*không cốc túc âm*”^[3]; lời sáng tạo thì như gấm mới vừa ra khỏi khung cửi, lời đa tình thì như tơ bay vấn vít trên cây. Cho là hiền nhân cũng được, cho là đạt nhân, kỳ nhân cũng được, mà cho là triết nhân cũng được. Giống như cây ở cội Doanh Châu^[4], nhìn dưới ánh mặt trời thì một lá có đến trăm hình. Trương Tử chỉ là một người mà bao gồm được bao điều kỳ diệu, nào có

khác gì lá cây ở cội Doanh Châu?

Cho nên, đọc qua sách này một lượt, không chỉ là đối mặt với Trương Tử, mà còn cùng nhau dốc hết ruột gan! Việc gì phải đợi tìm trong mộng đến nỗi mê mờ không biết lối, nửa đường đã phải quay về!

Đồng học đệ là Tùng Khê Vương bái đề.

Chú thích

[1] Tỉnh Châu thời cổ là nơi sản xuất cung tên.

[2] Tương truyền đời Hán có Ai Trọng 哀仲 trồng lê, trái lớn lại rất thơm ngon, người đương thời gọi là “*Ai gia lê*” (lê nhà họ Ai). Về sau, từ “*Ai gia lê*” hay “*Ai lê*” được dùng để chỉ loại văn chương đọc vào thấy sáng khoái như ăn lê của nhà họ Ai vậy!

[3] Xem chú thích câu 40.

[4] Nơi ở của thần tiên, theo truyền thuyết.

1.

Kinh sách nên đọc vào mùa đông, vì tinh thần chuyên nhất; sử nên đọc vào mùa hè, vì ngày dài; chư tử nên đọc vào mùa thu, vì tư tưởng khác biệt; sách các nhà khác nên đọc vào mùa xuân, vì khí trời thoải mái.

讀經宜冬，其神專也；讀史宜夏，其時久也；讀諸子宜秋，其致別也；讀諸集宜春其機暢也。

Độc kinh nghi đông, kỳ thần chuyên dã; độc sử nghi hạ, kỳ thời cửu dã; độc chư tử nghi thu, kỳ trí biệt dã; độc chư tập nghi xuân, kỳ cơ sướng dã.

NHÀN ĐÀM

Người Trung Quốc phân kho tàng cổ thư của họ thành bốn loại: *kinh, sử, tử, tập*. Gọi là *tứ bộ*.

- *Kinh bộ dùng để chỉ kinh điển nho gia, bao gồm Tứ Thư (Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử), Ngũ Kinh, (Dịch, Thi, Thư, Lễ, Xuân Thu), Thập Tam Kinh (như Tứ Thư, Ngũ Kinh và thêm số tác phẩm khác Hiếu Kinh và Nhĩ Nhã).*
- *Sử bộ dùng chỉ những tác phẩm về lịch sử, gồm chính sử, biệt sử, địa lý, v.v...*

- *Tử bộ dùng chỉ những tác phẩm của bách gia chư tử thời Tiên Tần, gồm các học phái như nho, đạo, pháp, mặc, binh, nông, y, âm dương, v.v... bao quát các vấn đề triết học, thiên văn, thuật số, nghệ thuật, v.v... Nhưng về sau thường được dùng để chỉ chung những tác phẩm không thuộc kinh bộ của nho gia.*
- *Tập bộ dùng chỉ những tác phẩm thơ văn như Sở Từ, v.v...*

Người Trung Quốc ưa phối ghép các sự kiện trong sinh hoạt xã hội tương ứng với những hiện tượng trong vũ trụ, theo lẽ “*thiên nhân cảm ứng*”, như ghép bốn mùa với bốn phương, với ngũ hành, v.v... Trương Trào cũng theo quy luật đó để ghép cách đọc tứ bộ với bốn mùa. Mùa nào bộ nấy! Đọc sách với tâm trạng khác nhau, bối cảnh khác nhau sẽ có sự thể hội khác nhau.

Kinh điển là tác phẩm của thành hiền, khi đọc thì tinh thần cần chuyên chú để có thể thể hội được cảnh giới thâm diệu vô ngôn. Có lẽ Trương Trào cho rằng mùa đông cảnh vật tiêu điều, lạnh lẽo, có hình tượng khắc khổ của sự tôn nghiêm nên phù hợp với chuyện đọc sách thánh hiền? Hay vào mùa đông, chung quanh không có tiếng chim ríu rít, không có hương hoa lãng đãng, nên tinh thần dễ tập trung để đọc kinh điển chăng? Tôi thì cho rằng thanh, sắc, hương đôi khi lại giúp chúng ta tập trung tư tưởng. Ngồi thiền, tập trung quán tưởng một ảnh tượng cũng là một cách chú tâm. Mà vào mùa đông

giá buốt, nếu được an nhàn nằm co ro trong mền ấm để đọc sách, không phải bận tâm đến chuyện gió mưa, thì sách nào lại chẳng hay?

Sử bàn chuyện cổ kim, luận lẽ hưng vong thành bại, hà có gì nên đọc vào ngày hè, chỉ vì lý do là ngày dài? Câu tiếp theo sau, Trương Trào có nói “*sử giám nên có bạn cùng đọc.*”, có lẽ ý muốn nói đọc sử vào ngày hè để có nhiều thời gian bàn luận với nhau chẳng?

Nội dung của tử bộ là phân phong phú nhất, hấp dẫn nhất trong tứ bộ. *Trí* có nghĩa là “đưa đến, dẫn đến”. “*Kỳ trí biệt dã*” có nghĩa là nội dung trong tử bộ đưa người đọc đến những cảnh giới khác nhau. Có đạo gia với tư tưởng phiêu dật, phóng túng, như mây vất ngang trời; có nông gia với tư tưởng bình đạm thiết thực, như nương lúa, vòng khoai; có danh gia với những biện luận lắt léo như muốn khóa miệng người đối thoại; có âm dương gia với tư tưởng thần bí như đưa con người vào chỗ huyền ảo của đất trời, v.v.... Mùa thu là mùa cỏ cây bắt đầu rơi rụng, trời đất sắp đi vào cảnh tượng điêu tàn, nhưng ý vị mùa thu lại miên man, gợi cho con người bao nguồn cảm xúc. Cho nên thu là thời điểm thích hợp nhất để đọc chư tử bách gia.

Tập bộ chủ yếu là những tác phẩm thơ ca để ngâm vịnh, biểu hiện những cảm xúc vui buồn, hân hoan, sầu muộn trong lòng. Màu xuân cây cỏ phát triển xanh tươi, muôn chim đua hót, sinh khí ngập tràn trời đất khiến cảm xúc trong lòng người thêm bông bột, há chẳng phải là lúc đọc tập bộ sao?

2.

Kinh truyện nên ngồi đọc một mình, mà sử giám nên có bạn cùng đọc.

經傳宜獨坐讀，史鑑宜與友共讀。

Kinh truyện nghi độc tọa độc; sử giám nghi dữ hữu cộng độc.

NHÀN ĐÀM

Kinh ở đây được dùng để chỉ kinh điển nho gia, ghi chép những bản cao xa của thánh hiền về vũ trụ, nhân sinh, chủ yếu để chỉnh đốn phong tục, giáo hóa nhân luân. Truyện là những lời giảng giải của người sau về các tác phẩm kinh điển ấy. Kinh là học vấn về dưỡng tánh, tu tâm để chiêm nghiệm lẽ biến hóa của tự nhiên cùng sự vận hành trong vũ trụ, bởi vậy nên đọc kinh thì nên ngồi đọc một mình để tự mình suy ngẫm và thể hội đạo lý thâm diệu bên trong. Ngồi đọc là để tỏ lòng thành kính và sự nghiêm cẩn. Ngồi đọc lặng lẽ một mình cũng là điều kiện trợ duyên để ta có thể thể hội thêm phần tâm truyền nằm ngoài trang sách. Đọc tác phẩm kinh điển một cách chí thành trong bối cảnh trang nghiêm, ta sẽ nghiệm ra nhiều ý vị khác. Người xưa xông trầm, đốt nhang để đọc sách thánh hiền, thậm chí đọc Đường thi, cũng đâu ngoài ý đó.

Sử dùng để chỉ chung những tác phẩm lịch sử soạn theo thể kinh truyện, nổi tiếng nhất là tác phẩm *Sử Ký* 史記 bất hủ của Tư Mã Thiên – được Kim Thánh Thán xếp vào một trong *Lục Tài Tử Thư*. Giám dùng để chỉ chung những tác phẩm lịch sử soạn theo thể biên niên, nổi tiếng nhất là tác phẩm *Tư Trị Thông Giám* 資治通鑑 của Tư Mã Quang. Mục đích của sử, giám là ghi lại lịch sử, tường thuật lễ hưng vong, giúp người đời sau hiểu rõ nguyên nhân của thành bại, họa phúc để lấy đó làm gương mà trị thế, bởi vậy nên đọc cùng bạn để cùng nhau luận bàn cho thêm sáng nghĩa.

Nhưng có phải người đọc sách nào cũng may mắn có được bạn để sẻ chia khi đọc sử, giám đâu? Cho nên Vương Cảnh Châu 王景州 bảo: “Nếu như không có bạn hiền thì bạn hồng nhan cũng được vậy.” (*Như vô hảo hữu, tức hồng hữu diệc khả dã*. 如無好友，即紅友亦可也。). Lý thú thay! Và hạnh phúc thay cho những ai đọc sách mà có được bạn hồng nhan!

3.

Không thiện, không ác là bậc thánh; nhiều thiện, ít ác là bậc hiền; ít thiện, nhiều ác là hạng người tầm thường; có ác, không thiện là hạng tiểu nhân; có thiện, không ác là hàng Tiên, Phật.

無善無惡是聖人，善多惡少是賢者，善少惡多是庸人，有惡無善是小人，有善無惡是仙佛。

Vô thiện vô ác thị thánh nhân; thiện đa ác thiểu thị hiền giả; thiện thiểu ác đa thị dung nhân; hữu ác vô thiện thị tiểu nhân; hữu thiện vô ác thị Tiên Phật.

NHÀN ĐÀM

Câu này làm ta nhớ đến câu nói nổi tiếng của Vương Dương Minh: “*Vô thiện vô ác thị tâm chi thể hữu thiện hữu ác thị ý chi động tri thiện tri ác thị lương tri vi thiện khử ác thị cách vật. 無善無惡是心之體, 有善有惡是意之動, 知善知惡是良知, 為善去惡是格物。*” (Không thiện không ác là cái bản thể của tâm, có thiện có ác là cái động của ý, biết thiện biết ác là lương tri, làm thiện bỏ ác là cách vật.) Vương luận về Thể, Trương bàn về Dụng.

4.

Trong thiên hạ có được một người tri kỷ, thì có thể không còn ân hận gì nữa. Đâu phải chỉ có con người mới thế, mà cả vật cũng vậy. Như cúc lấy Uyên Minh làm tri kỷ; mai lấy Hòa Tĩnh làm tri kỷ; trúc lấy Tử Do làm tri kỷ; sen lấy Liêm Khê làm tri kỷ; đào lấy những người trốn vua Tần làm tri kỷ; hạnh lấy Đồng Phụng làm tri kỷ; đá lấy Mễ Diên làm tri kỷ; trái vải lấy Thái Chân làm tri kỷ, trà lấy Lư Đồng, Lục Vũ làm tri kỷ; cỏ thơm lấy Linh Quân làm tri kỷ; rau rút, cá rô lấy Quý Ưng làm tri kỷ; chuối lấy Hoài

Tổ làm tri kỷ; dưa lấy Thiệu Bình làm tri kỷ; gà lấy Xử Tông làm tri kỷ; ngỗng lấy Hữu Quân làm tri kỷ; trống lấy Nễ Hành làm tri kỷ; tỳ bà lấy Minh Phi làm tri kỷ, ... Một khi đã gắn bó thì ngàn thu không đổi. Còn thông với Tần Thủy, hạc đối Vệ Ý thì đúng là không có duyên vậy.

天下有一人知己，可以不恨。不獨人也，物亦有之。如菊以淵明為知己；梅以和靖為知己；竹以子猷為知己；蓮以濂溪為知己；桃以避秦人為知己；杏以董奉為知己；石以米顛為知己；荔枝以太真為知己；茶以盧仝，陸羽為知己；香草以靈均為知己；蓴鱸以季鷹為知己；蕉以懷素為知己；瓜以邵平為知己；雞以處宗為知己；鵝以右軍為知己；鼓以祢衡為知己；琵琶以明妃為知己……一與之訂，千秋不移。若松之於秦始；鶴之於衛懿；正所謂不可與作緣者也。

Thiên hạ hữu nhất nhân tri kỷ, khả dĩ bất hận. Bất độc nhân dã, vật diệc hữu chi. Như cúc dĩ Uyên Minh vi tri kỷ; mai dĩ Hòa Tĩnh vi tri kỷ; trúc dĩ Tử Do vi tri kỷ; liên dĩ Liêm Khê vi tri kỷ; đào dĩ tị Tần nhân vi tri kỷ; hạnh dĩ Đồng Phụng vi tri kỷ; thạch dĩ Mễ Diên vi tri kỷ; lệ chi dĩ Thái Chân vi tri kỷ; trà dĩ Lô Đồng, Lục Vũ vi tri kỷ; hương thảo dĩ Linh Quân vi tri kỷ; thuần lư dĩ Quý Ứng vi tri kỷ; tiêu dĩ Hoài Tố vi tri kỷ; qua dĩ Thiệu Bình vi tri kỷ; kê dĩ Xử Tông vi tri kỷ; nga dĩ Hữu Quân vi tri kỷ; cổ dĩ Nễ Hành vi tri kỷ; tỳ bà dĩ Minh Phi vi tri kỷ... Nhất dũ chi đính, thiên thu bất di. Nhược tùng chi ư Tần Thủy; hạc chi ư Vệ Ý; chính sở vi bất khả dũ tác duyên giả dã.

NHÀN ĐÀM

Thiên hạ mang mang ai người tri kỷ

Lại đây cùng ta cạn một hồ trường!

(Hồ trường- Nguyễn Bá Trắc)

Con người sống trong đời, nếu không phải là bậc chân nhân thế ngoại tìm niềm vui trong cảnh giới tiêu dao tự tại của riêng mình thì thường có nhu cầu đòi hỏi sự cảm thông và chia sẻ. Người ta thường nói niềm vui có người chia sẻ sẽ được nhân đôi, còn nỗi buồn nếu có người chia sẻ sẽ vơi đi một nửa.

Nhưng ở đời có thể tìm được chẳng một người tri kỷ? Tấm lòng tri âm giữa Bá Nha và Chung Tử Kỳ, tình bạn tri kỷ giữa Quán Trọng và Bão Thúc Nha có lẽ chỉ còn là huyền thoại. Bạn tri kỷ chỉ do cơ duyên mà gặp, không thể gượng gạo mà cầu.

Không riêng gì loài người mà cả loài vật cũng khát khao tìm tri kỷ, từ thế giới có sự sống của bao loài sinh vật cho đến thế giới tưởng chừng như vô hồn của sỏi đá, cỏ cây. Tình tri kỷ không chỉ sưởi ấm lòng người mà còn phủ lên sỏi đá, cỏ cây những phần hồn linh động. Có khi tìm tri âm, tri kỷ trong loài vật lại đem cho ta nhiều an ủi hơn so với loài người! Những người có tài hoa và nhân cách, thuở bình sinh hoặc khi lâm vào những cảnh ngộ khốn cùng, thường lấy loài vật làm tri kỷ. Loài vật, về mặt

lý thuyết sinh vật học, còn tiến hóa dưới loài người nhiều bậc, nhưng về mặt thủy chung như nhất ắt hẳn vượt trên loài người rất xa.

Tất cả những loài động vật lẫn thực vật trong câu nói của Trương Trào quả đã không uống phí một phen tồn tại giữa cõi trần gian. Tôi xin ghi chú những điển tích lý thú và cảm động trong câu nói của Trương Trào, để bạn đọc tham khảo và nghiền ngẫm.



Cúc lấy Uyên Minh làm tri kỷ. Uyên Minh tức Đào Tiềm 陶潛 (365 - 427), hiệu Uyên Minh 淵明, tự Nguyên Lượng 元亮, biệt hiệu là Ngũ Liễu Tiên Sinh, người đất Tâm Dương, nay thuộc huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. Ông là một trong những nhà thơ lớn của Trung Quốc. Năm 40 tuổi, ông làm huyện lệnh Bành Trạch. Được hơn 80 ngày, nhân cuối năm quận phái viên đốc bưu đến huyện thu thuế, nha lại khuyên Đào Tiềm cần ăn mặc chỉnh tề ra đón. Ông than rằng:

*Ta há có thể vì năm đấu gạo mà phải chịu
khom lưng, vái chào bọn con nít quê mùa ấy
sao! (Ngã khởi năng vị ngũ đấu mễ chiết yêu,
hướng hương lý tiểu nhi!) (我豈能為五斗米
折腰，向鄉里小兒!).*

Ngay ngày hôm ấy, ông viết bài *Quy khứ lai từ* 歸去來辭 nổi tiếng, rồi trả ấn từ quan, về quê sống với ruộng

vườn. Ông sống thanh cao, và rất yêu hoa cúc, làm nhiều bài thơ về hoa cúc. Trong bài thơ *Ấm tửu* có các câu:

Thái cúc đông ly hạ,

Du nhiên kiến Nam sơn.

採菊東籬下，
悠然見南山。”

(Dưới rào phía đông hái cúc,

Xa xa nhìn thấy núi Nam.)

và

Thu cúc hữu giai sắc,

Ấp lộ xuyết kỳ anh,

Phiếm thử vong ưu vật,

Viễn ngā di thế tình.

秋菊有佳色，

裛露掇其英。

泛此忘憂物，

遠我遺世情。

(Cúc mùa thu sắc đẹp,

Ủ sương, điểm nét tươi,

Nhẹ trôi trong chén rượu,

Khiến ta quên sầu đời.)

Mùa thu, uống chén rượu ngâm hoa cúc, nhìn hoa

cúc nhẹ trôi trong chén rượu, đủ để lâng lâng quên hết sầu đời. Gọi rượu là *cúc vong ưu vật* (vật khiến ta quên lo buồn) cũng đủ để cực tả cái tình đối với hoa cúc.

Trương Trào cho rằng cúc khiến người ta quê mùa (*cúc linh nhân dã*. 菊令人野). Nhưng đây là cái “*quê mùa*” hồn nhiên thuần phác, rất đáng trân trọng của những người gần gũi với thiên chân, như Đào Tiềm.



Mai lấy Hòa Tĩnh làm tri kỷ. Lâm Hòa Tĩnh tức Lâm Bô, nhà thơ đời Bắc Tống, được gọi là “*Tây Hồ ẩn sĩ*”. Ông một mình ở Tây Hồ, nuôi hạc trồng mai, và thường bảo lấy mai làm vợ, lấy hạc làm con. Bài thơ “*Sơn viên tiểu mai*”, với hai câu được xem là thần cú, đã gắn liền hình ảnh nhà thơ ẩn dật với cảnh mai.

Sơ ảnh hoành tà thủy thanh thiển,

Ám hương phù động nguyệt hoàng hôn.

疏影橫斜水清淺，

暗香浮動月黃昏。

(*Nước soi nghiêng bóng mai gầy,*

*Dưới trăng, hương nhẹ thoảng bay trong
chiều.))*

Trương Chi Hạc 張之鶴 đời Thanh, tự Vân Giai 雲階, có hai câu đối cũng đáng để ta nói: “*Mai lấy Trương Chi Hạc làm tri kỷ.*”

Tứ hải luận giao cầu cổ kiếm,

Nhất sinh đê thủ bách mai hoa.

字四海論交求古劍；

一生低首拜梅花。

(Bốn biển luận giao tìm kiếm cổ,

Một đời, đầu cúi, lạy hoa mai.)

Đi khắp bốn biển bàn chuyện giao du, giống như đi tìm cây kiếm cổ. Suốt một đời chỉ cúi đầu trước hoa mai. Câu đầu tràn đầy hào khí mà vẫn thanh cao, câu sau bộc lộ ngạo tâm mà vẫn vô cùng tĩnh dật.

Ở Việt Nam, hai câu này thường được gán cho nhà thơ Cao Bá Quát, với bốn chữ đầu “*Tứ hải luận giao*” đổi thành “*Thập tải luân giao*”.

Thập tải luân giao cầu cổ kiếm,

Nhất sinh đê thủ bách mai hoa.

Có tư liệu cho rằng đây là câu đối của tri phủ Hà Dương tặng cho Nguyễn Tư Giản (1823- 1890), khi ông này đi sứ Trung Hoa vào năm 1868. Nhưng hầu như rất nhiều người khẳng định tác giả hai câu trên là nhà thơ Cao Bá Quát, và ca ngợi đây là hai thơ thuộc loại thần bút, nói lên cốt cách của họ Cao. Nhưng dường như chẳng ai cho biết hai câu này được lấy từ bài thơ nào của ông. Mà hai chữ *luân giao* (輪交?) nghĩa là chi, cũng chẳng thấy ai giải thích.

Nếu cho rằng hai câu đó là của Cao Bá Quát và có thể được truyền sang tận Trung Quốc trong quá trình

ngoại giao, giả dụ là thế, thì đó là điều đáng để ta tự hào. Nhưng câu đối đó, nếu là của nhà thơ họ Cao, thì nó được viết trong trường hợp nào, vào thời điểm nào? Hai câu đối với nội dung đáng để lưu danh hậu thế như vậy, không lẽ chẳng một ai hay biết?

Lần đầu tiên, khi nghe hai câu thơ này, phần ý nghĩa nội dung hiển nhiên là tuyệt diệu, không có gì để nói, nhưng cách dùng chữ khiến tôi cứ ngỡ ngỡ, cảm thấy như có điều gì chưa ổn. Thơ Đường luật rất trọng các vế đối, trong các câu đối thì từng chữ lại càng được xem trọng, bởi tính cô đọng, hàm súc của nó. Hai chữ “*thập tải*” (mười năm) đóng khung tâm tình người viết trong một thời gian quá hạn hẹp, không nói lên được ngạo khí của họ Cao. Điều đó đã đành. Mà vế đối cũng không hay, nếu không nói là bình thường, vì dùng một khái niệm về thời gian là “*Thập tải*” để đối với một khái niệm thời gian khác là “*Nhất sinh*” (một đời). Dem thời gian đối với thời gian, thì nội dung trong đó không còn là “*đối*” nữa, chứng tỏ bút lực người viết không cao, khiến bài thơ – nếu có – mất đi phần đặc sắc, và văn phong không còn mang khẩu khí của người được xưng tụng là “*Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán*” nữa. Nên tôi cho rằng hai câu này không thể là của Cao Chu Thần được. Dem không gian của “*Tứ hải*” để đối với thời gian của “*Nhất sinh*”, mới đúng nghĩa là “*đối*”. “*Tứ hải*”, nói về khoảng rộng bao la của không gian bao trùm thế giới, mới đáng để đối với “*Nhất sinh*”, nói về chiều sâu thăm thẳm của thời gian trọn một kiếp người.



Trúc lấy Hữu Quân làm tri kỷ. Hữu Quân Tức Vương Huy Chi, con trai nhà thư pháp lỗi lạc Vương Hy Chi, tự Tử Do, người đời Đông Tấn. Theo *Thế Thuyết Tân Ngữ*, Vương Huy Chi có lần đến ở trọ nhà người, bảo trồng trúc. Có người hỏi: “*Ở tạm, sao phải phiền phức vậy?*” Vương chỉ cây trúc, bảo: “*Hà khả nhất nhật vô thử quân?*” 何可一日無此君! (Làm sao có thể một ngày thiếu người này được?). Không thể sống không có trúc, dù chỉ một ngày. Thử hỏi trong đời còn có mối tình tri kỷ nào sâu đậm hơn chăng?

Nhà thơ Tô Đông Pha có một bài thơ về trúc, nhan đề *Ứ Tiềm tăng Lục Quân hiên* 於潛僧綠筠軒 (Hiên Lục Quân của vị tăng ở Ứ Tiềm), rất được truyền tụng. Ứ Tiềm là tên một huyện cũ của tỉnh Triết Giang 浙江. Trong ngôi chùa của vị tăng ở Ứ Tiềm có hiên Lục Quân, trồng toàn trúc. Bài thơ nói về những cây trúc này.

*Ninh khả thực vô nhục,
Bất khả cư vô trúc.
Vô nhục linh nhân sấu,
Vô trúc linh nhân tục,
Nhân sấu thượng khả phì,
Sĩ tục bất khả y.
寧可食無肉,
不可居無竹。
無肉令人瘦,*

無竹令人俗。

人瘦尚可肥，

士俗不可醫。

(Thà ăn cơm không thịt,

Ở không thể thiếu trúc.

Không thịt khiến người gầy,

Không trúc khiến người tục

Gầy có thể mập ra,

Sĩ tục đành hết thuốc.)

Câu “*Bất khả cư vô trúc*” có lẽ dựa vào câu nói “*Hà khả nhất nhật vô thử quân?*” của Hữu Quân.

Cùng thời với Đông Pha, có Văn Đồng (1018-1079), tự Dữ Khả, được xem là bậc thầy về vẽ trúc trong lịch sử hội họa Trung Quốc. Ông vẽ trúc đến mức xuất thần nhập hóa. Ông vẽ hàng trăm bức tranh trúc mà không có cây trúc nào giống cây trúc nào. Tương tự như một nghệ sĩ kiệt xuất chơi đàn theo cảm hứng, mỗi lần mỗi khác, và chỉ có một điểm giống nhau duy nhất: đó là sự tuyệt vời! Mỗi khi vẽ trúc thì Văn Đồng đắm chìm trong cảnh giới nội tâm, hoàn toàn quên hết ngoại cảnh. Không chỉ ông hợp nhất cùng cây trúc mà cả thế giới cũng đều hợp nhất cùng cây trúc. Tô Đông Pha phải tán thán:

Dữ Khả họa trúc thời,

Kiến trúc bất kiến nhân.

Khởi độc bất kiến nhân,

Thấp nhiên di kỳ thân.

Kỳ thân dữ trúc hóa,

Vô cùng xuất thanh tân.

與可畫竹時，

見竹不見人。

豈獨不見人，

嗒然遺其身。

其身與竹化，

無窮出清新。

(Khi Dữ Khả vẽ trúc,

chỉ thấy trúc chứ không còn thấy người.

Há chỉ không còn thấy người mà thôi đâu,

Còn quên bản thân mình nữa.

Thân đã hóa thành trúc,

Xuất lộ vô vàn nét thanh tân.)

Trong kiếm đạo, cảnh giới tối cao của người sử kiếm là đạt đến trạng thái kiếm thân hợp nhất để “*kiếm chiêu thu phát toàn tùy tâm dụng*”. Dữ Khả đã đạt đến cảnh giới đó trong hội họa. Thư pháp của Vương Hy Chi cũng đạt đến cảnh giới đó.

Tương truyền, có lần Dữ Khả vẽ một cây trúc, khi bức tranh hoàn thành, có một chú mèo con chạy đến

nằm dưới bức tranh, vì ngữ đó là cây trúc thật. Tô Đông Pha khen về tài vẽ trúc của ông là “*thành trúc tại hung* 成竹在胸” (trúc đã có sẵn trong lòng). Có nghĩa là cây trúc trên bức tranh chỉ là sự tái hiện của cây trúc có sẵn trong tâm qua ngôn bút xuất thần của người nghệ sĩ.

Vậy ta cũng có thể nói “*Trúc lấy Đông Pha, Văn Đồng làm tri kỷ*”.

Ngô Thế Lân nước ta cũng là người đáng để ta gọi “*Trúc lấy Ngô Thế Lân làm tri kỷ*”. Ông sống cuối thời Hậu Lê, tài cao học rộng, có tác phẩm *Phong Trúc Tập* gồm 2 quyển. Ông nhân tiếng trúc trong gió mà có được điều sở đắc, giống như các thiền sư nghe tiếng suối reo hay nhìn hoa đào nở mà ngộ đạo vậy. Lời mở đầu cuốn *Phong Trúc Tập*, với tôi, còn giá trị gấp vạn lần các bộ sách biên khảo về triết học hiện nay.

Gió là vật không có chất mà có khí, trúc là vật có chất mà không có tâm, cho nên trúc nhân gió mà thành tiếng, gió nhân trúc mà có hình tích. Bởi thế, gió đến thì trúc kêu, gió đi thì trúc thôi; gió lớn thì kêu lớn, gió nhỏ thì kêu nhỏ, đó là tại gió chứ không phải tại trúc. Trúc vốn là tự như, cao như tiếng hạc, lạnh lạnh như tiếng rỗng, ồ ồ như tiếng sóng, từ từ như tiếng trúc bội, tiếng u có thể sửa được lòng tục, tiếng thanh có thể sửa được nổi phiền, càng kêu càng lạ, mà không bao giờ hết được, cũng là tại vô tâm, mà sự ứng diệu là ở gió vậy. Tuy thế mặc dù, cái mà làm

*cho thiên cơ xướng phát, chân vận du dương là
cũng bởi cái thú tự đắc của thánh giả. Nhā hay
tục, thuần hay tì, có dự gì đến trúc. Trúc ôi!
Trúc ôi! Cái hữu thủ của ta là ở trúc vậy. (theo
bản dịch của Trần Trọng Kim, trong tác phẩm
Nho giáo).*

Phật giáo có pháp môn “văn thanh nhập lý” (nghe âm thanh mà ngộ nhập chân lý), Ngô Thế Lân chính là người chứng được pháp môn này. Rất tiếc tác phẩm của ông không được lưu truyền cho hậu thế để chúng ta biết thêm được cao phong của cổ nhân. Và có lẽ cũng vì thế mà lịch sử Việt Nam không ghi tên tuổi ông cho xứng với tầm vóc của một nhà tư tưởng.



Sen lấy Liêm Khê làm tri kỷ. Liêm Khê tức Chu Đôn Di, nhà lý học đời Nam Tống, yêu hoa sen, có bài “Ái liên thuyết” nổi tiếng ở đời. Ông sống thanh cao, nêu được cao phong của đạo học đời Tống. (Các bạn xem bài “Ái liên thuyết” ở câu 57).

Sen trong văn học Việt Nam cũng gắn liền với trạng nguyên Mạc Đình Chi qua bài *Ngọc tỉnh liên phú* 玉井蓮賦 (Bài phú về sen trong giếng). Ông đỗ Trạng nguyên thời Trần Anh Tông. Nhưng khi vào bái yết, vua thấy ông vóc người thấp bé, hình dung lại xấu xí, nên ngần ngại không muốn cho đỗ. Ông liền làm bài phú *Ngọc tỉnh liên* để tự ví với mình. Vua đọc bài phú của ông, cho là kiệt

tác nên tin dùng. Vậy cũng đáng để nói “sen lấy Mạc Đình Chi làm tri kỷ”.



Đào lấy những người trốn vua Tần làm tri kỷ. Theo Đào Hoa Nguyên Ký 桃花源記 (Bài ký về suối hoa đào) của Đào Tiềm, có người đánh cá lần theo con suối, tình cờ phát hiện một làng trồng toàn đào, sống thanh bình như cảnh thần tiên. Hỏi ra mới biết tổ tiên họ là những người trốn chính sách tàn bạo của nhà Tần lánh đến.

Bài này khá dài, không tiện ghi lại nguyên văn, tôi xin dựa vào nguyên bản trong Cổ Văn Quan Chi để dịch, giúp bạn đọc hiểu thêm “tình tri kỷ” giữa hoa đào với những người trốn bạo chúa nhà Tần.

Đời Triều Thái Nguyên nhà Tấn, có người ở Vũ Lăng sống bằng nghề đánh cá, theo dòng khe mà đi, quên mất đường xa hay gần. Bỗng gặp một rừng hoa đào mọc cách bờ mấy trăm bước, không xen lẫn loại cây nào khác, cỏ xanh thơm tươi tốt, hoa đẹp lả tả rơi. Người đánh cá lấy làm lạ, bèn tiến thêm vô, muốn đi hết khu rừng. Cuối rừng là con suối, và thấy một ngọn núi. Núi có hang nhỏ, thấp thoáng như có ánh sáng, bèn rời thuyền, lần theo cửa hang mà vào. Ban đầu hang rất hẹp, chỉ lọt một người. Đi thêm vài chục bước, hang đột nhiên mở ra sáng láng. Đất bằng trống trải, nhà cửa chỉnh tề, có ruộng

tốt, ao đẹp, đủ các loại cây dâu, cây trúc; đường ruộng thông nhau, chỗ nào cũng nghe tiếng gà, tiếng chó. Trong hang, có những người đi lại trông trượt làm lưng, nam nữ đều ăn mặc như người bên ngoài. Từ người già đến con trẻ, ai nấy cũng đều hớn hở, vui tươi.

Thấy người đánh cá, họ kinh hoảng, hỏi từ đâu tới. Người đánh cá kể đầy đủ đầu đuôi. Họ bèn mời về nhà, bày rượu, mổ gà để đãi. Trong thôn nghe có người đến, ai nấy cũng đều lại hỏi thăm. Họ kể: tổ tiên trốn loạn đời Tần, dắt vợ con và người trong ấp đến chỗ đường cùng này, rồi không trở ra nữa; từ đó cách biệt hẳn với người ngoài. Họ hỏi bấy giờ là đời nào, họ không biết cả đời Hán nữa, nói chỉ đến các đời Ngụy, Tấn. Người đánh cá nhất nhất kể lại những điều mình hay biết, ai nấy nghe đều đau xót, than thở. Những người khác ai cũng mời người đánh cá về nhà mình chơi, cũng đều bày rượu thịt đãi. Ở lại được mấy ngày, rồi từ biệt ra về. Trong bọn họ có người dặn: “Đừng nên kể cho người ngoài hay làm gì! ”.

Ra khỏi hang rồi, tìm lại được chiếc thuyền, lần theo đường cũ mà về, tới chỗ nào cũng ghi nhớ. Về đến châu quận, vào yết kiến quan thái thú kể lại chuyện này. Viên thái thú lập tức sai người đi theo, tìm những chỗ trước đã ghi nhớ, nhưng mờ mịt, không kiếm ra được con đường cũ.

Câu chuyện nửa hư nửa thực, nửa ảo nửa chân, khiến người đọc không khỏi mơ màng cảm khái. Trốn bạo chúa, phải dặt dít nhau đi đến chỗ thủy tận sơn cùng, thân đã lâm vào tuyệt cảnh mà lại gây được một rừng đào tươi thắm như chốn Bồng Lai thì đúng là có cơ duyên với loài cây thanh nhã. Mà rừng đào kia nở hoa nơi tuyệt địa ắt cũng là cách để tạ lòng người tri kỷ vậy. Ai bảo Hóa Công không còn lòng lân ái?

Hiện nay trên thế giới vẫn còn một chốn *Đào Hoa Nguyên* thực sự. Đó là vùng đất tuyệt đẹp của bộ lạc Hunzas gần núi Himalaya, nơi biên giới Kashmir giữa Trung Quốc, Ấn Độ và Afghanistan. Và có một người “lạc” đến vùng đất thần tiên đó, như ngư phủ trong câu chuyện trên, đó là bác sĩ John Clark. Nhưng ông không quên đường vào như ngư phủ kia, mà ông ở lại với họ suốt 20 tháng, và ghi chép đầy đủ trong tác phẩm *Hunza – Lost Kingdom of the Himalaya* (Hunzas – vương quốc bị lạc mất giữa Himalaya). Ở đây có bộ tộc Hunzas, sống khỏe mạnh, trường thọ và rất hạnh phúc. Thức ăn hàng ngày của họ là trái mơ khô và trái hạnh khô. Họ sống hòa mình vào thiên nhiên, hồn nhiên như cây cỏ, nên không hề biết đến cái gọi là xung đột, mâu thuẫn, hay căng thẳng của “*thế giới văn minh*”. Người Hunzas không hề đo tuổi tác bằng lịch, vì đơn giản là họ không hề có lịch, mà đánh giá tuổi thọ bằng sự minh triết của mỗi cá nhân, và họ xem tuổi thọ trung bình của một người là 120 tuổi. Bạn đọc nào đọc sách Tàu hay mơ tưởng đến Bồng Lai tiên cảnh thì tôi cho rằng

vùng đất của bộ tộc Hunzas mới là Bồng Lai tiên cảnh thực sự trên chốn trần gian.

Biết đâu câu chuyện trong *Đào Hoa Nguyên Ký* chưa hẳn đã là truyền thuyết!



Hạnh lấy Đồng Phụng làm tri kỷ. Đồng Phụng (200 – 280 hoặc 220 – 280) là danh y lỗi lạc thời Tam Quốc, tự Quân Dị 君異, hiệu là Hạnh Lâm 杏林 (rừng hạnh). Ông cùng với Hoa Đà, Trương Trọng Cảnh được tôn xưng là *Kiến An tam thần y*. Mỗi khi chữa bệnh cho người, ông không lấy thù lao mà chỉ yêu cầu trồng hạnh, được hơn mười vạn gốc hạnh. Khi hạnh ra trái, ông đem đổi gạo để giúp người nghèo. Người Trung Quốc khi ca ngợi công đức của một danh y thì nói là “*Hạnh lâm xuân noãn* 杏林春暖” (hơi ấm mùa xuân nơi rừng hạnh) là lấy ở điển tích này.

Chư Phật bảo: “*Cúng dường chúng sinh là cúng dường Tam Bảo*”. Đồng Phụng là người đã dùng cây hạnh để làm Phật sự.



Đá lấy Mễ Phí làm tri kỷ. Mễ Phí (1051 – 1107) tự Nguyên Chương, hiệu Tương Dương mạn sĩ 襄陽漫士, là nhà thư pháp lớn đời Nam Tống. Ông thích đá, nhưng không chỉ yêu thích như người đời mà si mê đến độ điên

cuồng, nên người đời gọi là *Thạch Si* 石痴. Có lần, ông đến nhậm chức giám quân tại châu Vô Vi. Vừa đến nơi, thấy ngoài cửa nha môn có một khối đá hình thù kỳ lạ, ông liền ăn mặc khăn áo chỉnh tề, ra quỳ lạy viên đá và gọi là “*ông nhạc*”. Lần khác, ông nghe nói bên bờ sông có một tảng đá hình thù quái dị, bèn bắt sai dịch đưa đến. Đến nơi, thấy tảng đá có hình một ông lão, Mễ mừng hớn hở, liền cung kính quỳ lạy và chào: “*Ngã tưởng kiến thạch huynh dĩ kinh nhị thập niên liễu! 我想見石兄已經二十年了!*” (Tôi mong chờ được gặp thạch huynh đã hai mươi năm nay rồi!).

Lần khác, gặp một tảng đá lạ trên đường đi, ông vui mừng đến phát điên, cứ quanh quẩn bên nó không chịu rời đi, rồi dựng luôn một cái lều bên cạnh để ngắm nhìn cho thỏa thích. Sau này, người ta dựng ở nơi đó một *Bái thạch đình* (Đình lạy đá).

Do Mễ Phí si cuồng vì đá nên người đời gọi ông là Mễ Điên. Nhưng chính nhờ si mê đá mà ông lĩnh ngộ được nhiều điều từ đá đã để vận dụng vào thư pháp, giúp tác phẩm của ông được lưu truyền hậu thế. Ông đúc kết kinh nghiệm cả đời thành bốn quy tắc “*sấu, trứu, lậu, thấu* 瘦, 皺, 漏, 透” để làm chuẩn mực trong việc thưởng ngoạn đá, gọi là *Tướng thạch pháp* 相石法 (Phép xem tướng đá).

Mễ Phí say mê và si mê đá đến mức cuồng điên, nên bỏ bê cả công việc, nhiều lần bị quan trên khiển trách, luận tội rồi giáng chức, nhưng ông vẫn không mảy may ân hận. Cái chết của ông cũng rất đặc biệt. Một tháng

trước khi mất, ông sắp đặt một đám tang, chia tay bạn bè và gia đình, rồi đem đốt sạch những bức thư pháp cùng những đồ cổ ngoạn mà ông yêu thích. Ông cũng chuẩn bị sẵn một chiếc quan tài, và sống trong quan tài đó.

Trước khi chết bảy ngày, ông ăn chay và tắm gội sạch sẽ, nhưng người trong nhà đã nhiều lần nhìn thấy cảnh này nên cũng chẳng ai quan tâm. Vào ngày cuối, Lễ mời tất cả thân hữu lại, ông cầm cây phát trần, nói “*Chúng Hương quốc trung lai, Chúng Hương quốc trung khứ*。眾香國中來，眾香國中去。” (Từ non nước Chúng Hương mà đến, nay về lại non nước Chúng Hương.” Nói xong, ném cây phát trần xuống, nắm tay lại mà mất. Cái chết của ông chẳng khác nào một thiền sư thị tịch.

Non nước Chúng Hương là tên gọi một cõi Phật trong kinh Duy Ma. Ở nơi đó, các Bồ Tát của đức Phật Hương Tích đều là những bậc trí huệ thượng thượng đẳng, toàn thân luôn tỏa mùi thơm để những ai ngửi được đều ngộ đạo, chứ không cần đến những lời thuyết pháp. Đức Phật Hương Tích vì muốn hóa độ chúng sinh hạ liệt cõi Ta Bà, nên có lần đã chấp thuận cho chín muôn Bồ Tát hiện thân tại nhà cư sĩ Duy Ma Cật tại thành Tỳ Da Ly. Có lần, trong một bài viết, tôi đã gọi nhà thơ Bùi Giáng là một “*cuồng Bồ Tát*” đi về từ cõi non nước Chúng Hương, dùng thi ca để nhiếp dẫn người đời đi vào cõi đạo. Khi đọc cuộc đời Mễ Phí, tôi cũng thầm hỏi có phải chăng trong đám chín muôn Bồ Tát đi về cõi Ta Bà từ non nước Chúng Hương đó, cũng có thêm một “*cuồng Bồ Tát*” tự

hóa thân thành một Mễ Điền để chơi giữa coi Ta Bà, dùng đá để thuyết pháp với nhân gian?

Đồng Phụng là Bồ Tát thị hiện thuận hạnh. Nhưng cũng có những người lại thị hiện hạnh nguyện Bồ Tát theo lối nghịch hạnh, như Mễ Phí. Họ thường là những nghệ sĩ lớn, đem si tâm gởi vào nghệ thuật để lấy đó làm phương tiện thiện xảo mà giáo hóa người đời. Thi ca, nhạc, họa,v.v... tất cả đều có thể được dùng khai ngộ chúng sinh, nếu chúng được vận dụng bởi tâm Bồ Tát để phát huy diệu dụng.

Những bậc nghệ sĩ kỳ diệu đó đôi khi hiện thân giữa cõi Ta Bà như những người điên, nhưng tác phẩm họ lại giúp thế nhân nâng cao cảnh giới tinh thần gấp vạn lần người tỉnh! Bùi Giáng dùng thơ, Mễ Phí dùng đá và thư pháp để khai ngộ cho người đời, điều đó có khác gì Van Gogh dùng tranh, Lâm Tế dùng tiếng hét, hay Đức Sơn dùng cây gậy chốn thiền đường đâu?

Mễ Phí nâng việc thưởng ngoạn đá lên tầm “đạo” như hoa đạo, trà đạo, hoa đạo, kiếm đạo ở phương Đông, há chẳng phải là giúp hậu nhân có thêm một con đường đi vào cõi đạo bằng sắc tướng sao? Mễ Phí từ việc quán chiếu tướng của đá mà ngộ ra cõi non nước Chúng Hương, há đó chẳng phải là thấy tất cả thế gian pháp đều là Phật pháp hay sao?

Nếu Phật giáo có pháp môn “*văn thanh nhập lý*” thì *Tướng thạch pháp* của Mễ Phí cũng có thể được xem là pháp môn “*kiến sắc ngộ đạo*” vậy. So với “*Thanh thanh*

thúy trúc tổng thị pháp thân, Uất uất hoàng hoa vô phi Bát Nhã.” của thiền sư Tuệ Hải nào có khác đâu?



Trái vải lấy Thái Chân làm tri kỷ. Thái Chân tức Dương Quý Phi, được hoàng đế nhà Đường là Đường Minh Hoàng cực kỳ sủng ái. Dương Quý Phi rất thích ăn vải nên Đường Huyền Tông hạ lệnh cho người phóng ngựa luân phiên thay nhau đi từ Lĩnh Nam (có thuyết nói là từ Tứ Xuyên, hoặc Phúc Kiến) đến kinh đô Trường An để kịp mang về những trái vải tươi ngon, dâng cho bà.

Bài *Quá Hoa Thanh cung* 過華清宮 của Đỗ Mục có câu:

Nhất kỵ hồng trần phi tử tiểu,

Vô nhân tri thị lệ chi lai.

一騎紅塵妃子笑，

無人知是荔枝來。

(Một người cưỡi ngựa cuốn bụi hồng,

khiến phi tử tươi cười,

Không ai hay rằng người đó

đang mang trái lệ chi đến dâng cho nàng.)



Trà lấy Lư Đồng, Lục Vũ làm tri kỷ. Trà là thức uống tao nhã ở phương đông. Nghi thức uống trà được nâng lên tầm tôn giáo: *trà đạo*. Thường ngoạn được trà, chỉ cần ngang tầm với chén trà trong *Vang Bóng Một Thời* của Nguyễn Tuân, cũng đã đòi hỏi đến kiến thức và phong cách.

Tương truyền khi vị sơ tổ của Thiền tông Trung Quốc là Bồ Đề Đạt Ma ngồi thiền trên ngọn Thiếu Thất, có lần buồn ngủ, ông bèn cắt mí mắt vất xuống đất. Từ nơi đó mọc lên cây trà. Từ đó, trà được dùng trong các thiền đường, xem như một một loại thảo được giúp tinh thần tỉnh táo.

Lư Đồng (778-835), quê ở Tế Nguyên, Hà Nam, là nhà thơ đời Đường. Ông nhiều lần thi tiến sĩ không đỗ, nên suốt đời sống trong cảnh áo vải. Lư Đồng nổi tiếng về lối thơ bí hiểm, còn lưu lại một số bài trong *Toàn Đường thi*. Ông là một trong những bậc thầy về thưởng ngoạn trà. Theo *Tế Nguyên huyện chí 濟源縣誌*, khi sống ở huyện Tế Nguyên, ông thường suối Ngọc Xuyên để lấy nước pha trà, nên tự lấy biệt hiệu là Ngọc Xuyên Tử 玉川子.

Chúng ta thử cùng thưởng thức trà, qua vài câu thơ trong bài *Thất yến trà 七碗茶* (bảy chén trà) của ông.

Nhất yến hầu vân nhuận.

Lưỡng yến phá cô muện.

Tam yến sừ khô trường,

Duy hữu văn tự ngũ thiên quyển.

Tử uyển phát khinh hân,

Bình sinh bất bình sự,

Tận hưởng mao không tán.

Ngũ uyển cơ cốt thanh.

Lục uyển thông tiên linh.

Thất uyển kế bất đắc,

Duy giác lưỡng dịch tập tập khinh phong sinh.

一碗喉吻潤。

兩碗破孤悶。

三碗搜枯腸，

惟有文字五千卷。

四碗發輕汗，

平生不平事，

盡向毛孔散。

五碗肌骨清。

六碗通仙靈。

七碗契不得，

惟覺兩腋習習輕風生。

(Một chén khiến môi lưỡi

và cổ họng thông suốt,

*Hai chén phá nổi sầu muộn.
Ba chén, ruột gan nghe như khô sạch,
Chỉ còn đọng lại năm ngàn cuốn sách.
Bốn chén khiến đượm mồ hôi,
Bao nhiêu nổi bất bình trong đời,
Như toát cả ra ngoài theo lỗ chân lông.
Năm chén khiến gân cốt thoải mái.
Sáu chén khiến tinh thần
thông suốt, minh mẫn.
Chén thứ bảy, không nên uống nữa,
Chỉ nghe hai bên nách, gió mát thổi hiu hiu.)*

Lục Vũ (733 – 804), tự Hồng Tiệm 鴻漸, người đất Cánh Lăng, Phúc Châu, đời Đường. Ông còn có một tên khác nữa là Tật 疾, tự Quý Tỳ 季疵, còn có ngoại hiệu là Trà Sơn ngự sử 茶山御史. Ông mồ côi từ thuở nhỏ, có thuyết nói rằng có một vị sư nhật được ông bên bờ sông, rồi đem về chùa nuôi. Lớn lên, dùng Dịch để tự bói, được câu “*Hồng tiệm vu lục 鴻漸於陸*” (con chim hồng dần bay đến đậu trên gò đất), là lời hào cửu tam của quẻ Phong Sơn Tiệm, nên lấy Hồng Tiệm làm tên tự.

Ông là bậc đại sư về trà. Cuốn *Trà Kinh* của ông được xem là cuốn lý luận mang tính kinh điển về trà. Ông được đời xưng tụng là *Trà Thánh* (ông thánh về trà). Có một

vài giai thoại về Lục Vũ giúp ta hiểu thêm về vị thánh trong làng trà này.

Thuở nhỏ Lục Vũ ở chùa, với hòa thượng Tích Công. Ngay từ nhỏ, Lục Vũ đã thích học cách pha trà. Hòa thượng Tích Công rất sành uống trà, nếu không phải trà do Lục Vũ pha thì không uống. Do không mặn mà với cái học nội điển của Phật môn nên Lục Vũ trốn khỏi chùa. Từ khi Lục Vũ bỏ đi, vị hòa thượng cũng bỏ luôn thú uống trà, vì bất kỳ người nào pha trà, ông cũng đều thấy nhạt nhẽo vô vị. Giống như Bá Nha đập vỡ đàn cầm sau khi Tử Kỳ mất. Đại Tông hoàng đế nghe được câu chuyện đó, bèn cho triệu hòa thượng Tích Công vào cung, rồi hạ lệnh người trong cung pha trà cho ông uống, để thử khẩu vị của vị hòa thượng này. Tất cả những chén trà dâng lên, sau nhấp ngậm đầu tiên, đều bị ông lắc đầu từ chối. Hoàng đế liền cho người đi tìm cho bằng được Lục Vũ, và bí mật triệu vào cung để pha trà. Hòa thượng Tích Công, sau khi uống thử chén trà do Lục Vũ pha, liền ca ngợi và nói: *“Đây mới đúng là trà do Lục Vũ pha.”*

Trong giai đoạn có loạn An Sử, Lục Vũ về ẩn cư ở Chiết Giang để lánh nạn. Ông ngụ trong chùa, và bắt đầu viết cuốn *Trà Kinh*. Quan thứ sử Hồ Châu là Lý Quý Khanh cũng là người mê trà nên rất ngưỡng mộ Lục Vũ. Một hôm, Lý hạ lệnh cho thuộc hạ đi Nam Nhữ lấy nước để pha trà. Nước ở Nam Nhữ có vị rất mát, nổi tiếng là pha trà tốt. Khi nước được mang về, Lục Vũ nhấp thử rồi lắc đầu bảo không phải là chính nước Nam Nhữ, mà có lẽ là nước ven bờ sông. Lý bèn hỏi lại, thuộc hạ đều kinh

hải, vội nói thật là đã đến Nam Nhũ lấy đầy một bình, nhưng khi quay về, do sóng lớn, nước trong bình đổ mất một nửa, sợ quan trên trách mắng, bèn lấy nước ở ven sông đổ vào cho đầy. Ai nấy cũng đều thán phục tài của Lục Vũ.

Nhà văn Nguyễn Tuân trong *Vang Bóng Một Thời* cũng có một câu chuyện lý thú về một gã ăn mỳ sành trà. Gã ăn mỳ đó hẳn cũng là một trong những hóa thân của Trà Thánh để đùa bỡn với đời!



Cỏ thơm lấy Linh Quân làm tri kỷ. Khuất Nguyên 屈原 (343 – 299 trước C.N) tên Bình 平, là người cùng họ với Sở vương. Ông là nhà thơ nổi danh thời cổ đại. Ông không những là một nhà thơ mà còn là một nhà bác học, nhà chính trị, nhà ngoại giao nữa. Ban đầu Sở Hoài Vương rất tin dùng Khuất Nguyên, sau vì nghe lời các đại phu sàm tấu mà dần bỏ rơi ông. Ông ưu buồn, viết thiên *Ly Tao* 離騷 để tả nỗi niềm. *Ly Tao* được xếp với loại kinh – *Ly Tao kinh* – trong kho tàng văn học cổ điển Trung Quốc đủ thấy tầm vĩ đại của nó.

Sau khi Hoài Vương mất, Khoảnh Tương Vương nối ngôi, lại đày ông đến tận vùng hoang dã ở Giang Nam. Khuất Nguyên phấn chí, tự cho mình là người trong sạch mà sống trong thời thế vẩn đục, suốt ngày ca hát như người cuồng, rồi ôm một phiến đá, gieo mình xuống sông Mịch La tự trầm.

Trong thơ, ông thường nói đến cỏ thơm để ví với lòng trung của người quân tử.

Hồ giang ly dữ tịch chi hể,

Nhận thu lan dĩ vi bội.

扈江離與闢芷兮，

紉秋蘭以為佩。

Ta đeo hoa giang ly và cỏ bạch chi,

lại kết thêm hoa lan mùa thu trên người.



Rau rút, cá rô lấy Quý Ưng làm tri kỷ. Thuần là rau rút, lư là cá rô. Trương Hàn, tự Quý Ưng, đời Tấn làm quan ở Lạc Dương, nghe gió thu nổi lên, bỗng nhớ món canh rau rút, và gọi cá rô ở quê nhà ở quê nhà, bèn nói:

Con người quý ở chỗ được thỏa thích ý muốn, sao lại giam hãm mình trong chốn quan trường, cách xa quê hàng ngàn dặm để tìm chút công danh!" (Nhân sinh quý đắc thích ý nhĩ, hà năng ky hoạn sở thiên lý dĩ yêu danh tước! 人生貴得適意爾，何能羈宦數千里以要名爵！).

Nói rồi, từ quan về quê. Bạch Cư Dị có câu thơ nói về điển cố này:

Thu phong nhất trợ lư ngư khoái,

Trương Hàn dao đầu hoán bất hồi.

秋風一飭鱸魚膾，

張翰搖頭喚不迴。

(Gió thu nổi lên,
gợi nhớ tới một gắp đũa gỏi cá lư,
Trương Hàn lắc đầu từ quan về quê,
có gọi cũng không quay trở lại.)

Ông này mà sống cùng thời với cụ Tản Đà chắc là
“chí đồng đạo hợp”!

Về sau, từ “thuần lư” được dùng để chỉ nỗi lòng nhớ quê.

Thú quê thuần hức bén mùi,
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô. (Kiều)



Chuối lấy Hoài Tố làm tri kỷ. Hoài Tố (737-799, có thuyết nói ông sinh năm 725 và mất năm 785) là tăng nhân đời Đường, đệ tử của pháp sư Huyền Trang. Tục tính là Tiên, tự Tàng Chân 藏真. Ông là nhà thư pháp lỗi lạc đời Đường, nổi tiếng với lối viết cuồng thảo, sử gọi ông là *Cuồng Thánh* 草聖 (ông thánh về lối viết chữ thảo). Chữ thảo của ông mảnh mai mà mạnh mẽ, sinh động tự nhiên, như gió táp mưa sa, cứ thuận tay mà để nét bút tung hoành thiên biến vạn hóa, nhưng vẫn đầy đủ pháp độ. Hoài Tố và Trương Húc là hai ngọn cao phong về thư pháp đời Đường, và cũng là hai bậc thầy lỗi lạc về lối chữ thảo trong lịch sử thư pháp Trung Quốc.

Hoàng Đình Kiên đòi Tống nhận định về ông:

Trương Húc kỳ diệu ở nét chữ đậm, Tàng Chân kỳ diệu ở nét chữ gầy. Cả hai đều là những người đứng đầu một thời về thảo thư. (Trương Húc diệu vu phì, Tàng Chân diệu vu sấu; thử lưỡng nhân giả, nhất đại thảo thư chi quán miện dã. 張旭妙于肥，藏真妙于瘦；此兩人者，一代草書之冠冕也。)

Còn Tưởng Chi Kỳ thì bảo:

Diệu lý của thảo thư chỉ Hoài Tố mới hiểu được. (Thảo thư hữu diệu lý, duy Hoài Tố đắc chi. 草書有妙理，惟懷素得之。)

Tương truyền ông trồng hàng vạn gốc chuối, dùng lá chuối để viết thay cho giấy viết. Trong tác phẩm *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, Kim Dung đưa nét cuồng phóng trong thư pháp của Hoài Tố và Trương Húc vào bút pháp của Ngốc Bút Ông – đệ tam trang chủ của Mai Hoa sơn trang – giúp nhân vật này tung hoành ngang dọc một, thời trước khi thành bại tướng dưới ngọn *Độc Cô Cửu Kiếm* của Lệnh Hồ Xung!



Dưa lấy Thiệu Bình làm tri kỷ. Thiệu Bình làm đến tước Đông Lăng hầu đời Tần. Nhà Tần mất, ông lâm vào cảnh nghèo túng, phải trồng dưa ở phía đông thành Trường An để bán. Dưa lớn trái, thơm ngon, người đời

gọi là *Đông Lăng qua* (dưa của Đông Lăng hầu). Về sau, ruộng dưa của những vị quan từ quan về ở ẩn cũng được gọi là *Thiệu Bình qua*. Thơ tuyệt cú của Lưu Cơ đời Minh có câu:

*Hàn thử hựu tùy phong nhật chuyển,
Đông Lăng thủy chủng Thiệu Bình qua.*

寒暑又隨風日轉，
東陵誰種邵平瓜。

*(Từng ngày nóng lạnh gió đưa,
Đông Lăng ai có trồng dưa Thiệu Bình?)*

Nhà thơ lỗi lạc đời Tống là Lục Du, trong bài *Bản bệnh hý thư* 貧病戲書, cũng nói:

*Tận nhật kê biên đỉnh tử tà,
Trị sinh bất chủng Thiệu Bình qua.*

盡日溪邊艇子斜，
治生不種邵平瓜。

*(Thuyền nghiêng khe nước, chèo buông,
Dưa Thiệu Bình chẳng biết trồng mà ăn.)*



Gà lấy Xử Tông làm tri kỷ. Theo “*Văn nghệ loại tự*” thì Tống Xử Tông là quan thứ sử đời Tấn, có lần mua được một con gà trống có lưỡi rất dài. Ông thương yêu rất mực, đặt lồng gà nơi thư phòng. Con gà rất thông minh, học

được tiếng người, thường cùng Tông trò chuyện suốt ngày. Xử Tông nhờ đấy mà ngày càng ăn nói giỏi giang thêm.

Về sau, từ “*kê đàm*” hay “*đàm kê*” được dùng để chỉ chuyện huyền đàm hay thanh đàm, tức bàn về những đạo lý huyền bí, thâm diệu trong đạo giáo hay Phật giáo. Còn “*kê song*” dùng để chỉ thư phòng, chứ không phải là “*tiếng gà gáy bên song*” như vài người hiểu lầm.

Thơ của La Ẩn 羅隱 đời Đường trong bài *Đề Viên Khê Trương dật nhân sở cư* 題袁溪張逸人所居 (Đề tại nơi ở ẩn bên khe Viên của bác họ Trương) có câu:

Kê song dạ tĩnh khai thư quyển,

Ngư hạm xuân thâm triển钓鱼丝。

雞窗夜靜開書卷，

魚檻春深展釣絲。

(*Bên cửa sổ thư phòng,
giữa đêm thanh vắng lần gỡ cuốn sách,*

*Đêm xuân khuya khoắc,
ngồi trên thuyền câu, buông sợi dây tơ.)*

Bài *Thu dạ tác* 秋夜作 (Bài thơ làm đêm thu) của Tiền Khởi đời Đường có câu:

Song trung vấn đàm kê,

Trường dạ hà thời đán.

窗中問談雞，

長夜何時旦。

(*Bên song, đạo lý huyền đàm,
Đêm dài, biết đến khi nào sáng đây?*)

Sư Sảng, bạn nhà thơ Tô Đông Pha, có nuôi một con gà trống màu trắng. Con gà này tự mổ cho cụt đuôi. Suốt mười hai năm, mỗi khi ông tụng kinh thì con gà lại đến nằm một bên để nghe kinh. Tô Đông Pha có làm bài thơ tặng ông, có hai câu:

*Đoạn vĩ hùng kê bản úy phanh,
Niên lai thánh pháp bạn tu hành.*

斷尾雄雞本畏烹，
年來聽法伴修行。

(*Chú gà trống cụt đuôi sợ bị mổ thịt,*

*Nên quanh năm nghe pháp,
làm bạn với bậc tu hành).*

Như vậy, ta có thể nói thêm “Gà lấy Tăng Sảng làm tri kỷ”!



Ngỗng lấy Hữu Quân làm tri kỷ. Hữu Quân tức Vương Hy Chi 王羲之. Ông là nhà thư pháp lỗi lạc của Trung Quốc, được hậu thế tôn xưng là *Thư thánh*. Ông rất thích ngỗng, vì cho rằng nuôi ngỗng không những di dưỡng được tinh thần, mà những tư thế của ngỗng còn giúp ông thể hội thêm đạo lý của thư pháp.

Khi ông đến Thiệu Hưng để nhận chức, một hôm, cùng người em là Vương Hiến Chi thả thuyền dạo chơi, đột nhiên thấy một bầy ngỗng tuyệt đẹp đang bơi lượn đùa giỡn trên sông. Hy Chi say sưa ngắm đến xuất thần. Ông liền cho thuyền ghé vào bờ, tìm cách mua bầy ngỗng. Chủ nhân bầy ngỗng là một đạo sĩ già nua, người này biết rằng gặp được Hy Chi là một cơ duyên hãn hữu, nên thỉnh cầu ông viết cho một bộ *Hoàng Đình Kinh* 黃庭經 để đổi bầy ngỗng. *Hoàng Đình Kinh* là một bộ kinh đạo gia nói về thuật dưỡng sinh. Hy Chi vô cùng vui mừng, bảo đạo sĩ mài mực, rồi ngồi viết ngay. Nhìn những nét chữ như rồng bay phượng múa trên giấy, lão đạo sĩ nhảy nhót vui mừng, còn Vương thì đem cả bầy ngỗng lên thuyền mang về. Câu chuyện này thành một giai thoại lý thú trong văn học Trung Quốc. Giai thoại này khiến ta không thể không nhớ đến cách xin chữ cực kỳ cảm động của viên cai ngục đối với của nhân vật Huấn Cao, trong truyện ngắn *Chữ Người Tử Tù* của Nguyễn Tuân.



Trống lầy Nễ Hành làm tri kỷ. Nễ Hành là cuồng sĩ đời Hậu Hán, được tiến cử lên vua Hán Hiến Đế. Tào Tháo, lúc đó là Thừa tướng, sai người triệu Nễ Hành tới. Hành rất hận Tào Tháo lấn át quyền vua nên lúc đối đáp, Nễ Hành chê bai tất cả các văn quan võ tướng của Tào Tháo. Tháo muốn làm nhục, cho Hành làm chức cổ lại để sớm tối đánh trống hầu những buổi thiết triều. Hành không

từ chối. Hôm sau, Tào Tháo mở yến tiệc để thết đãi tân khách, rồi sai Nễ Hành ra đánh trống. Người đánh trống cũ bảo Hành phải mặc áo mới. Hành không thèm nghe, cứ mặc áo cũ mà vào, xắn tay đánh ba hồi trống, âm tiết tuyệt diệu, nghe văng vẳng như có tiếng đá, tiếng vàng ngân theo ai oán. Cử tọa ngồi nghe đều bùi ngùi sa lệ.



Tỳ bà lấy Minh Phi làm tri kỷ. Minh Phi tên thật là Vương Tường 王牆, (hoặc 王牆), tự Chiêu Quân 昭君. Nàng có dung nhan tuyệt đại và trí thông minh hơn người, lại giỏi đánh đàn tỳ bà và có tài thi, họa. Chiêu Quân được tuyển vào nội cung vào khoảng sau năm 40 trước C.N, đời Hán Nguyên Đế. Trong thời gian ở hậu cung, Chiêu Quân chưa bao giờ được gặp mặt hoàng đế và vẫn chỉ giữ thân phận của một cung nữ.

Vì số phi tần trong hậu cung quá đông, Hán Nguyên Đế ra lệnh cho Mao Diên Thọ 毛延壽 vẽ hình các cung nữ để hoàng đế chọn. Các cung nữ lo lót tiền cho Mao để có được hình đẹp, mong hoàng đế ban phát long ân. Riêng Chiêu Quân từ chối vì tự tin ở tài sắc của mình. Mao vẽ chân dung nàng thật xấu nên Hán Nguyên Đế không để mắt tới.

Năm 33 trước C.N, thiên vu Hung Nô là Hô Hàn Tà 呼韓邪 đến kinh đô Trường An để tỏ lòng thần phục nhà Hán, và có nguyện vọng được trở thành con rể của vua. Hán Nguyên Đế tán thành vì muốn tạo hòa bình

trong bang giao. Nhưng không một công chúa nào chấp thuận. Nhà vua bèn hạ lệnh cho các cung nữ hễ ai tình nguyện vì đất nước mà lấy thiên vu Hung Nô thì sẽ được xem như công chúa. Các cung nữ đều ngần ngại, chỉ có Vương Chiêu Quân tình nguyện lấy Hô Hàn Tà.

Đến ngày hôn lễ giữa Hô Hàn Tà và Vương Chiêu Quân, Nguyên Đế thấy nàng xinh đẹp tuyệt trần nên đâm ra rất hối tiếc. Ông bèn hạ lệnh mang bức tranh nàng ra xem, thì thấy bức tranh do họa sĩ Mao Diên Thọ vẽ không giống chân dung thật, bèn sai xử trảm Thọ.

Chiêu Quân trở thành sủng phi của Hô Hàn Tà, được phong là Ninh Hồ Yên Chi 宁胡阼氏. Nhờ cuộc hòa thân này mà nền hòa bình giữa nhà Hán và Hung Nô đã kéo dài được trên 60 năm.

Sự tích “*Chiêu Quân cống Hồ*” với hình ảnh người con gái dung nhan tuyệt đại mặc áo choàng đỏ, ôm cây tỳ bà cưỡi con ngựa trắng giữa vùng thảo dã mênh mông đã là đề tài cho thi nhân Trung Quốc rất nhiều thế hệ. Chiêu Quân trở thành hình ảnh của kẻ tài hoa lỡ vận, với tâm sự ngậm ngùi nơi đất khách.

Kim Thánh Thán, khi phê bình vở kịch *Tây Sương Ký* của Vương Thực Phủ đã nói:

Nếu bắt tả nào Chiêu Quân hăng hái xin đi, ôm cây tỳ bà bước ra cửa ải thì tác giả sẽ tả được nước mắt của vô số những kẻ tài cao bị áp bức của khắp thiên hạ trong muôn muôn đời! Ta cứ đọc vở Mái

*Tây này thì biết! (Mái Tây, tr.374 – 375, Nhượng
Tống dịch, NXB Tân Việt, Sài Gòn).*

Cung nữ Chiêu Quân Trung Quốc ôm tâm sự hận sâu cùng cây đàn tỳ bà, ngược về phương Bắc gá nghĩa với Hung Nô để đổi lấy nền hoàn bình hơn nửa thế kỷ, thì hơn một ngàn năm sau, công chúa Huyền Trân nước Việt lại âm thầm giọt lệ, xuôi về phương Nam ngàn dặm kết duyên với vua Chiêm để đổi lấy Châu Rí, Châu Ô. Hai phương trời, hai tâm sự và cách biệt nhau hơn cả ngàn năm, nhưng sự hy sinh cao cả đều không khác, và cái chua xót, thương đau chỉ là một. Thi ca Trung Quốc qua bao nhiêu thế hệ không tiếc lời ca ngợi Chiêu Quân, nhưng thi ca Việt Nam có được bao nhiêu bài nhắc đến Huyền Trân? Ta thấy không khỏi có sự bất công.

Đọc đến đây, xin hãy cùng nhau nâng một ly rượu để tưởng nhớ Huyền Trân và chia sẻ tâm sự cùng nàng Chiêu Quân đất Việt. Nếu tỳ bà lấy Minh Phi làm tri kỷ thì xin Huyền Trân lấy tấm lòng cả bọn ta làm tri kỷ vậy.



Thông với Tần Thủy. Tần Thủy tức Tần Thủy Hoàng. Theo *Sử Ký Tư Mã Thiên*, có một lần Tần Thủy Hoàng đi chơi núi Thái Sơn, gặp mưa to gió lớn phải nép dưới một gốc thông cổ thụ. Khi mưa tạnh, gió tan, ông cho rằng cây thông có công hộ giá, bèn phong cho cây thông tước quan *Ngũ đại phu* 五大夫. Người đời sau cũng thường

dùng danh hiệu đó để gọi cây thông là *Ngũ đại phu tùng* 五大夫松. Thủy Hoàng dùng máu và bạo lực để tiêu diệt lục quốc, thống nhất Trung Quốc, tự xưng là Thủy Hoàng, với ý đồ con cháu sẽ tiếp tục là Nhị Thế, Tam Thế cho đến Vạn Thế. Nhưng cuối cùng tám thân vạn thặng phải nằm xuống cùng đám cá thối ở Sa Khâu, kéo theo sự sụp đổ của đế chế nhà Tần. Quan *Ngũ đại phu* vì thế đành kết thúc mối tình tri kỷ với ông vua hùng tài đại lược nhưng tàn bạo vô song này.

Hạc với Vệ Ý. Theo *Tả Truyện* 左傳, chương *Mãn Công nhị niên* 閔公二年, thì Vệ Ý Công 衛懿公 trị vì nước Vệ 668 – 660 trước C.N) rất mê hạc. Ông cho hạc được hưởng bổng lộc và đi xe của quan đại phu. Triều đình phải thu thuế thật nặng để có thể chu cấp cho hạc, khiến dân chúng phẫn hận. Năm 660 trước C.N, nước狄 mang quân đánh nước Vệ. Người trong nước bất bình, bảo Vệ Ý Công hãy đem hạc ra đối địch. Quân Vệ tan vỡ, Vệ Ý Công bị quân địch giết.

Hạc là giống chim thanh nhã, tiếng kêu đã hay, dáng múa lại đẹp, Vệ Ý Công yêu mến cũng phải. Nhưng vì tình tri kỷ đó mà đến nỗi quốc phá, thân vong thì đúng là không có duyên với nhau.

Lỗi ở thông, hạc hay ở hai vua? Tra Nhị Chiêm 查二瞻 nói:

Đây không phải do thông, hạc cầu xin nơi Tần Thủy, Vệ Ý, mà do bất hạnh phải ở gần, có muốn tránh cũng không được vậy. (Thử phi tùng, hạc

*hữu cầu vu Tần Thủy, Vệ Ý, bất hạnh vi kỳ sở
cận, dục tỵ chi nhi bất năng nhĩ. 此非松，鶴
有求于秦始，衛懿，不幸為其所近，欲
避之而不能耳。)*



Loài vật gần bó với con người như thế ấy, cho nên
mỗi khi đọc bốn câu đầu của bài thơ “*Chước tửu dĩ Bùi
Địch*” (cùng uống rượu với Bùi Địch) của Vương Duy, tôi
không khỏi giật mình, pha lẫn đôi chút ngậm ngùi:

Chước tửu dĩ quân, quân tự khoan,

Nhân tình phiên phúc tự ba lan.

Bạch thủ tương tri do án kiếm.

Chu môn tảo đạt tiểu đàn quan.

酌酒與君君自寬，

人情翻覆似波瀾。

白首相知猶按劍，

朱門先達笑彈冠。

*(Rót rượu mời ngài, ngài cứ uống thông dong.
Tình người tráo trở như sóng nước. Bạn tương
tri giao du với nhau từ thuở đầu xanh cho đến
khi tóc trắng, thế mà lúc gặp nhau vẫn còn để
tay lên đốc kiếm để phòng! Bạn thuở hàn vi đã
sớm thành đạt thì cũng đừng nên tới thăm để
khỏi bị cười vào mũi!).*

“Đàn quan” tả cái cử chỉ phũ phàng vội vàng để chuẩn bị lên đường. Theo “Vương Cát truyện” trong Hán Thư, thì đời Tây Hán có Vương Cát là bạn chí thân với Cống Vũ. Vương Cát làm quan lớn, Cống Vũ cũng vội vàng chuẩn bị khăn gói đến tìm bạn để xin một chức quan. Người đời gọi là “Vương Cát tại vị, Cống Vũ đàn quan”. Nhiều tài liệu cho rằng câu đó biểu hiện đó là sự khẩn khít của tình bạn, nhưng không nhận ra ý mỉa mai ngầm. Cho nên trong câu thơ của Vương Duy mới thêm một chữ “tiểu” là cười. Đừng mơ mộng hão huyền khi muốn nhờ vả những người bạn chí cốt thuở hàn vi, khi họ đã bước chân vào thế giới của tiền tài và thế lực. Chữ “tri kỷ” tự cổ chí kim đã trở thành một món hàng xa xỉ trước bộ cổng nhà quan.

Hán Quang Vũ nhà Hán khi còn nhỏ tuổi, có một người bạn thân tên gọi Nghiêm Tử Lăng. Sau khi Hán Quang Vũ lên làm Hoàng đế, Nghiêm Tử Lăng bèn lánh ra Phú Xuân giang làm người câu cá. Hán Quang Vũ cho triệu ra làm quan, nhưng ông từ chối, không chịu “đàn quan”! Những kẻ đời nay sẽ cho đó là thái độ gàn, thậm chí ngu ngốc của một kẻ “không thức thời”, nhưng chính đó là một nhân cách lớn, quá đỗi hiếm hoi.

Mối tình tri kỷ “Một khi đã gắn bó thì ngàn thu không đổi” chẳng lẽ chỉ có giữa người và loài vật thôi ư, để khi gặp nhau, tay không còn án kiếm? Vậy thì hạnh phúc vô cùng cho những ai có được một người tri kỷ để cùng nhau “cạn một hồ trường” giữa cõi “thiên hạ mang mang”!

5.

Vì trăng mà lo mây, vì sách mà lo mối mọt, vì hoa mà lo gió mưa, vì tài tử giai nhân mà lo mệnh bạc, đó thực là tấm lòng Bồ Tát vậy.

為月憂雲，為書憂蠹，為花憂風雨，為才子佳人憂命薄，真是菩薩心腸。

Vị nguyệt ưu vân, vị thư ưu đố, vị hoa ưu phong vũ, vị tài tử giai nhân ưu mệnh bạc, chân thị Bồ Tát tâm trường.

NHÀN ĐÀM

“Cái đẹp sẽ cứu chuộc thế giới.” (Beauty will save the world.). Văn hào Nga Dostoievsky đã một lần tuyên bố như vậy qua nhân vật hoàng thân Myskin trong tác phẩm *Gã khờ* (The Idiot). Và hình như văn hào Nga Pasternak cũng lặp lại thông điệp này trong tác phẩm *Bác sĩ Zhivago*.

Trương Trào cho rằng vật trên trời thì không có gì cảm động lòng người bằng vẻ đẹp của trăng. Trăng mà bị mây che khuất, đó là nỗi hận của kẻ uống rượu, ngắm trăng. Sách là bạn tri âm của tao nhân mặc khách, nên sách mà bị mối mọt ăn thì chẳng khác nào để bạn tri âm bị tổn thương, đó là nỗi hận của kẻ đọc sách. Hoa là báu vật trên đời để tô điểm cho trần gian thêm hương sắc, nên hoa mà bị mưa gió dập vùi là nỗi đau của những kẻ đi tìm cái đẹp.

Tài tử là nơi chung đúc của tài hoa, giai nhân là vưu vật hiếm hoi của tạo hóa, không dễ gì gặp mãi trong đời. *Giai nhân tự cổ như danh tướng, Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu.* Tự ngàn xưa, giai nhân cũng như danh tướng, không dễ nhân gian thấy sống đến lúc bạc đầu. Giai nhân bạc mệnh thì tài tử cũng đâu khác.

Lo trăng bị mây che, lo sách bị mối mọt, lo hoa bị gió mưa, lo giai nhân tài tử bạc mệnh, kẻ tục cho đó là những cái lo vớ vẩn bao đồng, còn người thanh sẽ hiểu đó là cái tâm của kẻ tài tử luôn ưu tư vì cái đẹp.

6.

Hoa không thể không có bướm, núi không thể không có suối, nước không thể không có rong, cây cao không thể không có dây leo, và người ta không thể không nghiệm một thứ gì.

花不可以無蝶，山不可以無泉，石不可以無苔，水不可以無藻，喬木不可以無藤蘿，人不可以無癖。

Hoa bất khả dĩ vô điệp, sơn bất khả dĩ vô tuyền, thạch bất khả dĩ vô đài, thủy bất khả dĩ vô tảo, kiêu mộc bất khả dĩ vô đằng la, nhân bất khả dĩ vô tích.

NHÀN ĐÀM

Con người hình như ai cũng có, ngay từ bé, một

đam mê nào đó. Từ thời đi học, có người mê chơi tem, có người mê chơi chim, chơi cá, có người thích đánh đàn, v.v... Có những đam mê chỉ theo ta một giai đoạn nào đó trong cuộc đời, rồi được thay bằng những đam mê khác. Nhưng cũng có những đam mê theo ta đến tận cuối đời người.

Con người vào đời, đầu tiên là phải loay hoay vì cái nợ áo cơm. “*Cơm áo không đùa với khách thơ*.” (Xuân Diệu). Cái nợ áo cơm đó lắm khi không chỉ bắt ta nhọc thân, mà còn làm ta khổ tâm nữa. Nhưng có rất nhiều người, ngay giữa nhọc nhằn cơm áo, vẫn luôn say sưa sống cùng những đam mê, như một thú vui tinh thần. Có người mê xem bóng đá, có người mê chơi cờ, có người mê câu cá, có người mê cây cảnh, v.v... Con người vốn yếu đuối, nên có lẽ ai cũng có một đam mê nào đó trước cõi trần gian vốn tràn đầy hương sắc. Chính những đam mê nho nhỏ đó đôi khi lại giúp con người nhận ra ý nghĩa đời giữa bao phiền não, nhọc nhằn. Nhiều người cho rằng phải có nhiều tiền mới có thể theo đuổi đam mê. Thật ra người giàu luôn bận rộn theo tiền bạc, nên họ là những người ít hưởng thụ thú vui tinh thần nhất.

Mê rượu? Điều đó có thể được xem như là mặc nhiên đối với những người đàn ông có chút nam tính. Mê rượu vẫn vô hại, thậm chí lại có ích, nếu ta biết dùng nó như một thứ trợ hứng để nâng cao cảnh giới tinh thần. Mê rượu để lấy hứng làm thơ, chơi nhạc v.v... thì hà cớ gì mà không mê rượu?

Mê trà? Đây là thú vui được xem là tao nhã nhất ở phương đông. Mấy ai lại chẳng nhớ đến lão ăn mày trong tập truyện *Vang Bóng Một Thời* của Nguyễn Tuân? Làm thân một kẻ ăn mày, đến nhà người ta kiếm miếng ăn, nhưng chỉ xin một “*chén chè tàu*”. Uống xong còn phẩm bình trong trà còn lẫn mùi trấu, khiến chủ nhân phải một phen kinh hãi. Ấy cũng là giai thoại về cái lụy của sự đam mê.

Mê đọc sách? Quá tốt, nếu ta biết tỉnh táo để tiêu hóa kiến thức, đừng để biến thành con mọt sách cố chấp – một căn bệnh nguy hiểm vẫn xoi mòn cốt tủy rất nhiều người đọc sách suốt cổ kim. Đọc sách, từ xa xưa, vẫn được coi là một trong những thú vui tao nhã nhất trên đời. Có người đọc sách để trao đổi kiến thức, có người đọc sách để tìm chút thư thái bình an, có người đọc sách để tìm một chốn “*an thân lập mệnh*”, có người đọc sách để quên đi cảnh muộn phiền.

Mê nuôi chim? Mê cây cảnh? Cũng như đọc sách để di dưỡng tinh thần, trồng cây cảnh là để dưỡng trí, nuôi chim, cá là để dưỡng nhân. Nếu các bạn, trong một dịp đến chơi nhà của một chủ nhân nuôi chim nào đó, được chủ nhân dẫn đi thật nhẹ ra sân vườn để đến bên những lồng chim, bắt bạn im lặng để nghe chim hót, rồi say sưa phân tích sự khác biệt cùng điểm độc đáo trong từng điệu hót thì các bạn sẽ hiểu thế nào là giá trị của đam mê!

Mê gái? Kẻ tài hoa mà không mê gái thì lấy đâu ra

chỗ để phát tiết anh hoa mà tự thành thơ nhạc?

Có một đam mê nào đó để tìm thú vui tinh thần là một niềm hạnh phúc của con người. Sống mà chỉ biết cắm cúi làm tiền, không có được một đam mê nào cả thì cuộc đời trở thành đơn điệu tẻ nhạt, uống phí một phen làm người giữa cõi trăm năm.

Quanh quẩn mãi giữa vài ba dáng điệu

Tối hay lui vẫn chùng ẩy mặt người

Vì quá thân nên quá đổi buồn cười

Môi nhắc lại chỉ có ngân ẩy chuyện.

Đời nhạt tẻ như tàu không đổi chuyển!

.....

Đến ái ân cũng hết cả đợi chờ...

(Huy Cận – Quanh quẩn)

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, trong bài “Đêm thấy ra là thác đổ”, có một câu mà tôi rất thích: “Đời tôi hết mang điệu mới lạ, tôi đã sống rất ơ hờ.” Ta có cảm giác như nghe câu nhạc rất đổi ơ hờ kia đang hòa điệu cùng các câu thơ Huy Cận trong vòng đời quanh quẩn, giữa một cuộc sống “tẻ nhạt như tàu không đổi chuyển.” Có đam mê, nghĩa là có háo hức đợi chờ, có vui mừng và thất vọng, có hân hoan lẫn khổ đau, ta mới thấy cuộc đời có thêm nhiều điều mới lạ. Mà có thêm nhiều điều mới lạ thì cõi

đời mới thêm phần hương vị, để ta có thể, giữa bao khổ lụy, bao mệt mỏi với phận người, mang hình hài đi trọn cõi trăm năm, mà không thấy quá đổi nhọc nhằn. Để có thể cùng Trịnh Công Sơn *“Hãy yêu ngày tới dù quá mệt kiếp người.”* Sống giữa đời mà không còn nhận ra những điều mới lạ, cũng giống như khoác khăn tang đi giữa cõi đời. Cuộc sống sẽ vô cùng tẻ nhạt, như *“tàu không đổi chuyển”*, như một cuộc viễn du đã được lập trình.

Khi một đam mê nào đó nâng cảnh giới tinh thần của ta thì nó cũng luôn vận vào ta như một nghiệp dĩ. Điều đó âu cũng thuận với lẽ tự nhiên. Hoa mà không bướm thì hoa lẻ loi, cô độc; núi không có suối thì núi câm lặng, vô hồn; đá không có rêu thì đá trơn trụi, vô duyên; nước không có rong rêu thì cá nào dám sống; cây cao không có dây leo thì chẳng khác cột cờ, con người không có một đam mê nào thì cuộc đời trở nên tẻ nhạt, và nhàm chán. Cho nên sống, thà lụy vì một đam mê nào đó, còn hơn là sống mà không có một đam mê nào.

7.

Mùa xuân nghe tiếng chim hót, mùa hè nghe tiếng ve ngâm, mùa thu nghe tiếng côn trùng rả rích, mùa đông nghe tiếng tuyết rơi, ban ngày nghe tiếng đánh cờ, dưới trăng nghe tiếng tiêu réo rắt, trong núi nghe tiếng gió thổi ngàn thông, bên nước nghe tiếng sóng vỗ, mới không sống uổng phí một

đời. Còn như nghe tiếng con trẻ hung dữ làm nhục, hay tiếng vợ quá quắt chửi mắng, cứ xem như tai điếc còn hơn.

春聽鳥聲，夏聽蟬聲，秋聽蟲聲，冬聽雪聲；
白晝聽棋聲，月下聽簫聲；山中聽松聲，水際聽
欸乃聲，方不虛生此耳。若惡少斥辱，悍妻詬
詈，真不若耳聾也。

Xuân thính điều thanh, hạ thính thiên thanh, thu
thính trùng thanh, đông thính tuyết thanh, bạch trú
thính kỳ thanh, nguyệt hạ thính tiêu thanh, sơn trung
thính tùng phong thanh, thủy tế thính nội nãi thanh,
phương bất khư sinh thử nhĩ. Nhược ác thiếu xích nhục,
hãn thê cấu tối, chân bất nhược nhĩ lung dã.

NHÀN ĐÀM

Cảnh vật tự nhiên quanh ta luôn có nhiều âm thanh
kỳ diệu. Ta tha hồ thưởng ngoạn nếu biết lắng nghe.
Trang Tử mở đầu chương *Tế Vật Luận* bằng những lời
bàn sâu xa về tiếng gió trong hang hốc.

Mùa xuân, đi dưới những lũy tre ven con đường làng
để nghe giai điệu mùa xuân trời dậy cùng muôn ngàn tiếng
chim là một cái thú. Mùa hè về cùng tiếng ve râm ran giữa
trưa nắng hạ, đôi khi inh ỏi đến mức át cả tiếng chuyện
trò. Không có tiếng ve kêu thì mùa hè mất đi ý nghĩa.

Ở miền Nam chỉ có hai mùa mưa, nắng nên người
ta không có khái niệm mùa thu. Mùa thu đến bằng âm
thanh của những ngày mưa tiếp nối. Mưa dầm, mưa dai
dẳng, có khi kéo dài suốt tháng. Chốn quê vào những

đêm mưa lại càng buồn. Tiếng mưa rơi trên tàu chuối cùng tiếng côn trùng rĩ rích hằng đêm sao nghe buồn như một điệu nhạc sầu riêng biệt chốn quê, khiến không gian như trở nên bao la hơn và lòng người thêm man mác. Tiếng dế rĩ rích ban đêm nghe như một điệu ru đều đều. Rồi tiếng gió hú trong những ngày mưa bão, tiếng sấm rền trong những ngày đông u ám. Tất cả những âm thanh đó đã hòa quyện để dệt nên một bức tranh của thanh âm bốn mùa. Tiếng chim hót, tiếng ve ngâm, tiếng côn trùng rĩ rích, tiếng gió mùa đông chẳng phải là âm nhạc của thiên nhiên đó sao?

Đọc câu “*nguyệt hạ thính tiêu thanh*”, tự nhiên tôi nhớ đến câu mở đầu trong bản nhạc *Mấy Độ Thu Về* của Minh Kỳ:

*Có những chiều Thu vương nắng cuối thôn,
tiếng tiêu ai vọng đến thiết tha buồn....*

Thuở nhỏ, tôi nhiều lần nghe tiếng sáo nửa khuya, nhất là vào những đêm trăng sáng. Nghe buồn man mác. Nó chơi với, sâu lắng, khác hẳn tiếng flute trong nhạc cụ phương Tây. Tôi nghĩ “*tiếng tiêu thiết tha buồn*” kia có lẽ cũng chỉ buồn đến vậy. Trong canh khuya tĩnh lặng, tiếng sáo – chỉ tiếng sáo trúc thôi – mới khiến không gian như thêm bao la để rồi tan trong cõi mơ hồ. Tiếng sáo xa xưa vọng về từ những phương trời kỷ niệm, nghe còn mệnh mang hơn cả những tiếng piano rơi nhẹ như từng giọt sương, trong đoạn mở đầu bản *Sonata Ánh Trăng* của Beethoven, hơn cả giai điệu violin buồn da diết trong

bản *Thais* của Massenet, hay bản *Nocturne* cung C thăng của Chopin. Đã mấy chục năm qua, tôi không còn được nghe tiếng sáo đêm khuya nữa. Và chính vì không còn được nghe, nên tiếng sáo ngày xưa luôn còn mênh mông trong hoài niệm.

Có những bản nhạc, những câu thơ, ta chỉ có thể cảm thụ được chiều sâu của nó trong canh khuya yên tĩnh. Tiếng sáo, tiếng tiêu cũng vậy. Bóng tối sẽ khép lại ngoại cảnh để mở rộng con đường đi vào nội tâm, khiến tình cảm con người mênh mông hơn nhiều lần.

Tiếng đánh cò ở đây phải tiếng quân cò gõ gõ trên bàn cò gỗ trong một không gian yên tĩnh. Như tiếng cò trong thơ cụ Nguyễn Công Trứ:

Đàn năm cung réo rắt tính tình đây,

Cờ đôi nước rập rình xe ngựa đó.

Thơ một túi phẩm để câu nguyệt lộ,

Rượu ba chung tiêu sái cuộc yên hà.

Có thể, ta mới cảm thụ được cái ý vị thanh tao của tiếng cò của những tay tài tử đi qua cõi đời như một khách nhàn du.

Tiếng thông reo là một trong những tặng vật tuyệt diệu mà Hóa Công đã ban tặng cho con người. Nguyễn Du đã từng mong ước:

Hà năng lạc phát quy lâm khứ,

Ngọa thính tùng phong hưởng bán vân.

何能落髮歸林去，

臥聽松風響半雲。

(Làm sao xuống tóc vào rừng,

Nghe thông reo gió vang rừng tăng mây.)

Ai từng lên Đà Lạt chắc đều say đắm với tiếng thông reo như tiếng sóng rì rào. Những đôi thông đã tạo nên nét ảo huyền cho thành phố Đà Lạt, ngay giữa mùa hè. Lướt ghe trên mặt hồ Tuyền Lâm, nhìn những đôi thông hai bên bờ sông; lúc đó tuy không còn nghe tiếng thông reo trong gió, chỉ nghe tiếng gió lồng lộng trên mặt hồ và tiếng nước vỗ nhẹ mạn thuyền, nhưng ngẩn ấy cũng quá đủ để hồn khách cảm nhận thêm ý vị trong câu nói của Trương Trào.

Đoạn cuối dễ làm ta cụt hứng. Giống như đang ăn một món cực ngon lại cắn phải một hạt cát, muốn bẻ cả răng! Nhưng cũng là dịp để ta nhớ lại triết gia Socrate với bà vợ Xanthippe cực cần hung dữ.

Chuyện kể rằng có lần, Socrate đang đàm đạo với các môn sinh thì bà chửi rửa sả om sòm, tiếp đó bà bùng cả vò nước đổ lên đầu chồng. Ông vẫn im lặng chịu đựng mà bảo các học trò: “*Sau cơn sấm sét bao giờ cũng phải có mưa giông.*”

Một lần khác, Socrate đang ăn cơm với bạn thì bà vợ hắt cả mâm cơm ra sân. Bạn bè tức giận thì ông bảo: “*Chắc bà ta muốn mình ra sân ăn cho mát.*” Bà Xanthippe lại lấy chổi quét sạch hết thức ăn ngoài sân, khiến khách

ai cũng phần nộ, muốn giúp ông cho bà vợ lằng lộn một bài học, thì ông ngăn lại: “Giả sử các anh đang ăn mà có con gà mái nhảy vào làm đổ hết mâm bát, các anh có đi đuổi nó để trừng phạt không?”.

Chắc cũng nhờ những “tiếng vợ quá quắt chửi mắng” mà Socrate có câu nói nổi tiếng: “Dù gì thì gì, một khi đã kết hôn, nếu lấy được người vợ hiền thì bạn sẽ là người hạnh phúc; nếu không, bạn sẽ trở thành một triết gia.”

Nếu Socrate mà gặp Trương Triều ắt sẽ bảo: “Chỉ vì các hạ được nghe tiếng chim hót mùa xuân, tiếng ve ngâm mùa hè, tiếng côn trùng mùa thu, tiếng tuyết rơi mùa đông, tiếng đánh cờ ban ngày, tiếng tiêu réo rắt ban đêm, được nghe tiếng gió thổi ngàn thông trong núi, tiếng sóng vỗ bên bờ nước nên mới bạn có thể thông dong để viết U Mộng Ảnh; còn tại hạ toàn nghe tiếng con trẻ hung dữ làm nhức, cùng tiếng vợ quá quắt chửi mắng cho nên tại hạ mới trở thành một triết gia.”

8.

Tiết Thượng Nguyên nên uống rượu với bạn hào sảng, tiết Đoan Ngọ nên uống rượu với bạn xinh đẹp, tiết Thất Tịch nên uống rượu với bạn phong vận, tiết Trung Thu nên uống rượu với bạn bình đạm, tiết Trùng Cửu nên uống rượu với bạn phóng khoáng.

上元須酌豪友，端午須酌麗友，七夕須酌友，
中秋須酌淡友，重九須酌逸友。

Thượng Nguyên tu chúc hào hữu, Đoan Ngọ tu
chúc lệ hữu, Thất Tịch tu chúc vận hữu, Trung Thu tu
chúc đạm hữu, Trùng Cửu tu chúc dật hữu.

NHÀN ĐÀM

Thuật số Trung Quốc chuộng các số lẻ 1, 3, 5, 7, 9.
Nên vào những ngày mà tháng và ngày âm lịch cùng rơi
vào các con số này thì đều có lễ hội. Ngày 1 tháng 1 thì có
tết Nguyên Đán, ngày 3 tháng 3 thì có tiết Thanh Minh
với hội Đạp Thanh, ngày 5 tháng 5 thì có tết Đoan Ngọ,
ngày 7 tháng 7 thì có lễ Thất Tịch, ngày 9 tháng 9 thì có
tết Trùng Dương.

Tiết Thượng Nguyên là ngày rằm tháng giêng, thường
được thi nhân làm thơ ngâm vịnh. Nguyễn Du mở đầu
bài thơ *Nguyên Tiêu*:

Nguyên dạ không đình nguyệt mãn thiên,

Y y bất cải cựu thuyên quyên.

元夜空庭月滿天，

依依不改舊嬋娟。

(Đêm khuya sân vắng không người,

Ánh trăng rằm tỏa đầy trời nguyên tiêu.

Ngàn năm vẫn đáng yêu kiều,

Mãi còn nguyên vẻ muôn chiều thướt tha.)

Trăng rằm Nguyên Tiêu là khí tượng sung mãn của mùa xuân, nên ngồi ngắm trăng Thượng Nguyên mà không uống rượu là một điều đáng tiếc. Nhưng ở đây không chỉ là chuyện uống rượu đêm trăng. Tiết Nguyên Tiêu, người ta thường cùng nhau uống rượu nơi trà đình, tửu quán trên đường du xuân. Ngồi uống rượu trong khung cảnh chung quanh là cỏ cây rục rờ, hoa lá xinh tươi, ngoài đường thì ngựa xe nhộn nhịp, quán xá thì tiếng người huyên náo, trên trời cao thì mây trắng bồng bồng khiến ta hào khí không khỏi bồng bột, tình cảm muôn chiều hưng phấn, nếu lúc đó mà người bạn ngồi đối ẩm không phải là khách hào sảng để cùng nhau thống ẩm cuồng ca, há chẳng phải uống phí một phen uống rượu ngày xuân?

Tiết Đoan Ngọ là tết mồng 5. Người Trung Quốc cho đó là ngày giỗ của Khuất Nguyên. (xin xem chú thích ở câu 4). Người dân Trung Quốc thương tiếc ông là bậc trung lương, mỗi năm cứ đến ngày mồng 5 tháng 5 âm lịch, họ lại làm bánh trôi bơi thuyền ra giữa sông, ném bánh xuống sông, rồi lấy bỏ gạo vào ống tre rồi thả xuống sông để cúng Khuất Nguyên. Đó là truyền thuyết của dân gian.

Thật ra, con số 5 mang một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cái học thuật số của người Trung Quốc. Trong Hà Đồ, con số 5 nằm ở Trung Cung, làm đầu mối cho việc biến hoá, sinh thành nên những nhà nho xưa cho rằng “*Trung hoà cực thịnh hồ ngũ*.”, nghĩa là sự trung

hoà trong trời đất đạt đến cực điểm là ở con số 5. Con số 5 có một vị trí đặc biệt như vậy trong sự biến hóa của trời đất, nên ngày 5 tháng 5 (ngày *Trùng Ngũ*, tức lặp lại hai lần số 5) lại nâng tầm quan trọng lên thêm một tầng nữa.

Vào tiết Đoan Ngọ thì khí trời ngày hè oi bức, nên trong ngày hội này, người Trung Quốc thường tổ chức chơi thuyền trên sông. Ngồi trên thuyền, uống rượu thì không thể thống ẩm cuồng ca, mà chỉ uống chậm rãi, nhẹ nhàng, như cung cách của cụ Nguyễn Bình Khiêm: “*Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp*.” Uống rượu mà chỉ *nhấp* chứ không *uống* thì người đối ẩm chỉ có thể là khách má hồng. Giữa cảnh thuyền trôi theo gió, sông nước mênh mang mà ngồi uống rượu cùng người đẹp để bàn chuyện văn thơ, đó là thú vui tao nhã phù hợp với danh sĩ phong lưu.

Tiết Thất Tịch là ngày Ngưu Lang – Chức Nữ gặp nhau.

Trời làm tháng bảy mưa ngâu,

Con Trời lấy đũa chần trâu cũng phiên.

(Ca dao)

Truyền thuyết này pha nhiều màu sắc lãng mạn. Tương truyền vào đêm Thất Tịch mồng 7 tháng 7, Ngưu Lang và Chức Nữ được chim ô thước bắt cầu qua sông Ngân Hà để hai người gặp nhau sau một năm xa cách. Thi nhân Trung Quốc thường làm thơ vịnh đêm Thất Tịch. Tôi xin trích bài *Thất Tịch* 七夕 của Bạch Cư Dị:

Yên tiêu vi nguyệt đạm trường không,

*Ngân Hán thu kỳ vạn cổ đồng.
Kỷ hứa hoan tình dữ ly hận,
Niên niên tịnh tại thử tiêu trung.
煙霄微月澹長空，
銀漢秋期萬古同。
幾許歡情與離恨，
年年並在此宵中。*

*(Trăng non mờ chiếu trời sương,
Nhờ Ngân hà, hẹn bên sông, ngàn đời,
Bao nhiêu thương nhớ ngậm ngùi,
Đêm thu nay vẫn hồi hồi, bao năm.)*

Người Trung Quốc, trong ngày này, thường bày tiệc vào lúc chiều hôm. Trong bối cảnh hoàng hôn dần tối, ngồi uống rượu để nhớ đến truyền thuyết lãng mạn kia, và bàn đến chuyện đôi tình nhân đang gặp nhau nơi bến sông Ngân để kể lể nỗi niềm nhớ thương sau một năm xa cách, nếu khách đối ẩm không phải là người đa tình phong vận thì rượu ngon mấy cũng thành rượu nhạt, và ta không khỏi uổng phí một khoảnh khắc lãng mạn trong đời.

Trung Thu là cái tết lớn đối với người Trung Quốc xưa. Ánh trăng rằm Trung Thu là ánh trăng sáng nhất, trong nhất trong năm; đêm Trung Thu được xem là đêm cực kỳ bình an và may mắn, nên tâm tư của kẻ uống rượu ngắm trăng cũng cực kỳ yên tĩnh. Trong khung

cảnh đó, uống rượu ngắm trăng một mình để rồi “*Cử bôi yêu minh nguyệt, Đối ảnh thành tam nhân.*” (Nâng ly mời trăng sáng, nhìn ảnh thành ba người.) như Lý Bạch để tận hưởng nỗi cô liêu, đó cũng là một cái thú. Còn muốn ngồi cùng người đối ẩm thưởng trăng thì người đó không thể không là người bạn bình đàm, giản dị. *Đàm hữu* là người bạn mà tâm cảnh trong sáng như gió mát trăng trong, không đua chen cùng danh lợi, bao chuyện hơn thua đều gạt bỏ ngoài lòng. Dem cái tâm sáng láng như trăng thu để cùng ngồi thưởng trăng đối ẩm, tư tưởng dễ bay bổng để nảy ra những ý tưởng thanh cao. Đó há chẳng là những thời khắc tuyệt diệu của đời người?

Tết Trùng Cửu, hay Trùng Dương, nhằm vào ngày 9 tháng 9 âm lịch. Tết này không phổ biến ở Việt Nam, nhưng có ý nghĩa lớn đối với người Trung Quốc. Và họ có vài truyền thuyết cho ngày này.

Theo sách *Tục Tể Hải ký* 續齊諧記 của Ngô Quân 吳均 đời Lương thời Nam Triệu thì vào đời Đông Hán, ở huyện Nhữ Nam có một người tên là Hoàn Cảnh 桓景. Năm đó, quê ông xảy ra bệnh dịch, cha mẹ ông đều mắc bệnh mà mất. Cảnh bèn đến núi Đông Nam để tìm tiên học đạo. Vị tiên Phí Trường Phòng 費長房 mới ban cho ông thanh kiếm Thanh Long có khả năng hàng yêu, phục quỷ. Cảnh ngày đêm khổ luyện. Một hôm, Phí Trường Phòng bảo ông: “Ngày 9 tháng 9 này, bệnh dịch lại tái phát, con có thể trở về quê mà trừ hại.” Rồi tặng

cho Cảnh một bao lá thù du và một vò rượu cúc, dặn dò ông phải đưa cả gia đình lên núi cao để lánh nạn. Cảnh về quê, đến ngày 9 tháng 9, làm đúng theo lời thầy dặn. Ông bảo người nhà đeo lá thù du vào người và uống rượu cúc để phòng dịch. Thân ôn dịch tìm đến, bị ông dùng Thanh Long kiếm giết chết. Kể từ đó, người dân hai bên sông Nhữ cứ đến ngày Trùng Cửu thì lên núi cao để uống rượu hoa cúc, lâu ngày thành tục. Bởi vậy, tiết Trùng Cửu còn có nghĩa là *đăng cao* 登高 (lên chỗ cao)

Sách *Tây Lương tạp ký* 西京雜記 của Lưu Hâm đời Hán thì chép lại khác. Sau khi Hán Cao Tổ là Lưu Bang qua đời, vợ Lưu Bang là Lữ Hậu liền giết người thiếp yêu của Lưu Bang là Thích Cơ. Người thị nữ của Thích Cơ là Phí Bội Lan 賈佩蘭 cũng bị trục xuất khỏi cung. Người này lấy chồng ở đất Phù Phong, lúc nhàn rỗi thường kể cho chồng nghe chuyện trong cung. Theo lời người cung nữ này thì mỗi năm, cứ đến ngày Trung Cửu, người trong cung lại đeo lá thù du, ăn bồng nhĩ 蓬餌, uống rượu hoa cúc để tăng thêm tuổi thọ.

Hằng năm, đến ngày mồng 9 tháng 9, tao nhân mặc khách lại lên đồi núi, hoặc lên những đài cao để ngắm cảnh và uống rượu cúc, làm thơ. Bài *Đăng Vương các tự* 滕王閣序 nổi tiếng của Vương Bột cũng được làm vào tiết Trùng Dương.

Lúc này đã sắp hết mùa thu, cỏ cây không còn xanh tươi nữa, nên tiết Trùng Dương còn có tên là Từ Thanh 辭青, có nghĩa là “từ biệt màu xanh”. Phan Vinh Bệ 潘

榮陞 sống đầu đời Thanh, trong Đế kinh tuế thời kỷ thắng
帝京歲時紀勝, có ghi chú về ngày Từ Thanh trong
tháng 9 như vậy:

*Người nơi kinh đô rủ bè bạn cùng đi đến Tây
Sơn để ngắm lá hồng, đến suối nóng để tắm gội,
bảo rằng nước hoa cúc có thể trừ được bệnh tật.
Lại có người mang rượu và thức nhắm ra vùng
ngại ô kinh sư để cùng nhau uống suốt cả ngày
đến say mềm, gọi đó là ngày Từ Thanh.*

*(Đô nhân kết bạn hô tòng, ư Tây Sơn nhất đái
khan hồng diệp, hoặc ư thang tuyến tọa thang,
vị cúc hoa thủy khả dĩ khước tật. Hựu hữu tri
hào huê chước, ư các môn giao ngoại thống ẩm
chung nhật, vị chi từ thanh. 都人結伴呼從
，於西山一帶看紅葉，或於湯泉坐湯
，謂菊花水可以卻疾。又有治肴攜酌
，於各門郊外痛飲終日，謂之辭青。)*

Lúc này trời sắp sang đông, cỏ cây đều đua nhau tàn
tạ. Gió thu hiu hắt, cảnh vật tiêu điều không khỏi khiến
ta có cảm giác bi thương, nhất là những ai còn phiêu bạt
chốn tha hương.

Sương thu lạnh,

Giăng thu bạch,

Khói thu xây thành,

Lá thu rơi rụng đầu ghềnh,

Sông thu đưa lá bao ngành biệt ly.
Nhạn về én lại bay đi,
Đêm thì vượn hót, ngày thì ve ngâm.
Lá sen tàn tạ trong đầm,
Nặng mang giọt lệ âm thầm khóc hoa.
Sắc đâu nhuộm ố quan hà,
Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà tà dương.
Nào người cố lý tha hương,
Cảm thu, ai có tư lương hỡi ai?
(Cảm thu – Tản Đà).

Những câu thơ tuyệt diệu của cụ Tản Đà khiến những ai đã từng một lần sống trong cảnh tượng “Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà tà dương.” không khỏi động mối bi thu, mà chạnh nghĩ đến kiếp người phù du giữa cõi thế vô thường. Bởi vậy, lúc này nên uống rượu với người lạc quan, phóng khoáng để tâm hồn vơi bớt nỗi thương tâm.

9.

Cá vàng trong loài có vảy, én tía trong loài có cánh, có thể nói đó là thần tiên trong loài vật, giống như Đông Phương Mạn Thiên lánh đời, kẻ chốn triều đình không ai làm hại được.

鱗蟲中金魚，羽蟲中紫燕，可云物類神仙。
正如東方曼倩避世，金馬門人不得而害之。

Lân trùng trung kim ngư, vũ trùng trung tử yến, khả
vân vật loại thần tiên, chính như Đông Phương Mạn
Thiến ty thế kim mã môn, nhân bất đắc nhi hại chi.

NHÀN ĐÀM

Cá vàng bơi trong bể nước không ai ăn thịt, chim én
tía làm tổ dưới mái nhà không bị ai quấy phá, chúng cứ
an nhiên tự tại, quả là cuộc sống thần tiên. Thơ xưa có
câu: “*Vô sự tiểu thần tiên.*” Người vô sự được xem như
một vị thần tiên nhỏ giữa cõi người ta, vậy thì cá vàng
chim én cũng là thần tiên trong loài vật.

Đông Phương Mạn Thiến, tức Đông Phương Sóc,
là nhân vật nổi tiếng đời Hán Vũ Đế, cực kỳ uyên bác,
tính rất hoạt kê, sống trong triều mà không bao giờ màng
chuyện chính trị. Đời sau cho là ông muốn lánh đời chốn
triều đình.

Tôi xin dựa vào *Sử Ký Tư Mã Thiên* lược ghi lại đôi
nét về Đông Phương Sóc để bạn đọc hiểu cách “chơi”
giữa đời của ông và cảm nhận thêm ý vị trong câu nói của
Trương Trào.

*Đông Phương Sóc sống vào thời Hán Vũ Đế,
làm chức quan lang, thường hầu ở bên cạnh
nhà vua. Nhà vua mấy lần gọi đến để đàm đạo,
lần nào vua cũng hài lòng.*

Mấy lần được nhà vua ban thưởng lụa, Sóc vác lên vai mà đi. Ông dùng lụa tiền vua ban cho để cưới những người con gái trẻ đẹp ở Trường An. Cứ lấy được một năm lại bỏ, lấy vợ khác. Bao nhiêu tiền của vua cho đều tiêu hết vào việc lấy vợ. Các quan lang kê cận nhà vua, hơn một nửa đều gọi Sóc là “người cuồng”.

Nhà vua nghe vậy, bèn nói:

- Nếu Sóc mà không làm những điều như thế thì các khanh làm sao theo kịp với ông ta.

Sóc vào chầu, các một quan thị lang nói:

– Mọi người ai cũng gọi tiên sinh là cuồng.

Sóc bèn đáp:

- Như bọn Sóc đây mới gọi là trốn đời ngay giữa chốn triều đình vậy. Người đời xưa thì mới trốn đời ở trong núi sâu.

Sóc thường ngồi trên chiếu uống rượu, say bò trên đất mà hát:

Lục trăm ư tục, tỵ thế Kim Mã môn.

Cung điện trung khả dĩ tỵ thế toàn thân,

Hà tất thâm sơn chi trung, hao lư chi hạ.

陸沈於俗，避世金馬門。

宮殿中可以避世全身，

何必深山之中，蒿廬之下。

(Luân lạc cùng thế tục,
lánh đời nơi cửa Kim Mã.

Trong cung điện,
có thể trốn đời để giữ toàn thân.

Cần gì phải vào núi sâu, ở dưới lều cỏ!)

Cửa Kim Mã là cửa quan. Hai bên có hai con
ngựa bằng đồng nên gọi là Kim Mã.

Sử sách Trung Quốc còn cho rằng nhân vật này nguyên là Thái Bạch kim tinh, xuống ở tạm cõi nhân gian một thời gian, rồi lại về trời. Thi tiên Lý Bạch cũng được người đời cho là Thái Bạch kim tinh bị đày xuống trần gian để làm một vị Trích tiên, nên trong bài Ngọc hồ ngâm 玉壺吟, ông nói về Đông Phương Sóc, nhưng cũng để tự sánh với mình:

Thế nhân bất thức Đông Phương Sóc,

Đại ẩn Kim Môn thị trích tiên.

世人不識東方朔，

大隱金門是謫仙。

(Người đời đâu biết Đông Phương Sóc,

Đại ẩn Kim Môn, ấy Trích tiên.)

Trong Tây Du Ký, tác giả Ngô Thừa Ân còn gán cho Đông Phương Sóc là đệ tử của Đông Hoa Đế Quân, đạo hiệu là Mạn Thiến!

Cụ Tản Đà nhà ta cũng có lần làm thơ tự trào, xem mình Đông Phương Sóc, làm thư gởi Trời xin làm rể, bị Trời vất trả lại thư và mắng cho:

Mở then mây quăng giả bức hồng tiên,
Mời khách hăng ngồi yên trong cội tục.
Người đâu kiếp trước Đông Phương Sóc,
Ăn trộm đào quen học thói ngày xưa.
Trần gian đầy mãi không chừa!

10.

Nhập thế thì nên học Đông Phương Mạn Thiến, xuất thế thì nên học Phật Ấn Liễu Nguyên.

入世，須學東方曼倩；出世，須學佛印了元。

Nhập thế tu học Đông Phương Mạn Thiến, xuất thế tu học Phật Ấn Liễu Nguyên.

NHÀN ĐÀM

Đông Phương Sóc, tuy sống cận kề vua, nhưng bốn cột với lợi danh, không tranh chấp trên hoạn lộ nên tránh được họa sát thân. Sống giữa đời mà tâm không đắm theo thế tục, xem trần gian là một cuộc hơi, đem tâm phượng hoàng sống giữa bầy gà thì có chuyện gì làm lụy được? Sống hồn nhiên tự tại, như cá vàng bơi trong bể nước, như chim én tí làm tổ dưới mái hiên, bởi vậy tuy ông nhập thế mà vẫn như là xuất thế.

Phật Ấn Liễu Nguyên (1032–1098) là một cao tăng

lỗi lạc đời Nam Tống. Ông tên tục là Lâm 林, tự Giác Lão 覺老, thông minh đỉnh ngộ, từ nhỏ đã được xem là thần đồng, năm lên ba đã biết đọc *Luận Ngữ*. Ông đến chùa Trúc Lâm, đọc kinh *Lãng Nghiêm*, bèn quyết chí xuất gia. Dù là thiền sư nhưng ông vẫn thường giao du với các bậc thạc học trong giới quan lại như Tô Đông Pha, Chu Đôn Di. Khi ở Lư Sơn, ông cùng Tô Đông Pha giao du xướng họa, để lại nhiều giai thoại vô cùng lý thú được truyền tụng trong chốn thiền lâm. Nên tuy ông xuất thế mà vẫn như là nhập thế.

Xuất thế như Liễu Nguyên là “*thông tay vào chợ*”, mà nhập thế như Mạn Thiến là du hý phiêu bồng. Khi tâm đã vô nhiễm, đã liễu giải “*tánh của tâm, ngộ, si là giải thoát*” hay “*tất cả các pháp đều là tướng của giải thoát*”, như cư sĩ Duy Ma Cật, thì xuất không khác nhập, mà nhập cũng là xuất.

11.

Thường hoa nên ngồi với giai nhân, uống rượu ngắm trăng nên ngồi với người phong vận, thưởng tuyết nên ngồi với người cao nhã.

賞花宜對佳人，醉月宜對韻人，映雪宜對高人。

Thường hoa nghi đối giai nhân, túy nguyệt nghi đối vận nhân, ánh tuyết nghi đối cao nhân.

NHÀN ĐÀM

Phàm khi thưởng ngoạn một vật, giữa chủ và khách phải phát sinh cảm ứng theo “*thanh khí lễ hăng*” thì mới có sự cảm thụ sâu xa.

Giai nhân khác với mỹ nhân. Mỹ nhân chỉ có được vẻ đẹp bên ngoài. Giai nhân còn có sự sâu lắng bên trong. Mà chính cái sâu lắng bên trong đó mới là nét quyến rũ của người phụ nữ.

Trong vở kịch *Hamlet*, khi hoàng hậu Gertrude rắc hoa lên nấm mộ của Ophelia, Shakespeare đã viết một câu văn rất đẹp “*Sweets to the sweet!*” (Những nhành hoa dịu dàng xin gửi đến một cảnh hoa đầm thắm). (Act V, Scene I, 239). Dem hoa sánh cùng người đẹp, há chỉ có phương Đông thôi đâu? Ta có thể dùng câu đó để ngỏ lời với ngàn hoa, khi thưởng ngoạn với giai nhân. Vì ngàn đóa hoa xinh đẹp kia cũng đang đối diện với một đóa hoa kiều diễm. Giai nhân là hoa biết nói, nên thưởng hoa mà được ngồi đối diện với giai nhân hẳn là một trong những điều tuyệt thú trên đời.

Uống rượu thưởng trăng là cái thú phong lưu, nên nếu vì trăng mà say thì say rượu dưới trăng cũng là điều thanh nhã. Say rượu mà vẫn thanh nhã thì chỉ có thể là kẻ phong vận tài hoa. Say rượu dưới trăng là lúc cảm hứng dạt dào để phát tiết thơ nhạc. Cho nên, đối với kẻ phong vận thì đọc thơ, đánh đàn là cách biểu hiện phong cách tài hoa khiến người ta quý mến, mà cảnh say rượu dưới trăng vẫn có nét đáng yêu.

Tuyệt tượng trưng cho sự cao khiết, cho nên ngấm tuyết thì nên cùng ngấm với bậc thể ngoại cao nhân.

12.

Nói chuyện với bạn uyên bác như đọc sách lạ, nói chuyện với bạn phong nhã như đọc văn thơ của danh nhân, nói chuyện với bạn nghiêm cẩn như đọc kinh truyện của thánh hiền, nó chuyện với bạn hoạt kê như đọc tiểu thuyết truyền kỳ.

對淵博友如讀異書, 對風雅友如讀名人詩文, 對謹飭友如讀聖賢經傳, 對滑稽友如閱傳奇小說。

Đối uyên bác hữu như đọc dị thư, đối phong nhã hữu như đọc danh nhân thi văn, đối cẩn sức hữu như đọc thánh hiền kinh truyện, đối hoạt kê hữu như duyệt truyền kỳ tiểu thuyết.

NHÀN ĐÀM

Người xưa dùng văn chương để kết bạn. Nên bạn cũng là sách, là văn chương. Nói chuyện với bạn cũng là đọc sách. Cổ nhân có câu:

Cộng quân nhất dạ thoại,

Thăng độc thập niên thư.

共君一夜話，
勝讀十年書。

(Cùng ngài trò chuyện một đêm,
Còn hơn đọc sách mười năm miệt mài.)

Người phương Tây thường nói: “Hãy cho tôi biết anh kết bạn với ai, tôi sẽ biết anh là người như thế nào.” Với Trương Trào, có lẽ ta phải nói: “Hãy cho tôi biết khi nói chuyện với một người bạn, anh có cảm giác như đọc sách gì, tôi sẽ biết bạn anh là loại người nào.”

13.

Khải thư nên giống như văn nhân, thảo thư nên giống như danh tướng. Hành thư ở vào khoảng giữa hai loại đó, như Dương Thúc Tử mang đai chùng, mặc áo cừu mỏng, chính đó là vẻ đẹp.

楷書須如文人，草書須如名將。行書介乎二者之間，如羊叔子緩帶輕裘，正是佳處。

Khải thư tu như văn nhân, thảo thư tu như danh tướng. Hành thư giới hồ nhị giả chi gian, như Dương Thúc Tử hoãn đai khinh cừu, chính thị giai xứ.

NHÀN ĐÀM

Khải thư là lối viết chân phương, vuông vắn. Thảo thư thì nét bút tung hoành, với hai nhà thư pháp lỗi lạc

là Trương Húc và Hoài Tố. Hành thư là phong cách viết bắt nguồn từ thảo thư, nhưng không quá phóng túng như thảo thư, nên tương đối dễ đọc.

Trương Trào không phải là một nhà thư pháp, mà chỉ là một tài tử thường ngoạn, nên nhận định của ông ở điểm này không khỏi có phần cảm tính, khiến ta khó lòng hoàn toàn tán đồng. So sánh Khải thư với văn nhân không khỏi có chỗ bất đồng. Văn nhân đúng nghĩa phải là người tiêu sái tự như, phong lưu điệu nghệ, chứ có phải là một nhà nho mực thước, điệu bộ lúc nào cũng trang nghiêm, nói năng lúc nào cũng cứ “*Tử viết*” hay “*chi hồ, giả, dã*” theo khuôn khổ đâu? Nếu bảo rằng “*khải thư tu như chính nhân quân tử*” có lẽ còn hợp!

Thảo thư thì nét bút không bị câu thúc, cứ thỏa sức tung hoành, thiên biến vạn hóa, đúng là giống như danh tướng điều binh ngoài trận mạc diệu kế đa đoan, kỳ làm thành chính, chính biến thành kỳ, khiến đối phương không sao lường được.

Hành thư tuy nét bút tung hoành phóng túng, nhưng trong đó vẫn có pháp độ rõ ràng, đem so với Dương Thúc Tử đúng là diệu bút.

Dương Thúc Tử (211-278) tên là Hựu, tự Thúc Tử, danh thần đời Tây Tấn. Cuối đời Tam Quốc, Từ Mã Viêm diệt được nhà Ngụy, thường cùng Dương Thúc Tử bàn kế hoạch diệt Ngô. Dương ra trấn nhậm thành Tương Dương, làm đô đốc Kinh Châu, khai khẩn đồn điền, tích trữ lương thảo, chuẩn bị kế hoạch diệt Ngô.

Nhưng ngày thường ông vẫn mang đai chùng, mặc áo cừu mỏng, không mặc áo giáp, cùng tướng Ngô là Lục Kháng cho sứ cầm cờ tiết đi lại, nhằm để thu phục nhân tâm người nước Ngô vùng Giang Hán.

14.

Người nên cầu được vào thơ, vật nên cầu được vào tranh vẽ.

人須求可入詩，物須求可入畫。

Nhân tu cầu khả nhập thi, vật tu cầu khả nhập họa.

NHÀN ĐÀM

Thi họa là những nghệ thuật cao viễn trong đời. Người mà được biểu hiện bằng thơ ca, vật mà được mô tả bằng tranh vẽ, đó đều là những điều quý hiếm trong đời. Há chẳng phải là chuyện đáng cầu mong sao?

Thế nhưng người được đưa vào thơ phải đẹp như Tây Thi, Chiêu Quân, trung nghĩa như Lỗ Trọng Liên, hào hùng như Kinh Kha, Nhiếp Chính, v.v... Vật được đưa vào tranh phải xinh đẹp và tinh tế chim, hoa, phải kiêu hùng như ngựa, oai phong như hổ, cảnh vật phải tú lệ, hùng vĩ, v.v... Những nhân vật như Tần Cối trong thơ Nguyễn Du hay tranh lợn Đông Hồ hẳn không phải là những *nhân* và *vật* mà Trương Trào muốn nói ở đây!

Nhưng đâu cho chỉ “Người nên cầu được vào thơ, vật nên cầu được vào tranh vẽ.”, mà ngược lại “người nên cầu được vào tranh, vật nên cầu được vào thơ.” cũng đem lại bo điều thú vị. Ở phương Tây, người cầu được vào họa hơn là vào thơ. Tranh sơn dầu vẽ chân dung trong hội họa phương Tây để lại cho nhân loại nhiều tác phẩm bất hủ. Cảnh tượng thiên nhiên như Lô Sơn đã trở thành bất tử trong thơ Lý Bạch.

15.

Kẻ thiếu niên nên có kiến thức của bậc lão thành, mà bậc lão thành nên có hoài bão của kẻ thiếu niên.

少年人須有老成之識見，老成人須有少年之襟懷。

Thiếu niên nhân tu hữu lão thành chi thức kiến, lão thành nhân tu hữu thiếu niên chi khâm hoài.

NHÀN ĐÀM

Kẻ thiếu niên mà không có kiến thức của bậc lão thành thì dễ biến thành nông nổi. Bậc lão thành mà không có hoài bão của kẻ thiếu niên thì dễ trở nên trì trệ. Có được cả hai thì sự việc mới xuôi phần tốt đẹp.

16.

Xuân là tình cảm vốn có của tự nhiên, thu là tiết điệu khác của tự nhiên.

春者天之本懷，秋者天之別調。

Xuân giả thiên chi bản hoài, thu giả thiên chi biệt điệu.

NHÀN ĐÀM

Kinh Dịch nói “*Thiên địa chi đại đức viết sinh. 天地之大德曰生。*” Cái đức lớn của trời đất là sự sống. Mùa xuân mở đầu cho bốn mùa, hoa lá tốt tươi, cây cối đâm chồi nảy lộc, muôn chim đua hót, sự sống bông bột trong cõi tự nhiên, biểu hiện cho cái đức lớn của trời đất. Cái đức lớn đó chính là “*tình cảm vốn có của tự nhiên*” vậy.

Đến mùa thu thì cảnh tượng đối khác. Khắp chốn quạnh hiu, trời cao mây nhạt. Mùa thu của trời đất giống như tuổi vãn niên của con người. Từ xuân sang thu, trời đất giống như cung đàn chuyển sang một giai điệu khác, chậm hơn, buồn hơn. Trương Trào dùng chữ “*biệt điệu*” thật quá tài tình.

17.

Người xưa nói: “Nếu không có trăng, hoa, mỹ nhân thì chẳng muốn sinh ra ở thế giới này”. Tôi xin thêm một câu: “Nếu không bút, mực, cờ, rượu thì cũng không nên làm thân người nữa.”

昔人云：「若無花月美人，不願生此世界。」
予益一語云：「若無翰墨棋酒，不必定作人身。」

Tích nhân vân: “Nhuộc vô hoa, nguyệt, mỹ nhân, bất nguyện sinh thử thế giới”. Dư ích nhất ngữ vân: “Nhuộc vô hàn, mực, kỳ, tửu, bất tất định tác nhân thân”.

NHÀN ĐÀM

Thử tưởng tượng không có trăng, hoa, không có mỹ nhân thì thế giới tẻ nhạt đến ngần nào. Trên trời không trăng thì vũ trụ chẳng khác gì đêm trừ tịch. Dưới đất không hoa thì cảnh vật quá đổi khô cằn. Cuộc đời mà không có trăng, hoa, không có mỹ nhân thì mất đi quá nhiều ý nghĩa. Làm người mà không biết đến những thú vui tao nhã của bút, mực, cờ, rượu thì cũng uống phí một đời.

Đó là chuyện ngày xưa. Còn sống trong thời hiện đại, ngoài những điều đó ra, nếu không biết vận dụng và hưởng thụ những thành tựu tiên tiến của công nghệ thì cũng là điều vô cùng đáng tiếc, đáng để ân hận một đời.

18.

Nguyện được làm cây sừ trong loài cây, nguyện được làm cỏ thi trong loài cỏ, nguyện được làm chim âu trong loài chim, nguyện được làm hươu nai trong loài thú, nguyện được làm con bướm trong loài sâu, nguyện được làm cá côn trong loài cá.

願在木而為樗，願在草而為蓍，願在鳥而為鷗，願在獸而為麕，願在蟲而為蝶，願在魚而為鯢。

Nguyện tại mộc nhi vi sừ, nguyện tại thảo nhi vi thi, nguyện tại điền nhi vi âu, nguyện tại thú nhi vi lộc, nguyện tại trùng nhi vi điệp, nguyện tại ngư nhi vi côn.

NHÀN ĐÀM

Cây sừ tức cây thung, tuy to lớn nhưng gỗ không dùng được vào việc gì nên không bị đốn chặt, nhờ bất tài mà hưởng trọn được tuổi trời. Cỏ thi là loại cỏ dùng trong bói toán thời cổ đại để tiên đoán sự việc. Chim âu luôn bay lượn vô tư, suốt đời ung dung, tự tại, dường như tránh được bao nỗi ưu phiền. Hươu nai là loại thú tương truyền biết phân biệt được thị phi. Bướm là loại trùng thanh khiết xinh đẹp, được Trương Trào xem là hóa thân của tài tử. Côn là loài cá, cùng với chim bằng, được dùng Trang Tử dùng làm hình tượng tiêu dao trong *Nam Hoa Kinh*.

Nguyện làm cây sừ trong loài cây là muốn được

hưởng trọn tuổi trời, nguyện làm cỏ thi trong loài cỏ là muốn hưởng điều tôn quý, nguyện làm chim âu trong loài chim là muốn hưởng cảnh tự tại vô tâm, nguyện làm hươu nai trong loài thú là để hưởng sự thông minh, nguyện làm bướm trong loài sâu là muốn được hưởng sự thanh khiết, nguyện làm cá côn trong loài cá là chí muốn tung hoành. Trong kinh Phật, các vị Bồ Tát cũng thường phát đại nguyện, nhưng đó là những đại nguyện cứu độ thế gian, giải thoát chúng sinh. Còn Trương Trào cũng phát nguyện, nhưng là để thưởng ngoạn cho hết cái hay cái đẹp của các cõi cầm thú, côn trùng, sau khi đã thưởng ngoạn cái hay, cái đẹp của cõi người ta!

19.

Hoàng Cửu Yên tiên sinh bảo: “Xưa nay làm người tất phải có người đối ngẫu. Từ ngàn xưa không có người đối ngẫu, có lẽ chỉ có Bàn Cổ chăng?”. Tôi nói: “Bàn Cổ chưa hẳn là không có người đối ngẫu, chỉ có điều bọn chúng ta không kịp thấy mà thôi. Đó là ai? Đó là người cuối cùng còn sống sót sau kỳ tận thế! ”.

黃九煙先生云：「古今人必有其偶雙。千古而無偶者，其惟盤古乎？」予謂：「盤古亦未嘗無偶，但我輩不及見耳。其人為誰？即此劫盡時最後一人是也。」

Hoàng Cửu Uyên tiên sinh vân:”Cổ kim nhân tất

hữu kỳ ngẫu song. Thiên cổ nhi vô ngẫu giả, kỳ duy Bàn Cổ hồ?”. Dư vị:”Bàn Cổ diệc vị thường vô ngẫu, đán ngô bối bất cập kiến nhĩ. Kỳ nhân vi thù? Túc thử kiếp tận thời tối hậu nhất nhân thị dã”.

NHÀN ĐÀM

Hoàng Chu Tinh 黄周星 (1611 – 1680) tự Cảnh Ngu 景虞, hiệu Cửu Yền, người đất Giang Tô, tiến sỹ xuất thân, là nhân vật chính trị đời Minh.

Bàn Cổ là vị thần sáng tạo nên trời đất và là thủy tổ loài người, theo thần thoại Trung Quốc. Phàm trong vũ trụ, sự vật nào cũng phải có mặt đối lập, thiên phải có địa, dương phải có âm. Nhưng Bàn Cổ là người độc nhất trong vũ trụ thì làm gì có người đối ngẫu? Trương Triều đưa ra một ý tưởng thú vị. Bàn Cổ là người đầu tiên nên sẽ có đối ngẫu là kẻ cuối cùng. Bàn Cổ là sơ thủy, người cuối cùng kia là cực chung vậy.

Tôn Tùng Bình 孫松坪 đọc câu này và bình phẩm đầy mỉa mai:

Cách nhìn như thế đâu chỉ xuất phát từ đám trẻ chăn trâu? (Như thử nhãn quang, hà xí xuất ngư bối thượng da? 如此眼光, 何啻出牛背上耶?)

Còn Hồng Thu Sỹ thì bảo:

Ngẫu đâu nhất định phải là hai người. Có ba người cũng gọi là ngẫu, có bốn người cũng gọi

là ngẫu, có năm, sáu, bảy, tám người cũng gọi là ngẫu. Điều đó không thể không biết. (Ngẫu diệc bất tất định thị lưỡng nhân. Hữu tam nhân vi ngẫu giả, hữu tứ nhân vi ngẫu giả, hữu ngũ, lục, thất, bát nhân vi ngẫu giả. Thị hựu bất khả bất tri. 洪秋士曰: 偶亦不必定是兩人。有三人為偶者, 有四人為偶者, 有五, 六, 七, 八人為偶者。是又不可不知。)

20.

Cổ nhân cho mùa đông là ba tháng dư, tôi bảo nên cho ba tháng mùa hè là dư mới phải: sáng dậy sớm là cái dư của đêm, tối ngồi chơi là cái dư của ngày, ngủ trưa là cái dư của sự thù ứng xã giao. Thơ người xưa có nói: “Ta yêu ngày hè dài”, lời nói quả không sai.

古人以冬為三餘。予謂當以夏為三餘：晨起者，夜之餘；夜坐者，晝之餘；午睡者，應酬人事之餘。古人詩曰：「我愛夏日長」，洵不誣也。

Cổ nhân dĩ đông vi tam dư. Dư vị đương dĩ hạ vi tam dư: Thân khởi giả, dạ chi dư, dạ tọa giả, trú chi dư, ngộ thụy giả, ứng thù nhân sự chi dư. Cổ nhân thi vân ”Ngã ái hạ nhật trường.” Tuân bất vu dã.

NHÀN ĐÀM

Đông có cái dư của đông, hè có cái thừa của hè. Đem tâm của khách nhàn du mà sống giữa đời, như Trương Trào, thì có thể thấy bốn mùa đều dài để thông dong thường ngoạn trần gian.

21.

Trang Chu mộng thấy mình hóa thành bướm, đó là cái may mắn của Trang Chu; bướm nếu mộng thấy mình hóa thành Trang Chu, thì đó là cái bất hạnh của bướm.

莊周夢為蝴蝶，莊周之幸也；蝴蝶夢為莊周，蝴蝶之不幸也。

Trang Chu mộng vi hồ điệp, Trang Chu chi hạnh dã; hồ điệp mộng vi Trang Chu, hồ điệp chi bất hạnh dã.

NHÀN ĐÀM

Thiên Tể vật luận (luận về sự bình đẳng của vạn vật) trong *Nam Hoa kinh* chép rằng Trang Chu nằm mơ thấy mình hóa thành bướm, phát phối bay lượn vô cùng thỏa thích, đến khi tỉnh giấc thì thấy mình vẫn là Chu. Rồi ông bâng khuâng tự hỏi không biết là mình hóa ra bướm hay bướm hóa ra mình. Đoạn này ngắn, tôi xin ghi lại nguyên văn để bạn đọc thưởng lãm.

Tích giả Trang Chu mộng vi hồ điệp, hủ hủ nhiên hồ điệp dã, tự dụ thích chí dư! Bất tri

Chu dã. Nga nhiên giác, tắc cử cử nhiên Chu dã. Bất tri Chu chi mộng vi hồ điệp dư, hồ điệp chi mộng vi Chu dư? Chu dữ hồ điệp, tắc tất hữu phân hỹ. Thử chi vị vật hóa. 昔者莊周夢為胡蝶，栩栩然胡蝶也，自喻適志與！不知周也。俄然覺，則蘧蘧然周也。不知周之夢為胡蝶與，胡蝶之夢為周與？周與胡蝶，則必有分矣。此之謂物化。

(Xưa kia, Trang Chu nằm mơ biến thành bướm bướm, phát phối bay như là bướm bướm thật! Tự thấy thích chí chẳng, chẳng còn biết đến Chu nữa. Đột nhiên tỉnh giấc thì lù lù là Chu. Không biết Chu chiêm bao làm bướm chẳng, hay bướm chiêm bao làm Chu chẳng? Giữa Chu cùng bướm tất có phân biệt. Đó gọi là “vật hóa”.)

Hoa là báu vật để tô điểm cho trần thế, nên làm người mà được hóa thành bướm, dù chỉ trong mơ, để phát phối bay lượn giữa ngàn hoa, sống một đời hỗn nhiên vô sự thì quả là điều may mắn. Nhưng làm thân bướm mà mộng thấy mình hóa thành người để mang hình hài đi giữa cõi trăm năm, với bao ưu tư nhọc nhằn của kiếp người, thì đúng là điều bất hạnh!

22.

Gầy hoa để gọi bướm, chất đá để mời mây, trồng thông để đón gió, chứa nước để mời bèo; xây đài cao để mời trăng, trồng chuối để đón mưa, trồng liễu để gọi ve.

藝花可以邀蝶，累石可以邀雲，栽松可以邀風，貯水可以邀萍，築臺可以邀月，種蕉可以邀雨，植柳可以邀蟬。

Nghệ hoa khả dĩ khiêu điệp, lũy thạch khả dĩ khiêu vân, tài tùng khả dĩ khiêu phong, trữ thủy khả dĩ khiêu bình, trúc đài khả dĩ khiêu nguyệt, chủng tiêu khả dĩ khiêu vũ, trí liễu khả dĩ khiêu thiên.

NHÀN ĐÀM

Sống nơi thành phố bụi bặm và ồn ào, phần lớn mọi người đều cố gắng thích nghi vì vấn đề mưu sinh, cơm áo. Nên chắc hẳn ai cũng cần đến, và mong có được, một khoảng sân vườn để thư giãn và để tìm lại vùng không gian gần gũi với thiên nhiên. Một căn nhà giữa khu vườn nơi phố thị, đó luôn là điều mơ ước. Và thường chỉ là điều mơ ước. Khó lắm. Đất chật, người đông, biết sao được! Thiên nhiên cứ bị đuổi dần ra khỏi những khu dân cư, và tâm hồn con người rồi cũng trở nên hững hờ với tiết điệu của bốn mùa mưa nắng. Thời gian chỉ còn được biết đến qua tờ lịch rơi, hay qua hình ảnh của chiếc đồng hồ trên những điện thoại thông minh. Thời tiết chuyển

mùa cũng không một ai hay biết, trừ những kẻ ốm đau!

Nhưng may mắn là thiên nhiên vẫn không hoàn toàn bị lãng quên khi nhiều người, dù trong sống một không gian hạn chế, vẫn cố làm giả sơn để nghe tiếng suối chảy, và đào khe giữa sân mà nuôi cá để tìm lại dòng sông. Thiên nhiên bị thu nhỏ, dù là giả tạo, nhưng ít nhiều cũng đem lại cho ta một cảm giác nhẹ nhàng.

Buổi chiều, thử chạy xe chậm chậm dọc theo bờ sông vắng, ngắm những con cò bay về đậu trên những thân cây mọc lẻ loi giữa những bãi cỏ um tùm, ta sẽ nghe ra tiếng thiên nhiên thì thầm. Dưới ánh nắng chiều, những cánh cò trắng nổi lên giữa tán lá xanh, như điểm tuyết thêm ý vị cho một vùng không gian yên tĩnh. Hình ảnh vài con cò trắng đậu trên lưng cây trầu đang lững thững dưới những hàng tre, đem lại cho ta một chút hồn quê lãng đãng. Với tôi, hình ảnh con cò đậu trên lưng trầu giữa cánh đồng chiều là biểu tượng đẹp nhất, tiêu biểu nhất cho sự thanh bình nơi thôn dã. Mỗi khi nhìn thấy hình ảnh đó, bao muộn phiền, lo toan trong lòng ta như lắng dịu lại để nhường cho cảm giác bình an. Và cảm nhận thêm sự an ủi của thiên nhiên đối với con người.

Nhiều buổi sáng, cái lạnh đột ngột ủa đến, và ta cảm nhận được thiên nhiên đang chuyển mình qua những người chạy xe trên phố với dáng vẻ co ro, dù cơ thể đã được ủ ấm bằng những chiếc áo len dày.

Thiên nhiên bị cuộc sống xô bồ xua đuổi thì ta hãy bắt chước Trương Trào mời gọi thiên nhiên. Ở vùng quê

ngày trước, hầu như nhà nào cũng có một vạc đất để trồng rau. Đến ngày gần Tết thì thường trồng cải. Thuở nhỏ, tôi thường say mê ngắm những đàn bướm bay lượn trên những luống cải vàng, trong nắng xuân. Nhờ trồng hoa mà tự nhiên bướm đến, đó cũng là “*nghệ hoa khả dĩ khiêu điệp*” vậy. Những ai sống giữa phố mà có được vườn hoa để bướm đến thì xem như đã hưởng được đã cái thú thần tiên của người xưa.

Những người ở thành phố chắc không bao giờ được nghe tiếng mưa rơi trên lá chuối. Vào buổi chiều tà, ngồi đọc sách mà nghe tiếng mưa rơi nhẹ trên tàu chuối bên cửa sổ, có lẽ hiếm có âm thanh nào nào nuốt cho bằng. Nếu vào lúc đêm khuya, bên tiếng mưa rơi trên tàu chuối đó mà còn nghe thêm tiếng côn trùng rả rích và tiếng ếch nhái kêu đêm thì ta sẽ hiểu thế nào là nỗi buồn mệnh mỏng, xa vắng. Muốn nghe được tiếng mưa nào nuốt đó thì chỉ có cách trồng chuối sau hè. Nhờ trồng chuối mà nghe được tiếng mưa, đó cũng là “*chủng tiêu khả dĩ khiêu vũ*” vậy.

Đứng trên sườn núi để cảm nhận mây vây quanh cùng hơi đá lạnh, đứng giữa đôi thông để nghe thông reo trong gió, đứng bên dòng sông để nhìn lục trôi theo ánh nắng chiều, mùa hè nghe tiếng ve râm ran trong liễu đều là những cái thú tuyệt trần. “*Chất đá để mời mây, trồng thông để đón gió, chứa nước để mời bèo; xây đài cao để mời trăng, trồng liễu để gọi ve*”, nếu làm được thì cũng như mời thiên nhiên về chung sống cùng ta, song những điều đó thường khó thực hiện. Thôi thì ta cố gắng “*Gãy hoa*

để gọi bướm, trông chuỗi để đón mưa. ” cũng là cách để hưởng thụ phần nào cái thú sống với thiên nhiên.

23.

Có cảnh nói ra thì cực kỳ u tĩnh, nhưng thực ra rất tiêu điều, đó là cảnh khói mưa; có cảnh nói ra thì cực kỳ thanh nhã, nhưng thực ra rất khó chịu, đó là cảnh ốm đau bệnh tật; có cảnh nói ra thì cực kỳ phong vận, nhưng thực ra rất thô bỉ, đó là tiếng rao bán hoa.

景有言之極幽，而實蕭索者，煙雨也；境有言之極雅，而實難堪者，貧病也；聲有言之極韻，而實粗鄙者，賣花聲也。

Cảnh hữu ngôn chi cực u, nhi thực tiêu sái giả, yên vũ dã, cảnh hữu ngôn chi cực nhã, nhi thực nan kham giả, bần bệnh dã, thanh hữu ngôn chi cực vận, nhi thực thô bỉ giả, mại hoa thanh dã.

NHÀN ĐÀM

Chỉ Trương Trào mới nhận ra được điểm trái ngược lý thú này. Tôi muốn nói thêm: có cảnh nhìn thấy thì rất thông thả, nhưng thực ra thì vô cùng vất vả, đó là cảnh cày bừa; có cảnh nhìn thấy thì rất đáng yêu, nhưng thực ra thì rất “đau khổ”, đó là cảnh ngày Tết về quê thăm bạn gái mà phải vương phải nạn “lì xì”!

Có lời mới nghe tưởng rất tao nhã, nhưng ngẫm lại thì rất “sến”, đó là lời tỏ tình; có lời mới nghe thì rất bức bối, nhưng ngẫm lại thì thấy rất thương, do lời mẹ mắng; có lời mới nghe thì rất ngọt ngào, nhưng lại luôn gây phiền toái, đó là lời mời mua hàng tiếp thị!

Thế gian còn biết bao cảnh, bao lời nhìn thấy thì rất thế này, nhưng thực ra thì lại rất thế kia! Từ câu nói của Trương Trào mà ngẫm ra được nhiều câu khác, đó cũng là thú vui trong chuyện đọc sách vậy.

24.

Tài tử mà được phú quý, nhất định phải do phước huệ song tu mới có được.

才子而富貴，定從福慧雙修得來。

Tài tử nhi phú quý, định tòng phước huệ song tu đắc lai.

NHÀN ĐÀM

Tạo hóa đồ toàn. Tạo hóa luôn ganh ghét với những điều toàn mỹ. Hóa công dường như rất công bình, hễ đã cho ta cái này thì sẽ lấy đi cái khác theo luật bù trừ. Có lẽ muốn giữ cho trời đất vận hành theo đạo lý bình hòa. Sinh ra làm tài tử là đã được tạo hóa ban cho nhiều ưu ái, giành lấy nhiều phần tốt đẹp của đất trời, nếu còn được hưởng thêm cảnh phú quý thì chẳng phải là bất công cho

thiên hạ lắm ru? Bởi vậy, giai nhân thường mệnh bạc, tài tử thì đa cùng.

Theo luật nhân quả báo ứng, tạo phúc thì được phú quý, tu huệ thì được tài năng. Cho nên sinh ra đã là tài tử mà còn được phú quý, nhất định phải do phước huệ song tu từ kiếp trước.

Tôi muốn nói thêm: kẻ tài hoa thì không duyên bác, người duyên bác thì chẳng tài hoa. Người tài hoa mà duyên bác nhất định cũng phải do phước huệ song tu mà có.

25.

Trăng non hận về nổi mau lặn mà trăng khuyết lại hận về nổi lâu lên.

新月恨其易沈，缺月恨其遲上。

Tân nguyệt hận kỳ dị trầm, khuyết nguyệt hận kỳ trì thượng.

NHÀN ĐÀM

Sao lại hận? Sự đời có gì trường cửu mãi đâu? Có cuộc vui nào không tàn? Có hợp nào không ly?

Nhân hữu bi hoan, ly hợp,

Nguyệt hữu âm tình viên khuyết,

Thử sự cổ nan toàn.

人有悲歡離合，
月有陰晴圓缺，
此事古難全。

*(Người có buồn vui, tan hợp,
Trăng có tối, sáng, tròn, khuyết,
Có tròn vẹn được đâu.)*

(Tô Đông Pha)

Nhưng ngắm lại vẫn là đáng hận! Đời người ngắn ngủi, cổ nhân còn thấp đuốc chơi đêm để tận hưởng mọi cái thanh sắc của trần gian. Trăng non thơ mộng, trăng khuyết ảo huyền, những khoảnh khắc đẹp như vậy lại quá ngắn, há chẳng đáng để hận ư?

26.

Cày cấy ta không làm được, thôi thì học tưới vườn cho xong; đốn củi ta không làm được, thôi thì học làm cỏ cho xong.

躬耕，吾所不能，學灌園而已矣；樵薪，吾所不能，學薙草而已矣。

Cung canh ngô sở bất năng, học quán viên nhi dĩ hỹ;
tiều tân ngô sở bất năng, học thể thảo nhi dĩ hỹ.

NHÀN ĐÀM

Về sống với ruộng vườn là thú vui của những người thoái ẩn từ quan, hoặc những người muốn lánh xa thế sự. Nhưng làm ruộng rất cực nhọc, mà làm vườn nào có dễ gì. Đốn củi cũng đâu phải là việc nhẹ nhàng cho những kẻ chuyên cầm bút. Nhưng so với hiểm họa chốn quan trường, thì khi về sống cảnh điền viên, ít ra cũng được cái nhàn tâm, không còn phải lo toan về những mưu mô thủ đoạn trong việc tranh đoạt lợi danh.

Cho nên về vui thú điền viên, nếu không cày được ruộng được thì học tưới vườn, không đốn được củi thì học làm cỏ. Vậy cũng xong. Hoặc học thú điền viên của cụ Ước Trai:

Đạp áng mây ôm bó củi

Ngồi bên suối gác cần câu

27.

Một là hận sách dễ bị mối mọt, hai là hận đêm hè có muỗi, ba là hận đài ngắm trăng dễ bị thấm nước, bốn là hận lá cúc thường héo, năm là hận thông có nhiều kiến lớn, sáu là hận trúc rụng lá nhiều, bảy là hận quế và sen mau héo úa, tám là hận trong cỏ tiết thường có rắn, chín là hận hoa trên mặt cỏ có gai, mười là hận cá nóc có độc.

一恨書囊易蛀，二恨夏夜有蚊，三恨月臺易漏，四恨菊葉多焦，五恨松多大蟻，六恨竹多落葉，七恨桂，荷易謝，八恨薜，蘿藏虺，九恨架花生刺，十恨河豚多毒。

Nhất hận thư nang dị chú, nhị hận hạ dạ hữu văn, tam hận nguyệt đài dị lậu, tứ hận cúc diệp đa tiêu, ngũ hận tùng đa đại nghị, lục hận trúc đa lạc diệp, thất hận quế hạ dị tạ, bát hận tiết la tàng xà, cửu hận giá hoa sinh thích, thập hận hà đồn hữu độc.

NHÀN ĐÀM

Cái hận của Trương Trào là cái hận của người muốn hưởng thụ thế gian. Nhưng nếu hận thì trong thiên hạ còn vô vàn điều hận, chứ nào chỉ có mười điều mà thôi đâu? Tài tử lâm vào cảnh khốn cùng, giai nhân sa vào chốn giang hồ, há chẳng là điều đáng hận? Có tài năng, mang hoài bão giúp đời mà sinh bất phù hợp thời, há chẳng là điều đáng hận? Làm người có kiến thức, nhân cách thanh cao nhưng phải sống trong một xã hội nhố nhăng, ô trọc, quan lại thì tham lam, kẻ ngu làm thầy người trí, há chẳng phải là điều đáng hận?

28.

Đứng trên lầu ngắm núi, đứng đầu thành ngắm tuyết, ngồi trước đèn ngắm trăng, ngồi trong thuyền ngắm ráng chiều, dưới trăng ngắm mỹ nhân, mỗi cảnh đều có tình riêng.

樓上看山，城頭看雪，燈前看月，舟中看霞，
月下看美人，另是一番情境。

Lâu thượng khán sơn, thành đầu khán tuyết, đăng
tiền khán nguyệt, chu trung khán hà, nguyệt hạ khán mỹ
nhân, lán thị nhất phiên tình cảnh.

NHÀN ĐÀM

Đứng trên lầu ngắm núi thì hùng tâm hứng khởi vì
thấy được cảnh tượng hùng vĩ của non xanh. Đứng đầu
thành ngắm tuyết thì tình cảm man mác vì thấy được
cảnh tượng bao la của tuyết trắng. Ngồi trước đèn ngắm
trắng để thưởng ngoạn ánh đèn và ánh trắng soi chiếu
lẫn nhau, ngồi trong thuyền ngắm ráng chiều để thưởng
ngoạn ánh ráng chiều hòa lẫn trong màu nước, đó đều là
những điều thú vị. Dưới trăng ngắm mỹ nhân thì cảnh
vật càng thêm lung linh huyền ảo, người đẹp càng thêm
phong vận yêu kiều, há chẳng thích ư?

Vưu Cẩn Dung 尤謹庸 bình rất thú vị:

*Trên núi ngắm tuyết, trong tuyết ngắm hoa,
trong hoa ngắm mỹ nhân, cũng đều được cả.
(Sơn thượng khán tuyết, tuyết trung khán hoa,
hoa trung khán mỹ nhân, diệc khả. 山上看雪
, 雪中看花, 花中看美人, 亦可。)*

Tôi muốn nói thêm: trên sông nhìn ánh nắng chiều
hôm, trong vườn hoa nhìn bướm xinh bay lượn, giữa
đồng ruộng bao la nhìn cò trắng đậu trên lưng trâu, mỗi
cảnh cũng đều có cái tình riêng.

29.

Ánh nắng của núi, tiếng chảy của nước, màu sắc của trắng, hương thơm của hoa, vẻ nho nhã của văn nhân, dáng yêu kiều của mỹ nhân đều là những thứ không thể dùng tên gọi mà hình dung ra được, không thể nào nắm bắt được, quả đủ để làm ngơ ngẩn mộng hồn, đảo điên thần tứ!

山之光，水之聲，月之色，花之香，文人之韻致，美人之姿態，皆無可名狀，無可執著。真足以攝召魂夢，顛倒情思。

Sơn chi quang, thủy chi thanh, nguyệt chi sắc, hoa chi hương, văn nhân chi vận trí, mỹ nhân chi tư thái, giai vô khả danh trạng, vô khả chấp trước. Chân túc dĩ nhiếp chiêu hồn mộng, điên đảo tình tứ!

NHÀN ĐÀM

Những cái đẹp cái hay, Trương Trào đều nói cả. Tôi chỉ xin được nói điều: ánh nắng chiếu thoi thóp trên sông, tiếng thông reo trong gió, màu sắc của bướm lượn hoa tươi cũng để ta ngây ngất với thanh sắc của trần gian rồi.

30.

Giả như trong giấc mộng mà có thể tự chủ được thì dù chốn xa ngàn dặm cũng có thể đến không khó khăn gì, mà không cần đến cây gậy rút đất của Trường Phòng; có thể gặp gỡ người đã khuất, mà không cần đến thuật chiêu hồn của Thiệu Quân; có thể rong chơi Ngũ Nhạc bằng trí tưởng mà không cần chờ đến khi chuyện gia đình ổn định.

假使夢能自主，雖千里無難命駕，可不羨長房之縮地；死者可以晤對，可不需少君之招魂；五嶽可以臥遊，可不俟婚嫁之盡畢。

Giả sử mộng năng tự chủ, tuy thiên lý vô nan mệnh giá, khả bất tiến Trường Phòng chi súc địa; tử giả khả dĩ ngộ đối, khả bất nhu Thiệu Quân chi chiêu hồn; ngũ nhạc khả dĩ ngoạn du, khả bất sĩ hôn giá chi tạn tất.

NHÀN ĐÀM

Trường Phòng tức Phí Trường Phòng, tên một vị phương sĩ đời Đông Hán có thuật rút đất. Thiệu Quân tức Lý Thiệu Quân, tên một vị phương sĩ có thuật gọi hồn người chết.

31.

Chiêu Quân do cuộc hòa thân mà được nổi tiếng, Lưu Phần vì đi thi hỏng mà được lưu truyền, có thể cho đó là điều không may, nhưng không thể xem là chuyện thiệt thòi được.

昭君以和親而顯，劉蕡以下第而傳；可謂之不幸，不可為之缺陷。

Chiêu Quân dĩ hòa thân nhi hiển, Lưu Phần dĩ hạ đệ nhi truyền, khả vị chi bất hạnh, bất khả vị chi khuyết hãm.

NHÀN ĐÀM

Chiêu Quân xin xem lại câu 4. Lưu Phần (?- 842) người đất Xương Thị, đời Đường. Năm Thái Hòa thứ hai, triều đình nhà Đường mở khoa thi để tuyển chọn quan lại. Trong bài thi của mình, Lưu Phần đã kịch liệt hiện tượng chuyên quyền của bọn hoạn quan đương thời, tự tiện phế lập hoàng đế, tham dự triều chính, gây hại cho thiên hạ, và yêu cầu hoàng đế giết sạch bọn chúng. Ban giám khảo cực lực tán thưởng bài văn của Lưu Phần, nhưng lại sợ uy quyền của bọn hoạn quan nên không dám để Lưu Phần đỗ. Việc này gây nên tiếng vang lớn lúc bấy giờ.

Trong cuộc sống, đôi khi số phận chuyển hướng đời ta theo một con đường không như ta mong đợi lại có kết cục tốt đẹp hơn. Nếu Chiêu Quân không bị cảnh cố Hồ thì đâu có bi kịch hồng nhan để tên Chiêu Quân còn

được nhắc mãi đến ngàn năm? Nếu Lưu Phần thi đỗ thì có thể cũng chỉ thành một vị quan, suốt đời ra vào trong vào cương tỏa, liệu có còn ai biết đến? Nếu Tú Xương thi đỗ thì lấy đâu ra nhà thơ trào lộng đất Vị Xuyên? Nếu Hồng Tú Toàn thi đỗ tú tài thì làm sao trở thành Thiên Vương của Thái Bình Thiên Quốc?

“Tái ông thất mã” vẫn là chuyện ngụ ngôn có giá trị muôn đời. Trong đời, có khi được đây là mất đấy, mà mất đấy là được đấy. Lão Tử nói: “Họa hê phúc chi sở ỷ; phúc hê, họa chi sở phục. 禍兮福之所倚, 福兮禍之所伏. (Họa là chỗ dựa của phúc, phúc là nơi ẩn náu của họa.). Ý nào có khác đâu?

32.

Lấy lòng yêu hoa mà yêu người đẹp, tất cảm nhận được cái thú vị dạt dào; lấy lòng yêu người đẹp mà yêu hoa, tất trong cái thâm tình còn tăng thêm lòng chở che, mến tiếc.

以愛花之心愛美人，則領略自饒別趣；以愛美人之心愛花，則護惜倍有深情。

Dĩ ái hoa chi tâm ái mỹ nhân, tắc lĩnh lược tự nhiều biệt xúc; dĩ ái mỹ nhân chi tâm ái hoa, tắc hộ tích bội hữu thâm tình.

NHÀN ĐÀM

Ý vị đã rõ ràng, hà tất phải “họa xà thêm túc”!

33.

Mỹ nhân hơn hoa ở chỗ hiểu lời nói, hoa hơn mỹ nhân ở điểm tỏa hương. Nếu không thể chọn được cả hai thì bỏ cái tỏa hương mà chọn cái hiểu lời nói vậy.

美人之勝於花者，解語也；花之勝於美人者，生香也。二者不可得兼，舍生香而解語者也。

Mỹ nhân chi thắng ư hoa giả, giải ngữ dã; hoa chi thắng ư mỹ nhân giả, sinh hương dã. Nhị giả bất khả đắc kiêm, xả sinh hương nhi thủ giải ngữ giả dã.

NHÀN ĐÀM

Có một lần Đường Huyền Tông cùng Dương Quý Phi và quần thần ngắm hoa sen trắng. Quần thần ai cũng nức nở khen hoa đẹp, nhà vua bèn chỉ vào Dương Quý Phi bên cạnh mà nói: “Sao bằng được đóa hoa hiểu được lời nói của trẫm đây!” (Tranh như ngā giải ngữ hoa! 爭如我解語花!). Người đời sau dùng “giải ngữ hoa” để chỉ người phụ nữ thông minh, khéo hiểu ý người đối thoại. Đường Huyền Tông thật sự là ông vua tài hoa và *galant* cổ kim hiếm có. Mỗi tình của ông với Quý Phi được văn học Trung Quốc ca tụng cả ngàn năm cũng chẳng có chi là lạ. Cánh hoa kiêu kiêu biết nói kia, do bị kịch lịch sử, đã kết thúc cuộc đời bằng một cái chết nghiệt oan và vĩnh viễn bị chôn vùi trong một ngôi mộ vô danh chốn

Mã Ngôi, nhưng từ ngôi mộ hoang đó, nó lại tiếp tục tỏa hương và cất lên những lời nói thiết tha trong *Trường Hận Ca* của Bạch Cư Dị hay *Mã Ngôi* của Lý Thương Ẩn để trở thành một biểu tượng bất diệt trong thiên tình sử đầy nước mắt giữa chốn nhân gian.

Sống trong đời, nếu gặp được một phụ nữ xinh đẹp mà có học thức, lại ăn nói có duyên, hiểu ý ta để cùng nhau trò chuyện thì có thể xem là niềm vui hiếm có. Nếu người đó là một giai nhân tuyệt sắc thì niềm vui càng thêm tuyệt diệu, còn nếu được hôm sớm cận kề để vui cùng cái thú ôn nhu thì quả là *tam sinh hữu hạnh*, thế gian thành tuyệt cảnh Bồng Lai. Đâu phải ngẫu nhiên mà một *Trích Tiên* như Lý Bạch phải đem hết tài hoa để phụng bồi cho nhan sắc của Thái Chân bằng những lời thơ tuyệt diệu qua ba bài *Thanh Bình Điệu* 清平調 được lưu truyền thiên cổ.

Theo giai thoại trong văn học sử thì một hôm, trước đình Trầm Hương, Đường Huyền Tông truyền mở hội để mừng hoa mẫu đơn rồi sai tìm Lý đến để làm thơ tặng cho Dương Quý Phi. Lý tới, nhưng còn say khướt, không thể làm thơ; cung nữ phải vẩy nước lạnh vào mặt cho tỉnh lại. Lý làm luôn một hơi ba bài *Thanh Bình Điệu*.

I.

Vân tưởng y thường hoa tưởng dung,

Xuân phong phát hạm lộ hoa nùng.

Nhược phi Quần Ngọc sơn đầu kiến,

Hội hướng Dao đài nguyệt hạ phùng.

雲想衣裳花想容，
春風拂檻露華濃。
若非群玉山頭見，
會向瑤臺月下逢。

(Anh hoa phát lộ, gió xuân bay,
Rực rỡ hoa dung, áo tựa mây.
Nếu không thấy ở non Quần Ngọc,
Thì dưới trăng kia, chốn Dao Đài.)

II.

Nhất chi hồng diễm lộ ngưng hương,
Vân vũ Vu sơn uống đoạn trường.
Tá vấn Hán cung thù đắc tự,
Khả liên Phi Yến ý tân trang.

一枝紅艷露凝香，
云雨巫山枉斷腸。
借問漢宮誰得似？
可憐飛燕倚新妝。

(Một cánh hoa tươi, sương đầm hương
Giấc mộng Vu Sơn, xót đoạn trường.
Ướm hỏi Hán cung, ai được vậy?
Thương cho Phi Yến phải tân trang.)

III.

Danh hoa khuynh quốc lưỡng tương hoan,

Thường đắc quân vương đối tiểu khan.

Giải thích xuân phong vô hạn hận,

Trầm Hương đình bắc ý lan can.

名花傾國兩相歡，

常得君王帶笑看。

解釋春風無限恨，

沈香亭北倚闌乾。

(Hoa xinh cùng với người khuynh quốc,

Mang đến quân vương vạn nụ cười.

Tan hết gió xuân bao nỗi hận,

Đình Trầm Hương đó, thần thơ chơi.)

Người đẹp khuynh quốc là vưu vật giữa loài người, danh hoa là tinh túy của thảo mộc. Không thể không nâng niu, trù mến. Người đẹp khuynh quốc mà còn biết “giải ngữ” nữa thì có khách tài tử nào lại không say đắm? Ai dám nói rằng trong giấc mơ “Vân vũ Vu sơn uống đoan trường” với “xuân phong vô hạn hận” đó lại không chứa nỗi u tình của Lý Bạch với Thái Chân?

Mỹ nhân thì dĩ nhiên là không thể có được hương thơm tự nhiên như loài hoa, dù sử Trung Quốc cho rằng Triệu Phi Yến có hơi thở thơm như hoa lan, còn Tiết Dao

Anh 薛瑤英 – một sủng phi tuyệt sắc của tể tướng nhà Đường là Nguyên Tải 元載 – thì da thịt tự nhiên tỏa ra mùi thơm. Hoa thì có hương thơm tự nhiên nhưng lại không biết nói. Mỹ nhân có thể dùng hương của hoa để tạo nên hương cho mình, còn hoa thì không thể nào mượn được ngôn ngữ của mỹ nhân để thành lời nói cho mình. Cho nên, nếu không thể kiêm được cả hai thì ta hẳn phải chọn loài hoa *giải ngữ* vậy.

34.

Người ở bên trong cửa sổ viết chữ lên giấy dán cửa, ta đứng ở ngoài nhìn thấy tuyệt đẹp.

窗內人於窗紙上作字，吾於窗外觀之，極佳。

Song nội nhân ư chỉ song thượng tác tự, ngô ư song ngoại quán chi, cực giai.

35.

Thiếu niên đọc sách như nhòm trăng qua khe hở, trung niên đọc sách như đứng giữa sân ngắm trăng, lão niên đọc sách như lên đài cao thưởng trăng, đều do kinh nghiệm lịch duyệt nông sâu khác nhau mà sở đắc cũng nông sâu khác nhau.

少年讀書，如隙中窺月；中年讀書，如庭中望月；老年讀書，如臺上玩月。皆以閱歷之淺深，為所得之淺深耳。

Thiếu niên đọc thư như khích trung khuy nguyệt, trung niên đọc thư như đình trung vọng nguyệt, lão niên đọc thư như đài thượng ngoạn nguyệt, giai dĩ duyệt lịch chi thiển thâm, vi sở đắc chi thiển thâm nhĩ.

NHÀN ĐÀM

Dùng cách ngắm trăng để so với chuyện đọc sách quả là lý thú. Khi tuổi còn trẻ, kiến thức chưa rộng, lịch duyệt chưa sâu thì sách vở giống như cánh cửa hé mở ra để ta đặt những bước chân đầu tiên vào một thế giới mới lạ. Giống như nhòm trăng qua khe cửa, chỉ thấy được ánh sáng lung linh huyền ảo chứ chưa thấy được cả vầng trăng. Đến tuổi trung niên, kiến thức thêm rộng, lịch duyệt thêm sâu thì sách vở bày ra cho ta gần như trọn vẹn những cảnh tượng mà bản thân ta từng trải nghiệm. Giống như đứng giữa sân vầng ngắm trăng, thấy được trọn vẹn ánh trăng, nhưng vẫn chưa thấy được rõ ràng những cảnh tượng dù được ánh trăng soi chiếu nhưng vẫn nằm khuất tầm nhìn. Đến tuổi lão niên, lịch duyệt đã trọn, việc đời đã trải, đã *“lục thập nhi nhĩ thuận”*, đã *“thất thập nhi tàng tâm sở dục bất du cử”*, nên đọc sách lúc này là cái thú để di dưỡng tinh thần để có thể thông dong ngấm lại sự đời qua bao sóng gió thăng trầm. Giống như lên đài cao mà thưởng trăng, vừa thấy được trọn vẹn ánh trăng, vừa có thể phóng rộng tầm mắt ra nhìn thấy được cảnh tượng bao la để nhận ra được sự nhỏ nhoi của kiếp người.

36.

Tôi muốn gửi thư cho Thần Mưa mà nói rằng: mùa xuân nên cho mưa ở sau tiết Thượng Nguyên, mưa trong vòng mười ngày trước tiết Thanh Minh, rồi mưa cho đến tiết Cốc Vũ; mùa hè nên cho mưa trước ngày thượng huyền và sau ngày hạ huyền; mùa thu nên cho mưa trong vòng hai tuần trước và sau giai đoạn mạnh thu; còn ba tháng mùa đông bất tất phải mưa nữa.

吾欲致書雨師：春雨，宜始於上元節後，至清明十日前之內，及穀雨節中；夏雨，宜于每月上弦之前，及下弦之後；秋雨，宜于孟秋，季秋之上下二旬；至若三冬，正可不必雨也。

Ngô dục trí thư vũ sư: xuân vũ, nghi thủy ư Thượng Nguyên tiết hậu, chí Thanh Minh thập nhật tiền chi nội, cập Cốc Vũ tiết trung, hạ vũ, nghi ư mỗi nguyệt thượng huyền chi tiền, cập hạ huyền chi hậu, thu vũ, nghi ư mạnh thu chi thượng hạ nhị tuần, chí nhược tam đông, chính khả bất tất vũ dã.

NHÀN ĐÀM

Mùa xuân nên cho mưa ở sau tiết Thượng Nguyên vì lúc này lễ thả đèn đã chấm dứt. Mưa trong vòng mười ngày trước tiết Thanh Minh, vì mưa tạnh thì đào nở. Cốc Vũ là tiết khí thứ 6 trong 24 khí tiết theo trong âm lịch, khoảng 20 tháng 4 Dương lịch.

Trăng thượng huyền và hạ huyền đều là trăng khuyết. Trăng thượng huyền là trăng non đầu tháng âm lịch, vào khoảng các đêm 5 – 7; trăng hạ huyền là trăng lưỡi liềm cuối tháng, vào các đêm 21 – 23. Mùa hè nên cho mưa trước ngày thượng huyền và sau ngày hạ huyền là để khỏi ảnh hưởng đến trăng.

Mạnh thu là tháng tám. Vì tháng tám là tháng ngắm trăng tuyệt nhất, nên trời có mưa thì nên cho mưa trong vòng hai tuần trước và sau giai đoạn mạnh thu.

37.

Giàu nhờ ô trọc không bằng nghèo bởi thanh cao, sống mà lo âu không bằng chết mà vui sướng.

為濁富不若為清貧；以憂生不若以樂死。

Vì trọc phú bất nhược vi thanh bần, dĩ ưu sinh bất nhược dĩ lạc tử.

NHÀN ĐÀM

Nếu làm giàu nhờ những thủ đoạn thì không bằng sống trong sạch trong cảnh nghèo. Nhưng để tự vui trong cảnh nghèo thì phải là người có đạo tâm, nếu không thì cũng khó mà chấp nhận được hai chữ “*thanh bần*”.

Sống là khát vọng mãnh liệt nhất của con người. Thể hiện ý chí cầu sinh của người lâm vào tuyệt cảnh, có lẽ

không gì ấn tượng bằng nhân vật Bill trong truyện ngắn *Love Of Life* của Jack London. Con người, khi rơi vào những hoàn cảnh khốn khổ cùng cực, vẫn mong được sống, nên liệu có phải là ai cũng có thể chấp nhận “sống mà lo âu không bằng chết mà sung sướng”?

38.

Trong thiên hạ chỉ có ma quỷ là có phúc lớn nhất: lúc còn sống không một xu dính túi, nhưng sau khi chết mỗi khi cúng thì đều có tiền giấy. Trong thiên hạ chỉ có ma quỷ là được coi trọng nhất: lúc còn sống có thể bị khinh dễ làm nhục, nhưng sau khi chết lại có lắm người quỳ lạy lễ bái.

天下唯鬼最富：生前囊無一文，死後每饒楮鏹；
天下唯鬼最尊，生前或受欺凌，死後必多跪拜。

Thiên hạ duy quỷ tối phúc, sinh tiền nang vô nhất văn, tử hậu mỗi nhiều chữ cường. Thiên hạ duy quỷ tối tôn, sinh tiền hoặc thụ khi lăng, tử hậu tất đa quỳ bái.

NHÀN ĐÀM

Con người, từ thuở thái sơ, đã và sẽ luôn sợ hãi trước những điều huyền ảo. Cho nên con người sợ hãi cái chết, vì cái chết là một điều huyền ảo nhất trong mọi sự huyền ảo trên cõi đời này. Đó là một cõi xa lạ vừa vô cùng hấp dẫn, vừa vô cùng nguy hiểm. Hấp dẫn, vì con người đã tạo nên nhiều hình ảnh tưởng tượng về nó; có

bao nhiêu tôn giáo là có bấy nhiêu bức tranh về thế giới lai sinh. Nguy hiểm, vì khi đã đặt chân đến đó là không có đường về! Ta luôn coi cái chết là một cái gì đó rất đổi linh thiêng. Nên một đứa bé khi còn sống thì nó rất sợ ta, nhưng khi nó mất thì tự nhiên ta lại đâm ra sợ nó!

Phạm Đình Hổ, trong *Vũ Trung Tùy Bút* có ghi lại câu chuyện tại làng Dương Xá ở tổng ông ta ở. Có một đứa trẻ bị đàn ngỗng đuổi, ngã xuống hố chết, sau hiển linh làm thần làng ấy, được dân làng tôn thờ, cúng tế. Ông than dài:

Ta nghe chuyện, lấy làm buồn cười.... Cái người khi sống đã không chống chọi được với loài cầm thú, thì khi chết sao thể giáng phúc cho nhân dân được? Ôi! Cái lễ giáo của đấng tiên vương khi xưa đã mất rồi, thế tục sinh ra lắm điều mê tín, nào có phải riêng một làng ấy thờ thần trẻ con đâu! (bản dịch của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến)

Cha mẹ ta, khi về già, đều trở nên yếu đuối về thể xác lẫn tinh thần, hầu như không thể tự lo bản thân mà mọi sự đều phải nhờ ta giúp đỡ. Nhưng khi cha mẹ qua đời thì ta lại cầu khẩn các vị phù hộ để ta đạt được những điều sở cầu, làm như các vị là những người có quyền năng gì to lớn lắm. Đó là vì khi một người bước qua cõi đó thì người đó tự nhiên được xem như có một chút uy lực thần bí vô hình nào đó đối với ta. Ánh sáng khoa học hầu như đã soi rọi khắp cả không gian bao la lẫn đại dương tăm tối, khám phá toàn bộ thiên nhiên tỉ mỉ đến từng con sâu cọng cỏ, cũng như sự hoạt động vi tế của não bộ, thậm chí tâm

tình con người có lúc tưởng chừng như đã phải mở toang ra trước lưỡi dao giải phẫu tinh vi và lạnh lùng của triết học hiện sinh cùng Phân tâm học, nhưng khoa học đành bất lực trước cái chết. Cõi xa lạ đó vẫn vĩnh viễn khép kín trước mọi nỗ lực của khoa học. Tôn giáo đâu chỉ là “*thuốc phiện của nhân dân*” theo quan điểm cực đoan và phiến diện, mà nó còn phát sinh từ lòng kính ngưỡng đối với những điều huyền ảo linh thiêng, đặc biệt là vì cái chết. Nếu con người sống trường sinh bất tử, hoặc một ngày nào đó mà khoa học “*giải mã*” được cái chết thì có lẽ tôn giáo sẽ không còn lý do để tồn tại.

Cho nên đúng như Trương Trào nói, nhiều người “*lúc còn sống có thể bị khinh dễ làm nhục, nhưng sau khi chết lại có lắm người quỳ lạy lễ bái.*”

39.

Bướm là hóa thân của tài tử, hoa là biệt hiệu của mỹ nhân.

蝶為才子之化身，花乃美人之別號。

Diệp vi tài tử chi hóa thân, hoa nãi mỹ nhân chi biệt hiệu.

NHÀN ĐÀM

Đây là câu thể hiện “*chất Trương Trào*” nhiều nhất. Nói đến tài tử không thể không nhắc đến mỹ nhân. Nói về bướm mà không nói đến hoa là điều thiếu sót. Tài tử

gặp mỹ nhân thì anh hoa phát tiết, hoa cận kề với bướm thì thêm vẻ xinh tươi. Dem hoa để sánh với mỹ nhân là điều thường thấy, nhưng dùng bướm để chỉ hóa thân của tài tử, có lẽ chỉ có Trương Trào. Ta có thể nói “*bướm lấy Trương Trào làm tri kỷ*” vậy!

40.

Nhân tuyết mà nhớ tới cao sĩ, nhân hoa mà nhớ tới mỹ nhân, nhân rượu mà nhớ tới hiệp khách, nhân trăng mà nhớ tới bạn hiền, nhân sơn thủy mà nhớ tới thơ văn đặc ý.

因雪想高士，因花想美人，因酒想俠客，因月想好友，因山水想得意詩文。

Nhân tuyết tưởng cao sĩ, nhân hoa tưởng mỹ nhân, nhân tửu tưởng hiệp khách, nhân nguyệt tưởng hảo hữu, nhân sơn thủy tưởng đặc ý thi văn.

NHÀN ĐÀM

Nhân tuyết mà nhớ tới cao sĩ là phải, vì tuyết gợi lên sự thanh cao thoát trần; nhân hoa mà nhớ tới mỹ nhân là đúng, vì hoa được dùng để sánh với mỹ nhân. Nhưng nhân rượu mà nhớ tới hiệp khách, nhân trăng mà nhớ tới bạn hiền thì không khỏi có điều thiếu sót. Tôi muốn nói thêm: nhân rượu mà nhớ đến bạn hiền, nhân trăng mà nhớ đến người xưa.

41.

Nghe tiếng ngỗng kêu mà ngỡ ở Nam Kinh, nghe tiếng chèo ghe mà ngỡ ở Tam Ngô, nghe tiếng thác chảy mà ngỡ ở Triết Giang, nghe tiếng nhạc dưới cổ ngựa mệt mỏi mà ngỡ đang đường tới chốn Trường An.

聞鵝聲，如在白門；聞櫓聲，如在三吳；聞灘聲，如在浙江；聞羸馬項下鈴鐸聲，如在長安道上。

Văn nga thanh như tại Bạch Môn; văn lỗ thanh như tại Tam Ngô; văn than thanh như tại Triết Giang; văn luy mã hạng hạ linh đặc thanh, như tại Trường An đạo thượng.

NHÀN ĐÀM

Bạch Môn chỉ Kim Lăng, nay là Nam Kinh. Tam Ngô là Tô Châu (Đông Ngô), Nhuận Châu (Trung Ngô), Hồ Châu (Tây Ngô) là những vùng có cảnh sông nước đẹp ở Trung Quốc, có nhiều thuyền bè đi lại. Triết Giang là tên một tỉnh ở Trung Quốc, có ngọn Lô sơn nổi tiếng nhiều cảnh thác đẹp, nổi tiếng nhất là sóng sông Tiền Đường. Trường An, từ thời Hán Đường, là vùng đất kinh đô của Trung Quốc thời xưa.

Câu “văn lỗ thanh như tại Tam Ngô” khiến ta không khỏi bàng khuâng nhớ đến cảnh sông nước miền Tây Nam Bộ.

42.

Tết trong năm thì Thượng Nguyên là nhất, kế đến là Trung Thu, rồi mới đến Đoan Ngọ và Trùng Cửu.

一歲諸節，以上元為第一，中秋次之，五日，九日又次之。

Nhất tuế chi tiết, dĩ Thượng Nguyên vi đệ nhất, Trung Thu thứ chi, Ngũ nhật, Cửu nhật hựu thứ chi.

NHÀN ĐÀM

Ở Việt Nam, ta phải nói: tết trong năm thì Nguyên Đán là nhất, kế đến là Trung Thu, rồi mới đến Đoan Ngọ, Thượng Nguyên. Tết Trùng Cửu xem như không có.

43.

Mưa là thứ có thể làm ngày ngắn, có thể khiến đêm dài.

雨之為物，能令晝短，能令夜長。

Vũ chi vi vật, năng linh trú đoản, năng linh dạ trường.

NHÀN ĐÀM

Ngày ngắn hợp với người lười biếng, đêm dài hợp với kẻ đang yêu.

44.

Những môn ngày xưa không còn truyền đến nay: thổi tiêu, kiếm thuật, đánh cờ và đá cầu.

古之不傳於今者，嘯也，劍術也，彈棋也，打球也。

Cổ chi bất truyền ư kim giả, tiêu giả, kiếm thuật dã, đàn kỳ dã, đá cầu dã.

45.

Thầy tăng mà làm thơ, nhiều khi có, còn đạo sĩ mà biết làm thơ là điều hiếm hoi ít thấy, vì sao vậy?

詩僧時復有之，若道士之能詩，不啻空谷足音，何也？

Thi tăng thời phục hữu chi, nhược đạo sĩ chi năng thi giả, bất xí không cốc túc âm, hà dã?

NHÀN ĐÀM

“Không cốc túc âm” có nghĩa là “nơi hang vắng mà nghe thấy tiếng chân đi”, dùng để chỉ sự việc hay lời nói lạ lùng, hiếm có.

Kinh Phật giáo, sau mỗi phần Phật thuyết pháp, thường tóm tắt lại nội dung bằng thể thơ, gọi là kệ. Có lẽ nhờ thể mà những tăng sĩ nào thâm cứu nội điển dễ dàng cảm thụ được thơ. *Ngũ lục Thiền tông* thường ghi lại những bài kệ hoặc bài thơ của các thiền sư mỗi khi chứng ngộ. Điều đó cho thấy tăng thường làm thơ. Nếu không thì khi chứng nhập một cảnh giới tinh thần mới lạ, không thể đột nhiên mà có thơ ngay được, dù những bài thơ đó phần lớn giống như vè, chỉ có giá trị về mặt tâm chứng, chứ hiếm bài nào có được giá trị về mặt văn chương.

Kinh điển đạo giáo, ngoài *Đạo Đức kinh*, nội dung thường được diễn đạt bằng văn xuôi, dù là một văn phong bay bổng như *Nam Hoa kinh*, nhưng không diễn đạt bằng thể văn vần. Có lẽ vì thế mà các đạo sĩ ít mặn mà với thơ chăng?

46.

*Nên làm cỏ huỳnh trong loài hoa, chứ không làm đồ
quyên trong loài chim.*

當為花中之萱草，毋為鳥中之杜鵑。

Đương vi hoa trung chi huỳnh thảo, vô vi điểu trung
chi đồ quyên.

NHÀN ĐÀM

Chim đỗ quyên – hay chim tử quy – là chim cuốc, hay sống trong các bụi rậm, bên hồ nước. Thường vào cuối xuân, người ta bắt đầu nghe loài chim này kêu giữa đêm khuya thanh vắng, tiếng kêu nghe rất buồn thương, ai oán, khiến người nghe không khỏi động mối thương tâm.

Tục truyền do Thục Đế mất nước, lòng sầu hận không nguôi nên hóa làm chim đỗ quyên. Về chuyện Thục Đế mất nước, văn học Trung Quốc có một truyền thuyết vừa đáng cay, vừa cảm động.

Tương truyền thời bấy giờ ở vùng Tam Giáp, đất Tứ Xuyên, Ba Thục, thường xảy ra lũ lụt khiến nhân dân khốn đốn. Vua Vọng Đế 望帝 lúc bấy giờ là Đỗ Vũ 杜宇 đã kiệt tận tâm lực, nhưng vẫn không làm sao khắc phục được, nên trong lòng rất lo buồn. Về sau, ở vùng hạ du Hồ Bắc có một người tên là Miết Linh 陂灵, tài cao chí lớn, dũng cảm hơn người. Vọng Đế gặp được, trong lòng rất mừng rỡ, bèn phong làm tướng quốc. Miết Linh cai trị khiến đất Ba Thục trở nên thịnh vượng, rồi ra sức trị thủy. Ông cho tuyển những tráng đinh khỏe mạnh để đào vách núi, ròng rã nhiều năm mới được khai thông đường đèo ở Vu Sơn, giải quyết được họa lũ lụt cho nhân dân. Trong thời gian trị thủy, ông không từ gian khó, quên ăn bỏ ngủ, thậm chí có nhiều năm không về thăm nhà, giống như vua Đại Vũ trị thủy thời viễn cổ. Khi họa lũ lụt không còn thì uy tín và tên tuổi của Miết Linh lên cao tột đỉnh, được toàn dân tôn sùng. Vua Đỗ Vũ thấy tình hình đó, bèn chủ động

nhường ngôi cho ông, theo tục lệ *truyền hiền* đương thời, giống như vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuấn. Miết Linh bèn lên ngôi, lấy đế hiệu là Khai Minh 開明, lại xưng là Tùng Đế 叢帝. Sau khi nhường ngôi, Đỗ Vũ về ẩn cư nơi Tây Sơn, trong lòng vô cùng sầu muộn. Không bao lâu, thiên hạ lại có hoang ngôn cho rằng trong thời gian Miết Linh trị thủy, Đỗ Vũ cùng vợ Miết Linh tư thông nên ông thấy xấu hổ mà nhường ngôi. Điều đó càng khiến cho Đỗ Vũ thêm đau khổ, nên chẳng bao lâu thì mất. Hồn ông hóa thành con chim có tiếng kêu rất đổi bi thương, như để nói lên nỗi lòng sầu hận. Người dân Ba Thục vẫn không quên vị vua Đỗ Vũ xưa, nên đặt tên cho loài chim đó là đỗ quyên. Cũng do điển cố này mà đỗ quyên có nhiều tên gọi khác như *vọng đế* 望帝, *vọng đế hồn* 望帝魂, *đỗ vũ* 杜宇, *đỗ vũ hồn* 杜宇魂, *đỗ phách* 杜魄, *đỗ vũ phách* 杜宇魄, *thục vương phách* 蜀王魄, *thục đế hồn* 蜀帝魂, *cổ đế hồn* 古帝魂, *thục điểu* 蜀鳥, *thục phách* 蜀魄, *thục hồn* 蜀魂, *thục quyên* 蜀鵑. Có lẽ không một loài vật nào có được nhiều tên gọi đến thế. Mà cái tên nào cũng nghe buồn man mác.

Cũng từ điển cố này mà trong văn học Trung Quốc có những thành ngữ như “*Vọng đế đề quyên* 望帝啼鵑” để tả tiếng kêu buồn thương ai oán của chim đỗ quyên giữa đêm thanh vắng. Người ta còn cho rằng nó kêu buồn thảm, cho đến khi máu ứa ra mới thôi, nên mới có những thành ngữ như “*Đỗ quyên đề huyết*, 杜鵑啼血”, “*Tử quy đề huyết* 子規啼血”.

Lý Thương Ẩn, trong bài *Cầm sắt*, có hai thơ nổi tiếng về điển tích này:

Trang Sinh hiểu mộng mê hồ điệp,

Vọng Đế xuân tâm thác đổ quyền.

莊生曉夢迷蝴蝶，

望帝春心託杜鵑。

(Trang Chu giấc sáng mơ hồ điệp,

Vọng Đế lòng xuân gởi đổ quyền.)

Tiếng kêu bi thương đó của loài chim mang nỗi hận vong quốc lại được Tố Như diễn đạt thành tiếng nhạc êm ấm của buổi trùng lai.

Khúc đầu đầm ấm dương hoà,

Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh.

Khúc đầu êm ái xuân tình,

Ấy hồn Thục Đế hay mình đổ quyền?

Bạch Cư Dị, trong bài *Tỳ bà hành*, đã tả không gian cô quạnh của một kỹ nữ tài hoa phải lưu lạc đến chốn một nơi hẻo lánh xa xôi với tiếng chim tử quy.

Kỳ gian đán mộ văn hà vật,

Đỗ quyền để huyết viên ai minh.

其間旦暮聞何物，

杜鵑啼血猿哀鳴。

Tiếng chi đó nghe liên sớm tối,

Cuốc kêu sầu, vượn hót nỉ non.

(Phan Huy Vịnh dịch)

Có gì buồn hơn cảnh một kẻ tài hoa phải sống lẻ loi ở một nơi xa xôi hoang vắng, suốt từ sáng đến chiều tối chẳng nghe được gì, ngoài tiếng chim từ quy kêu buồn như nhỏ máu, cùng tiếng vượn hót bi ai?

Có lẽ không có một loại chim nào làm lòng người bi thương bằng tiếng kêu ai oán của loài chim cuốc. Bài *Cuốc kêu cảm hứng* của cụ Nguyễn Khuyến đã tả được hết nỗi buồn trong tiếng kêu đó giữa đêm trăng mờ thanh vắng.

Khắc khoải đưa sầu giọng lửng lơ,

Ấy hồn Thục Đế thác bao giờ?

Năm canh máu chảy đêm hè vắng,

Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.

Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,

Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ?

Thâu đêm rờn rã kêu ai đó?

Giục khách giang hồ dạ ngán ngơ.

“Năm canh máu chảy đêm hè vắng” đã nói trọn nỗi niềm của “Từ quy để huyết”, và “Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ” buồn như tiếng thở dài theo “Vọng Đế để quyền.” Có lẽ khách nào phiêu bạt tha hương nghe tiếng cuốc kêu thế kia giữa canh khuya mà lại không động nỗi sầu cố lý?

Cỏ huyên còn gọi là *vong ưu thảo* (cỏ quên buồn). Chốn nhân sinh đã lắm chuyện buồn đau, cõi bể dâu cùng ngập tràn nước mắt. Nếu sinh ra mà phải làm cỏ hoa hay chim chóc thì hãy làm vong ưu thảo để giúp người ta quên đi ưu phiền, chứ đừng làm chim đỗ quyên đem tiếng kêu thương khiến người thêm sầu muộn. Đó cũng là “*Bồ Tát tâm trường*” của khách tài hoa đối với nhân gian!

47.

Vật còn non trẻ đều không thể chán, duy con lừa thì không thể.

物之稚者，皆不可厭。為驢獨否。

Vật chi trĩ giả, giai bất khả yếm. Vi lư độc phủ.

NHÀN ĐÀM

Phàm con người hay sự vật khi còn non trẻ đều rất đáng yêu, luôn có sức lôi cuốn, vì chúng hàm chứa sự hồn nhiên và sức sống. Càng về già, hình thể tàn phai, sức sống suy kiệt, càng mà ta chán ngán. Nhưng trong loài thảo mộc, có những loại cây như tùng hay mai càng về già lại càng đẹp. Nên Hoàng Lược Tự 黃略似 nói:

Vật về già đều đáng chán, duy tùng với mai thì không. (Vật chi lão giả, giai khả yếm; duy tùng dữ mai tắc phủ. 物之老者，皆可厭；惟鬆與梅則否。)

48.

Con gái từ tuổi mười bốn, mười lăm đến hai mươi bốn, hai mươi lăm, trong khoảng mười năm ấy, bất kể là Yên, Tần, Ngô, Việt, phần lớn giọng nói đều ngọt ngào yếu điệu làm cảm động được lòng người. Mới gặp mặt mà lòng yêu ghét đã phân rõ ràng. Tai nghe không bằng mắt thấy, càng tin thêm điều này.

女子自十四，五歲，至二十四，五歲，此十年中，無論燕，秦，吳，越，其音大都嬌媚動人；一睹其貌，則美惡判然矣。耳聞不如目見，於此益信。

Nữ tử tự thập tứ ngũ tuế chí nhị thập tứ ngũ tuế, thử thập niên trung, vô luận Yên, Tần, Ngô, Việt, kỳ âm đại đô kiều mị động nhân. Nhất đĩ kỳ mạo, tắc mỹ ố phán nhiên hỹ. Nhĩ văn bất như mục kiến, ư thử ích tín.

NHÀN ĐÀM

Tôi không biết đến giọng nữ của các xứ Yên, Tần, Ngô, Việt, nhưng coi phim Trung Quốc, nghe giọng hát của cô gái trong phim, càng tin điều này!

49.

Tìm cảnh an lạc thì nên học tiên, lánh chốn khổ đau thì nên học Phật. Phật gia có “thế giới Cực lạc”, là nói đến chỗ mà mọi khổ não đều không đến được.

尋樂境乃學仙，避苦趣乃學佛。佛家所謂「極樂世界」者，蓋謂眾苦之所不到也。

Tâm lạc cảnh nãi học Tiên, tỵ khổ xúc nãi học Phật. Phật gia sở vị “Cực lạc thế giới” giả, cái vị chúng khổ chi sở bất đáo dã.

NHÀN ĐÀM

Kinh Duy Ma nói Kinh Duy Ma Cật, Phật Quốc Phẩm, nói: “Bồ Tát nhược đắc Tịnh Độ, đương tịnh kỳ tâm, tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh.” Bồ Tát muốn có được cõi Tịnh Độ thì nên giữ tâm thanh tịnh, hễ tâm mà thanh tịnh thì cõi Phật tự nhiên sẽ thanh tịnh. Bồng Lai tiên cảnh hay Cực Lạc thế giới, Vương Quốc của Chúa hay Thiên Đàng cũng chỉ là thế giới Ta Bà này. Tâm sao cảnh vậy. Tâm an trụ trong lạc cảnh thì thế giới là cõi Bồng Lai; giữ tâm được bình yên, không còn đau khổ thì cõi đời là thế giới Cực Lạc. Sao phải tìm ở đâu xa?

50.

Giàu sang mà vất vả, không bằng nghèo hèn mà thanh nhàn; nghèo hèn mà kiêu ngạo, không bằng giàu sang mà khiêm cung.

富貴而勞悴，不若安閒之貧賤；貧賤而驕傲，不若謙恭之富貴。

Phú quý nhi lao tụy, bất nhược an nhàn chi bản tiện; bản tiện nhi kiêu ngạo, bất nhược khiêm cung chi phú quý.

NHÀN ĐÀM

Giàu mà vất vả là lẽ thường. Không nhọc thân nhưng nhọc tâm. Tự cổ chí kim, những kẻ làm giàu chân chính đều phải lao tâm khổ tứ, toan tính đủ điều, trừ những kẻ giàu nhờ thừa hưởng gia sản hoặc giàu nhờ những đồng tiền bất nghĩa. Tục ngữ ta có câu: “Nhà giàu hay mất, nhà bản hay ăn” để chỉ sự bận rộn của nhà giàu.

Giàu sang mà khiêm cung thì dĩ nhiên là điều hiếm có, nhất là trong một xã hội đầy đầy những kẻ trọc phú loại “*trưởng giả học làm sang*” lố lằng như trong xã hội ta hiện nay. Nhưng nghèo hèn mà kiêu ngạo là điều tưởng chừng như nghịch lý. Con người hễ đã sống trong cảnh nghèo hèn thì thường thường tự ty mặc cảm, đâu có thể dựa vào cái gì để kiêu ngạo, trừ phi đó là kẻ mang tinh thần “*tự sướng*” kiểu A.Q! Thật ra, hai chữ “*kiêu ngạo*” ở

đây có nghĩa là mang bản tính khẳng khái, không chịu
cầu cạnh nơi người.

51.

*Mắt không tự thấy, mũi không tự ngửi, lưỡi không tự
nếm, tay không tự sờ, chỉ có tai tự nghe được tiếng mình.*

目不能自見，鼻不能自嗅，舌不能自舐，手
不能自握，惟耳能自聞其聲。

Mục bất năng tự kiến, tỵ bất năng tự khứu, thiết bất
năng tự thị, thủ bất năng tự ác, duy nhĩ năng tự văn kỳ thanh.

52.

*Âm thanh nên nghe từ xa, riêng tiếng đàn cầm nghe xa
gần đều thích hợp.*

凡聲皆宜遠聽，惟聽琴則遠近皆宜。

Phàm thanh giai nghi viễn thính, duy thính cầm viễn
cận giai nghi.

NHÀN ĐÀM

Cầm là một loại đàn dây của Trung Quốc thời cổ,
còn có tên là *cổ cầm*. Ban đầu có năm dây, về sau được cải

tiến, nâng lên thành bảy dây, nên còn có tên là *thất huyền cầm*. Trong nhạc cụ Trung Quốc, từ *cầm* được dùng để tượng trưng cho âm nhạc, như “*cầm, kỳ, thi, họa*”, “*cầm thư*”, “*cầm kiếm*”, “*cầm ca*”, v.v...; hoặc được dùng như một danh từ chung để chỉ các loại nhạc cụ, như nguyệt cầm, thụ cầm, cương cầm (tức piano, ta thường gọi là dương cầm), tiểu đề cầm (tức violon, ta thường gọi là vĩ cầm), v.v...

Trương Trào sống đời Thanh, chỉ biết đến đàn cầm, nên nói đến tiếng đàn cầm. Nếu sinh ra thời nay, hẳn ông sẽ “*Tiếng dương cầm, vĩ cầm hay guitar nghe xa gần đều thích hợp.*”

53.

Mắt không đọc được chữ, còn buồn hơn cả bị mù; tay không cầm được bút, còn khổ hơn cả bị câm.

目不能識字，其悶尤過於盲；手不能執管，其苦更甚於啞。

Mục bất năng thức tự, kỳ muộn vưu quá ư mạnh; thủ bất năng chấp quản, kỳ khổ cánh thậm ư á.

NHÀN ĐÀM

Làm người mà biết đọc chữ, đó là một điều may mắn. Nếu biết viết lách thì còn may mắn hơn nữa. Tự để mình

mù chữ là một điều đại đột, chẳng khác nào kẻ sinh ra mắt sáng mà chịu sống trong cảnh mù lòa. Cầm bút viết nên chữ là để diễn tả điều muốn nói, không làm được thế, có hơn gì một người câm?

Tôi muốn nói thêm: tai không nghe được âm nhạc cũng chẳng hơn bị điếc, chân không được đi du ngoạn đây đó cũng chẳng khác bị què.

54.

Chùm đầu họa thơ, bá cổ luận văn, trong cung ứng chế, đi sứ chư hầu, đó đều là những việc cực khoái chốn nhân gian.

並頭聯句，交頸論文，宮中應制，歷使屬國，皆極人間樂事。

Tính đầu liên cú, giao cảnh luận văn, cung trung ứng chế, lịch sứ thuộc quốc, giai cực nhân gian lạc sự.

NHÀN ĐÀM

Chùm đầu, bá cổ tả cảnh nam nữ kẻ cận yêu thương, đó hẳn là lúc quên cả trời đất, hình hài. Nếu trong thời khắc du dương đó mà có thể cùng nhau xướng họa, bình văn há chẳng phải là một việc cực khoái chốn nhân gian ư? Nếu có thêm rượu và đàn thì có đem cỡi đó đánh đổi cả thiên đàng chắc cũng chẳng mấy ai thềm đổi!

Ứng chế là làm thơ theo yêu cầu của nhà vua, được vua triệu vào cung, cận kề bên vua để làm thơ. Kẻ tầm thường ắt lấy đó làm vinh diệu, nhưng bậc nhĩ sĩ sẽ không muốn để tâm. Nếu vua đó là Đường Minh Hoàng để Lý Bạch, trong cơn say, vung bút thành ba bài *Thanh Bình Diệu* quán tuyệt kim cổ kim tặng nhan sắc Dương Thái Chân thì đó quả là điều cực khoái chốn nhân gian. Nhưng nếu đó là một ông vua dung tục để kẻ sĩ phải làm thơ chúc tụng thì e rằng uống phí cả thi ca.

Đi sứ chư hầu là ra đi với tư thế thượng phong. Dù phải bạt thiệp trường đồ, lặn lội gió sương, nhưng được tiếp đón bằng nghi thức của bậc thượng tôn, được thể hiện uy phong của sứ thần thượng quốc, há cũng chẳng phải là điều cực khoái ư? Thử đọc những câu thơ Đông Pha tiền em là Tử Do đi sứ Khiết Đan:

*Vân hải tương vọng ký thử thân,
Na nhân viễn thích cánh thêm cân.
Bất từ dịch kỵ lãng phong tuyết,
Yếu sử thiên kiều thúc phụng lân.*

雲海相望寄此身，
那因遠適更沾巾。
不辭驛騎凌風雪，
要使天驕識鳳麟。

Người đi sứ dẫn thân ra đi giữa cảnh trời biển mênh mang, há vì chuyến viễn trình diệu vợi mà để lệ thấm

đầy khăn? Chẳng khước từ chuyện xông pha gió tuyết, vì cần phải để đám “con trời kiêu ngạo” kia hiểu được tư thế như phụng hoàng, phong thái như kỳ lân của người đi sứ. Toàn bộ bài thơ dĩ nhiên còn có thể hiểu trên một bình diện khác, nhưng hai câu 3,4 thật chan chứa hùng tâm, hợp với ý của câu nói Trương Trào.

55.

Trong truyện Thủy Hử, Võ Tòng hỏi Tưởng Môn Thần: “Sao không phải là họ Lý? ”. Lời đó tuyệt diệu lạ thường. Họ người thì có họ đẹp họ xấu, như các họ Hoa, họ Liễu, họ Vân, họ Tô, họ Kiều đều cực kỳ phong vận. Còn các họ như họ Mao, họ Lại, họ Tiêu, họ Lại đều như bụi bay vào mắt, gai chọc vào tai mà thôi.

《水滸傳》, 武松詰蔣門神云: 「為何不姓李? 」此語殊妙。蓋姓實有佳有劣, 如華, 如柳, 如雲, 如蘇, 如喬, 皆極風韻。若夫毛也, 賴也, 焦也, 牛也, 則皆塵於目而棘於耳者也。

“Thủy Hử truyện” Võ Tòng cật Tưởng Môn Thần vân: “Vi hà bất tính Lý?”. Thử ngữ thù diệu. Cái tính thực hữu giai hữu liệt, như Hoa, như Liễu, như Vân, như Tô, như Kiều, giai cực phong vận; nhược phụ mao dã, lại dã, tiêu dã, ngư dã, tắc giai trần ư mục nhi cức ư nhĩ dã.

56.

Hoa đẹp đáng xem, mà lại có mùi thơm là: mai, cúc, lan, thủy tiên, chu lan, mộc hương, mai cô, lạp mai; còn các loại hoa khác chỉ đáng xem mà thôi.

花之宜於目，而復宜於鼻者：梅也，菊也，蘭也，水仙也，珠蘭也，木香也，玫瑰也，蠟梅也，餘則皆宜於目者也。

Hoa chi nghi ư mục, nhi phục nghi ư tỵ giả: mai dã, cúc dã, lan dã, thủy tiên dã, châu lan mộc hương dã, mai cô dã, lạp mai dã, dư tắc giai nghi ư mục giả dã.

57.

Hoa và lá đều đáng xem: trước hết là thu hải đường, kế đó là sen, rồi mới đến hải đường, đồ kiểng, ngư mỹ nhân. Lá đẹp hơn hoa, chỉ có nhận lai hồng, mỹ nhân tiêu mà thôi. Hoa và lá đều chẳng đáng xem: đó là tử vi và tân di.

花與葉俱可觀者：秋海棠為最，荷次之，海棠，酴醾，虞美人，水仙又次之。葉勝於花者，止雁來紅，美人蕉而巳。花與葉俱不足觀者：紫薇也，辛夷也。

Hoa dữ diệp câu khả quán giả, thu hải đường vi tối, hà thứ chi, hải đường, đồ kiếm, ngu mỹ nhân, thủy tiên, hựu thứ chi. Diệp thắng ư hoa giả, chỉ nhận lai hồng, mỹ nhân tiêu nhi dĩ. Hoa dữ diệp câu bất túc quán giả: tử vi dã, tân di dã.

NHÀN ĐÀM

Tại hạ chỉ là người thích ngắm hoa, chứ không biết nhiều về hoa nên không dám lạm bàn.

58.

Kẻ thích những lời nói cao kỳ về chuyện ẩn dật ở núi rừng thì thường không thích bàn chuyện triều đình. Nếu quả là vậy thì vất bỏ các loại sách như “Sử Ký” và “Hán Thư” đi, chẳng cần đọc đến, vì nội dung của chúng cũng chỉ bàn đến chuyện triều đình thời cổ.

高語山林者，輒不善談市朝事。審若此，則當並廢《史》，《漢》諸書而不讀矣。蓋諸書所載者，皆古之市朝也。

Cao ngữ sơn lâm giả, triếp bất hỷ đàm thị triều sự. Thẩm nhược thử, tắc đương tính phế ”Sử” ”Hán” chư thư nhi bất độc hỷ. Cái chư thư sở tải giả, giai cổ chi thị triều dã.

NHÀN ĐÀM

Trương Trúc Pha 張竹坡 bàn: “Kẻ có lời cao kỳ ắt chỉ là kẻ ẩn sĩ chuộng hư danh, người thực sự vào rừng núi mới có tài linh luân triều chính.” (Cao ngữ giả tất thị hư thanh xử sĩ, chân nhập sơn giả phương năng kinh luân thị triều. 高語者必是虛聲處士真入山者方能經綸市朝。)

59.

Mây là vật biến hóa: hoặc cao chót vót như núi, hoặc mênh mông như nước, hoặc giống như người như thú, hoặc giống như lông chim vẩy cá. Cho nên mọi thứ trong thiên hạ đều có thể vẽ được, duy mây thì không. Cái gọi là vẽ mây, chỉ là cách nói gượng mà thôi.

雲之為物：或崔巍如山，或潏灩如水，或如人，或如獸，或如鳥毳，或如魚鱗。故天下萬物皆可入畫，惟雲不能畫。世所畫雲，亦強名耳。

Vân chi vi vật, hoặc thôi nguy như sơn, hoặc liễm diễm như thủy, hoặc như nhân, hoặc như thú, hoặc như điều thúy, hoặc như ngư lân. Cố thiên hạ vạn vật giai khả họa, duy vân bất năng họa, thế sở họa vân diệc cường danh nhĩ.

NHÀN ĐÀM

Mây vốn biến ảo vô thường, không bao giờ có một hình dạng cố định.

Thiên thượng phù vân như bạch y,

Tư tu cải biến như thương cầu.

天上浮雲如白衣，

斯須改變如蒼狗。

(Trên trời mây trôi như áo trắng,

Bồng chốc biến hình thành chó xanh.)

(Đỗ Phủ – Khả thán 可歎)

Mây thay đổi không lường, như cuộc sống.

Lò cừ nung nấu sự đời,

Bức tranh vân cầu vẽ người tang thương.

(Cung oán ngâm khúc)

Nhưng bảo rằng không thể vẽ mây được thì e rằng không khỏi có chút khiên cưỡng. Thi ca vẫn thường dùng sắc tương để diễn đạt thanh âm. Tôi xin trích thử hai câu diễn tả tiếng đàn không hâu trong bài *Lý Bằng không hâu dẫn* (Bài thơ về tiếng đàn không hâu của Lý Bằng) của nhà thơ Lý Hạ.

Côn sơn ngọc toái phượng hoàng khiêu.

Phù dung khắp lộ, hương lan tiếu.

昆山玉碎鳳凰叫，

芙蓉泣露香蘭笑。

(Nghe như tiếng hót phượng hoàng

Côn sơn ngọc vỡ trên ngàn xa khơi

Phù dung khóc hạt sương rơi

Còn nghe e ấp nụ cười hương lan.)

Có thể dùng hình ảnh hoa phù dung khóc sương mai, và đoá hương lan vừa hé nụ để diễn đạt được tiếng đàn thì hà cớ gì không thể dùng bút để vẽ mây, vốn là sắc tướng? Nếu bảo rằng không thể vẽ được thì không phải là không thể vẽ được, mà chỉ e là tài năng chưa đủ tầm. Dưới ngọn thân bút của Ngô Đạo Tử, Văn Dữ Khả hay Cổ Khải Chi thì có gì là bất khả?

60.

Sống ở thời thái bình, sinh ra ở chốn hồ núi, quan địa phương thanh liêm, gia đình êm ấm, con cái thông minh, đời người được như thế có thể gọi là toàn phúc.

值太平世，生湖山郡，官長廉靜，家道優裕，娶婦賢淑，生子聰慧。人生如此，可云全福。

Trị thái bình thế, sinh hồ sơn quận, quan trưởng liêm tĩnh, gia đạo ưu dụ, thú phụ hiền thực, sinh tử thông tuệ. Nhân sinh như thử, khả vân toàn phúc.

NHÀN ĐÀM

Cuộc sống hạnh phúc như câu nói của Trương Trào họa chẳng chỉ có trong tranh vẽ, hoặc trong hoặc giấc mơ. Nhưng đời người được như thế có thực sự là toàn phúc chăng?

Ngày còn nhỏ, khi đọc truyện thần thoại của Tàu, ai lại không mơ tưởng đến thế giới huyền ảo của các vị thần tiên sống trường sinh bất lão, quanh năm chỉ lo luyện linh đan, rồi cưới hạc, cưới mây đến thăm nhau, suốt ngày chẳng một chút lo toan, cứ đánh cờ, ngâm thơ, uống rượu. Mới nhìn thì thật tuyệt, nhưng ngẫm ra, nếu cứ sống mãi trong cảnh đó hàng ngàn, hàng vạn năm thì quả là tẻ nhạt. Mà một cuộc sống lờ đờ tẻ nhạt đôi khi còn khó chịu hơn cả cuộc sống nhọc nhằn.

Theo thế giới quan của Phật giáo, thế giới của chúng ta được gọi là Nam Thiệm Bộ Châu ở phương Nam, còn ở phương Bắc thì có một châu được gọi là Bắc Câu Lô Châu. Đó là một nơi được xem như xã hội lý tưởng, hoàn toàn không chính phủ, pháp luật, kinh tế, lao động, thương mại, v.v... con người ở đó sống cả ngàn năm trong cảnh thanh nhàn, hạnh phúc, hoàn toàn không có lo âu, phiền muộn. So với cảnh đời qua sự mô tả của Trương Trào thì tưởng chừng nơi đó còn tuyệt vời hơn nữa. Đó quả là Bồng Lai tiên cảnh. Nhưng Phật giáo lại cho rằng sinh vào nơi đó lại là điều bất hạnh!

Con người chỉ khám phá ra mình và vượt lên được bản thân mình khi đương đầu với trở ngại, khổ đau. Không có trở ngại, khổ đau thì tinh thần và nhân cách con người không thể phát triển đến cảnh giới cao hơn. Đó là điều chắc chắn.

Sinh ra làm người mà được sống như câu nói Trương Trào thì chẳng khác gì con chim cảnh được nuôi nhốt

trong lồng son. Đẹp đấy. Thanh nhàn đấy. Nhưng nó làm sao hiểu được đường bay kiêu dũng của con chim ưng giữa thảo nguyên bao la?

Làm người mà sinh ra được như Trương Trào nói, đó có phải là toàn phúc hay không thì chưa biết, nhưng nếu sinh ra trong xã hội độc tài về chính trị, suy đồi về đạo đức, sống trong chốn môi trường nhiễm độc, sự dối trá và dè tiện được tôn vinh, thói xu nịnh được xem trọng, văn hóa đồ nát, quan lại thì ngu xuẩn mà tham lam, người hiền tài không được trọng dụng, người dân hoàn toàn mất hết niềm tin vào cuộc sống, thì đời người như thế có thể xem là đại bất hạnh.

61.

Những vật để thưởng ngoạn trong thiên hạ, làm thì ngày càng tốn nhiều công sức, mà giá trị thì ngày càng thấp, nên chẳng lạ gì cảnh dân nghèo khổ.

天下器玩之類，其製日工，其價日賤，毋惑乎民之貧也。

Thiên hạ khí ngoạn chi loại, kỳ chế nhật công, kỳ giá nhật tiện, vô hoặc hồ dân chi bần dã.

NHÀN ĐÀM

Vô hoặc có nghĩa là “chẳng lạ gì”, “không ngạc nhiên gì”.

62.

Nuôi hoa trong bình cổ nhỏ, thì các vẻ cao thấp nhỏ lớn của bình nên cùng hoa tương xứng. Nhưng màu sắc đậm nhạt thì nên cùng hoa tương phản.

養花膽瓶，其式之高低大小，須與花相稱。而色之淺深濃淡，又須與花相反。

Dưỡng hoa đảm bình, kỳ thức chi cao đê đại tiểu, tu dĩ hoa tương xứng. Nhi sắc chi thiển thâm nùng đậm, hựu tu dĩ hoa tương phản.

NHÀN ĐÀM

Đảm bình là loại bình cổ nhỏ mà thân lớn.

63.

Mưa xuân như chiếu vua ban ân huệ, mưa hè như thư xá tội, mưa thu như lời hát điệu người chết.

春雨如恩詔，夏雨如赦書，秋雨如輓歌。

Xuân vũ như ân chiếu, hạ vũ như xá thư, thu vũ như vãn ca.

NHÀN ĐÀM

Mùa xuân khí hậu mát mẻ, gió mát, trời trong khiến con người cảm thấy vô cùng thoải mái, nếu có thêm mưa xuân phơi phới nữa thì đúng là giống như đã có bóng lộc rồi lại được thụ hưởng thêm ân huệ.

Chỉ những ai sống ở miền khí hậu nắng hè đổ lửa, hoặc sống trong những ngày khô hạn, mới thấy giá trị của cơn mưa hè. Kim Thánh Thán, khi phê bình vở Mái Tây, có nói đến 33 điều thống khoái trên đời, trong đó điều thống khoái thứ nhất nói về mưa hè, khiến ta không thể nhớ đến câu nói thú vị của Trương Trào.

*Mùa hè qua tháng bảy, mặt trời đỏ ngang trời
... Gió cũng không. Mây cũng không. Sân trước,
sân sau, nắng chói như lò lửa. Không một con
chim nào dám bay. Bỏ hơi ra khắp mình, ngang
dọc thành rãnh nước. Cơm để trước mặt không
sao nuốt được. Gọi chiếu muốn nằm xuống nước
thì đất ướt như mỡ. Ruồi xanh lại xúm đến, leo
lên cổ, đậu lên mũi, đuổi chẳng buồn đi. Đương
lúc không biết làm thế nào được, bỗng mây đen
kéo kín, tiếng rầm rầm rộ rộ nghe như có trăm
vạn chiêng trống ... Mái tranh chảy như thác.
Bỏ hơi trên mình biến mất! Đắt ráo như lau
... Ruồi bay hết. Cơm ăn thấy ngon miệng,
chẳng cũng sướng sao. (Mái Tây, tr.156 – 160,
Nhuộm Tống dịch, NXB Tân Việt, Sài Gòn).*

Chỉ cần đọc và hình dung thôi cũng đã thấy “chẳng

cũng sướng sao” rồi, hưởng gì trải nghiệm thật? Đúng là “mưa hè như thư xá tội”.

Vào mùa thu thì vạn vật đã bắt đầu thê lương, ảm đạm để đi vào cảnh tượng tiêu điều, khiến con người không khỏi sầu bi, nếu thêm mưa dầm nữa thì con người lại càng thêm phiền não, cho nên đem so sánh mưa thu với *“lời hát điệu người chết.”* quả là diệu bút. Không hiểu sao Trương Trào không nói đến mưa đông? Nếu nói, ắt hẳn ông sẽ nói *“mưa đông giống như đi đưa đám tang”!*

64.

Mười tuổi làm thần đồng, hai mươi ba mươi làm tài tử, năm mươi làm danh thần, sáu mươi làm thần tiên, có thể nói đó là người hoàn toàn vậy.

十歲為神童，二十，三十為才子，四十，五十為名臣，六十為神仙，可謂全人矣。

Thập tuế vi thần đồng, nhị thập tam thập vi tài tử, tứ thập ngũ thập vi danh thần, lục thập vi thần tiên, khả vi toàn nhân hĩ.

NHÀN ĐÀM

Trong lịch sử Việt Nam chắc chỉ có được một người tạm đúng với câu nói này, đó là cụ Nguyễn Công Trứ – một nhân vật phong lưu văn võ song toàn, lại rất mực

chịu chơi!

Xin ghi lại đây bài thơ Ngất ngưỡng của ông, giống như một bản “sơ yếu lý lịch” ghi lại hành trạng của Alexis Zorba Việt Nam!

*Vũ trụ nội mạc phi phận sự,
Ông Hi Văn tài bộ đã vào lòng,
Khi Thủ khoa, khi Tham tán,
khi Tổng đốc Đông,
Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưỡng.
Lúc Bình Tây cầm cờ đại tướng,
Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên.
Đô môn giải tổ chi niên,
Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưỡng.
Kìa núi nọ phau phau mây trắng,
Tay kiếm cung mà nên dáng từ bi,
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưỡng.
Được mất dương dương người thái thượng,
Khen chê phơi phới ngọn đông phong.
Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng,
Không Phật, không tiên, không vương tục.
Chẳng Hàn, Nhạc, cũng phường Mai Phúc,*

Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung.

Đời ai ngắt ngưỡng như ông.

Từ thuở nhỏ, ông đã nổi tiếng giỏi văn chương. Dù đến 42 tuổi (năm 1819), ông mới đỗ Giải nguyên, nhưng mấy chục năm làm quan cũng đủ cho ông để lại một sự nghiệp quân sự, kinh tế, thi ca rạng rỡ không mấy ai bì kịp. Dù khi làm quan lớn hay khi bị đày làm lính thú, dù trong chốn quan trường hay chốn dân gian, ông cũng đều sống phóng khoáng, chịu chơi với cốt cách tài tử phong lưu.

Trong sách *Đại Nam Liệt Truyện* có nhận xét về ông:

Công Trứ là người trác lạc, có tài khí, có tài làm văn, càng giỏi về quốc âm, làm ra thi ca rất nhiều, khí hào mai, phổ đầy ở trong âm luật; đến nay hầy còn truyền tụng. Trứ làm quan thường bị bãi cách rồi được cất nhắc lên ngay; tỏ sức ở chiến trường nhiều lần lập được công chiến trận. Buổi đầu Trứ lĩnh chức doanh điền, sửa sang mới có trong một năm mà các việc đều có đầu mối, mở mang ruộng đất, tụ họp lưu dân, thành ra mối lợi vĩnh viễn. Khi tuổi già về nghỉ, tức thì bỏ qua việc đời, chơi thú sơn thủy, trải hơn mười năm có cái hứng thú phớt thoáng ra ngoài sự vật. Đến người ta, phần nhiều tưởng đến phong độ khí thái của ông. Sau khi Trứ mất, các huyện ấp do ông lập ra đều dựng đền để thờ. (bản dịch của nhiều dịch giả, NXB Văn

học, Hà Nội 2002.)

Đọc bài thơ và lời bàn của *Đại Nam Liệt Truyện*, cũng đủ thấy trong lịch sử Việt Nam, ngoài Nguyễn Công Trứ ra, chắc chẳng mấy có ai xứng với hai chữ *toàn nhân* của Trương Trào.

65.

Người học võ không đánh bữa, đó là văn trong võ; người viết văn không cố chấp, đó là võ trong văn.

武人不苟戰，是為武中之文；文人不迂腐，是為文中之武。

Võ nhân bất cầu chiến, thị vi võ trung chi văn; văn nhân bất vu hủ, thị vi văn trung chi võ.

NHÀN ĐÀM

Người học võ mà cứ hung hãn đánh bữa, thì không khỏi trở thành võ biên thô lỗ. Người cầm bút mà cứ cố chấp thì văn chương không còn linh hoạt phiêu bổng. Khổng Tử nói: “*Chất thắng văn tắc dã, văn thắng chất tắc sử. Văn chất bản bản, nhiên hậu quân tử.* 質勝文則野，文勝質則史。文質彬彬，然後君子。” Hễ để thực chất vượt trội hơn văn thái thì giống như kẻ quê mùa, mà để văn thái vượt trội quá cái thực chất thì trở nên phù phiếm. Thực chất và văn thái phải để huề tương hợp thì

mới gọi là người quân tử. Bắt chước Khổng Tử, ta nói với Trương Trào: “*Võ phi văn tắc thô, văn phi võ tắc cố. Văn võ bản bản nhiên hậu hoàn mỹ.*” “武非文則粗, 文非武則固, 文武彬彬然後完美。” !

66.

Văn nhân giảng chuyện quân, phần lớn là nói suông; võ tướng luận văn chương, quá nửa là nghe lóm.

文人講武事，大都紙上談兵；武將論文章，半屬道聽途說。

Văn nhân giảng võ sự, đại đô chỉ thượng đàm binh; võ tướng luận văn chương, bán thuộc đạo thính đồ thuyết.

NHÀN ĐÀM

“*Chỉ thượng đàm binh*” (bàn việc quân trên giấy) có nghĩa là chỉ bàn suông về mặt lý thuyết, chứ không hề có kinh nghiệm thực tiễn. Thành ngữ này xuất phát từ một điển cố trong Sử Ký Tư Mã Thiên.

Theo Sử Ký Tư Mã Thiên, Triệu Quát là con của danh tướng nước Triệu là Triệu Xa. Từ nhỏ, Quát đã học binh pháp, bàn việc quân, tự cho thiên hạ không ai bằng mình. Mỗi khi Quát cùng cha bàn việc quân, Triệu Xa không sao cãi lại được, nhưng vẫn không cho là Quát đúng. Người mẹ hỏi lý do, Xa đáp:

Việc binh là đi vào đất chết, mà Quát nói nghe sao dễ quá. Nếu nước Triệu không dùng Quát làm tướng thì thôi, nếu nhất định dùng làm tướng thì kẻ phá quân Triệu là Quát đó! (Binh, tử địa dã, nhi Quát dị ngôn chi. Sử Triệu bắt tướng Quát, tức dĩ; nhược tất tướng chi, phá Triệu quân giả tất Quát dã! 兵，死地也，而括易言之。使趙不將括，即已；若必將之，破趙軍者必括也！)

Triệu Xa mất, Quát được Triệu Vương phong làm tướng, dẫn 20 vạn quân chống quân Tần. Tại trận Trường Bình, Quát trúng kế địch phải bỏ mạng, đại quân tan vỡ. Hơn 10 vạn quân Triệu đầu hàng, đều bị tướng Tần là Bạch Khởi cho chôn sống. Đó là tận thâm sát khủng khiếp nhất Trung Quốc thời Chiến Quốc.

Thành ngữ “đạo thính đồ thuyết” có xuất xứ từ câu nói của đức Khổng Tử trong chương Dương Hóa, sách Luận Ngữ: “Đạo thính nhi đồ thuyết; đức chi khí dã. 道聽而塗說，德之棄也。” (Nghe ở ngoài đường lớn rồi đi nói lại trong ngõ nhỏ, đó là cái đức bỏ đi.) Bốn chữ này dùng để nói đến cái học nông nổi, hời hợt, vơ đũa cả nắm, không có một chút căn bản nào. Nghe lóm, học chẳng đến nơi, hiểu biết nông cạn nhưng cứ nôn nóng làm thầy đời, đó là đặc điểm của cái học “đạo thính đồ thuyết” khắp cổ kim.

Đạo và đồ ở đây đều chỉ con đường. Có lần tôi viết sách, trích dẫn câu này, và “được” người biên tập sửa lại

thành “Đạo nghe xong mà thuyết giảng ngoài đường, đó là cái đức bỏ đi”!

Cái học “chỉ thượng đàm binh, đạo thánh đồ thuyết” hiện đã tràn lan khắp mọi lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực tư tưởng, chứ có riêng gì chuyện văn nhân giảng việc quân hay võ tướng luận văn chương đâu?

67.

Các bức “đấu phương” treo tường chỉ có ba loại là đáng giữ: thứ nhất là thơ văn hay, thứ hai là đề mục mới, thứ ba là hình thức tinh tế.

「斗方」止三種可取：佳詩文，一也；新題目，二也；精款式，三也。

“Đấu phương” chỉ tam chủng khả thủ: giai thi văn, nhất dã, tân đề mục, nhị dã, tinh khoản thức, tam dã.

NHÀN ĐÀM

Đấu phương là những bức thư pháp hình vuông. Không riêng gì các bức đấu phương, mà các bức hoành phi, liền đối thuộc ba loại đó đều đáng giữ cả.

68.

Tình phải gần đến mức si mê thì mới bắt đầu chân

thực, tài phải gồm cả ý thú thì mới bắt đầu biến hóa.

情必近於癡而始真;才必兼乎趣而始化。

Tình tất cận ư si nhi thủy chân, tài tất kiêm hồ thú nhi thủy hóa.

Nhàn đàm

Muốn thực sự hiểu bất cứ một thứ gì thì phải đẩy đam mê của ta đến chỗ tận cùng, phải *jusqu'au bout*! Chẳng hạn yêu mà cứ đắn đo, phân tích có nên yêu hay không (!), chỉ làm thơ tình tán tỉnh vớ vẩn thì ngàn đời cũng không biết thế nào tình yêu. Yêu phải si mê như Du Thán Chi yêu A Tử, A Tử yêu Tiêu Phong, Tiêu Phong yêu A Châu trong *Thiên Long Bát Bộ*, hoặc như Ân Ly yêu Trương Vô Kỵ trong *Ỗ Thiên Đồ Long ký* mới đáng gọi là yêu.

Ngạn ngữ Trung Quốc có câu “*Tình nhân nhân lý xuất Tây Thi*. 情人眼裡出西施” Trong mắt kẻ đang yêu thì người phụ nữ mình yêu hiện ra với dáng vẻ yêu kiều chẳng khác Tây Thi. Dân gian Trung Quốc còn có một mẩu chuyện lý thú: Có một anh chàng nọ yêu một cô gái chột mắt, từ đó về sau, anh ta thấy tất cả phụ nữ trong thiên hạ đều thừa một con mắt! Đó là “Tình tất cận ư si nhi thủy chân” vậy.

Tình đây không thuần là tình yêu, mà còn là cảm xúc. Có lần tôi ngồi trong bàn nhậu, một anh bạn ngà ngà say, cầm cây đũa dài thế con dao, vung lên để ngâm bài *Hồ Trường* bằng cái giọng bi phẫn của một người tài hoa lữ

vận, tôi cảm thấy điều đó có ý nghĩa hơn bất kỳ một bài bình giảng nào về nó. Ấy cũng là “Tình tất cận ư si nhi thủy chân” vậy.

Chữ hóa trong “*thủy hóa*” có nghĩa là cảnh giới xuất thần nhập hóa, đó là cực đỉnh của hai chữ tài hoa. Có tài là điều đáng trân trọng, nhưng nếu tài mà thêm được ý thú cao nhã để tôn thêm, như bầu trời xanh làm nền để tôn thêm vẻ đẹp của mây trắng, thì tài kia mới thực sự đi vào hóa cảnh. Vừa tài hoa, vừa uyên bác lại vừa có phong cách cao nhã xuất trần. Tình mà đi đến chỗ si mê thì nhiều người có được, nhưng tài mà kiêm ý thú cao nhã thì rất đổi hiếm hoi, cho nên Cố Thiên Thạch 顧天石 mới nói:

Tài mà kiêm ý thú cao nhã, nếu không phải là Tâm Trai [tức Trương Trào] thì không đủ để đảm nhận. (Tài kiêm hồ thú, phi Tâm Trai bất túc đương chi. 才兼乎趣，非心齋不足當之。)

Lục Vân Sĩ 陸雲士 nhận xét về câu nói của Trương Trào thật hay:

Phải là người thuộc nòi tình chân thật, là tài tử chân thật mới có thể nói được những lời này. (Chân tình chủng, chân tài tử, năng vi thử ngôn. 真情種，真才子，能為此言。)

Phải là “chân tình chủng” mới có thể đưa tình đến chỗ si mê, và phải là “chân tài tử” thì tài hoa mới đi vào hóa cảnh.

69.

Phàm hoa đẹp thì phần lớn hương không ngào ngạt, cánh ngàn tầng thì không kết trái. Được hoàn toàn thực khó thay! Kiêm được cả hai, chỉ có sen chăng?

凡花色之嬌媚者，多不甚香；瓣之千層者，多不結實；甚矣全才之難也。兼之者，其惟蓮乎？

Phàm hoa sắc chi kiều mị giả, đa bất thậm hương, biện chi thiên tầng giả, đa bất kết thực. Thậm hỷ toàn tài chi nan dã. Kiêm chi giả, kỳ duy liên hồ?

NHÀN ĐÀM

Chúng ta đọc thử bài *Ái liên thuyết* 愛蓮說 của Chu Đôn Di để cảm nhận thêm câu nói của Trương Trào:

Hoa của cây cỏ mọc dưới nước trên bờ, những loài đáng yêu thì nhiều lắm. Đào Uyên Minh đời Tấn chỉ thích mỗi loài cúc; từ đời Đường của họ Lý tới nay, người đời rất chuộng mẫu đơn, ta chỉ yêu mỗi loài hoa sen mọc từ bùn mọc mà không bị nhiễm, đong đưa giữa làn nước trong mà không ẻo lã mê người, bên trong rỗng mà bên ngoài thẳng, chẳng bỏ lan cũng không có cành nhánh, hương tỏa càng xa càng nhẹ, đứng yên thẳng tắp, có thể ngắm từ xa mà thường ngoạn không chán. Ta bảo rằng cúc là hoa của người ẩn

dật, mẫu đơn là hoa của kẻ giàu sang, còn sen là hoa của bậc quân tử vậy. Ôi! Yêu cúc, sau họ Đào còn nghe có vài người, yêu sen cùng với ta nào có còn ai, mà kẻ mẫu đơn thì nhiều lắm.

水陸草木之花，可愛者甚蕃。晉陶淵明獨愛菊；自李唐來，世人盛愛牡丹；予獨愛蓮之出淤泥而不染，濯清漣而不妖，中通外直，不蔓不枝，香遠益清，亭亭靜植，可遠觀而不可褻玩焉。予謂菊，花之隱逸者也；牡丹，花之富貴者也；蓮，花之君子者也。噫！菊之愛，陶後鮮有聞；蓮之愛，同予者何人；牡丹之愛，宜乎眾矣。

(Thuỷ lục thảo mộc chi hoa, khả ái giả thậm phần. Tấn Đào Uyên Minh độc ái cúc; tự Lý Đường lai, thế nhân thịnh ái mẫu đơn; dư độc ái liên chi xuất ô nê nhi bất nhiễm, trạc thanh liên nhi bất yểu, trung thông ngoại trực, bất mạn bất chi, hương viễn ích thanh, đình đình tịnh thực, khả viễn quan nhi bất khả tiết ngoạn yên. Dư vị cúc, hoa chi ẩn dật giả dã; mẫu đơn, hoa chi phú quý giả dã; liên, hoa chi quân tử giả dã. Y! Cúc chi ái, Đào hậu tiển hữu văn; liên chi ái, đồng dư giả hà nhân; mẫu đơn chi ái, nghi hồ chúng hỹ.)

Ca dao Việt Nam có bốn câu lục bát bình dị nhưng thật tuyệt về sen:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng, lại chen nhị vàng.
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

Câu hai tả vẻ đẹp tuần tự từ ngoài vào trong: từ lá đến bông, rồi đến nhị. Câu ba tả vẻ đẹp tuần tự từ trong ra ngoài: từ nhị đến bông, rồi đến lá. Cách tả đơn giản mà gần như hoàn hảo, với màu sắc tạo nên một sự hài hòa thanh nhã. Câu bốn nói lên được tất cả vẻ phiêu nhiên thoát tục bằng ngôn ngữ rất mực bình dân. “*Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*” Giống như bậc đạo gia “*hòa kỳ quang, đồng kỳ trần*” mà vẫn “*hư kỳ tâm*” của Lão Tử, hay như thiền sư thông dong “*thông tay vào chợ*” của Phật môn. Lăn lộn giữa chốn trần ai mà vẫn vô nhiễm với bao uế trọc của thế gian.

Câu văn Trương Trào tựa hồ như giải thích thêm cho ca dao xứ Việt vậy.

69.

Viết được một cuốn sách mới, đó là đại nghiệp thiên thu; chú giải được một bộ cổ văn, đó là hồng công vạn đại.

著得一部新書，便是千秋大業；注得一部古書，允為萬世宏功。

Trước đặc nhất bộ tân thư, tiện thị thiên thu đại nghiệp;
chú đặc nhất bộ cổ thư, doãn vi vạn thế hoằng công.

NHÀN ĐÀM

Người xưa viết sách là dốc cả tâm tư, đẽo gọt ruột gan để ghi vào ngọn bút. Viết được một bộ sách bằng huyết lệ để lưu truyền cho hậu thế, cái đó mới xứng đáng gọi là “đại nghiệp thiên thu”. Đỗ Phủ nói:

Văn chương thiên cổ sự,

Đắc thất thốn tâm tri.

文章千古事，

得失寸心知。

(Văn chương là chuyện ngàn năm,

Được hay mất, chỉ tắc lòng biết thôi.)

Tào Phi 曹丕 trong Điển Luận 典論 viết:

Văn chương là đại nghiệp trị nước, là thịnh sự ngàn đời. Tuổi thọ rồi có lúc hết, vinh họa vui thú rồi có lúc dứt với thân này, những thứ đó tất nhiên sẽ đến theo lẽ thường, sao bằng được sự vô cùng của văn chương. Cho nên các tác giả thời cổ gởi thân nơi bút mực, ghi lại ý tưởng nơi sách vở, không dùng đến ngôn từ của quan sử, không dựa dẫm thế lực của quan quyền, mà văn chương tự nhiên được lưu truyền hậu thế.

(Cái văn chương, kinh quốc chi đại nghiệp, bất hủ chi thịnh sự. Niên thọ hữu thời nhi tận, vinh lạc chỉ hồ kỳ thân, nhị giả tất chí chi thường kỳ, vị nhược văn chương chi vô cùng. Thị dĩ cổ chi tác giả, ký thân ư hàn mặc, hiện ý ư thiên tịch, bất giả lương sử chi từ, bất thác phi trì chi thể, nhi thanh danh tự truyền ư hậu. 蓋文章，經國之大業，不朽之盛事。年壽有時而盡，榮樂止乎其身，二者必至之常期，未若文章之無窮。是以古之作者，寄身於翰墨，見意於篇籍，不假良史之辭，不託飛馳之勢，而聲名自傳於後。)

Cổ nhân quan niệm văn chương là thể, há đâu phải là thứ văn chương hời hợt của đời sau!

Hoảng công là công lao vĩ đại. Ngày xưa, điều kiện tra cứu cực khó, nên chú giải được một bộ sách cổ đòi hỏi phải có tâm huyết, sự kiên trì và kiến thức hơn người. Có tâm huyết và kiên trì mà không có kiến thức uyên bác, cũng không thể chú giải được. Có kiến thức uyên bác mà không có tâm huyết và kiên trì cũng khó chú giải cho xong. Những công trình chú giải nghiêm túc đem ơn ích cho đời không ít, cho nên mới gọi là “hoảng công vạn đại”.

Hoàng Giao Tam 黃交三 nói:

Những chuyện khó trong đời, chú giải sách là một. Ngay ở những chỗ tầm thường nhất cũng

*cần phải nhận ra được nỗi khổ tâm của tác giả.
(Thế gian nan sự, chú thư đệ nhất. Đại yếu ư
cực tâm thường xú, yếu khán xuất tác giả khổ
tâm. 世間難事，注書第一。大要於極尋
常處，要看出作者苦心。).*

Người xưa cẩn trọng là thế, nên mỗi khi nhìn những cuốn sách biên khảo của các học giả tăng có, tục có, nhan nhản trên thị trường, mang nhan đề nào là *Thuyết giảng kinh X.*, nào là *Luận giải kinh Y.*, v.v... giống như ông đồ gàn chấm bài cho đám trẻ trường làng, tôi không khỏi nhớ đến câu này mà giật mình. Nội dung cuốn nào cũng na ná như nhau, chỉ toàn nhại lại kinh điển như con vẹt, nô lệ ngôn từ đến tận xương tủy, mà cũng hùng hồn giảng thuyết cho đại chúng bằng đủ loại ngôn ngữ đại ca sa. Hỡi ôi, lời Phật dạy toàn là những lời “*phị nhi ẩn*”, “*ngã thuyết..... tức phi... thị danh*”, cảnh giới tâm chứng của Đức Phật là cội bất khả tư nghì, đọc hiểu được một câu kinh cũng phải có túc duyên hân hữu, chứ đâu có phải là thứ để đem ra thuyết giảng hồ đồ bằng những ngôn từ cóp nhặt rỗng tuếch suy tư, trống không tư niệm? Chú giải được một bộ cổ văn, đã là “*hoằng công vạn đại*”, huống gì là kinh Phật? Nếu không có xuất thế trí và túc duyên hân hữu, mà cứ hì hục đem cái tục trí để hồ đồ “*chú giải*” thì tam thế chư Phật đều phải chịu trăm oan. Tình cảnh đó không khác gì điều Tô Đông Pha nói trong lời tựa *Kinh Lăng Già*:

Hễ được một câu kinh một bài kệ, đã tự cho là

liễu chứng. Cho đến hạng đàn bà con nít cũng võ tay mà cười nói, đua nhau luận đàm thiền duyệt. Kẻ cao thì vì danh, kẻ thấp thì vì lợi. Cái dư ba mặt lưu đó, không nơi nào là không chảy tới, mà Phật pháp suy vì vậy. (Đặc nhất cú nhất kệ, tự vị liễu chứng. Chí sử phụ nhân, nhự tử đề chuông hy tiểu, tranh đàm thiền duyệt. Cao giả vi danh, hạ giả vi lợi. Dư ba mặt lưu, vô sở bất chí, nhi Phật pháp vi hỹ. 得一句一偈, 自謂了證。至使婦人孺子抵掌嬉笑爭談禪悅。高者為名。下者為利。餘波末流。無所不至。而佛法微矣。)

Nếu các “học giả” đó mà hiểu được rằng một hạt cơm thừa trên bàn tiệc bát ngát của của Như Lai cũng đủ để thụ dụng suốt bình sinh, như Bùi Giáng từng cảnh tỉnh, thì làm sao dám cầm bút ghi những tiêu đề đao to búa lớn đường kia?

Nay nhân đọc câu văn của Trương Trào, bỗng thêm muôn phần cảm khái.

71.

Mời danh sư về để dạy cho con em, vào chốn danh sơn để luyện cử nghiệp, cầu danh sĩ để làm bài hộ, cả ba điều đó đều là việc sai lầm.

延名師訓子弟，入名山習舉業，丐名士代捉

刀，三者都無是處。

Diên danh sư huấn tử đệ, nhập danh sơn tập cử nghiệp, cái danh sĩ đại tróc đao, tam giả đồ vô thị xứ.

NHÀN ĐÀM

“Tróc đao” nghĩa là cầm đao, dựa theo một điển cố về Tào Tháo. Khi Tháo làm Ngụy Vương, phải tiếp sứ giả Hung Nô (có thuyết nói là sứ Đông Ngô). Tháo tự nghĩ mình dung mạo xấu xí, không đủ oai phong để trấn áp các lân quốc, nên sai một bề tôi đóng giả Ngụy Vương để tiếp sứ, còn mình thì giả làm tên lính cầm đao đứng hầu. Tiếp kiến xong, Tào Tháo phái người đến hỏi sứ thần nhận xét thế nào về Ngụy Vương, sứ giả đáp: “Vương phong nhã, oai nghiêm, không phải tầm thường, nhưng tên lính cầm đao đứng hầu kia mới thực sự là nhân vật anh hùng.” Tháo nghe xong, liền cho người đuổi theo, giết chết sứ giả.

Về sau, từ “tróc đao” được dùng để chỉ việc làm văn hộ cho người khác.

Câu danh sĩ để làm bài hộ dĩ nhiên là sai lầm. Nhưng vào chốn danh sơn để luyện cử nghiệp đâu có gì đáng trách, còn mời danh sư về để dạy dỗ cho con em có gì là không đúng?

72.

Gộp nét bút thành chữ, gộp chữ thành câu, gộp câu thành bài, đó là văn. Văn thể ngày càng nhiều thêm, đến lối văn bát cổ mới ngừng. Như cổ văn, thi, phú, từ, khúc, thuyết bộ, truyền kỳ tiểu thuyết, đều từ không có mà thành có. Vậy vào lúc chưa có các văn thể đó, dĩ nhiên là không ai liệu được ngày sau sẽ có một loại văn thể nào trong đó. Đợi đến khi có được một loại thì giống như trời sinh đất tạo, xem đó là vật cần phải có trong đời. Nhưng từ đời Minh đến nay chưa ai sáng tạo được một loại văn thể nào để con người đổi mới tai mắt. Trong kế hoạch lâu dài trăm năm về sau ắt phải có người, chỉ tiếc là không còn thấy được vậy.

積畫以成字，積字以成句，積句以成篇，為之文。文體日增，至八股而遂止。如古文，如詩，如賦，如詞，如曲，如說部，如傳奇小說，皆自無而有。方其未有之時，固不料後來之有此一體也。逮既有此一體之後，又若天造地設，為世必應有之物。然自明以來，未見有創一體裁新人耳目者。遙計百年之後，必有其人，惜乎不及見耳。

Tích hoạch dĩ thành tự, tích tự dĩ thành cú, tích cú dĩ thành thiên, vi chi văn. Văn thể nhật tăng, chí bát cổ nhi toại chí. Như cổ văn, như thi, như phú, như từ, như

khúc, như thuyết bộ, như truyền kỳ tiểu thuyết, giai tự vô nhi hữu. Phương kỳ vị hữu chi thời, cố bất liệu hậu lai chi hữu thử nhất thể dã. Đãi ký hữu thử nhất thể chi hậu, hựu nhược thiên tạo địa thiết, vi thể tất ứng hữu chi vật. Nhiên tự Minh dĩ lai, vị kiến hữu sáng nhất thể tài tân nhân nhĩ mục giả. Dao kế bách niên chi hậu, tất hữu kỳ nhân, tích hồ bất cập kiến nhĩ.

NHÀN ĐÀM

Đọc đoạn này, tôi bỗng cảm thấy vô vàn cảm khái. Những phát minh của loài người tự cổ chí kim đều là “*vô trung sinh hữu*”. Từ thuở hồng hoang mông muội đến nay, con người đã sáng tạo nên một nền văn minh rực rỡ, đến mức muốn đoạt cả quyền lực của Hóa Công, trừ vấn đề sinh tử. Chỉ cần hai chục năm trước đây, có ai dám nghĩ sẽ có trong tay cái smartphone kỳ diệu để nối kết được với cả thế giới? Vậy thì vài trăm năm tới nữa, con người sẽ còn có thêm những phát minh mới. Ta cũng hận như Trương Triều, tiếc là không thấy được!

73.

Mây phản chiếu ánh sáng mặt trời mà thành ráng, suối treo vào bờ đá mà thành thác. Cũng là một vật nhưng nương vào vật khác thì tên gọi cũng nhân đó mà khác đi. Đạo bạn bè sở dĩ quý là vì vậy.

雲映日而成霞，泉挂岩而成瀑。所托者異，而名亦因之。此友道之所以可貴也。

Vân ánh nhật nhi thành hà, tuyến quải nham nhi thành bộc. Sở thác giả dị, nhi danh diệc nhân chi. Thử hữu đạo chi sở dĩ khả quý dã.

NHÀN ĐÀM

Mây nhờ phản chiếu ánh sáng mặt trời mà thành ráng, ráng xinh đẹp hơn mây; suối nhờ treo vào bờ đá mà thành thác, thác hùng vĩ hơn suối. Một người luôn giao du với các bậc thiện tri thức thì có cơ hội học hỏi được nhiều điều tốt đẹp. Đó là đạo lý tất nhiên.

74.

Văn chương của đại gia, tôi yêu và hâm mộ, nguyện học theo; văn chương của danh gia, tôi yêu và hâm mộ, nhưng không dám học theo. Học theo đại gia mà không được, kêu bằng “khắc con ngỗng không thành cũng còn ra dáng con cò”; còn học danh gia mà không được, đó là “họa hổ không thành, ắt sẽ biến thành con chó.”

大家之文，吾愛之慕之，吾願學之；名家之文，吾愛之慕之，吾不敢學之。學大家而不得，所謂「刻鵠不成尚類鶩」也，學名家而不得，則是「畫虎不成反類狗」矣。

Đại gia chi văn, ngô ái chi, mộ chi, ngô nguyên học chi, danh gia chi văn, ngô ái chi, mộ chi, ngô bất cảm học chi. Học đại gia nhi bất đắc, sở vị ”khắc cốt bất thành, thượng loại vụ” dã, học danh gia nhi bất đắc, tắc thị ”họa hổ bất thành, phản loại cầu” hỹ.

NHÀN ĐÀM

“*Họa hổ không thành, ắt sẽ biến thành con chó.*” Đọc câu này tôi nhớ đến có nhiều kẻ bắt chước các tác gia nổi tiếng để viết sách bằng những ngôn ngữ đại cà sa được cốp nhặt vớ vẩn từ những trang sách của họ. Đọc qua chỉ toàn là chữ mà chẳng thấy nghĩa đâu, chấp vá theo kiểu “*đầu Ngô mình Sở*”, giống như đem cái áo rộng thùng khoác lên cái thân thể gầy nhom!

Có một bé gái ăn sữa chua nhiều nên bị trướng bụng. Mẹ dẫn đi khám bệnh, cô bác sĩ xoa bụng bé, rồi bảo: “*Cô biết bụng cháu lớn là vì sao rồi. Thôi đi nghe!*” Bé dạ và nhớ lời đó. Tuần sau, có bạn của mẹ đến chơi, cô này đang có bầu nên bụng lớn. Bé nhớ lại câu nói của bác sĩ, nên đến xoa bụng cô bạn của mẹ rồi nói: “*Cháu biết bụng cô lớn là vì sao rồi. Thôi đi nghe!*”

Những kẻ có chân tài thực học thì không cần phải bắt chước ai, còn những người không có chân tài thực học mà muốn bắt chước danh gia thì cũng nên nhớ câu chuyện này để mà “*Thôi đi nghe!*”

75.

Do giới được định, do định được tuệ, nỗ lực gần với tự nhiên; luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, thanh hư đâu còn cần bã?

由戒得定，由定得慧，勉強漸近自然，鍊精化氣，鍊氣化神，清虛有何渣滓？

Do giới đặc định, do định đặc tuệ, miễn cưỡng tiệm cận tự nhiên; luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, thanh hư hữu hà tra trử?

NHÀN ĐÀM

Giới luật, thiền định và trí tuệ là ba pháp môn tu hành của đạo Phật, gọi là Tam học. Trì giới thì tâm định, nhờ định mà sinh tuệ. Đạt được tuệ thì liễu ngộ sự vận hành của đạo pháp tự nhiên mà thoát ly sinh tử luân hồi.

Tinh là chất dinh dưỡng hấp thụ từ tinh hoa thức ăn, khí là sức hoạt động của nội tạng, thần là phần linh hoạt biểu hiện sức sống. Quan hệ giữa tinh, khí, thần trong mỗi cơ thể là mấu chốt chủ yếu để duy trì sự sống. Sinh mạng con người bắt đầu từ tinh, sống được là nhờ khí, mà chủ sinh mạng lại là thần. Tinh, khí, thần là ba khái niệm cơ bản trong phép tu tiên của đạo gia, được gọi là Tam bửu. Theo phép tu luyện của Đạo giáo, luyện tinh hóa thành khí mà kết ở tỳ, luyện khí hóa thành thần mà

kết ở tâm, rồi tiếp tục luyện tâm thần để quy vào cõi hư không, cuối cùng đem cõi hư không đó viên dung với đạo, giúp sinh mệnh được vĩnh hằng bất tử.

Vưu Hối Am 尤悔庵 nói:

Những lời này vô cùng bình thường, nhưng đạo nằm trong đó cả. (Cực bình thường ngữ, nhiên đạo tại thị hỹ. 極平常語，然道在是矣。)

76.

Nam Bắc Đông Tây đều có vị trí nhất định; còn trước sau, phải trái thì bất định.

南北東西，一定之位也；前後左右，無定之位也。

Nam Bắc Đông Tây, nhất định chi vị dã, tiền hậu tả hữu, vô định chi vị dã.

NHÀN ĐÀM

Tại các sân bay khi làm thủ tục check-in, khách đứng sắp hàng phải dừng tại vạch vàng vẽ trên nền nhà để chờ đến lượt mình trình giấy tờ. Có nơi ghi “Xin vui lòng đừng chờ sau vạch vàng.”, có nơi ghi “Xin vui lòng đừng chờ trước vạch vàng.” Nay đọc câu này của Trương Triều, nhớ lại mà buồn cười.

Tôi từng nói không thể phế bỏ hai nhà Phật và Đạo được, không phải vì hai đạo đó xây dựng được những viện cứu tế to lớn, theo cách nói sáo rỗng. Nhân vì những danh sơn thắng cảnh mà bọn ta muốn đến dạo chơi, nếu không có đạo quán, chùa chiền thì khi mỗi mệt, biết nghỉ chân nơi đâu, khi đói biết ai cho cơm nước? Thành linh gặp mưa to gió lớn, liệu gốc tùng có đủ để nương tựa không? Hoặc những hang sâu vực thẳm, không thể một ngày mà tham quan hết được, há có thể ngủ ngoài sương đêm mà chờ trời sáng chẳng? Hồ lang, rắn rít, liệu có thể dám chắc chúng không hại người chẳng? hơn nữa, nếu những nơi đó là sở hữu của sĩ đại phu thì liệu không phải hỏi đến chủ nhân để có thể tự do lên cao thăm di tích mà không bị cản trở chẳng? Không chỉ riêng có thế, đó là sản nghiệp của A, nhưng B tìm cách đoạt lấy, vậy là khơi mào cho tranh chấp. Cơ nghiệp do cha ông sáng lập, nếu con cháu nghèo không đủ sức sửa sang, để thành cảnh đổ nát, cũng khiến cho sông núi giảm đi vẻ đẹp vậy.

予嘗謂二氏不可廢，非襲夫大養濟院之陳言也。蓋名山勝境，我輩每思褰裳就之，使非琳宮，梵剎，則倦時無可駐足，飢時誰與授餐？忽有疾風暴雨，五大夫果真足恃乎？又或邱壑深邃，非一日可了，豈能露宿以待

明日乎？虎豹蛇虺，能保其不患人乎？又或為士大夫所有，果能不問主人，任我登陟憑弔而莫之禁乎？不特此也，甲之所有，乙思起而奪之，是啟爭端也；祖父之所創建，子孫貧，力不能修葺，其傾頽之狀，反足令山川減色矣。

Dư thường vị nhị thị bất khả phế, phi tập phù đại dương tế viện chi trần ngôn dã. Cái danh sơn thặng cảnh, ngã bối mỗi tư khiên thường tựu chi, sử phi lâm cung, Phạn sát, tắc quyện thời vô khả trú túc, cơ thời thùy dữ thụ xan? Hốt hữu tật phong bạo vũ, Ngũ đại phu quả chân túc thị hồ? Hựu hoặc khâu hác thâm thúy, phi nhất nhật khả liễu, khởi năng lộ túc dĩ đãi minh nhật hồ? Hồ báo xà hủy, năng bảo kỳ bất hoạn nhân hồ? Hựu hoặc vi sĩ đại phu sở hữu, quả năng bất vấn chủ nhân, nhiệm ngã đẳng trắc bằng điều nhi mặc chi cấm hồ? Bất đặc thử dã, Giáp chi sở hữu, Ất tứ khởi nhi đoạt chi, thị khải tranh đoan dã; tổ phụ chi sở sáng kiến, tử tôn bản, lực bất năng tu tập, kỳ khuynh đôi chi trạng, phản túc linh sơn xuyên giảm sắc hỹ.

NHÀN ĐÀM

Bằng điều là tham quan những di tích, di vật để tỏ lòng hoài niệm.

Ý tưởng về việc duy trì Phật giáo và Đạo giáo của Trương Triều thật thú vị, nhưng có lẽ chỉ còn đúng với thời xưa.

78.

Phải! Đó là nói riêng về danh sơn thắng cảnh. Chú đến trong thành thị, giữa ngã tư đường cái, cũng không thể thiếu một trong các loại đó được. Thứ nhất, du khách có thể nghỉ ngơi. Thứ hai, đi đường dài có thể nghỉ chân. Thứ ba, trà mùa hạ, canh gừng mùa đông có thể giúp dịch phu khỏi cơn mệt nhọc. Cả ba điều đó đều dựa theo sự lý mà nói, chứ không phải thuyết về phúc báo.

然，此特就名山勝景言之耳。即城市之內，與夫四達之衢，亦不可少此一種。客遊可做居停，一也；長途可以稍憩，二也；夏之茗，冬之薑湯，復可以濟役夫負戴之困，三也。凡此皆就事理言之，非二氏福報之說也。

Nhiên, thử đặc tựu danh sơn thắng cảnh ngôn chi nhĩ. Tức thành thị chi nội, dữ phù tứ đạt chi cù, diệc bất khả thiếu thử nhất chủng. Khách du khả tố cư đình, nhất dã; trường đồ khả dĩ sảo khế, nhị dã; hạ chi minh, đông chi khương thang, phục khả dĩ tế dịch phu phụ đại chi khốn, tam dã. Phàm thử giai tựu sự lý ngôn chi, phi nhị thị phúc báo chi thuyết dã.

NHÀN ĐÀM

Nhiên!

79.

Tuy không giỏi viết lách nhưng bút nghiên không thể không sạch, tuy không theo nghề y nhưng những phương thuốc linh nghiệm không thể không có, tuy không giỏi đánh cờ nhưng bàn cờ không thể không đầy đủ.

雖不善書，而筆硯不可不精；雖不業醫，而驗方不可不存；雖不工弈，而楸枰不可不備。

Tuy bất thiện thư nhi bút nghiên bất khả bất tinh, tuy bất nghiệp y nhi nghiệm phương bất khả bất tồn, tuy bất công địch nhi thu bình bất khả bất bị.

NHÀN ĐÀM

Tôi xin nói thêm: tuy không đàn hay nhưng cây đàn không thể không tốt, tuy không đọc sách nhiều nhưng trong nhà không thể không có một tủ sách nhỏ, tuy không hát hay nhưng trong cuộc vui của bè bạn không thể không đóng góp một bài.

80.

Kẻ tiêu dao ngoài đời bất tất phải giới tửu, nhưng phải giới tục; khách quần hồng bất tất phải giới văn nhưng phải biết cư xử dịu dàng.

方外不必戒酒，但須戒俗；紅裙不必通文，但須得趣。

Phương ngoại bất tất giới tửu, đăn tu giới tục; hồng quần bất tất thông văn, đăn tu đắc thú.

NHÀN ĐÀM

Đọc câu này, hẳn sẽ có không ít những vị chân tu – những người đã vui với mùi thiền duyệt trong cảnh tiêu dao thế ngoại, đã quyết tâm đem thân bỏ chốn am mây để cầu giải thoát – phải chau mày! Đem bậc phương ngoại tương phối với khách hồng nhan, chỉ có những tay tài tử như Trương Trào mới nghĩ ra ngẫu đề thú vị này.

Giới tục có nghĩa là dừng để trở nên thô tục, theo kiểu tục cốt phàm tâm, giống như: “*Nhân sáu thượng khả phi, Sĩ tục bất khả y.*” của Tô Đông Pha. Mới là kẻ sĩ mà đã tục thì hết thuộc chữa, huống chi là những kẻ rong chơi trời phương ngoại? Đó là những kẻ đã ly gia xuất thế, phiêu nhiên như hạc nội mây ngàn, đoạn tuyệt những lụy phiền của thế tục để sống một đời du tăng trong cảnh giới tự tại an nhiên. Đã sống một đời phiêu nhiên như mây nước, lòng không còn vướng trong vòng tục lụy thì hiển nhiên cốt cách phải thanh cao, phong thái phải xuất trần. Nếu không phải là người có trí tuệ xuất chúng và có tâm vô chấp quyết không làm được. Đó là một Đỗ Bá Thăng trong thơ của Tô Đông Pha:

Dục thức đương niên Đỗ Bá Thăng,

Phiêu nhiên vân thủy nhất cô tăng.

欲識當年杜伯升，

飄然雲水一孤僧。

Đỗ Bá Thăng là bạn Tô Đông Pha, người Thành Đô, đậu tiến sĩ, nhưng ý chí xuất trần, nên không muốn làm quan, mà xuất gia lấy pháp danh là Pháp Thông, qua lại ở miền Ngô Trung. Làm một du tăng sống đời “*phiêu nhiên vân thủy*”, như con nước chảy, như đám mây bay. Thân sống trong đời, nhưng tâm thuộc cõi trời phương ngoại. Đó là hình ảnh của tu sĩ độc cư “*cô đơn như một con tê giác*” sống hạnh xả ly trong kinh Khaggavisāṇa Sutta.

Giới tửu là điều cấm quan trọng của Phật giáo, đã có ngay từ trong tam quy ngũ giới của đệ tử tục gia, chứ chưa cần nói đến những giới cấm cao hơn. Nhưng uống rượu, giống như uống trà, cũng có nhiều cách uống. Đầu thế đem cách uống trà đá ừng ực như “*ngưu ẩm*” để sánh ngang với cách thưởng ngoạn trà theo phong cách trà đạo của người xưa? Đối với rượu cũng vậy. Người ta thường chia ra làm ba cách uống rượu: tục tửu, thường tửu và tiên tửu. *Tục tửu* là uống đến chỗ phóng đảng bữa bãi, không làm chủ được mình. Đây là cách uống của tục tửu phạm phu. *Thường tửu* là uống cho sảng khoái, uống chỉ vì thích uống mà thôi. Đây là cách uống của hạng thường nhân. Còn *tiên tửu* là uống rượu như một thứ trợ hứng để nâng cao cảnh giới tinh thần mà phát huy sáng tạo. Đối với kẻ phương ngoại thoát trần thì rượu uống hiển nhiên phải là tiên tửu. Cho nên đã thực sự là người thông tuệ, tự tại ngao du trong “*cõi ngoài*” như Đỗ Bá Thăng, nếu có một chút rượu để giúp tâm hồn thêm

mệnh mông tiêu sai thì hà cớ gì phải giới tửu? Hiền thánh như Khổng Tử mà còn không ngăn ngại diện kiến người đẹp Nam Tử thì hà cớ gì kẻ tiêu dao phương ngoại phải giới tửu một cách khắt khe? Nhưng nếu những kẻ không tài hoa, nường nhờ cửa Phật chỉ vì cùng đường mặt lộ, hay vì kiếm kế mưu sinh mà cũng bắt chước thực hiện điều này thì e sẽ làm rối loạn cửa Thiền!

Trần Định Cửu 陳定九, khi đọc câu nói của Trương Trào, đã có lời bình rất lý thú:

Ta uống rượu không nhiều, nhưng kẻ tiêu dao thế ngoại mà không biết uống rượu thì thế không nói chuyện; khách hồng quần mà không biết cư xử dịu dàng thì cũng chẳng thích cận kề. (Ngã bất thiện ẩm, nhi phương ngoại bất ẩm tửu giả thế bất dữ chi ngữ; hồng quần nhược bất thức thú, diệc bất lạc dữ cận. 我不善飲，而方外不飲酒者誓不與之語；紅裙若不識趣，亦不樂與近。)

Đã thế phát quy y, đem thân gởi chốn Không môn thì có nghĩa là rượu thành thuốc độc. Nhưng tuy rong chơi trời phương ngoại mà không biết uống rượu há chẳng phải là mất đi một người bạn giỏi như Trần Định Cửu? Chẳng đáng tiếc lắm ru? Một cao tăng tiêu dao thế ngoại như Phật Ấn nếu không có giao tình với một kẻ tài hoa chốn quan trường như Đông Pha thì bản sự không khỏi khiếm khuyết mấy phần. Liệu người đời sau còn có nhớ đến Liễu Nguyên nếu như không có Tử Chiêm?

Hồng quần ở đây chỉ kỹ nữ thanh lâu. Kỹ nữ xinh đẹp mà lại thông thạo văn chương dù hân hữu nhưng không phải là không có, được gặp gỡ dĩ nhiên là điều tuyệt thú. Nhưng ở chốn phong trần đó mà mong mỗi tìm được kỹ nữ xinh đẹp lại thông thạo văn chương thì điều đó e bộ quá cao, không khỏi có chỗ “*bất cận nhân tình*”! Đến nơi đó, hà tất phải đàm luận văn chương?

Dem kẻ tiêu dao ngoài đời tương phối với kỹ nữ thanh lâu, đúng là ý lạ, nên Chu Kỳ Cung 朱其恭 bốn cột vô cùng ý vị:

*Để kẻ phương ngoại không giới tửu gặp gỡ khách
hồng quần chẳng thông văn ắt có nhiều chuyện
đáng xem. (Dĩ bất giới tửu chi phương ngoại,
ngộ bất thông văn chi hồng quần, tất hữu khả
quan. 以不戒酒之方外，遇不通文之紅
裙，必有可觀。)*

Câu nói của Chu Kỳ Cung khiến ta nhớ lại câu thơ tuyệt diệu của Đinh Hùng:

*Phù dung bên phù thế,
cõi nào thực cõi tiêu tao?
Hồng phấn lẫn hồng trần,
đâu đã vì đâu ô trọc?*

Kẻ tiêu dao phương ngoại xem cõi đời là phù thế để rong chơi làng “*vô hà hữu*” của Trang Châu, nhưng khói phù dung cũng đưa được tinh thần người thơ đến cõi tiêu tao. Vậy thì “*cõi nào thực cõi tiêu tao?*” Kỹ nữ thanh

lâu làm hoen ố cuộc đời hay chính cuộc đời làm hoen ố các kỹ nữ thanh lâu? Vậy thì ai dám khẳng định “đâu đã vì đâu ô trọc?”

Đọc xong câu văn của Trương Trào và câu thơ của Đinh Hùng, ta không khỏi phát sinh vô vàn cảm khái. Đọc kinh Phật, nếu bớt quan tâm đến những lời chú giải hàn lâm, mà tập lắng nghe những câu kinh qua hơi thở bình thường của đời sống, đôi khi ta có cơ duyên phát hiện ra những điều vi diệu. Cho nên thử tưởng tượng nếu như những khách hồng quần tài hoa đang lẫn lóc phong trần trong thiên hạ cùng nâng một ly rượu để mời tất cả những kẻ đang tiêu dao “*phiêu nhiên vân thủy*” ở cõi trời phương ngoại thì đừng một cái, phải chăng ta như nghe ra câu “*bất cấu, bất tịnh*” của Bát Nhã Tâm Kinh?

81.

Đá đặt bên gốc mai nên cổ kính, đá đặt dưới gốc thông nên thô, đá đặt bên gốc trúc nên gầy, đá đặt trong bồn nên tinh xảo.

梅邊之石，宜古；松下之石，宜拙；竹傍之石，宜瘦；盆內之石，宜巧。

Mai biên chi thạch nghi cổ, tùng hạ chi thạch nghi chuyết, trúc bàng chi thạch nghi sấu, bồn nội chi thạch nghi xảo.

NHÀN ĐÀM

Khi sắp đặt đá để thưởng ngoạn thì hình thể đá phải tạo ra vẻ đẹp hài hòa với cảnh vật chung quanh. Gốc mai đẹp thường phải là loại lão mai, nên đá đặt bên gốc mai cần cổ kính. Thông có dáng hùng vĩ nên đá đặt dưới gốc thông cần thô. Trúc mảnh mai thanh nhã nên đá đặt bên gốc trúc cần gầy. Bồn là tiểu cảnh nên đá đặt trong bồn cần tinh xảo.

82.

Rắn mình nên khắt khe như cái khí mùa thu, mà xử thế thì nên như ôn hòa như cái khí mùa xuân.

律已宜帶秋氣，處事宜帶春氣。

Luật kỷ nghi đới thu khí, xử thế nghi đới xuân khí.

NHÀN ĐÀM

Đây là đạo lý cơ bản để làm người. Dem cái tâm trách người để trách mình, dem cái tâm tha thứ cho mình mà tha thứ cho người.

Thạch Bàng cho rằng câu “luật kỷ nghi thu, xử thế nghi xuân” mang ý nghĩa “chính tâm, thành ý” của Nho gia.

83.

*Nếu chán nghe lời thúc thuế, cần phải sớm nộp thuế tô;
muốn nghe sư cụ đàm thiền, khó tránh thường xuyên bố thí.*

厭催租之敗意，亟宜早早完糧；喜老衲之談禪，難免常常布施。

Yếm thôi tô chi bại ý, cứ nghi tảo tảo hoàn lương; hỷ lão nạp chi đàm thiền, nan miễn thường thường bố thí.

NHÀN ĐÀM

Sản xuất, kinh doanh mà nộp thuế đúng kỳ hạn thì chẳng bị ai thôi thúc; thuê nhà, vay mượn mà trả tiền đúng quy định thì chẳng bị ai làm phiền. Muốn thỉnh thoảng đến văn cảnh chùa để nhàn tản uống trà với sư cụ mà “đàm Không thuyết Hữu” thì không thể tránh được chuyện phải thường xuyên cúng dường cho nhà chùa. Câu này nghe có vẻ hơi “phũ phàng” một chút nhưng phản ánh đúng thực tế. Khách đàn việt phải có *hằng sản* thì nhà chùa mới có được *hằng tâm*.

84.

Dưới thông nghe tiếng đàn cầm, dưới trăng nghe tiếng

tiêu, bên khe nghe tiếng thác đổ, trong núi nghe tiếng tụng kinh, tai nghe ra mỗi tiếng đều có ý vị riêng.

松下聽琴，月下聽簫，澗邊聽瀑布，山中聽梵唄，覺耳中別有不同。

Tùng hạ thính cầm, nguyệt hạ thính tiêu, giản biên thính bộc bố, sơn trung thính phạm bối, giác nhĩ trung biệt hữu bất đồng.

NHÀN ĐÀM

Cảm nhận được hai chữ “bất đồng” là đã bắt đầu đi vào cảnh giới vi diệu của cái nghe.

Bài thơ *Thính Thực tăng Tuấn đàn cầm* 聽蜀僧濬彈琴 (nghe vị tăng đất Thực là Tuấn chơi đàn cầm) của thi tiên Lý Bạch là một trong những bài thơ tuyệt diệu tả tiếng đàn cầm, không phải là tiếng đàn dưới thông, mà trong tiếng đàn lại nghe tiếng thông reo.

Thực tăng bao lục ý,

Tây há Nga My phong.

Vị ngã nhất huy thủ,

Như thính vạn hác tùng.

Khách tâm tẩy lưu thủy,

Dư hưởng nhập sương chung.

Bất giác bích sơn mộ,

Thu vân ám kỷ trùng.

蜀僧抱綠綺，
西下峨眉峰。
為我一揮手，
如聽萬壑松。
客心洗流水，
餘響入霜鐘。
不覺碧山暮，
秋雲暗幾重？

(Thục tăng ôm đàn lục ý,
Phương Tây, xuống Nga Mi phong.
Đánh đàn, ta nghe cú ngỗng,
Hang sâu reo vạn tiếng thông.
Lòng khách sạch theo nước chảy,
Dư âm, hòa vọng tiếng chuông.
Đâu hay sương chiều giăng kín,
Mây thu lớp lớp trùng trùng.)

Tiếng sáo, tiếng tiêu chỉ nghe hay nhất là vào lúc đêm khuya hoặc lúc chiều hôm yên tĩnh. Dưới trăng nghe tiếng tiêu sẽ thấy tiếng tiêu buồn man mác. Hồi còn nhỏ, tôi thường được nghe tiếng sáo đêm trăng, những lúc đó không gian trở nên mong manh hơn, tựa hồ được đan dệt bởi những sợi tơ trắng, như không gian trong thơ Xuân Diệu:

*Không gian như có dây tơ,
Bước đi sẽ đứt, động hờ sẽ tiêu.*

Bên khe nghe tiếng thác đổ hẳn nhiều người đã được nghe. Nhưng nếu nghe tiếng thác đổ bên khe với tâm trạng vội vàng của người đi du lịch theo *tour*, rồi để chụp ảnh (!) thì không bao giờ cảm nhận được ý vị trong câu nói trong câu nói của Trương Trào. Đứng bên khe suối, nghe tiếng nước chảy róc rách, nhẹ nhàng, nhìn thác đổ âm âm, bọt nước tung trắng xóa, âm thanh vang dội núi rừng, ngẫm ra âm thanh đó có khác gì một bản giao hưởng của tự nhiên?

Phạn bối là tiếng đọc kinh theo tiết nhịp của pháp khí trong nghi thức tụng niệm. Đây là một loại âm nhạc của Phật giáo. Nếu trong Thiên Chúa giáo có một kho tàng thánh ca phong phú, với sự đóng góp của những thiên tài âm nhạc như Johann Sebastian Bach, thì trong Phật giáo, nghi thức tụng niệm kinh điển theo tiết tấu của những pháp khí đã dần dần hình thành nên một loại âm nhạc tôn giáo. Theo kinh *Trung A Hàm*, phạn bối phải có được năm đặc tính sau:

1. âm thanh phải chính trực;
2. âm thanh phải hòa nhã;
3. âm thanh phải trong và rõ;
4. âm thanh phải sâu lắng và tròn đầy;
5. âm thanh phải vang vọng đến những nơi xa;

Năm đặc tính trên đây cũng chẳng gì kỹ thuật luyện thanh trong âm nhạc phương Tây. Thử nghe câu thần chú “*om mani padme hum*” qua nghi thức tụng niệm của các tự viện Tây Tạng, ta cũng có thể hình dung thế nào là phạn bối. Đó là một loại thánh ca Phật giáo. Âm thanh đó, tiết tấu đó rất phù hợp với cảnh tượng núi rừng thâm u, cho nên nếu ở trong núi mà nghe được tiếng tụng kinh trong vắt từ những ngôi cổ tự giữa chốn hoang liêu cô tịch hòa theo tiết tấu của chuông mõ, khánh, tang, v.v... hẳn lòng người nghe lâng lâng siêu thoát. Tôi chưa được nghe tiếng phạn bối trong núi nhưng nhiều lần được nghe tiếng đại hồng chung cùng tiếng tụng kinh giữa cảnh trời chiều tĩnh mịch từ một ngôi chùa nơi hoang vắng. Âm ba vang vọng và lan tỏa như một sức mạnh tâm linh bàng bạc để cảnh tỉnh con người ra khỏi bến mê.

85.

Dưới trăng nghe bàn thiền, ý nghĩa càng cao xa; dưới trăng luận kiếm, can đảm càng chân thật; dưới trăng bàn thơ, sắc thái càng u nhã; dưới trăng ngắm mỹ nhân, tình ý càng nồng thắm.

月下聽禪，旨趣益遠；月下說劍，肝膽益真；
月下論詩，風致益幽；月下對美人，情意益篤。

Nguyệt hạ thính thiền, chí thú ích viễn; nguyệt hạ

thuyết kiếm, can đảm ích chân; nguyệt hạ luận thi, phong trí ích u; nguyệt hạ đối mỹ nhân, tình ý ích đốc.

NHÀN ĐÀM

Yêu trăng như Trương Trào có lẽ phải nói “*Trăng lấy Trương Trào làm tri kỷ*”. Ông bảo “*Vật có thể làm cảm động lòng người thì trên trời không có gì bằng ánh trăng*” (câu 22). Dẫu cho vật đổi sao dời, dẫu việc đời trải qua bao tang thương dâu bể, hễ trên trời còn vầng trăng thì con người khắp thiên hạ và suốt cả cổ kim vẫn còn có thể tìm được nhau trong một niềm tương cảm. Có kẻ lưu lạc tha hương nào, uống rượu nhìn trăng mà không động nổi sầu cổ lý.

Nhất thiên minh nguyệt giao tình tại.

(Nguyễn Du)

Trăng bàng bạc trong *U Mộng Ảnh*, cũng như trăng bàng bạc trong thơ Hàn Mặc Tử. Nhưng Hàn Mặc Tử thấy ở trăng một cõi hư vô làm tâm hồn chới với, thì Trương Trào lại tìm thấy ở trăng một niềm cảm hứng mệnh mang.

Có những điều ta chỉ cảm nhận được ý nghĩa sâu xa của nó trong bối cảnh phù hợp. Cảnh vật khi đó sẽ tác động vào ta để tâm hồn mở ra chiều sâu thẳm mông lung và cảm thụ được những rung cảm thật tế vi, mà lúc bình thường ta khó lòng cảm thụ nổi. Nghe bản *Serenata* của Enrico Toselli giữa bóng chiều yên tĩnh ta sẽ thấy nó sâu lắng mệnh mang. Thiển vốn siêu lý và ngoại lý, nó “*phị*

nhi ẩn”, cho nên dưới trăng lung linh huyền ảo mà nghe bàn thiền thì sẽ thấy ý nghĩa càng cao xa, thâm viễn.

Dưới trăng luận kiếm khiến tâm tình thêm khảng khái, nhưng cũng khiến ta không khỏi nhớ đến người anh hùng lỗ vận Đặng Dung và bài *Cảm Hoài* 感懷 được lưu truyền trong văn học.

*Thế sự du du nại lão hà,
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
Thời lai đồ điều thành công dị,
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa.
Trí chúa hữu hoài phù địa trục,
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà.
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,
Kỷ độ Long Tuyền đối nguyệt ma.*

世事悠悠奈老何，
無窮天地入酣歌。
時來屠釣成功易，
運去英雄飲恨多。
致主有懷扶地軸，
洗兵無路挽天河。
國讎未報頭先白，
幾度龍泉戴月磨。

(Sự đời mờ mịt, già rồi,
Đất trời đem cả vào lời ca say.
Gặp thời, giun dế lên mây,
Vận tan, nuốt hận tháng ngày hùng anh.
Những mong xoay chuyển càn khôn,
Phò vua, đã hết chuyện mong binh trời.
Thù chưa báo, tóc bạc rồi,
Long Tuyền mài dưới trăng soi ngâm ngùi.)

Những kẻ mang hùng tâm mà lỡ vận, ngồi luận kiếm dưới trăng, đọc bài thơ này hẳn không khỏi phát sinh niềm bi phần.

Uống rượu bàn thơ thì thơ thêm vẻ hào hùng, còn dưới trăng bàn thơ thì thơ tăng thêm phần u nhã. *Phong trí ích u*. Phong trí là sắc thái riêng biệt, là nét độc đáo.

Dưới trăng ngắm mỹ nhân thì không có gì để nói thêm vì Trương Trào đã nói nhiều rồi!

86.

Có cảnh sơn thủy trên đất, có cảnh sơn thủy trên tranh,
có cảnh sơn thủy trong mộng, có cảnh sơn thủy trong lòng.
Cảnh sơn thủy trên đất đẹp ở hang thâm non xa, cảnh sơn
thủy trên tranh đẹp ở bút mực lâm ly, cảnh sơn thủy trong

mộng đẹp ở cảnh tượng biển ảo, cảnh sơn thủy trong lòng đẹp ở vị trí tự như.

有地上之山水，有畫上之山水，有夢中之山水，有胸中之山水。地上者，妙在邱壑深邃；畫上者，妙在筆墨淋漓；夢中者，妙在景象變幻；胸中者，妙在位置自如。

Hữu địa thượng chi sơn thủy, hữu họa thượng chi sơn thủy, hữu mộng trung chi sơn thủy, hữu hung trung chi sơn thủy. Địa thượng giả diệu tại khuu hác thâm thúy, họa thượng giả diệu tại bút mặc lâm ly, mộng trung giả diệu tại cảnh tượng biến ảo, hung trung giả diệu tại vị trí tự như.

NHÂN ĐÀM

Có lẽ kể từ khi Khổng Tử nói “*Nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy. Trí giả động, nhân giả tĩnh.* 仁者樂山，知者樂水。知者動，仁者靜。” (Người nhân vui thích núi non, kẻ trí vui thích sông nước. Kẻ trí động, người nhân tĩnh.) mà sơn thủy mới trở thành nơi thường ngoạn và ký thác tâm tư của bao văn nhân hậu thế. Cảnh sông nước, núi non đã đi vào thơ, văn, nhạc, họa để trở thành một hiện tượng đặc thù của nền văn hóa Trung Quốc. Núi với sông, tĩnh với động, đó là những khái niệm đối lập mà hòa hài, như âm dương, trời đất.

Sơn thủy trên đất thường đẹp ở vẻ hùng vĩ của núi cao, sông lớn. Những hòn giả sơn trong vườn, dù là nhân tạo, nhưng người ta vẫn cố tạo nên những gò hang, sông suối

theo sơn thủy của tự nhiên. Hang sâu thăm thẳm, núi cao chót vót, hay nước sông cuộn cuộn, biển cả bao la, luôn gợi cho ta vẻ đẹp hùng vĩ gây kinh sợ, nhưng lại đầy quyến rũ của tự nhiên. Nhưng sơn thủy trên đất không chỉ có vẻ đẹp hùng vĩ của núi cao, sông lớn mà còn có vẻ đẹp tinh tế của khe nước quanh co, của gò hang u tịch.

Khi thể hiện sơn thủy vào tranh thì nét bút phải biểu đạt được cái thần của sơn thủy, theo kiểu “*họa long điểm nhơn*”. Tôi vẫn thích xem tranh thủy mặc của họa sĩ Trung Quốc và Nhật Bản hơn là tranh sơn dầu của họa sĩ phương Tây về thiên nhiên. Những bức tranh sơn thủy bằng mực Tàu vẫn luôn toát lên sức hấp dẫn lạ kỳ, khiến đôi khi ta phải lặng người trước cảnh tượng khi thì hùng vĩ, khi thì tinh tế của thiên nhiên, được thể hiện qua nét bút lâm ly, tiêu sái chỉ với hai màu trắng và đen.

Sơn thủy trong mộng là cảnh tượng diễn ra trong giấc ngủ. Mộng vốn không thực thì cảnh tượng trong mộng phải biến ảo mới biểu hiện được cái đẹp của núi sông. Thử đọc một đoạn thơ tả cảnh tượng núi sông kỳ dị trong giấc mộng, trong bài *Mộng du Thiên Lão ngâm lưu biệt* 夢遊天姥吟留別 của thi tiên Lý Bạch:

.....

Ngã dục nhơn chi mộng Ngô Việt,

Nhất dạ phi độ Kính Hồ nguyệt.

Hồ nguyệt chiếu ngã ảnh,

Tống ngã chí Diêm Khê.

Tạ công túc xử kim thượng tại,
Lục thủy đăng dạng, thanh viên đề,
Cước trước Tạ Công kịch,
Thân đăng thanh vân thê.
Bán bích kiến hải nhật,
Không trung văn thiên kê.
Thiên nham vạn chuyển lộ bất định,
Mê hoa ý thạch hốt dĩ minh.
Hùng bào, long ngâm, an nham tuyền,
Lật thâm lâm hể kinh tăng điền.
Vân thanh thanh hể dục vũ,
Thủy đạm đạm hể sinh yên.
Liệt khuyết phích lịch,
Khâu loan băng tối.
Động thiên thạch phiến,
Oanh nhiên trung khai.
Thanh minh hạo đăng bất kiến đề,
Nhật nguyệt chiếu diệu kim ngân đài.
Nghê vi y hể phong vi mã,
Vân chi quân hể phân phân nhi lai hạ.
Hổ cổ sắt hể loan hồi xa,

*Tiên chi nhân hễ liệt như ma.
Hốt hồn quý dĩ phách động,
Hoảng kinh khởi nhi trường ta.
Duy giác thời chi chắm tịch,
Thất hướng lai chi yên hà.*

.....

我欲因之夢吳越，
一夜飛度鏡湖月。
湖月照我影，
送我至剡溪。
謝公宿處今尚在，
綠水盪漾清猿啼。
腳著謝公屐，
身登青雲梯。
半壁見海日，
空中聞天雞。
千岩萬轉路不定，
迷花倚石忽已暝。
熊咆 吟殷岩泉，
栗深林兮驚層巔。
雲青青兮欲雨，

水澹澹兮生煙。
列缺霹靂，
丘巒崩摧。
洞天石扇，
訇然中開。
青冥浩蕩不見底，
日月照耀金銀台。
霓為衣兮風為馬，
雲之君兮紛紛而來下。
虎鼓瑟兮鸞回車，
仙之人兮列如麻。

.....

(Ta nhân đó, mộng trời Ngô Việt,
Một đêm, lướt bay qua Kính Hồ dưới ánh trăng,
Trăng hồ soi chiếu bóng ta,
Đưa ta đến Diêm Khê.
Tạ công chốn cũ nay vẫn còn đó,
Nước xanh xao động, nghe tiếng vượn kêu.
Chân thì mang dép họ Tạ,
Người thì leo lên thang mây xanh.
Nửa vách, thấy mặt trời trên biển
Giữa tầng không, nghe tiếng gà trời gáy.

Núi non ngàn vạn nẻo chuyển hướng quanh co,
Hoa um tùm leo trên đá đã rậm rì.
Gấu gầm, rồng kêu, nước trên núi vang rền,
Run sợ rừng sâu hể kinh hãi đỉnh núi chập chùng.
Mây xanh xanh hể trời muốn mưa,
Nước lặng lẽ hể sinh khói.
Sét đánh chớp lòà,
Gò đồng vỡ tan.
Phiến cửa đá nơi động trời,
Ầm ầm mở toang ra.
Xanh thăm mịt mù chẳng thấy đáy,
Mặt trời, mặt trăng chiếu sáng đài làm bằng vàng bạc.
Lấy ráng trời làm áo, hể lấy gió làm ngựa.
Thần trong mây hể ào áo bay xuống.
Hổ đánh đàn hể chim loan đẩy xe,
Các vị tiên hể đông như cỏ gai.
.....)

Thật là cảnh tượng kỳ diệu trong cõi mộng. Đó mới là chỗ mà Trương Trào bảo là “*cảnh sơn thủy trong mộng đẹp ở cảnh tượng biển ảo*”. Không chỉ là biển ảo mà là biển ảo phi thường. Cho nên cảnh tượng đó không chỉ là *diệu* mà là *tận diệu*. Và có lẽ chỉ có ngọn thần bút của Thi tiên mới tả ra được cảnh tượng tráng lệ đó bằng những câu

thơ phóng dật tung hoành.

Nhưng đã là tài tử có đôi mắt nhìn sơn thủy thì tại nơi đâu cũng nhận ra vẻ đẹp của sơn thủy. Há chỉ có sơn thủy trên đất, trong tranh, trong mộng và trong lòng mà thôi đâu!

87.

Tính kế một ngày thì trồng chuối; tính kế một năm thì trồng trúc; tính kế mười năm thì trồng liễu, tính kế trăm năm thì trồng thông.

一日之計，種蕉；一歲之計，種竹；十年之計，種柳；百年之計，種松。

Nhất nhật chi kế chủng tiêu, nhất tuế chi kế chủng trúc, thập niên chi kế chủng liễu, bách niên chi kế chủng tùng.

NHÀN ĐÀM

Sống chắc gì đã bảo toàn được xác thân, chết chắc gì đã được nằm yên trong mộ? Sao lại phải nhọc tâm lo tính đến cái kế trăm năm?

88.

Lúc mưa xuân nên đọc sách, lúc mưa hè nên đánh cờ, lúc mưa thu nên lục soạn đồ cất giấu, lúc mưa đông nên uống rượu.

春雨宜讀書，夏雨宜弈棋，秋雨宜檢藏，冬雨宜飲酒。

Xuân vũ nghi độc thư, hạ vũ nghi dịch kỳ, thu vũ nghi kiểm tàng, đông vũ nghi ẩm tửu.

NHÀN ĐÀM

Lúc mưa xuân nên uống cà phê, lúc mưa hè nên uống bia, lúc mưa thu nên uống trà, lúc mưa đông nên uống rượu.

89.

Thơ văn được cái khí mùa thu thì hay, từ khúc được cái khí mùa xuân thì hay.

詩文之體，得秋氣為佳；詞曲之體，得春氣為佳。

Thi văn chi thể, đắc thu khí vi giai; từ khúc chi thể, đắc xuân khí vi giai.

NHÀN ĐÀM

Từ 詞 (đôi khi cũng được viết là 辭) là một thể loại văn học, hình thành vào đời Đường, và phát triển mạnh vào đời Tống ở Trung Quốc. Từ được xem như một loại thơ, nhưng khác thơ ở chỗ nó có quan hệ với âm nhạc.

“*Thương xuân, bi thu*” (thương cảm mùa xuân, sầu muộn mùa thu) là tình cảm thường gặp trong văn học

Trung Quốc. Về mặt này, sở trường của từ khúc là biểu lộ xuân tình, còn sở trường của thơ văn là diễn đạt thu cảm. Nhưng điều này cũng không hẳn. Ân Nhật Giới 殷日戒 nói:

Thơ Đào Uyên Minh, văn Âu Dương Tu tựa hồ như đều do khí mùa xuân mà vượt trội. (Đào thi, Âu văn diệp tự dĩ xuân khí thắng. 陶詩, 歐文, 亦似以春氣勝。)

90.

Bút mực dùng để viết, không cần phải quá tốt, nhưng dùng để viết trên lụa thì không thể không cần bút tốt; sách dùng để đọc, không cần phải quá hoàn bị, nhưng dùng để tra cứu thì không thể không cần sách hoàn bị; cảnh sơn thủy khi du ngoạn không cần phải quá đẹp, nhưng nếu chọn đất làm nhà, không thể không cần đất đẹp.

抄寫之筆墨，不必過求其佳，若施之縑素，則不可不求其佳；誦讀之書籍，不必過求其備，若以供稽考，則不可不求其備；遊歷之山水，不必過求其妙，若因之卜居，則不可不求其妙。

Sao tả chi bút mặc, bất tất quá cầu kỳ giai, nhược thi chi kiêm tố, tắc bất khả bất cầu kỳ giai; tụng độc chi thư tịch, bất tất quá cầu kỳ bị, nhược dĩ cung kê khảo, tắc bất khả bất cầu kỳ bị; du lịch chi sơn thủy, bất tất quá cầu kỳ diệp, nhược nhân chi bốc cư, tắc bất khả bất cầu kỳ diệp.

NHÀN ĐÀM

Điều nào cũng hay, duy chỉ có điều cuối là gần như bất khả thi nơi thành phố, bởi đất chật người đông, tìm được mảnh đất an cư đã là điều thiên nan, vạn nan rồi. Lấy đâu mà kén chọn địa thế đẹp?

91.

Người ta nếu không phải là bậc thánh hiền, làm sao có thể biết hết mọi điều? Biết được một, nhưng lại lo rằng không chỉ có một, mà phải tìm tòi để biết cho được hai, đó là bậc trên; biết được một, nhân người ta nói mới biết thêm được hai, đó là bậc thứ; biết được một, người ta nói tới hai mà chẳng chịu tin, còn kém một bậc; biết được một, nghe người ta nói đến hai lại khó chịu, thì còn kém nữa.

人非聖賢，安能無所不知？祇知其一，惟恐不止其一，復求知其二者，上也；止知其一，因人言始知有其二者，次也；止知其一，人言有其二而莫之信者，又其次也；止知其一，惡人言有其二者，斯下之下矣。

Nhân phi thánh hiền, an năng vô sở bất tri. Chỉ tri kỳ nhất, duy khùng bất chỉ kỳ nhất, phục cầu tri kỳ nhị giả, thượng dã; chỉ tri kỳ nhất, nhân nhân ngôn, thủy tri hữu kỳ nhị giả, thứ dã; chỉ tri kỳ nhất, nhân ngôn hữu kỳ nhị nhi mạc chi tín giả, hựu kỳ thứ dã; chỉ tri kỳ nhất, ố nhân ngôn hữu kỳ nhị giả, tư hạ chi hạ hỹ.

92.

Điều sử quan ghi chép là thế giới thẳng, điều mà quan lại ghi chép là thế giới ngang.

史官所紀者，直世界也；職方所載者，橫世界也。

Sử quan sở ký giả, trực thế giới dã; chức phương sở tải giả, hoành thế giới dã.

NHÀN ĐÀM

Viên Trung Giang 袁中江 bình:

Thế giới do đám quan lại cai trị là thế giới nghiêng vậy. (Chúng tể quan sở trị giả tà thế giới dã. 眾宰官所治者 ‘斜世界也。)

Còn Vưu Hối Am 尤悔庵 thì bảo:

Thế giới mà thiên hạ khắp nơi đều làm là thế giới hỗn độn vậy. (Phổ thiên hạ sở hành giả, hỗn độn thế giới dã. 普天下所行者, 混沌世界也。)

Cố Thiên Thạch 顧天石 thì bản khoản:

*Ta từng nghĩ thiên đường trên trời, nền móng xây ở chỗ nào? Địa ngục dưới đất chỗ nào tỏa khí?
Cho nên thế giới có những điều bất khả tư nghĩ!*

(Ngô thường tư thiên thượng chi thiên đường, hà xử trúc cơ? Địa hạ chi địa ngục, hà xử xuất khí? Thế giới cổ hữu bất khả tư nghị giả! 吾嘗思天上之天堂，何處築基？地下之地獄，何處出氣？世界固有不可思議者！)

93.

Tiên thiên bát quái là để nhìn dọc, hậu thiên bát quái là để nhìn ngang.

先天八卦，豎看者也；後天八卦，橫看者也。

Tiên thiên bát quái thụ khan giả dã, hậu thiên bát quái hoành khan giả dã.

NHÀN ĐÀM

Tiên thiên bát quái tương truyền được vua Phục Hy phỏng theo Hà Đồ mà vạch ra, hàm chứa những nội dung cơ bản của học thuyết Âm Dương. Còn hậu thiên bát quái do Văn Vương dựa theo Lạc Thư mà vạch ra, hàm chứa cái dụng của Bát Quái trong sự biến dịch của Âm Dương. Tiên thiên bát quái được xem như là *Thể*, còn hậu thiên bát quái được xem như là *Dụng*.

Ngô Nhai Nam 吳街南 bình:

Nhìn dọc, nhìn ngang cũng đều không rõ.

(Hoành khan thụ khan, giai khan bất trứ. 橫看豎看，皆看不著。)

Tiền Mục Thiên 錢目天 thì hóm hỉnh:

Sao bằng bỏ tay túi áo đứng nhìn. (Hà như tụ thủ bàng quan! 何如袖手旁觀！)

94.

Chứa sách không khó, xem sách mới là khó; xem sách không khó, đọc được sách mới là khó; đọc được sách không khó, ứng dụng được mới là khó; ứng dụng được cũng không khó, nhớ được mới là khó.

藏書不難，能看為難；看書不難，能讀為難；讀書不難，能用為難；能用不難，能記為難。

Tàng thư bất nan, năng khán vi nan, khán thư bất nan, năng độc vi nan, độc thư bất nan, năng dụng vi nan, năng dụng bất nan, năng ký vi nan.

NHÀN ĐÀM

Tôi có bài viết *Nhàn đàm Chuyện Đọc Sách* đăng báo đã lâu, ghi những cảm nhận của mình trong việc đọc sách. Nay đọc câu nói của Trương Trào, nhớ lại, xin ghi lại đây để chia sẻ cùng bạn đọc.

NHÀN ĐÀM CHUYỆN ĐỌC SÁCH

Đọc sách, từ xa xưa, vẫn được coi là một trong những thú vui tao nhã nhất trên đời. Có người đọc sách để di dưỡng tinh thần, cũng như trồng cây cảnh để dưỡng trí, nuôi chim cá để dưỡng nhân. Có người đọc sách để trao đổi kiến thức, có người đọc sách để tìm chút thư thái bình an, có người đọc sách để tìm một chốn an tâm lập mệnh, có người đọc sách để quên đi cảnh muộn phiền, có người đọc sách chỉ vì bắt buộc phải đọc, ví dụ như sinh viên trước các kỳ thi..... Nói chung thì có vô vàn cách đọc sách. Hoặc đọc theo lối dầm chiêu tư niệm. Hoặc đọc theo lối lai rai khoái hoạt. Hoặc đọc theo lối lãng đãng phiêu bồng. “*Thư trung hữu nữ nhan như ngọc*” (Trong sách, có người con gái dung nhan xinh như ngọc). Người xưa thường dùng dẫn câu đó để khuyến khích con em đọc sách. Nhưng mục đích của việc đọc sách này là “sôi kinh nấu sử” để chuẩn bị đăng khoa.

Đọc sách chỉ nhằm mục để tiến thân, hoặc để “trang sức tinh thần” không phải là nội dung của bài viết này. Ở đây, tôi cũng không dám bàn đến phương pháp đọc sách, hay cách chọn sách, mà chỉ xin bàn đến niềm vui và sở đắc trong chuyện đọc sách, của những người mê thích đọc sách về một chủ đề, hay một tác giả nào đấy.

Người xưa chia ra làm ba loại hiểu biết: Sinh nhi tri, khốn nhi tri, học nhi tri. Có người sinh ra là đã biết: sinh nhi tri. Cái biết ấy chỉ dùng cho các bậc thánh nhân “vô

sự tự ngộ” (không cần đến thầy mà vẫn hiểu biết), như Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca... Có người do lâm vào cảnh khốn cùng mà biết: khốn nhi tri. Như Văn Vương, khi bị vua Trụ giam ở ngục Dũ Lý, đã nghiền ngẫm kinh Dịch mà diễn lại các quẻ, để làm ra Hậu thiên bát quái, chuyển đổi Tiên thiên bát quái của Phục Hy. Còn hầu hết chúng ta có lẽ đều do học mà biết: học nhi tri. Mà “học nhi tri” thì không có gì bằng đọc sách. Nhiều người đã cực lực xiển dương, và quan trọng hóa cái học chính quy bài bản của nhà trường, xem như đó là điều kiện cơ bản của một người được coi là có học vấn. Về lĩnh vực khoa học tự nhiên thì tôi hoàn toàn đồng ý, song trong lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, thì nhận định chủ quan đó nhiều khi không chuẩn xác. Nhất là ở lĩnh vực triết học phương Đông, kiến thức kinh điển từ nhà trường thường là chướng ngại, ngăn cản con đường đi vào tâm đạo. Cứ thử theo gót M.Heidegger nhìn lại triết học phương Tây, ta sẽ càng thấm thía thêm điều đó. Kiến thức chính quy mà nhà trường đào tạo cho chúng ta, theo tôi, chỉ có thể nên xem như là cái móng, để trên đó chúng ta, bằng khả năng tự học, tiếp tục xây dựng cái nhà riêng. Còn “căn nhà riêng” đó có đẹp đẽ, kiên cố và có giá trị hay không, điều đó tùy thuộc vào khả năng tự học và tài hoa của từng người.

Có không ít người thành đạt trong lĩnh vực khoa học xã hội là những người tự học, hay ít ra cũng không phải là những người được đào tạo chính quy về ngành học đó. Có vị khoa bảng nào, có ông Cố ông Nghè nào viết

nổi bộ *Nho Giáo* như học giả Trần Trọng Kim chưa? Ở miền Nam, không ai xa lạ với Bùi Giáng, người có kiến thức khổng lồ về triết học Đông Tây, cũng chỉ nhờ đọc sách và tự học. Và có nhiều người từ lĩnh vực tự nhiên, khi nghiên cứu khoa học xã hội đã để lại những công trình đáng kính nể. Mà nào họ có được đào tạo chính quy về khoa học xã hội đâu? Như giáo sư Hoàng Xuân Hãn. Tất cả đều là kết quả của quá trình đọc sách và tự học. Tự học có thể bắt nguồn từ môi trường nghề nghiệp, từ môi trường sách vở, từ các bậc thiện tri thức. Mà nói đến việc tự học thì không thể không nhấn mạnh đến vấn đề đọc sách. Vì chúng là nguồn cung cấp tri thức chủ yếu. Nhiều người lo rằng với sự phát triển công nghệ, tương lai sách điện tử sẽ thay thế cho sách giấy hiện nay. Những ai tin vào điều đó, theo tôi, là những người chưa hề hưởng được thú vui đọc sách. Đọc sách mà cứ phải ngồi mãi trước máy tính, theo dõi màn hình qua các đĩa CD, thì đúng là cực hình. Có ai lại quên được những giây phút nằm co ro trong chăn, giữa mùa đông lạnh buốt, để đọc loại sách mà mình ưa thích? Tôi thích những người đọc sách, chỉ vì đam mê, chứ không bắt nguồn từ ý đồ là cố trang bị cho mình một kiến thức, để làm dáng với đời. Bản thân việc học và đọc sách, theo đúng nghĩa, đã đem lại cho chúng ta nguồn vui rồi.

Hoàn toàn không thể có một cuốn sách nào đó được xem là hay hoặc dở đối với tất cả mọi người. Truyện Kiều đã từng bị các nhà nho đạo mạo lên án là dâm thư. Triết gia Hy Lạp cổ đại là Héraclite đã từng đòi nọc thi hào Homère

ra mà đánh đòn trước công chúng. Kinh Thánh cũng như kinh Phật từng nhiều phen bị phỉ báng. Đó cũng là điều rất đỗi thường tình. Chúng ta nên tránh thói quen đả kích, hoặc ngợi khen một tác phẩm nào đó theo dư luận, nhất là khi dư luận đó đã được khẳng định bởi những cây đa, cây đề trong lĩnh vực phê bình. Một tác phẩm được tất cả mọi người đều khen hay, mà ta thấy dở cũng không sao. Điều đó không có nghĩa là cái đầu của ta kém thông minh hơn thiên hạ, hay tâm hồn ta không được nhạy cảm bằng mọi người, mà điều đó chỉ có nghĩa là: tác phẩm đó không phải viết cho ta đọc. Vậy thôi! Nói theo phương Đông, có nghĩa là ta chưa có duyên với cuốn sách đó. Các thiền sư, cho dầu vĩ đại, không phải lúc nào cũng có thể khai ngộ cho đệ tử của mình được, nếu thấy cơ duyên chưa ứng hợp, mà đôi khi phải nhờ đến các thiền sư khác. Việc đọc sách cũng chẳng khác gì việc khai ngộ, phải chờ đến cơ duyên. Tôi biết có nhiều người đã từng say sưa đọc Búi Giáng, Dostoievski, Whitman, Shakespeare suốt ngày này tháng nọ, nhưng cứ thử cầm đến các tác phẩm của văn hào G.Márquez lên là thấy buồn ngủ! Mặc dù đã rất cố gắng để đọc, nhưng không lần nào họ đọc nổi quá 50 trang. đành bỏ dở. Không thể đọc được. Chắc cũng không vì thế mà họ đến nỗi “nói năng vô vị, mặt mày đáng ghét” như nhà thơ Hoàng Đình Kiên nhà Tống khẳng định! (*Sĩ nhân tam nhật bất đọc thư, tắc diện mục khả tằng, ngữ ngôn vô vị. 士人三日不讀書, 則面目可憎, 語言無味*。Kẻ sĩ mà ba ngày không đọc sách thì mặt mày nhìn thấy thì khó ưa, nói năng thì nhạt nhẽo.)

Nếu chỉ ưa thích vài tác giả nào đó, và bị “dị ứng” với các tác giả khác, thì đó là điều vô cùng bình thường, và cần phải có. Một người mà vừa thích Dostoievski, Nietzsche, lại vừa khoái Alexandre Dumas, hoặc vừa ham mê Trang Tử, lại vừa sùng bái Chu Hy, thì theo tôi, chỉ là hạng người đọc sách loại “ba phải”. Hạng người đó chỉ “đọc” theo lời bình nào đó, hoặc “đọc” theo dư luận, chứ không phải đọc chính tác phẩm. Đọc sách cũng như ăn uống, ta chỉ có thể hợp “gu” với một số món ăn nhất định nào đó mà thôi. Không nên có quan niệm xem món này là “sang” hơn món kia, và phải có gắng ăn cho bằng được, để chứng tỏ mình là “dân thượng lưu”, mà vấn đề nằm ở chỗ, ta thích hợp với món ăn nào! Bộ não cũng như bao tử, chỉ có thể tiêu hóa được những món ăn phù hợp. Đừng nên bắt con sư tử phải ăn cỏ, và buộc con voi phải ăn thịt, vì chúng không chết thì cũng bệnh.

Là người phương Đông, tôi tin rằng đọc sách theo đúng nghĩa, không chỉ có ham mê hay thông tuệ là đủ, mà còn cần phải có cơ duyên nữa. Không phải cuốn sách nào, cho dầu là những kiệt tác giá trị, ta cũng phải đọc và đều có thể đọc được. Và lại càng không nên hề nghe quảng cáo cuốn sách X. là tuyệt phẩm, thì phải tìm mọi cách để đọc, chỉ nhằm mục đích, khi ai hỏi, thì trả lời “Đã đọc rồi!”. Lắm khi, một cuốn sách tầm thường lại có thể thay đổi cả quan niệm của một con người. Và chuyển số phận họ theo một hướng khác. Có nhiều người rất thông minh, đọc sách suốt đời nhưng vẫn cứ “mang nhiên vô sở đắc”, chỉ vì chưa ứng hợp cơ duyên. Khi tranh luận, họ luôn luôn trích dẫn

điều X này ở trong cuốn sách T, điều Y nọ ở trong chương Z.....Rất bài bản, rất uyên bác, rất thông thái! Nhưng họ không bao giờ hiểu rằng đó chỉ là kiến thức vay mượn của thiên hạ, chứ không phải là kiến thức của mình. Giống như một nhân viên ngân hàng, hằng ngày có thể đếm đến tiền tỷ, nhưng đâu có nhờ thế mà có thể giàu lên được, vì đó là tiền của người khác, chứ có phải là tiền của họ đâu? Những người đọc sách như vậy rất dễ dàng bị “bội thực” về mặt kiến thức. Ta ăn thức ăn vào, nhằm mục đích biến chúng thành dưỡng chất để nuôi cơ thể, chứ không phải để nhả chúng ra lại, như trước khi ăn. Đừng bao giờ đem kiến thức vay mượn để làm vật trang sức, vì điều đó rất phù phiếm. Mà phải biết biến kiến thức đọc từ sách vở thành cái của riêng mình, dù sâu dù nông. Đó mới chính là mục đích của việc đọc sách.

Một cuốn sách hay thường là cuốn sách gợi mở cho người đọc những gì họ ấp ủ trong tư niệm, mà không đủ khả năng diễn đạt thành lời. Điều kỳ diệu của việc đọc sách, là có khi người đọc lại tìm thấy trong đó những chiều sâu tư tưởng, và những vấn đề, mà chính tác giả cũng không lường tới. Đọc sách, theo nghĩa chân chính, chỉ là quá trình đi tìm lại chính mình. Nếu tâm hồn ta chưa chuẩn bị đầy đủ, để đáp ứng lại những gợi mở của một cuốn sách nào đó, thì có đọc cũng bằng vô ích. Cuốn sách nào đáp ứng được yêu cầu đó, sẽ khai mở con đường đi vào nội tâm, hoặc phát lộ những tư tưởng mà tác giả lẫn người đọc đều có một điểm chung để chia sẻ. Nietzsche đọc Stendhal và Dostoievski để cảm nhận được “những

nổi tình cờ hạnh phúc nhất”. Tô Đông Pha đọc Nam Hoa Kinh, cứ ngỡ mình là hậu thân của Trang Tử, vì trong đó ông bắt gặp tiếng nói của chính mình. Bùi Giáng đọc Lửa thiêng của Huy Cận, và bị “chấn động dị thường”, nên bỏ học về quê, vô núi chần dề đọc sách. Heidegger đọc sách Suzuki, sung sướng phát biểu: “*Nếu tôi hiểu đúng được tác giả này thì đó là những gì tôi đang cố gắng trình bày trong tất cả các tác phẩm của mình từ trước đến giờ.*”. Đó có thể chỉ là nổi phần khích quá trớn kiểu *excès d’enthousiasme* của các tác gia lớn khi tìm thấy, ở tác phẩm của các tác gia lớn khác, những tư tưởng giống mình. Mà đọc sách như thế là tái lập được mối tương quan giữa người viết và người đọc, ở mức độ thượng thừa của “thanh khí ứng cầu”.

Một cuốn sách có thể bây giờ ta đọc không thấy hay, nhưng vài năm sau, thậm chí vài mươi năm sau, ta mới cảm thấy hết được cái thâm thúy của nó. Ngược lại, cũng có những cuốn sách mới đọc thì thấy tuyệt vời, nhưng vài năm, hoặc vài tháng sau, đọc lại đã thấy nhạt nhẽo. Một tác phẩm tồn tại được theo thời gian là những tác phẩm đề cập đến những vấn đề muôn thuở, gọi lên được những gì thâm sâu nhất trong tâm hồn con người. Và chỉ có những tác giả “nhân phù lục cực, tâm quán thiên thu” (đôi mắt trông thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời) mới đủ tâm lực và bút lực thực hiện điều này. Nhiều cuốn sách chỉ phản ánh hiện thực theo lối tả chân thô thiển, dù có nổi tiếng một giai đoạn, thì đó cũng chỉ vấn đề thời thượng. Nếu nghệ thuật chỉ đơn thuần là mô tả hiện thực, thì ta làm sao lý giải được sự kiện nhiều tác

phẩm lớn vẫn tồn tại theo thời gian, khi mà cái hiện thực mà nó mô tả đã bị vượt qua từ lâu?

Có nhiều cuốn sách quý về tư tưởng như kinh điển Đông phương, tất nhiên cần phải đọc, nhưng phải đến một tuổi nào đó, thì ta đọc mới thấy thích hợp. Đến Khổng tử mà còn bảo “*Năm mươi tuổi mới nên đọc kinh Dịch*”. Điều đó có nghĩa là đến 49 tuổi, có thể ta cũng chưa nên đọc vội. Vị vạn thế sư biểu đó rất sâu sắc khi nêu lên lời cảnh báo trên, vì ông ngại khi cái sở học chưa đủ hàm súc, kinh nghiệm và công phu hàm dưỡng chưa đủ sâu dày, mà đọc Dịch thì cái sở tri đó nhiều khi bị lệch. Rõ ràng, không trừ những ngoại lệ là có những người trẻ tuổi mà đỉnh ngộ thông minh, như Hà Ân, Vương Bật nghiên cứu kinh Dịch, hay Tăng Triệu, Lưu Hiệp nghiên cứu kinh Phật..... Ngày nay, tôi thấy nhiều người, trong đó có cả các bạn trẻ, phê phán hoặc ca ngợi kinh Dịch bằng đủ thứ ngôn ngữ đại ca sa khiến tôi hơi hãi, vì cái kiến văn kém cỏi của mình về Dịch. Nhưng tôi cứ băn khoăn không hiểu họ đã hiểu kinh Dịch như thế nào? Liệu đó có phải là cách để hiểu Dịch một cách chính xác hay không?

Đã hơn mấy ngàn năm qua, tư tưởng vẫn thường xuyên đứng trước bi kịch của hiểm họa lập ngôn. Bất cứ luận điểm triết học nào, khi được trình bày bằng ngôn ngữ, cũng đều giống như con dao hai lưỡi. Một khi bị đối phương cướp lấy, thì nó trở thành vũ khí nguy hiểm và gây hại trở lại cho kẻ lập ngôn. Cõi đời này đâu thiếu những kẻ sơ cơ, không đọc nổi những kháng thư thâm

áo, lại lên giọng cao đạo, dựa vào tông chỉ “bất lập văn tự” của Thiền tông để bài xích việc đọc kinh sách. Đạo Chích trong Nam hoa kinh đã từng dùng luận điệu của Khổng Tử để đả phá Khổng Tử. Các khái niệm Nhân Nghĩa, trong tay của Khổng Tử là Thiên kiếm, nhưng khi rơi vào tay của Đạo Chích, thì chúng lập tức biến thành Tuyệt đạo. Đọc sách, ta cần phải tỉnh táo để nhận ra điều ấy, giữa vô vàn quan điểm xô bồ công kích lẫn nhau.

Khi cầm một cuốn sách nổi tiếng trên tay, mà bạn thấy không thể đọc nổi, thì cứ tạm gác nó qua một bên, đợi thời gian phù hợp hãy đọc. Và nếu không bao giờ đọc được, thì cũng không hề gì! Đọc sách là một công việc suốt đời. Khi cơ duyên ứng hợp thì nó sẽ là phương tiện đưa ta vào một thế giới kỳ diệu, ở đó ta tìm thấy lại, hoặc khám phá ra những điều lý thú nơi chính bản thân mình, trong những mối đồng cảm, trong những phút linh cầu, mà lắm phen cuộc sống xô bồ che lấp mất đi. Lúc đó, ta sẽ cảm nhận sâu hơn câu nói của Mạnh Tử “*Vạn vật giai bị ư ngã, phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên.* 万物皆備于我矣。反身而誠，樂莫大焉。” (muôn vật đều có đầy đủ ở nơi ta, quay về với mình với cả lòng thành thực, thì còn niềm vui nào lớn bằng.) (Mạnh Tử, Tận tâm thượng).

95.

Tìm tri kỷ nơi bạn bè, dễ; tìm tri kỷ nơi thê thiếp, khó;

tìm tri kỷ nơi vua tôi càng khó hơn nữa.

求知己於朋友，易；求知己於妻妾，難；求知己於君臣，則尤難之難。

Cầu tri kỷ ư bằng hữu, dị; cầu tri kỷ ư thê thiếp, nan; cầu tri kỷ ư quân thần, tắc vu nan chi nan.

NHÀN ĐÀM

Tìm tri kỷ nơi bạn bè, khó; tìm tri kỷ nơi thê thiếp, cực khó; tìm tri kỷ nơi vua tôi không bao giờ có.

96.

Thế nào là người thiện? Không làm hại đời là người thiện. Thế là người ác? Làm hại cho đời là người ác.

何謂善人？無損於世者，則謂之善人。何謂惡人？有害于世者，則謂之惡人。

Hà vị thiện nhân? Vô tổn ư thế giả, tắc vị chi thiện nhân. Hà vị ác nhân? Hữu hại ư thế giả, tắc vị chi ác nhân.

NHÀN ĐÀM

Thiện ác, tốt xấu vẫn là nạn vấn đạo lý suốt đông tây kim cổ. Thiện ở đây có thể là ác nơi kia. Trương Triều đưa ra một định nghĩa rất giản dị mà sâu sắc.

97.

Có công phu đọc sách, đó là phúc; có tiền của giúp người, đó là phúc; có học vấn để trước thuật, đó là phúc; chuyện thị phi không làm bận đến tai, đó là phúc; có những người bạn uyên bác, ngay thẳng, đó là phúc.

有工夫讀書，謂之福；有力量濟人，謂之福；有學問著述，謂之福；無是非到耳，謂之福；有多聞，直，諒之友，謂之福。

Hữu công phu đọc thư vị chi phúc, hữu lực lượng tế nhân vị chi phúc, hữu học vấn trước thuật vị chi phúc, vô thị phi đáo nhĩ vị chi phúc, hữu đa văn trực lượng chi hữu vị chi phúc.

NHÀN ĐÀM

Tuổi càng cao, đọc câu này càng thấy thấm. Nhiều người về hưu, không quen đọc sách, cứ sống mãi trong cái thế giới ảo của facebook hoặc ngồi mãi trước tivi với cái remote, tôi cho đó là không phải là niềm vui. Niềm vui trong đọc sách nâng cao được cảnh giới tinh thần, nó khác hẳn với niềm vui khi xem tivi hay đắm mình trong facebook.

Có tiền của cứu giúp người với tâm vô cầu báo, điều đó có tạo phúc hay không cũng đừng bận tâm làm chi, nhưng chắc chắn nó sẽ đem lại niềm vui rất lớn cho ta.

Tuổi càng cao, càng gần với cái chết thì càng nên buông bỏ cái tâm biến lặn.

Viết được sách để biểu đạt tư tưởng, gởi gắm tâm hồn với đời là một niềm vui lớn. Có người quan niệm rằng nếu viết sách mà không hơn người thì đừng viết, điều đó âu cũng quá khắt khe.

Tâm không còn vướng bận đến chuyện thị phi là một điều đại phúc!

98.

Con người không gì vui cho bằng nhàn. Nhàn đâu phải là không có gì để làm. Có nhàn mới đọc được sách, có nhàn mới du ngoạn được danh lam thắng cảnh, có nhàn mới giao du được với những bạn có ích, có nhàn mới uống được rượu, có nhàn mới viết được sách. Niềm vui trong thiên hạ, còn có gì lớn hơn nó nữa?

人莫樂於閒，非無所事事之謂也。閒則能讀書，閒則能遊名勝，閒則能交益友，閒則能飲酒，閒則能著書。天下之樂，孰大於是？

Nhàn mặc lạc ư nhàn, phi vô sở sự sự chi vị dã. Nhàn tắc năng đọc thư, nhàn tắc năng du danh thắng, nhàn tắc năng giao ích hữu, nhàn tắc năng ẩm tửu, nhàn tắc năng trước thư. Thiên hạ chi lạc, thực đại ư thị?

NHÀN ĐÀM

Nhiều người thường có quan niệm sai lầm cho rằng chỉ người giàu mới có thể hưởng nhàn. Chính những người giàu mới ít được hưởng nhàn nhất. Muốn hưởng nhàn thì phải có tâm vô cầu, quả dục, ít ham chuộng lợi danh, không lụy vì vật. Có như thế mới có thể hiểu được ý nghĩa của chữ nhàn.

99.

Văn chương là sơn thủy trên án thư, sơn thủy là văn chương trên mặt đất.

文章是案頭之山水，山水是地上之文章。

Văn chương thị án đầu chi sơn thủy, sơn thủy thị địa thượng chi văn chương.

NHÀN ĐÀM

Câu văn cũng đẹp mà ý nghĩa cũng rõ ràng, còn biết nói gì thêm?

100.

Bốn văn bình, thượng, khứ, nhập: đó là cái lý nhất định. Nhưng chữ đọc theo thanh nhập thì ít, không thể nói

được rằng phàm là chữ thì có bốn vần. Người đời điều chỉnh vần bằng vần trắc, đối với những chữ không có thanh nhập, bèn lấy những vần không tương hợp để vào phía dưới làm chữ phụ thuộc. Các chữ phụ thuộc nếu không có ba thanh bình, thượng, khứ thì cũng giống như phụ nữ góa chồng gán cho đàn ông góa vợ, cũng còn tạm được. Nếu chữ phụ thuộc có đủ ba âm thanh bình, thượng, khứ mà giọng bắt phải theo ta tất giống như quan hệ với phụ nữ đã có chồng, làm sao được?

平，上，去，入，乃一定之至理。然入聲之為字也少，不得謂凡字有四聲也。世之調平仄者，于入聲之無其字者，往往以不相合之音隸於其下。為所隸者，苟無平，上，去之三聲，則是以寡婦配鰥夫，猶之可也。若所隸之字，自有其平，上，去三聲，而欲強以從我，則是干有夫之婦矣，其可乎？

Bình, thượng, khứ, nhập, nãi nhất định chi chí lý. Nhiên nhập thanh chi vi tự dã thiếu, bất đắc vị phàm tự hữu tứ thanh dã. Thế chi điệu bình trắc giả, vu nhập thanh chi vô kỳ tự giả, vãng vãng dĩ bất tương hiệp chi âm lệ ư kỳ hạ. Vi sở lệ giả, cầu vô bình, thượng, khứ chi tam thanh, tắc thị dĩ quả phụ phối quan phu, do chi khả dã. Nhược sở lệ chi tự, tự hữu kỳ bình, thượng, khứ tam thanh, nhi dục cưỡng dĩ tòng ngã, tắc thị can hữu phu chi phụ hỹ, kỳ khả hồ?

NHÀN ĐÀM

Cây này chỉ có ý nghĩa đối với những nhà ngôn ngữ học!

101.

Tạm bàn về thi vận: như vần “đông” (phương đông), “đông” (mùa đông) không có thanh nhập, người đời nay cố hết mức đem “đông” (phương đông), “đổng” (quản trị), “đống” (đóng băng), “đốc” (thúc,giục) để hòa điệu với nhau. Kìa, âm của chữ “đốc” lẽ ra nên phụ thêm cho các âm “đô” (đều, cả), “đồ” (nhìn), “đố” (ganh ghét). Nếu phụ thuộc vào âm “đông”, “đổng” “đốc” thì lấy gì để xử lý các âm “đô”, “đồ”, “đố”? Nếu hai chữ “đông” (phương đông) và “đô” (đều, cả) đều lấy chữ “đốc” làm thanh nhập thì chẳng khác nào một vợ mà hai chồng. Tam giang không có thanh nhập, người đời nay cố hết mức đem “giang” (sông), “giảng” (thuyết giảng), “giáng” (màu đỏ), “giác” (tỉnh giấc) để hòa điệu với nhau mà không biết rằng âm “giác” nên phụ thêm cho các âm “giao” (qua lại), “giảo” (vặn, xoắn). Cứ thế mà suy thì không biết đến bao nhiêu trường hợp. Vậy thì rốt cuộc làm sao cho ổn? Gọi là “quan” (đàn ông góa vợ) thì nghe ra “quan”, gọi là “quả” (đàn bà góa chồng) thì nghe ra “quả”, vợ chồng còn đầy đủ thì yên với chuyện đầy đủ, chẳng có liên quan gì với nhau.

姑就詩韻言之：如“東”“冬”韻，無入聲者也，今人盡調之以東，董，凍，督。夫“督”之為音，當附於都，睹，妒之下。若屬之於東，董，凍，又何以處夫都，睹，妒乎？若東，都二

字，具以督字為入聲，則是一婦而兩夫矣。三江無入聲者也，今人盡調之以江，講，絳，覺，殊不知“覺”之為音，當附於交，絞之下者也。緒如此類，不勝其舉。然則，如之何而後可？曰鰥者聽其鰥，寡者聽其寡，夫婦全者安其全，各不相干而已矣。

Cô tự thi vận ngôn chi: như “đông” “đông” vận, vô nhập thanh giả dã, kim nhân tận điều chi dĩ đông, đồng, đồng, đốc. Phù “đốc” chi vi âm, đương phụ ư đô, đồ, đồ chi hạ. Nhược thuộc chi ư đông, đồng, đồng, hựu hà dĩ xử phù đô, đồ, đồ hồ? Nhược đông, đô nhị tự, cụ dĩ đốc tự vi nhập thanh, tắc thị nhất phụ nhi lưỡng phù hỹ. Tam giang vô nhập thanh giả dã, kim nhân tận điều chi dĩ giang, giảng, giảng, giác, thù bất tri “giác” chi vi âm, đương phụ ư giao, giáo chi hạ giả dã. Tự như thử loại, bất thẳng kỳ cử. Nhiên tắc, như chi hà nhi hậu khả? Viết quan giả thính kỳ quan, quả giả thính kỳ quả, phu phụ toàn giả an kỳ toàn, các bất tương can nhi dĩ hỹ.

NHÀN ĐÀM

Câu này chỉ chuyên về ngôn ngữ, ít mang ý vị của Trương Triều.

102.

Thủy Hử là bộ sách tả cảnh giận dữ, Tây Du Ký là bộ sách tả cảnh giác ngộ, Kim Bình Mai là bộ sách tả cảnh bi ai.

《水滸傳》是一部怒書，《西遊記》是一部悟書，《金瓶梅》是一部哀書。

Thủy Hử truyện thị nhất bộ nộ thư, Tây Du Ký thị nhất bộ ngộ thư, Kim Bình mai thị nhất bộ ai thư.

NHÀN ĐÀM

Lời này khái quát được hết nội dung của ba bộ kỳ thư Trung Quốc.

Kim Bình Mai thường bị xem là một bộ dâm thư. Ngày trước, cụ Huỳnh Thúc Kháng cũng cho *Truyện Kiều* là dâm thư. Nói như Kim Thánh Thán, đem con mắt dâm mà đọc *Mái Tây* thì chỉ thấy toàn dâm, đem con mắt văn chương mà đọc thì thấy toàn văn chương. Giang Hàm Trưng 江含徵 nhận xét rất hay:

Những kẻ không hiểu mà đọc Kim Bình Mai thì chỉ học được cái dâm. Giống như những người yêu Đông Pha mà chỉ thích món thịt kho tàu. (Bất hội khan “Kim Bình Mai” nhi chỉ học kỳ dâm; thị ái Đông Pha giả, đăn hỷ ngật Đông Pha nhục nhĩ. 不會看《金瓶梅》，而只學其淫；是愛東坡者，但喜吃東坡肉耳。)

Nguyên Tô Đông Pha có nấu một món ăn được lưu truyền hậu thế gọi là *Đông Pha nhục*, tức món thịt kho kiểu Đông Pha, còn được biết đến với tên gọi thịt kho tàu (?). Yêu thích Tô Đông Pha mà chỉ biết đến món thịt kho Đông Pha thì cũng chẳng khác nào yêu thích Bùi Giáng mà chỉ biết đến những giai thoại nhảm nhí về ông.

An Nhật Giới 殷日戒 nhân câu này mà có một lời bình thật thú vị về U Mộng Ảnh:

U Mộng Ảnh là bộ sách sáng khoái. (“U Mộng Ảnh” thị nhất bộ khoái thư. 《幽夢影》是一部快書。)

Chu Kỳ Cung 朱其恭 cũng có lời bình tương tự:

Tôi thì nói rằng U Mộng Ảnh là bộ sách thú vị. (Dư vị “U Mộng Ảnh” thị nhất bộ thú thư. 余謂《幽夢影》是一部趣書。)

103.

Đọc sách là điều sướng nhất, nhưng đọc sách sử thì vui ít mà giận nhiều. Ngẫm cho cùng thì chỗ giận cũng chính là chỗ vui vậy.

讀書最樂，若讀史書，則喜少怒多。究之，怒處亦樂處也。

Đọc thư tối lạc, nhược đọc sử thư, tắc hỷ thiếu nộ đa; cứu chi, nộ xử diệc lạc xử dã.

NHÀN ĐÀM

Đọc sử sở dĩ vui ít giận nhiều là vì trong đó thường ghi chép nhiều chuyện bí ẩn của cung đình, chuyện vua hôn ám khiến bọn hoạn quan lộng quyền, lũ tiểu nhân đắc thế mà hãm hại bậc trung lương. Nhưng chính khi

giận như thế, ta mới hiểu ra rằng tâm ta vẫn còn thiết tha với tiền đồ dân tộc vì còn biết đau xót trước sự đổ nát của đất nước, thì đó lại chính là niềm vui vậy.

104.

Nói trước được những điều người khác chưa bàn tới mới là sách lạ, nói được những điều khó nói về vợ con mới là bạn thiết.

發前人未發之論，方是奇書；言妻子難言之情，乃為密友。

Phát tiền nhân vị phát chi luận, phương thị kỳ thư, ngôn thê tử nan ngôn chi tình, nãi vi mật hữu.

NHÀN ĐÀM

Giữa cõi đời này, hạnh phúc thay cho những ai có thể tìm được người bạn để tâm sự những điều khó nói về vợ con.

105.

Là kẻ sĩ ắt phải có bạn thân. Bạn thân không cần phải là người sống chết có nhau. Đại khái đó là người dù ở cách xa ngàn dặm mà vẫn tin nhau, không bị những lời phũ

phiếm làm cho dao động; nghe người ta nói xấu về bạn, tức cho đó là lời dèm pha mà thôi; việc đáng làm, việc đáng ngưng đều có thể thay bạn mà quyết đoán; hoặc lúc lâm vào cảnh lợi hại thì giúp đỡ mà không cần để cho bạn biết, và cũng chẳng hề lo bạn có phụ bạc mình không, cứ việc ra sức gánh vác. Được vậy mới gọi là bạn thân.

一介之士，必有密友。密友，不必定是刎頸之交。大率雖千里之遙，皆可相信，而不為浮言所動；聞有謗之者，即多方為之辯析而後已；事之宜行宜止者，代為籌畫決斷；或事當利害關頭，有所需而後濟者，即不必與聞，亦不慮其負我與否，竟為力承其事。此皆所謂密友也。

Nhất giới chi sĩ, tất hữu mật hữu. Mật hữu, bất tất định thị văn cảnh chi giao. Đại suất tuy thiên lý chi dao, giai khả tướng tín, nhi bất vị phù ngôn sở động, văn hữu báng chi giả, tức đa phương vị chi biện tích nhi hậu dĩ; sự chi nghi hành nghi chỉ giả, đại vị trừ hoạch quyết đoán, hoặc sự đương lợi hại quan đầu, hữu sở nhu nhi hậu tế giả, tức bất tất dĩ văn, diệc bất lự kỳ phụ ngã dĩ phủ, cánh vi lực thừa kỳ sự. Thử giai sở vị mật hữu dã.

NHÀN ĐÀM

Đây có lẽ là những lời nói hay nhất, đầy đủ nhất và cảm động nhất về hai chữ *bạn thân*.

QUYỀN HẠ

106.

Cảnh phong lưu tự mình thường thức, chỉ để cho hoa chim theo hầu. Lòng chân thành nào mấy ai hay, hưởng thụ cảnh khói mây cung dưỡng.

風流自賞，只容花鳥趨陪。真率誰知合受煙霞供養。

Phong lưu tự thưởng, chỉ dung hoa điều xu bồi. Chân suất thùy tri, hợp thụ yên hà cung dưỡng.

NHÀN ĐÀM

Khách phong lưu là những kẻ tài hoa, tiêu sái, thường chỉ có thể một mình tự vui, vì họ không thể đem cái cao nhã của mình hòa lẫn vào thói đời ô trọc, mà người đời cũng chẳng thể hiểu được họ bao nhiêu. Như con chim hạc giữa bầy gà, tâm bay chín tầng cao, nhưng thân phải “hòa nhi bất đồng” với thế gian, nên họ chỉ có thể tìm niềm vui cho mình trong một cõi trời riêng. Trong cõi trời riêng đó, họa chăng chỉ là hoa chim, gió trăng là bầu bạn. Kẻ phong lưu cao nhã không tìm được bạn tri âm

trong cõi người ta thì lấy mai làm vợ, lấy hạc làm con như Lâm Bô cũng là điều tự nhiên.

Chân suất có nghĩa là sống bộc trực chân thành, cứ hồn nhiên thuận theo bản tánh, xem nhẹ tranh đua, không màng danh lợi. Những người như thế khó mà hòa nhập được với cảnh đoạt lợi, tranh danh của phường lưu tục. Chẳng những lợi danh của thế gian chẳng mấy may ảnh hưởng gì đến họ, mà cả đến ngôi vị hoàng đế họ cũng chẳng quan tâm. Đối với người đời, sống như thế là kỳ dị, cho nên Trương Trào mới ghi hai chữ “*thùy tri?*” Nào ai biết? Nào ai hay? Đã là *thùy tri* thì không ẩn dật vẫn như là ẩn dật.

Yên hà là khói và ráng chiều, chỉ cảnh tượng khói sương do hơi mây biến hóa trong rừng núi. Chỉ những ẩn sĩ thanh cao mới biết hưởng thụ cảnh tượng cõi yên hà, như cụ Nguyễn Trãi:

Am trúc hiền mai ngày tháng qua,

Thị phi nào đến cõi yên hà.

Bởi đó là một cõi riêng của những tâm hồn thanh cao thoát tục:

Đêm thanh, nguyệt hiện ngoài hiên trúc,

Ngày vắng, chim kêu cuối khóm hoa.

Thấy nguyệt tròn thì kể tháng

Nhìn hoa nở mới hay xuân.

Cung dưỡng tức “cúng dường”, thường dùng cho nhà chùa. Người Trung Quốc cho rằng bậc thần tiên không còn dùng những loại thực phẩm nấu nướng của thế gian, mà ăn sương, uống khí, cho nên họ mới hưởng thụ được những thứ chốn yên hà cung dưỡng.

Trong thú phong lưu vui với hoa chim, nường chốn yên hà sống theo chân tánh. Cảnh tượng đó tự nhiên tạo nên vẻ siêu nhiên thoát tục.

107.

Mọi sự đều có thể quên, cái khó quên được là lòng hám danh; ngàn điều dễ xem nhẹ, điều không xem nhẹ được là mấy chén rượu ngon.

萬事可忘，難忘者名心一段；千般易淡，未淡者美酒三杯。

Vạn sự khả vong, nan vong giả danh tâm nhất đoàn; thiên ban dị đạm, vị đạm giả mỹ tửu tam bôi.

NHÀN ĐÀM

Danh và lợi là xiềng xích luôn trói buộc con người, khó ai thoát ra ngoài vòng thao túng của nó. Chữ *lợi* trói buộc người là điều dễ thấy. Khi ta không làm chủ được nó thì nó thừa ma lực để biến cuộc đời thành bị kịch. Nhưng kẻ nào có bản lĩnh để không lụy vì lợi thì lại thường lụy vì danh.

Thường tình, khi đã có lợi rồi thì người ta lại háo danh. Biết bao kẻ gót chân còn chai sần bùn phèn của đồng chua nước mặn, nhưng khi thời thế biến đổi, tiền của đã rủng rỉnh thì tìm đủ mọi cách để trở thành quý tộc – mà phải là quý tộc bẩm sinh! Trình độ chưa qua được trường tiểu học sau lũy tre làng, nhưng chỉ một thời gian sau là đã tìm mọi cách để thành ông cử, ông nghè. Ấy cũng do cái tệ trạng ham chuộng hư danh của xã hội ta. Cái thế giới ảo của *facebook* là nơi mà thói háo danh hiện rõ hơn đâu hết. Có kẻ điên khùng đến mức làm những điều rồ để mong được người ta biết đến.

Vương Đan Lộc 王丹麓 bàn:

Tính tôi không uống được rượu, nên rượu ngon cũng dễ xem nhẹ. Chỉ có một điều cực kỳ khó quên, đó là danh! (Dư tính bất nại ẩm, mỹ tửu diệc dị đạm. Sở tối nan vong giả, danh nhĩ!) 予性不耐飲，美酒亦易淡。所最難忘者，名耳！

Kẻ háo danh vẫn có thể xem nhẹ rượu, (chỉ vì không biết uống rượu!), nhưng chắc chắn kẻ xem nhẹ rượu vẫn không thể xem nhẹ chữ danh.

108.

Lăng và sen có thể ăn mà cũng có thể dùng làm quần áo; vàng và đá có thể dùng làm đồ vật mà cũng có thể uống được.

菱荷可食，而亦可衣；金石可器，而亦可服。

Kỳ hà khả thực nhi diệc khả y, kim thạch khả khí nhi diệc khả phục.

NHÀN ĐÀM

Kỳ hà chỉ súng và sen. Dùng lá súng và lá sen làm quần áo có xuất xứ từ câu thơ Khuất Nguyên:

*Chế kỳ hà dĩ vi y hễ,
tập phù dung dĩ vi thường.*

制芰荷以為衣兮，
集芙蓉以為裳。

*Hái sen súng, cắt manh áo đẹp,
Cắt phù dung may nếp xiêm dài.*

(Nhuộm Tống dịch)

Trong văn học Trung Quốc, hễ nhắc đến sen là người ta nhớ đến Chu Liêm Khê. Trương Triều đã nói sen lấy Liêm Khê làm tri kỷ (xem câu 4).

Trương Trúc Pha bình:

Như vậy mới hay, Liêm Khê chẳng qua cũng chỉ mưu tính cho cái ăn, cái mặc mà thôi. (Nhiên hậu tri Liêm Khê bất quá vị y thực kế nhĩ. 然後知濂溪不過為衣食計耳。)

Còn Vương Ty Trực 王司直 thì hỏi lại:

Những người mưu tính cho cái ăn, cái mặc thời nay liệu có giống Liêm Khê chăng? (Kim chi vi

y thực kế giả, quả tự Liêm Khê phủ? 今之為衣食計者，果似濂溪否？)

Cũng đều là người mê sen cả, nhưng mấy ai có được cái trí siêu tục và cái tâm thanh tĩnh của Liêm Khê?

Kim thạch tức kim ngân và ngọc thạch, thường được dùng làm dụng cụ chứa thuốc trong phép luyện đan của các đạo sĩ. Thời Ngụy – Tấn, người ta thường dùng các loại khoáng thạch để luyện phương thuốc “*ngũ thạch tán* 五石散”, cho rằng uống vào thì cơ thể sẽ trở nên kiên cố như vàng đá, sẽ được trường sinh bất tử. Và đã biết bao nhiêu người có trí tuệ đã phải đem sinh mạng ra để trả giá cho cái ước mơ điên rồ đó. Thậm chí cả Thi tiên Lý Bạch và Thi quý Lý Hạ cũng có một thời say mê với cái thuyết luyện đan đó.

109.

Vừa nghe êm tai lại thấy vừa mắt, đó là đánh đàn cầm, thổi tiêu; nghe êm tai mà thấy không vừa mắt, đó là thổi sênh, thổi quản.

宜於耳復宜於目者，彈琴也，吹簫也；宜於耳不宜於目者，吹笙也，擷管也。

Nghi ư nhĩ phục nghi ư mục giả, đàn cầm dã, xuy tiêu dã; nghi ư nhĩ bất nghi ư mục giả, xuy sanh dã, áp quản dã.

NHÀN ĐÀM

Riêng tôi, nghe êm tai mà thấy không vừa mắt, đó là cảnh những nhạc công phùng mang trộn má thổi saxophone. Nhất là nhạc công nữ!

110.

Ngắm đàn bà trang điểm buổi sáng, nên đợi lúc phấn son xong.

看曉粧宜于傳粉之後。

Khán hiệu trang nghi ư phó phấn chi hậu.

NHÀN ĐÀM

Trên mạng có hai bức hình hài hước. Một bức chụp chiếc xe ô-tô hư cũ, tróc sơn bỏ trong garage, một bức chụp chiếc xe ô-tô bóng lộn, hình thức cực kỳ sang trọng, hai bức hình được đặt cạnh nhau với lời ghi chú: “*Phụ nữ trước và sau khi make-up*”!

Iphone X nổi tiếng với chức năng FaceID là nhận diện được khuôn mặt của người sử dụng. Có người viết một comment khôi hài cho rằng cho rằng chỉ phụ nữ mới nên xài chức năng đó, chứ đàn ông không nên. Vì đàn ông có ngủ hay thức thì cũng chỉ một khuôn mặt, nên người khác có thể đưa iphone qua trước mặt khi đang ngủ để mở nó ra một cách dễ dàng. Còn phụ nữ trước

và sau khi trang điểm thì gần như khác hẳn nhau nên iPhone đành bó tay!

Trong vở kịch Hamlet, hoàng tử Hamlet nói với Ophelia: *“God has given you one face and you make yourselves another.”* (Act 3, Scene 1). (Thượng Đế đã ban cho nàng một gương mặt và nàng đã tự biến nó thành một gương mặt khác.) Nghe hơi cay đắng! Nhưng phụ nữ là biểu tượng của cái đẹp, họ làm đẹp là để đẹp cho bản thân và cái đẹp đó mang lại thêm hương vị cho cuộc đời, thì hà cớ gì ta lại không trân trọng cách làm đẹp đó, và càng nên làm theo câu nói của Trương Trào, là *“ngắm đàn bà trang điểm buổi sáng, nên đợi lúc phấn son xong.”*

111.

Tôi không biết được trước khi sinh, ở vào thời Xuân Thu, đã từng biết được Tây Thi chăng? Ở vào thời Điển Ngạc, đã từng thấy được Vệ Giốc chăng? Ở vào thời Nghĩ Hy, đã từng say với Đào Uyên Minh chưa? Ở vào thời Thiên Bảo, đã từng nhìn được Thái Chân chưa? Ở triều đại Nguyên Phong, đã từng gặp được Đông Pha chưa? Đã hơn ngàn năm, những kẻ tôi nhớ nghĩ há chỉ có bấy nhiêu, có nhiều kẻ còn hơn thế nữa. Đây là chỉ kể sơ qua để khái quát những người còn lại.

我不知我之生前，當春秋之季，曾一識西施否

? 當典午之時，曾一看衛玠否？當義熙之世，曾一醉淵明否？當天寶之代，曾一睹太真否？當元豐之朝，曾一晤東坡否？千古之上，相思者不止此，數人則其尤甚者，故姑舉之，以概其餘也。

Ngã bát tri ngã chi tiền sinh đương Xuân Thu chi quý, tăng nhất thức Tây Thi phủ? Đương Điển Ngộ chi thời, tăng nhất khán Vệ Giới phủ? Đương Nghĩa Hy chi thế, tăng nhất túy Uyên Minh phủ? Đương Thiên Bảo chi đại, tăng nhất đồ Thái Chân phủ? Đương Nguyên Phong chi triều, tăng nhất ngộ Đông Pha phủ? Thiên cổ chi thượng, tương tư giả bất chỉ thử, sở nhân tắc kỳ vưu thậm giả, cổ cô cử chi, dĩ khái kỳ dư dã.

NHÀN ĐÀM

Tây Thi là người đẹp nổi tiếng Trung Quốc thời Xuân Thu, một trong tứ đại mỹ nhân của Trung Quốc.

Điển Ngộ là triều đại Tư Mã nhà Tấn. *Vệ Giới* là một mỹ nam tử thời Tấn, mỗi khi đánh xe dê ra đường dạo chơi thì người ở thành Lạc Dương đua nhau đi xem chật cả đường.

Nghĩa Hy là Triều đại Tấn An Đế, Trung Quốc (405-418). Về *Đào Uyên Minh* và *Thái chân* xin xem câu 4.

Nguyên Phong là triều đại Tống Thần Tông, Trung Quốc (1078-1085). *Đông Pha* tức Tô Thức 蘇軾 (1037 – 1101), tự Tử Chiêm 子瞻, hiệu Đông Pha cư sĩ 東坡居士 nên thường được gọi là Tô Đông Pha. Ông là thi sĩ thiên tài kỳ lạ nhất trong lịch sử văn học Trung Quốc,

được xem như là hậu thân của Trang Tử. Ông tinh thông tam giáo, tài hoa trác việt, trong tám nhân vật của “*Đường Tống bát đại gia*” (gồm Hàn Dũ, Liễu Tồn Nguyên, Âu Dương Tu, Tô Tuân, Tô Thức, Tô Triệt, Vương An Thạch và Tăng Cung), ông được coi là người lỗi lạc nhất. Nhà sư – thi sĩ Tuệ Sỹ viết một cuốn sách tuyệt diệu về ông “*Tô Đông Pha những phương trời viễn mộng*”, chứa chan niềm tương cảm.

Gặp được giai nhân, tài tử cổ kim, dù trong mộng, là điều hạnh ngộ trong đời. Há chỉ mỗi một Trương Trào mơ ước thôi đâu?

112.

Tôi cũng chẳng rõ vào thời Long Vạn, tại Cự Viện đã từng giao du với bao nhiêu danh kỹ? Các danh sĩ như My Công, Bá Hổ, Nhược Sĩ, Xích Thủy đã cùng tôi đàm luận, cười nói bao phen? Vũ trụ mang mang, tôi giờ đây nào biết hỏi ai?

我又不曾在隆萬時，曾於舊院中交幾名妓？
眉公，伯虎，若士，赤水諸君，曾共我談笑幾回？
茫茫宇宙，我今當向誰問之耶？

Ngã hựu bất tri tại Long Vạn thời, tăng ư Cự Viện trung giao kỹ danh kỹ? My Công, Bá Hổ, Nhược Sĩ, Xích Thủy chư quân, tăng cộng ngã đàm tiếu kỹ hồi? Mang mang vũ trụ, ngã kim đương hướng thùy vấn chi da?

NHÀN ĐÀM

Thời Long Vạn tức triều đại Long Khánh, thời Minh Mục Tông, Trung Quốc (1567-1572), thuộc hậu bán triều Minh. Vào thời kỳ này, kinh tế phát triển nhưng phong hóa suy đồi. Đây là giai đoạn mà người ta gọi là “*anh hùng hạ đài nhi vô lại đương đạo*”. 英雄下台，而無賴當道。” (anh hùng xuống đài mà bọn vô lại lên ngôi.) Những kẻ bất tài, vô đức nhưng lắm tiền của, lại có quyền lực trong tay thay nhau thao túng xã hội, khiến những người trí thức chân chính đâm ra chán ngán thời cuộc, tìm lãng quên trong những kỹ viện, thanh lâu – nơi có những phụ nữ tài hoa nhưng do thời cuộc mà phải lưu lạc chốn phong trần. Các kỹ nữ tại Cựu Viện, thời bấy giờ, đa số là những phụ nữ tài mạo song toàn, ngoài nhan sắc diễm lệ, còn có thêm tài thi họa, hát xướng, đem lại những lạc thú tao nhã, từ đó đã tạo nên nhiều giai thoại để đời giữa danh sĩ và kỹ nữ. Cứ gì Trương Trào, bọn tài tử cổ kim ai lại chẳng ước mong được giao du cùng những kẻ lưu lạc phong trần ấy? Chốn thanh lâu mà tìm được một Thúy Kiều, há chẳng phải là điều hạnh ngộ?

My Công là Trần My Công 陳眉公, tên Kế Nho 繼儒, tự Trọng Thuần 仲醇, người đất Hoa Đình. Từ thời niên thiếu đã nổi tiếng tài danh, nhưng bản tính ông thích cảnh tĩnh tịch, nên sống ẩn cư. Bản tính tiêu sái phong lưu, ông thường dùng thi văn để giao du cùng những danh sĩ đương thời.

Bá Hổ tức Đường Bá Hổ 唐伯虎 (1470 – 1524),

tên là Dân 寅, tự Tử Úy 子畏, lại có tự là Bá Hổ, hiệu Lục Như 六如. Ông là một tài tử phong lưu lỗi lạc, thi văn chốn động cả xứ Giang Nam, lại là một nhà vẽ tranh sơn thủy kiệt xuất. Các bức tranh của ông đều được xưng tụng là thần phẩm.

Nhược Sĩ tức Thang Hiến Tổ 湯顯祖 (1550 – 1616), tự Nghĩa Nhưng 義仍, là nhà văn, nhà biên kịch nổi tiếng của Trung Quốc vào cuối thời nhà Minh, người đất Lâm Xuyên, tỉnh Giang Tây. Ông thi đỗ tiến sĩ, ra làm quan. Ông là vị quan thanh liêm, hiểu được dân tình, hết lòng chăm lo cho dân, nhưng vì chán ngán cảnh triều đình thối nát nên đến năm Vạn Lịch thứ 26 (1598), ông từ quan về quê, ở tại Lâm Xuyên, chuyên tâm đọc sách và viết kịch. Ông kế thừa tư tưởng của Lý Trác Ngô 李卓吾 để sáng tác nên bốn tác phẩm nổi tiếng được gọi là *Lâm Xuyên Tứ Mộng* 臨川四夢, gồm: *Tử Thoa Ký* 紫釵記, *Hoàn Mộng Ký* 還魂記, *Nam Kha Ký* 南柯記 và *Hàm Đan Ký* 邯鄲記. *Hoàn Mộng Ký*, còn gọi là *Mẫu Đơn Đình* 牡丹亭, là vở kịch bi tráng, làm lay động lòng người, còn nổi tiếng hơn cả *Tây Sương Ký* nữa. Thang Hiến Tổ sống cùng thời với William Shakespeare nên người Trung Quốc nay thường gọi ông là Shakespeare của Trung Quốc.

Xích Thủy tức Đồ Long 屠隆 (1543 – 1605), tự Trường Khanh 長卿, người xứ Triết Giang, vốn là tiến sĩ xuất thân. Ông còn nhiều biệt hiệu khác như Hồng Bao Cư Sĩ 鴻苞居士, Đào Hoa Khách Khanh 桃花客

卿. Ông được xem là loại *quái tài*, ham du ngoạn, học vấn uyên thâm lại giỏi về kịch nghệ. Ông không chỉ là nhà viết kịch lỗi lạc mà còn là một diễn viên tài ba, danh tiếng chấn động đương thời. Người ta còn cho rằng có thể ông là tác giả của tác phẩm *Kim Bình Mai* 金瓶梅 nổi tiếng.

113.

Văn chương là gấm vóc có lời, gấm vóc là văn chương không lời, cả hai đều cùng phát xuất từ một nguồn. Đại khái mà bàn luận thì các nơi như Kim Lăng, Vũ Lâm, Cô Tô, hễ nơi nào có rừng sách thì nơi đó có khung cửu dệt.

文章是有字句之錦繡，錦繡是無字句之文章，兩者同出于一原。姑即粗跡論之，如金陵，如武林，如姑蘇，書林之所在，即機杼之所在也。

Văn chương thị hữu tự cú chi cảm tú, cảm tú thị vô tự cú chi văn chương, lưỡng giả đồng xuất vu nhất nguyên. Cô tức thô tích luận chi, như Kim Lăng, như Vũ Lâm, như Cô Tô, thư lâm chi sở tại, tức cơ trứ chi sở tại dã.

NHÀN ĐÀM

Kiều vâng lĩnh ý đề bài,

Tay tiên một vẫy đủ mười khúc ngâm.

Xem thơ nức nở khen thầm:

Giá đành tú khẩu, cảm tâm khác thường!

Đó là lời Đạm Tiên bình phẩm thơ Thúy Kiều, trong một đêm nằm mộng, trước khi bước vào cõi đoạn trường của mười lăm năm lưu lạc.

Thơ mà như “*miệng gấm, lòng thêu*” thì dĩ nhiên là lời phải hay, ý phải đẹp. Gấm vóc là chỗ kết tinh của đường tơ, mũi chỉ; văn chương là nơi cực đỉnh của lời nói, ngữ ngôn. Người xưa thường dùng hình ảnh “*miệng gấm, lòng thêu*” để ca ngợi vẻ đẹp của văn chương, quả là có ý.

Chữ *nguyên* 原 ở đây dùng như chữ *nguyên* 源 là nguồn. Văn chương là gấm vóc có lời, nên văn chương thay gấm vóc mà dùng ngôn ngữ để nói hộ cái đẹp của gấm vóc; gấm vóc là văn chương không lời, nên gấm vóc dùng hoa văn thay ngôn ngữ để biểu hiện cái đẹp của văn chương; cả hai đều cùng phát xuất từ một nguồn: đó là *Cái Đẹp*. Trong câu 79, Trương Trào nói “*Văn chương là sơn thủy trên án thư, sơn thủy là văn chương trên mặt đất.*” đủ cực tả được cái đẹp của văn chương rồi.

Thư lâm theo nghĩa đen là “*rừng sách*”, ở đây dùng để chỉ nơi mà văn học phát triển. Kim Lăng, Vũ Lâm, Cô Tô đều là những tên tuổi được nhắc đến nhiều trong văn học. “*Hồ sơn ứng mộng Vũ Lâm xuân*” của Đông Pha hay “*Cô Tô thành ngoại Hàn San tự*” của Trương Kế quá quen thuộc với những ai thích thi ca Trung Quốc.

Tôi từng gom các tự thiếp để làm thơ. Chữ không phức tạp mà nhiều thì không gì qua "Thiên tự văn", nhưng những chữ mà các nhà thơ thường dùng trước mắt, khổ ở chỗ chưa hoàn bị. Các chữ chỉ về thiên văn như: yên (khói), hà (ráng), phong (gió), tuyết; các chữ chỉ về địa lý như: giang (sông), sơn (núi), đường (ao), ngạn (bờ); các chữ chỉ về thời tiết như xuân (mùa xuân), tiêu (nửa đêm), hiểu (sáng sớm), mộ (chiều tối); các chữ chỉ về nhân vật như ông (ông già), tăng (thầy tu), ngư (người đánh cá), tiều (người đốn củi); các chữ chỉ về cây cỏ như hoa (hoa), liễu (cây liễu), đài (rêu), bình (bèo); các chữ chỉ về chim chóc và côn trùng như: phong (ong), điệp (bướm), oanh (chim oanh), yến (chim én); các chữ chỉ về nhà cửa như đài (nền cao), lan (lan can), hiên (mái hiên), song (cửa sổ); các chữ chỉ về vật dụng như: chu (ghe nhỏ), thuyền (ghe lớn), hồ (cái bình), trượng (gậy chống); các chữ chỉ về nhân sự như: mộng (giấc mộng), ý (ý nghĩ), sầu (buồn), hận (giận, hận); các chữ chỉ về quần áo như: quần (quần), tុ (tay áo), cẩm (gấm), y (lụa); các chữ chỉ về ăn uống như: trà (trà), tương (nước tương), ẩm (uống), chước (rót rượu); các chữ chỉ về thân thể như mấn (tóc mai), mi (lông mày), vận (phong cách), thái (dáng vẻ); các chữ chỉ về thanh sắc như: hồng (màu hồng), lục (màu xanh), hương (mùi thơm), diễm (đẹp); các chữ chỉ về văn chương như tao (ly tao), đề (đầu đề), ngâm (ngâm nga); các chữ chỉ về số mục như: nhất (một), nhị (hai), tam (ba) song

(cặp), bán (một nửa) đều không có chữ này. Thiên tự vẫn còn thế, hướng gì sách khác?

予嘗集諸法帖字為詩。字之不複而多者，莫善于《千字文》，然詩家目前常用之字，猶苦其未備。如天文之煙，霞，風，雪，地理之江，山，塘，岸，時令之春，宵，曉，暮，人物之翁，僧，漁，樵，花木之花，柳，苔，萍，鳥獸之蜂，蝶，鶯，燕，宮室之臺，欄，軒，窗，器用之舟，船，壺，杖，人事之夢，憶，愁，恨，衣服之裙，袖，錦，綺，飲食之茶，漿，飲，酌，身體之鬚，眉，韻，態，聲色之紅，綠，香，豔，文史之騷，賦，題，吟，數目之一，三，雙，半，皆無其字。《千字文》且然，況其他乎？

Dư thường tập chư pháp thiếp tự vi thi. Tự chi bất phức nhi đa giả, mặc thiện vu "Thiên văn tự", nhiên thi gia mục tiền thường dụng chi tự, do khổ kỳ vị bị. Như thiên văn chi yên, hà, phong, tuyết; địa lý chi giang, sơn, đường, ngạn; thời lệnh chi xuân, tiêu, hiếu, mộ; nhân vật chi ông, tăng, ngư, tiếu; hoa mộc chi hoa, liễu, đài, bình; điều thú chi phong, điệp, oanh, yên; cung thất chi đài, lan, hiên, song; khí dụng chi chu, thuyền, hồ, trượng; nhân sự chi mộng, ức, sâu, hận; y phục chi quần, tộ, cẩm, y; ẩm thực chi trà, tương, ẩm, chúc; thân thể chi tu, mi, vận, thái; thanh sắc chi hồng, lục, hương, diễm; văn sử chi tao, phú, đề, ngâm; số mục chi nhất, tam, song, bán, giai vô kỳ tự. Thiên văn tự tả nhiên, hướng kỳ tha hồ?

115.

*Hoa không nên thấy rụng, trăng không nên thấy chìm,
người đẹp không nên thấy chết yếu.*

花不可見其落，月不可見其沈，美人不可見其夭。

Hoa bất khả kiến kỳ lạc, nguyệt bất khả kiến kỳ trầm,
mỹ nhân bất khả kiến kỳ yếu.

NHÀN ĐÀM

Cái đẹp thì vĩnh cửu, nhưng những đối tượng thể hiện cái đẹp thì không thể trường tồn, mà phải chịu sự chi phối của quy luật tự nhiên. Hoa nở rồi phải tàn, trăng tròn rồi phải lặn, người đẹp rồi phải già nua. Bởi vậy, muốn giữ hoài hình ảnh đẹp thì chỉ nên xem hoa lúc nở, nên thưởng trăng lúc lên cao, nên ngắm người đẹp đương ở thời xuân sắc, để khỏi xót xa cho hai chữ *tàn phai*.

Nhưng đó là tâm tình của người nghệ sĩ đi tìm cái đẹp, còn đối với kẻ đã gọi lòng vào cửa *Không* thì “*hoa nên thấy rụng, trăng nên thấy chìm, người đẹp nên thấy chết yếu.*” để liễu ngộ hai chữ *vô thường*.

Ý cuối cùng của câu này, tôi cho là vụng. Người đẹp mà thấy chết yếu còn hay, vì hình ảnh họ sẽ sống mãi với nghệ thuật, như Marilyn Monroe, và còn gợi hứng cho bao nhiêu văn nhân nghệ sĩ, chứ nhìn thấy cảnh người đẹp già nua trong hình hài hom hem, tàn tạ thì đúng là

thảm họa cho kẻ tôn thờ cái đẹp kiểu Trương Trào. Nhìn Brigitte Bardot hay Elizabeth Taylor lúc về già, ta không khỏi thờ dài tiếc nuối cho những hình ảnh tuyệt diệu của những giai nhân từng một thời làm khuynh đảo cả năm châu!

116.

Trồng hoa nên thấy khi hoa nở, đón trăng nên thấy lúc trăng tròn, viết sách nên thấy lúc hoàn thành, người đẹp nên thấy được vui vẻ, sung sướng, nếu không thì chỉ uống công.

種花須見其開，待月須見其滿，著書須見其成，美人須見其暢適，方有實際。否則皆為虛設。

Chủng hoa tu kiến kỳ khai, đãi nguyệt tu kiến kỳ mãn, trước thư tu kiến kỳ thành, mỹ nhân tu kiến kỳ sướng thích, phương hữu thực tế. Phủ tắc giai vi hư thiết.

NHÀN ĐÀM

Câu này chỉ quảng diễn ý nghĩa của câu trên, nên cũng không có gì xuất sắc. Hoa không nên thấy rụng tức chỉ nên xem hoa khi nở, trăng không nên thấy chìm tức chỉ nên thưởng trăng lúc trăng tròn, người đẹp không nên thấy chết yếu có nghĩa là chỉ nên ngắm người đẹp lúc tuổi xuân đang độ, sống trong cảnh nhàn nhã phong lưu.

Viết sách mà không được thấy lúc hoàn thành là một

điều đáng tiếc, vì uống phí tâm tư.

117.

Huệ Thi viết nhiều, sách ông chứa đến năm xe; Ngu Khanh vì cảnh cùng sầu mà viết sách, sách của cả hai ông đều không truyền đến ngày nay. Không biết trong sách nói gì? Tôi không gặp được người xưa, làm sao mà không hận?

惠施多方，其書五車；虞卿以窮愁著書，今皆不傳。不知書中果作何語？我不見古人，安得不恨？

Huệ Thi đa phương, kỳ thư ngũ xa, Ngu Khanh dĩ cùng sầu trứ thư, kim giai bất truyền. Bất tri thư trung quả tác hà ngữ? Ngã bất kiến cổ nhân, an đắc bất hận?

NHÀN ĐÀM

Huệ Thi là triết gia lỗi lạc thời Chiến Quốc, thuộc phái quỷ biện, bạn với Trang Tử. Tương truyền sách ông viết chất đầy cả năm xe.

Ngu Khanh là du sĩ thời Chiến Quốc, thuyết mang dèp mo, áo tơi đến du thuyết Hiếu Thành Vương nước Triệu. Yết kiến lần thứ nhất được nhà vua cho trăm dật vàng, một đôi ngọc bạch bích. Yết kiến lần thứ hai được làm thượng khanh nước Triệu, cho nên hiệu là Ngu Khanh.

118.

Lấy hoa thông làm lương thực, lấy trái thông làm hương liệu, lấy cành thông làm chổi quét, lấy sóng lao xao trên ngọn thông làm tiếng trống. Ở trong núi mà có được hơn trăm cây thông lớn, có thể dùng mãi không hết.

以松花為量，以松實為香，以松枝為塵尾，以松陰為步障，以松濤為鼓吹。山居得喬松百餘章，真乃受用不盡。

Dĩ tùng hoa vi lương, dĩ tùng thực vi hương, dĩ tùng chi vi chủ vĩ, dĩ tùng âm vi bộ chương, dĩ tùng đào vi cổ xúy. Sơn cư đắc kiều tùng bách dư chương, chân nãi thụ dụng bất tận.

NHÀN ĐÀM

Thông không chỉ xem Tần Thủy Hoàng làm tri kỷ, mà còn nên xem Trương Triều làm tri kỷ nữa!

119.

Phép ngắm trăng: trăng tỏ nên ngẩng mà ngắm, trăng mờ nên cúi mà nhìn.

玩月之法，皎潔則仰觀，朦朧則宜俯視。

Ngoạn nguyệt chi pháp: hạo khiết tắc nghi ngưỡng quán, mông lung tắc nghi phủ thị.

NHÀN ĐÀM

Thường trăng chủ yếu là thường ngoạn ánh sáng thanh khiết vô trần. Trăng mờ hay tỏ đều có vẻ đẹp riêng. Trăng sáng có vẻ đẹp của màu trắng bàng bạc, nên ngẩng mà ngắm để thấy được cái mệnh mông dịu dàng của cõi thái không. Trăng mờ có cái đẹp của ánh sáng lung linh, nên cúi mà ngắm để thấy cảnh vật thấp thoáng mơ hồ trong ánh trăng mờ ảo.

120.

Trẻ thơ chẳng biết một điều gì, mắt không phân biệt được vẻ đẹp xấu, tai không phân biệt được tiếng đục trong, mũi chưa phân biệt được mùi thơm thối; nhưng nếu vị đắng hay ngọt thì không những biết ngay mà biết chọn hay bỏ nữa. Cho nên dùng đồ ngon ngọt để dỗ con thì mặt mày hớn hở, hầu như chỉ do vậy mà thôi.

孩提之童，一無所知。目不能辨美惡，耳不能判清濁，鼻不能別香臭。至若味之甘苦，則不第知之，且能取之棄之。告子以甘食，悅色為性，殆指此類耳。

Hài để chi đồng, nhất vô sở tri. Mục bất năng biện mỹ ố, nhĩ bất năng phán thanh trọc, tỵ bất năng biệt hương xú. Chí nhược vị chi cam khổ, tắc bất đệ tri chi, tả năng thủ chi khí chi. Cáo tử dĩ cam thực, duyệt sắc vi tính, đãi chỉ thử loại nhĩ.

NHÀN ĐÀM

Lục căn của ta: *nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý*, dùng để đối trị lục trần: *sắc, thanh hương, vị, xúc, pháp*. Khi một hài nhi tiếp xúc với thế giới ngoại tại, mắt nó chưa phân biệt được các đối tượng của sắc, tai chưa phân biệt được các đối tượng của thanh, mũi chưa phân biệt được các đối tượng của hương, thân chưa cảm nhận được sự cứng mềm, nhưng lưỡi của nó phân biệt được ngay sự khác biệt giữa một giọt sữa với giọt mật. Cho nên vị là cái được đưa bé cảm nhận trước tiên khi tiếp xúc với thế giới. Kinh Phật thường diễn tả cảnh tượng Đức Phật phóng tướng lưỡi bao trùm cả tam thiên đại thiên thế giới khi thuyết pháp, có lẽ cũng chỉ là cách diễn đạt tư tưởng này bằng hình tượng.

121.

Việc không nên khắt khe, nhưng đọc sách thì không thể không khắt khe; việc không nên tham, nhưng mua sách

không thể không tham; việc không nên đam mê, nhưng làm việc thiện không thể không đam mê.

凡事不宜刻，若讀書則不可不刻；凡事不貪，若買書則不可不貪；凡事不宜，若行則可不癡。

Phàm sự bất nghi khắc, nhược độc thư tắc bất khả bất khắc; phàm sự bất nghi tham, nhược mãi thư tắc bất khả bất tham; phàm sự bất nghi si, nhược hành thiện tắc bất khả bất si.

NHÀN ĐÀM

Những kẻ đánh cờ chuyên nghiệp cho rằng nếu đánh cờ chỉ để giải trí, không thi đấu hoặc đánh độ thì trình độ chơi cờ sẽ không bao giờ tiến bộ. Đọc sách cũng như đánh cờ. Đọc sách mà chỉ đọc cho có, đọc để cho giống thiên hạ, để có ai hỏi thì cho biết là đã đọc, thì khó có thể đi sâu vào cảnh giới tinh thần. Cho nên “*đọc sách thì không thể không khổ*.”

Sách là bạn, là thầy, là nguồn vui vô tận, là cánh cửa thần kỳ mở ra cho ta đi vào một thế giới xa lạ, mênh mông. Câu “*việc không nên tham, nhưng mua sách không thể không tham*” làm tôi nhớ đến một câu nói của một nhà văn phương Tây, mà mình đã đọc ở đâu đó: “*Nếu có tiền, tôi sẽ mua sách rải khắp địa cầu như người ta gieo lúa trên cánh đồng vậy.*” Nhưng nếu mua sách nhiều chỉ vì thích hoặc vì thú chơi sách mà không đọc thì ta không bàn ở đây.

Còn người Trung Quốc có câu “*vi thiện tối lạc* 為善最樂” ý nói rằng làm việc thiện là điều đem lại niềm vui

lớn nhất. Có điều kiện hãy làm việc thiện một cách lặng lẽ, và bạn sẽ cảm nhận ý vị của câu này. Và khi giúp đỡ cho một ai thì ta hãy cảm ơn người đó, chứ không phải họ cảm ơn ta, vì họ đã giúp ta làm một việc khiến tâm hồn ta thêm thư thái.

122.

Rượu cũng tốt, nhưng chớ để vì say mà gây gỗ; sắc cũng tốt, nhưng chớ để làm tổn hại đến sự sống; tiền cũng tốt, nhưng chớ để làm mờ tối lương tâm; nóng giận cũng được, nhưng chớ để vượt qua chữ lý.

酒可好，不可罵座；色可好，不可傷生；財可好，不可昧心；氣可好，不可越理。

Tửu khả hảo, bất khả mạ tọa; sắc khả hảo, bất khả thương sinh; tài khả hảo, bất khả muội tâm; khí khả hảo, bất khả việt lý.

NHÀN ĐÀM

Thông thường người ta chia ra làm ba cách uống rượu: tục tửu, thường tửu và tiên tửu. Tục tửu là uống đến chỗ phóng đảng bữa bãi, không làm chủ được mình. Thường tửu là uống xong cho sáng khoái, uống chỉ vì thích uống mà thôi. Tiên tửu là uống rượu như một thứ trợ hứng để bàn về thi ca, nghệ thuật nhằm di dưỡng tinh

thần. “*Tửu khả hảo*” là tục tửu, mà “*bất khả mạ tọa*” là thường tửu. *Mạ tọa* là gây gổ với bạn nhậu. Đây là chuyện tệ hại luôn xảy ra với những người thô lỗ, vốn không thể tự kiềm chế khi đã uống rượu. Không phải những người ít học là hay *mạ tọa*, mà nhiều kẻ trí thức khi rượu vào cũng ư *mạ tọa* như thường. Hơi men có khả năng bơm “*cái tôi*” của người uống lớn lên rất nhanh. Cùng ngồi uống trong một bàn, mà ai cũng tự thấy mình là vĩ nhân, là thiên tài cả thì hậu quả xin miễn bàn. Toàn là Tây Độc, Nam Đế và Đông Tà, Bắc Cái thì “*Hoa Sơn luận kiếm*” là điều khó lòng tránh khỏi!

Uống rượu nếu không đạt được trình độ tiên tửu thì cũng cố giữ được mình trong cõi thường tửu, đừng để sa vào tục tửu. Vậy là đủ để “*khả hảo*” rồi.



Sắc dĩ nhiên là điều không thể thiếu đối với giới mày râu. Đàn ông mà không mê gái thì thà cạo tóc vào chùa! Người ta thường nói đùa, nghe thô mà rất thật: “*Đích đến cuối cùng của tình yêu là cái giường.*” Nếu mê gái mà không dẫn đến cái đích cuối cùng đó thì tình yêu kia có lẽ cũng chỉ là tình nhân loại! Nhưng cái giường và cái bàn ăn là những nơi dễ khiến con người trở nên trì độn, nếu không đủ tâm lực dùng nó để vươn đến một cái đích xa hơn. Nếu sống mà thấy cái bàn ăn chỉ là cái bàn ăn, và tâm chỉ để vào cái bàn ăn thì dễ thành kẻ phàm ăn. Nếu yêu mà thấy cái giường chỉ là cái giường, và tâm chỉ để vào cái giường thì tình yêu

dễ thành dung tục. Mê gái mà để viết nhạc, làm thơ thì việc gì lại không mê gái? Mê gái để có được những câu thơ “*quỷ khốc thần sầu*” cỡ Bùi Giáng thì càng nên mê gái.

Rong chơi râu tóc bạc phơ

Còn nghe đắm đuối vẫn thơ yêu người.

Đùa với tuyết, rờn với vân

Một mình nhớ mãi gái trần gian xa.

Nhưng *mê* quá dễ thành *muội*. Mê gái như các anh chàng trong *Liêu Trai Chí Dị* “*yêu*” các em hồ ly tinh đến nổi gây rộc xác thân, tàn tạ hình hài, thậm chí có anh chàng phải trả giá cho cái sự “*yêu*” bằng cái chết, thì dĩ nhiên đó là điều cần tránh. Mê gái vẫn tốt, miễn sao “*bất khả thương sinh*” là được. Không biết khi viết câu này, Trương Trào có nghĩ đến Bồ Tùng Linh?



Mê tiền có lẽ là căn bệnh nan y của con người tự cổ chí kim. Không có một thứ gì trên cõi đời lại đem đến nhiều nghiệt oan tàn khốc cho bằng thói mê tiền. Đồng tiền có một ma lực quái dị gây mờ tối lương tri đối với những ai đã rơi vào vòng cuốn khốc liệt của nó. Khi bị cuốn trong vòng xoáy của đồng tiền mà giữa được tâm “*tịch nhiên bất động*” thì phải là người có một định lực phi thường, hoặc phải có một cơ duyên lạ thường.

Thành ngữ Trung Quốc có thành ngữ “*tiền khả thông thần*”, có nghĩa là “*tiền có thể thông suốt đến cõi thần linh*”, dùng để chỉ hiệu quả của một món tiền hối lộ quá lớn có thể mua được cả thần linh. Thành ngữ này xuất phát từ một câu chuyện lý thú được ghi trong *Văn Ngôn Văn Đại Toàn* 文言文大全. Chuyện như vậy:

Quan tể tướng đời Đường là Trương Diên Thường 張延賞 điều tra một vụ án. Biết bên trong có điều oan khuất nên ông rất ray rức, căn dặn bọn ngục lại: “*Án này kéo dài đã quá lâu rồi. Nội trong vòng mười ngày, các người phải giải quyết cho xong.*” Sáng hôm sau, ông lên công đường, thấy trên bàn có một tờ giấy ghi “*Tiền tam vạn quan, nhất bất vấn thử ngục.* 錢三萬貫，乞不問此獄。” (Tiền ba vạn quan, xin đừng hỏi lại án này.) Ông nổi giận, hối ngục lại làm gấp. Sáng hôm sau, ông lên công đường, lại thấy trên bàn có một tờ giấy ghi “*Tiền ngũ vạn quan.*” Ông càng thêm tức giận, lệnh cho bọn ngục lại nội trong vòng hai ngày phải điều tra cho xong. Hôm sau nữa, lên công đường, lại thấy trên bàn có một tờ giấy ghi “*Tiền thập vạn quan.*”, ông bèn hạ lệnh không điều tra vụ án nữa. Bọn đệ tử thân cận hỏi lý do, ông đáp: “Tiền đến mười vạn quan thì có thể thông suốt cả thần linh, chẳng việc gì mà không xoay sở được. Ta sợ họa đến, nên không thể không nhận vậy.” (*Tiền chí thập vạn quan, khả thông thần hỹ, vô bất khả hồi chi sự. Ngô cụ cập họa, bất đắc bất thụ dã.* 錢至十萬貫，可通神矣，無不可回之事。吾懼及禍，不得不受也。)

Một giai thoại thật sâu sắc và lý thú. Tiền có thể làm lung lạc và rung động cả chư thần chứ nói gì đến con người!

Một người khi sống trong vòng xoáy của đồng tiền mà vẫn tỉnh táo để đem tiền của giúp đời, như những tỷ phú từ thiện phương Tây, thì đó là Bồ Tát tâm trường. Đó là những giá trị nhân bản đáng trân trọng. Đại sư Vivekanada cho rằng người nào làm giàu một cách chân chính rồi sử dụng tiền bạc một cao thượng thì người đó đang thực sự phụng sự Thượng Đế. Cho nên nếu làm giàu mà không để đồng tiền làm mờ tối lương tri, lại còn dùng nó như một thứ trợ duyên để giúp lương tri thêm sáng suốt thì càng nên làm giàu. Có hăng sản chưa hẳn đã có hăng tâm, nhưng muốn dễ phát hăng tâm thì phải cần có hăng sản. Đó là lẽ thường tình.



Nóng giận là một cảm xúc dễ bộc phát nhất, và bởi thế, khó kiềm chế nhất. *No mất ngon, giận mất khôn*. Khi giận, khó ai mà có thể kiềm chế được bản thân. Nhan Hồi – một cao đệ yếu mệnh của đức Khổng Tử – được hậu nho ca ngợi, tôn xưng là á thánh cũng nhờ vào ba chữ “*bất thiên nộ*”, có nghĩa là “*không giận lây*” theo kiểu “*giận cá chém thớt*”. Giận mà biết kiềm chế thì phải có công phu hàm dưỡng.

Thiền tông Nhật Bản còn lưu truyền một câu chuyện rất thú vị.

Yamaoka Tesshu (Sơn Cương Thiết Chu 山岡鉄舟 1836 – 1888) là một kiếm sĩ lỗi lạc của Nhật Bản. Khi còn trẻ, ông đi tham bái hết vị thầy này đến thầy khác để học thiền. Một ngày kia, ông đến tham bái Dokuon (Địch Dã Độc Viên 荻野獨園 1819–1895), một thiền sư thuộc dòng Lâm Tế, ở Shokoku.

Muốn trình bày sở đắc của mình, Yamaoka nói:

– Tâm, Phật, cùng các loài hữu tình rất ráo đều không hiện hữu. Chân tánh của mọi hiện tượng đều là Không. Không ngộ, không mê, không thánh, không phàm. Tam luân không tịch, không có người cho, không có người nhận, cũng chẳng có vật được cho.

Dokuon ngồi lặng lẽ hút thuốc, không nói gì. Thành linh, vị thiền sư cầm ống điếu tre đập Yamaoka một phát, khiến anh chàng nổi xung lên. Dokuon liền hỏi:

– Nếu tất cả đều không hiện hữu, vậy cơn giận của anh từ đâu đến?

(theo <http://www.101zenstories.org/tag/tesshu/>)

Giữa một tràng ba hoa thuyết thoại “*nhất thiết giai không*” thì chỉ một cú quất của cái điếu tre cũng đủ để biến *không* thành *hữu*!

Nhưng vẫn chưa lý thú bằng giai thoại về Tô Đông Pha, cũng lưu truyền trong thiền lâm Trung Quốc. Chuyển kể rằng, có một lần, Tô Đông Pha sáng tác được một bài thơ xưng tán cảnh giới giải thoát của đức Phật. Ông thấy rất hài lòng, nên sai thư đồng đem qua bên kia

sông để tặng thiền sư Phật Ấn, lúc bấy giờ đang ở chùa Kim Sơn. Bài thơ như vậy:

Khể thủ thiên trung thiên

Hào quang chiếu đại thiên

Bát phong xuy bất động

Đoan tọa tử kim liên.

稽首天中天，

毫光照大千，

八風吹不動，

端坐紫金蓮。

Cúi đầu đảnh lễ Pháp Vương,

Mười phương tỏa sáng hào quang.

Tám gió thổi, tâm không động,

Ngồi nghiêm trên đóa sen vàng.

“*Thiên trung thiên*” (trời trong trời) dùng để chỉ đức Phật. Trong kinh điển, thế gian có tám thứ khiến tâm con người phải điên đảo, không an. Đó là bốn cặp đối lập nhau: *thịnh* và *suy*, *hủy* và *dự*, *xưng* và *cơ*, *khổ* và *lạc*. Hưng thịnh và suy tàn; hủy báng và danh dự; xưng tụng và chê bai; khổ đau và lạc phúc. Tám thứ này giống như tám ngọn gió thổi làm con người nghiêng ngã, nên được gọi là “*bát phong*”.

Ý định của Đông Pha là nhờ Phật Ấn xem bài thơ để ấn chứng công phu thiền định của mình thâm viễn đến đâu. Nào ngờ, Phật Ấn xem qua liền phê vào hai chữ

“*phóng thí 放屁*” (đánh rắm) bên cạnh bài thơ, rồi bảo thư đồng đem về trình lại cho Đông Pha.

Đông Pha xem xong, dùng dùng nổi giận, lập tức qua sông, đến chùa Kim Sơn để gặp Phật Ấn hỏi cho ra lẽ. Đến nơi, thấy cửa phòng Phật Ấn khép kín, bên ngoài có dán hai câu thơ:

*Bát phong xuy bất động,
Nhất thí đả quá giang.*

八風吹不動，
一屁打過江。

*Tám gió ào ào, tâm chẳng động,
Một hơi đánh rắm đẩy qua sông.*

Đông Pha giật mình, chợt hiểu công phu hàm dưỡng của mình vẫn còn nông lắm. Cứ nghĩ mình tâm đã tịch nhiên bất động, tám ngọn gió kia có ào ào thổi thì tâm vẫn vững như bàn thạch, nhưng chỉ cần một hơi đánh rắm cũng đẩy cả thân lẫn người văng tuốt qua bên kia sông để định mở một trận chất vấn!

Câu chuyện trên hiển nhiên chỉ là giai thoại. Làm gì có chuyện một thi tài quán tuyệt như Tô Đông Pha lại làm một bài thơ xoàng xĩnh như vậy để xưng tán cảnh giới giải thoát của đức Phật, rồi lại đem bài thơ xoàng xĩnh đó trình cho Phật Ấn?

Cả hai giai thoại lý thú trên cho thấy nóng giận là cảm xúc rất khó kiểm chế. Đã là người dĩ nhiên không thể

không có lúc nổi giận, nhưng giữ cho cơn giận không vượt qua chữ lý phải là người có công phu hàm dưỡng lâu dài.

Tôi có lần làm bài thơ *Tứ Đại* để bốn một người quen là một bác sĩ thường hay viết sách về thiền.

Tưởng đã ứng vô sở trụ,

Rong chơi tâm ý siêu nhiên.

Em phô xác thân tứ đại,

Hoang mang rơi cả gậy thiền.

Hiếu rành “*Tứ đại giai không*” là thế, nhưng nhìn xác thân tứ đại tuyệt diệu phô ra kia, chắc gì tâm đã “*tịch nhiên bất động*” mà không “*Hoang mang rơi cả gậy thiền*.”? Xác thân tứ đại kia tác động hiển nhiên phải mạnh cái điều tre của Dokuon hay cái “*đánh rắm*” của Phật Ấn. Anh đọc xong, cười tôi ba lơn!

123.

Tên tuổi văn chương có thể sánh với việc thi đậu, tiết kiệm có thể sánh với tài sản, thanh nhàn có thể sánh với tuổi thọ.

文名，可以當科第；儉德，可以當貨財；清閒，可以當壽考。

Văn danh, khả dĩ đương khoa đệ; kiệm đức, khả dĩ đương hóa tài; thanh nhàn, khả dĩ đương thọ khảo.

NHÀN ĐÀM

Tại Trung Quốc lẫn Việt Nam ngày trước, thi đậu để ra làm quan là lý tưởng cao nhất của người đi học. Cái bút, cái nghiên của anh đồ nghèo vẫn luôn có sức hút đối với chị em, vì nó hứa hẹn con đường dẫn đến công danh.

Chẳng tham ruộng cả ao liền,

Chỉ tham cái bút, cái nghiên anh đồ.

(Ca dao)

Không thành công trên đường khoa cử thì thành danh trên văn đàn cũng là cách để thể hiện mình. Như Tú Xương.

Người xưa nói “*tiểu phú do cần, đại phú do thiên*”. Giàu có cỡ trung lưu là nhờ siêng năng, cần kiệm, còn giàu có cỡ “*đại gia*” là do số trời. Cho nên sống mà cần kiệm, không hoang phí là xem như ta đã có được một tài sản nho nhỏ rồi.

Từ ngàn xưa, con người đã tìm mọi phương thuật để kéo dài tuổi thọ. Người Trung Quốc xưa còn điên rồ đến mức muốn luyện tiên đơn để được trường sinh bất lão. Y học hiện đại cũng tìm đủ cách để kéo dài tuổi thọ. Tôi cho rằng điều quan trọng là chúng ta *sống như thế nào*, chứ không phải là *sống bao lâu*. Một người mất ở tuổi 40 mà có một cuộc sống thanh nhàn, viên mãn thì tôi cho rằng cuộc sống đó vẫn có giá trị hơn một người thọ 90 với cuộc sống nhọc thân, khổ tâm.

124.

Đâu chỉ ngâm thơ và đọc sách người xưa mới là kết bạn được với họ, mà xem chữ và tranh của người xưa cũng kết bạn được với họ vậy.

不獨誦其詩讀其書，是尚友古人；即觀其字畫，亦是尚友古人處。

Bất độc tụng kỳ thi, độc kỳ thư, thị thượng hữu cổ nhân; tức quan kỳ tự họa, diệc thị thượng hữu cổ nhân xử.

NHÀN ĐÀM

“*Thượng hữu cổ nhân*” có nghĩa là kết bạn với người xưa ở chỗ thần giao. Chương Vạn Chương hạ, sách Mạnh Tử nói:

Phải là kẻ sĩ tài giỏi trong một làng thì mới kết bạn được với kẻ sĩ tài giỏi trong một làng, phải là kẻ sĩ tài giỏi trong một nước thì mới kết bạn được với kẻ sĩ tài giỏi trong một nước, phải là kẻ sĩ tài giỏi trong thiên hạ thì mới kết bạn được với kẻ sĩ tài giỏi trong thiên hạ. Phải xem việc kết bạn với kẻ sĩ tài giỏi trong thiên hạ là chưa đủ, mà còn phải bàn luận về người xưa. Ngâm thơ của họ, đọc sách của người xưa mà không biết con người của họ thì liệu có được không? Cho nên bàn luận về thời đại của người xưa, đó

là kết bạn được với họ vậy.

(Nhất hương chi thiện sĩ, tư hữu nhất hương chi thiện sĩ; nhất quốc chi thiện sĩ, tư hữu nhất quốc chi thiện sĩ; thiên hạ chi thiện sĩ, tư hữu thiên hạ chi thiện sĩ. Dĩ hữu thiên hạ chi thiện sĩ vi vị túc, hữu thượng luận cổ chi nhân. Tụng kỳ thi, độc kỳ thư, bất tri kỳ nhân, khả hồ? Thị dĩ luận kỳ thế dã, thị thượng hữu dã. 一鄉之善士，斯友一鄉之善士；一國之善士，斯友一國之善士；天下之善士，斯友天下之善士。以友天下之善士為未足，又尚論古之人。頌其詩，讀其書，不知其人，可乎？是以論其世也，是尚友也。)

Độc hiểu sách người xưa là tìm được mối tương giao trong chỗ hình thần. Mà đâu chỉ riêng với người xưa, đọc hiểu sách người đời nay cũng là tìm được mối tương giao trong chỗ hình thần như thế. Trương TrúC Pha bình:

Nếu có thể làm bạn được với cổ nhân qua chữ và tranh thì cả cửu châu đều vì thế mà cảm động đến khóc cả. (Năng hữu tự họa trung chi cổ nhân, tắc cửu nguyên giai vị chi cảm khấp hỷ. 能友字畫中之古人，則九原皆為之感泣矣。)

125.

Bố thí vô ích, không gì bằng cúng trai tăng; thơ văn vô ích, không gì bằng lời chúc thọ.

無益之施捨，莫過於齋僧；無益之詩文，莫甚於祝壽。

Vô ích chi thí xả, mặc quá ư trai tăng; vô ích chi thi văn, mặc thậm ư chúc thọ.

NHÀN ĐÀM

“Bố thí vô ích, không gì bằng cúng trai tăng”. Vào thời kỳ “*siêu mạt pháp*” với cảnh tăng tục “*long xà hỗn tạp*” như hiện nay thì thiết tưởng không có câu nói nào hay bằng. Tôi là Phật tử, nhưng chỉ tin vào *nhị bảo* là *Phật* và *Pháp* mà thôi. Bố thí là pháp đối trị tham, là điều rất nên làm. Bố thí có tạo nên công đức hay không, ta cũng không cần quan tâm, nhưng bố thí vô ích là điều chẳng nên làm. Phật giáo chỉ chủ trương dùng trí tuệ để quán chiếu bản chất của vạn pháp mà đạt đến giải thoát, trai tăng dĩ nhiên là chuyện thêm thắt từ mê tín. Nhiều gia chủ giàu có còn tổ chức trai tăng thật hoành tráng để cầu làm ăn phát tài hoặc cầu mong cha mẹ được siêu sinh. Điều đó hoàn toàn sai với tinh thần Phật giáo. Nếu làm lễ trai tăng thật lớn mà cha mẹ có thể siêu sinh thì ở địa ngục chắc chỉ còn lại vong linh của những người nghèo. Nếu làm lễ trai tăng thật lớn mà mong cầu phúc để làm

ăn phát tài thì lễ trai tăng của ông chủ trại hòm sẽ là thảm họa. Tôi cho rằng dùng số tiền dùng trong lễ trai tăng – thường rất lớn – vào công tác từ thiện, giúp đỡ người nghèo sẽ có ý nghĩa hơn nhiều.

Thơ văn dùng trong chúc thọ thì phần lớn toàn là những câu khoa trương sáo rỗng, nào là “*phúc như Đông hải*”, nào là “*thọ tỷ Nam sơn*” v.v... Đúng là đem văn chương để làm một việc quá ư vô ích.

126.

Vợ lẽ đẹp không vợ chính hiền, tiền nhiều không bằng cảnh thuận.

妾美不如妻賢; 錢多不如境順。

Thiếp mỹ bất như thê hiền, tiền đa bất như cảnh thuận.

NHÀN ĐÀM

Câu “*vợ lẽ đẹp không vợ chính hiền*” chắc chỉ có các nam tín đồ Hồi giáo sống trong chế độ đa thê mới có thể đánh giá chính xác!

Cảnh nhà hòa thuận, phu xướng phụ tùy, con cái hiếu thảo, đó là một trong những cảnh hạnh phúc nhất thế gian. Nhưng không phải kẻ lắm tiền, nhiều của nào cũng có thể dễ dàng nhận ra điều đó.

127.

Xây am mới, không bằng sửa miếu cũ; đọc sách mới, không bằng ôn văn xưa.

創新庵，不若修古廟；讀生書，不若溫舊業。

Sáng tân am, bất nhược tu cổ miếu; đọc sinh thư, bất nhược ôn cựu nghiệp.

NHÀN ĐÀM

Sinh thư là sách chưa đọc qua. Thơ của Dao Hợp 姚合 (781) đời Đường có câu:

Bế môn từ tạp khách,

Khai khiếp độc sinh thư.

閉門辭雜客，

開篋讀生書。

(Đóng cửa từ tạp khách,

Mở niếp đọc sinh thư.)

Xây am mới hay sửa miếu cũ, cái nào cũng có điểm hay. Nhiều người cho rằng về khoa học thì nên đọc sách mới, còn về văn học thì nên đọc sách cũ. Kiến thức khoa học luôn đổi mới nên tìm đọc sách mới là đúng. Sách văn học cổ mà còn lưu truyền có nghĩa đó là những tác phẩm có giá trị thực sự, vì đã tồn tại được qua sự đào thải

của thời gian, đọc là phải. Nhưng những tác phẩm mới của người đương thời mới biểu đạt được tâm tình cùng những vấn đề hiện đại, trong giới sĩ mà ta đang sống. Cũng rất nên đáng đọc.

128.

Chữ viết và hội họa cùng chung một nguồn, cứ xem lục thư xuất phát từ chữ tượng hình thì đủ biết.

字與畫同出一源，觀六書始於象形，則可知矣。

Tự dữ họa đồng xuất nhất nguyên, quán lục thư thủy ư tượng hình, tắc khả tri dĩ.

NHÀN ĐÀM

Lục thư là 6 nguyên tắc cấu tạo của chữ Hán: tượng hình, chỉ sự, hội ý, chuyển chú, giả tá, hài thanh.

1. *Tượng hình* 象形 là cách cấu tạo sơ khai và chủ yếu nhất, dựa vào hình thể của sự vật mà tạo nên chữ có hình dạng tương tự. Ví dụ:

- 日 *nhật* (mặt trời);
- 木 *mộc* (cây): là hình một cái cây có gốc, rễ, thân, cành.

2. *Chỉ sự* 指事 (còn gọi là *Tượng sự* 象事): chỉ vào

sự vật mà viết ra chữ, nhìn vào hình thức mà nhận ra ý nghĩa. Ví dụ:

- 上 *thuợng (trên)*: lấy nét ngang dài ở dưới làm chuẩn, nét ngang ngắn chỉ vị trí ở trên.
- 下 *hạ (dưới)*: lấy nét ngang dài ở trên làm chuẩn, nét ngang nhỏ chỉ một vị trí ở dưới.

Chữ chỉ sự (tượng sự) thường dễ bị nhầm với chữ tượng hình và chữ hội ý nên số lượng chữ thuộc dạng này tương đối ít.

3. Hội ý 會意 (hay còn gọi là Tượng ý 象意): hợp ý của từng phần lại để tạo nên nghĩa mới. Ví dụ:

- 林 *lâm (rừng)*, gồm hai chữ 木 *mộc* gộp lại, ý nói nhiều cây hợp lại tạo thành rừng.
- 古 *cổ (cũ, xưa)*, gồm chữ thập 十 (*mười*) và chữ khẩu 口 (*miệng*), ý nói một vấn đề được truyền qua mười miệng người thì trở thành cũ rồi.

4. Chuyển chú 轉注: mượn chữ có sẵn để chuyển thành một chữ khác, có ý nghĩa gần giống nhau. Ví dụ:

- 長 *đọc là trường* có nghĩa là dài, nhưng *đọc là trưởng* thì có nghĩa là lớn.
- 少 *đọc là thiếu* có nghĩa là ít, nhưng *đọc là thiếu* thì có nghĩa là nhỏ tuổi.

5. Giả tá 假借: nghĩa đen là “mượn sai”, mượn thanh để gửi sự, từ một chữ nhưng biến thành âm và nghĩa xa lạ, không có quan hệ suy diễn từ chữ cũ. Ví dụ:

- 烏 ô (quạ đen) được mượn làm chữ “ô” trong 烏乎! ô hô (Than ôi!)
- 說 thuyết (nói) dùng như chữ duyệt 悅 (hài lòng).

6. *Hài thanh* 諧聲 (còn gọi là 形聲 *hình thanh*, hay 象聲 *tượng thanh*): lấy sự làm tên, mượn thanh để tạo thành. Đây là phép thông dụng nhất để hình thành chữ Hán. Chữ hài thanh gồm một phần chỉ nghĩa, một phần chỉ thanh. Ví dụ

- 銅 đồng (một thứ kim loại) gồm chữ 金 kim (kim loại) + 同 đồng (giống).
- 固 cố (vững chắc) gồm 口 vi (vây quanh) + 古 cổ (cũ, xưa).

Chữ Hán vốn là chữ tượng hình, mỗi chữ tựa hồ như một bức tranh, nên *tự* và *họa* có chung một nguồn gốc là *vật*. Từ đó mới hình thành nên nghệ thuật thư pháp. Và qua bao thời đại, nghệ thuật đó được các nhà thư pháp lỗi lạc Trung Quốc nâng lên tầm *đạo*. Những tự dạng La-tinh mà cũng muốn hình thành thư pháp thì không khỏi gượng ép.

129.

Vườn của người bạn rận, nên bố trí gần nhà; vườn của người nhàn nhã, có xa cũng chẳng hề gì.

忙人園亭，宜與住宅相連；閒人園亭，不妨與住宅相遠。

Mang nhân viên đình nghi dữ trú trạch tướng liên,
nhân nhân viên đình bất phương dữ trú trạch tướng viên.

130.

Rượu có thể thay trà, trà không thể thay rượu; thơ có thể thay văn, văn không thể thay thơ; khúc có thể thay từ, từ không thể thay khúc; trăng có thể thay đèn, đèn không thể thay trăng; bút có thể thay miệng, miệng không thể thay bút; người hầu nữ có thể thay người hầu nam, người hầu nam không thể thay người hầu nữ.

酒可以當茶，茶不可以當酒；詩可以當文，文不可以當詩；曲可以當詞，詞不可以當曲；月可以當燈，燈不可以當月；筆可以當口，口不可以當筆；婢可以當奴，奴不可以當婢。

Tửu khả dĩ đương trà, trà bất khả dĩ đương tửu; thi khả dĩ đương văn, văn bất khả dĩ đương thi; khúc khả dĩ đương từ, từ bất khả dĩ đương khúc; nguyệt khả dĩ đương đăng, đăng bất khả dĩ đương nguyệt; bút khả dĩ đương khẩu, khẩu bất khả dĩ đương bút; tỳ khả dĩ đương nô, nô bất khả dĩ đương tỳ.

NHÀN ĐÀM

Trà đem lại sự sáng khoái cho tinh thần, rượu cũng làm được, trà đem lại sự thanh thản cho tâm hồn, rượu cũng làm được; những khi không có trà thì dùng tạm

rượu cũng xong, nhưng để tiêu sầu hoặc để tăng phần hào khí thì không có rượu không xong. Cho nên rượu có thể thay cho trà, mà trà không thể thay cho rượu. Văn thơ đều là phương tiện để biểu đạt tâm tình, nhưng thơ hàm súc hơn văn, những gì khó dùng văn để biểu đạt cho trọn vẹn thì ta thường phải dùng thơ. Thơ lại có nhạc tính, phù hợp để ngâm nga trong cơn tử húng, đó là điểm mà văn không sao có được. Giống như để leo lên đỉnh núi thì đôi chân con sư tử vẫn có thể làm được như đôi cánh con chim ưng, nhưng để băng qua sông rộng thì chỉ đôi cánh con chim ưng mới thực hiện nổi. Cho nên thơ có thể thay cho văn, mà văn không thể thay cho thơ. Khúc và từ cũng vậy.

Trăng và đèn đều tỏa sáng. Trăng đôi khi có công dụng như đèn. Văn học Trung Quốc có vài điển cố về những danh nhân thuở nhỏ nhà nghèo đến mức không có đèn, phải nhờ ánh sáng của trăng hay của tuyết mà đọc sách. Ngày nay, với công nghệ hiện đại, ánh sáng của đèn được nâng đến tầm nghệ thuật huyền ảo không sao tưởng nổi. Nhưng dù có lung linh ảo diệu đến đâu, ánh đèn vẫn là ánh sáng nhân tạo, không mang phần hồn của sự sống, không mang nét huyền bí của “đại khối vô ngôn” để tâm tư con người tìm được nối giao cảm với tự nhiên, cho nên trăng có thể thay cho đèn, mà đèn không thể thay cho trăng.

Bút và miệng đều được dùng để diễn tả điều muốn nói. Nhưng bút có thể thay miệng mà miệng không thể thay bút, vì những gì miệng muốn nói, ta có thể dùng

bút làm thế được; còn có những điều bút muốn diễn đạt, miệng không sao làm nổi.

Tỳ (người hầu nữ) có thể thay thế cho nô (người hầu nam), vì tỳ có thể làm được cái mà nô làm; nhưng nô không thể thay thế cho tỳ, vì nô không có cái mà chỉ tỳ mới có! Muốn dùng tỳ hay thế cho nô thì họa chẳng là kẻ sĩ độc thân hoặc là bậc đế vương. Kẻ sĩ độc thân dùng tỳ thay thế cho nô thì không sợ phải nghe tiếng gấm của sư tử Hà Đông. Còn bậc đế vương thì có kẻ hầu nô mà là tỳ, đó là đám hoạn quan.

131.

Mối bất bình nhỏ trong lòng, có thể dùng rượu để nguôi đi; mối bất bình lớn trong đời, không dùng kiếm không sao nguôi được.

胸中小不平，可以酒消之；世間大不平，非劍不能消也。

Hung trung tiểu bất bình, khả dĩ tửu tiêu chi; thế gian đại bất bình, phi kiếm bất năng tiêu dã.

NHÀN ĐÀM

Mối bất bình nhỏ trong lòng là mối bất bình riêng tư, ta có thể dùng rượu để nguôi đi. Chỉ cần một người có chút ít công phu hàm dưỡng, biết kiếm chế cũng có thể làm được

điều này. Nhưng mỗi bất bình lớn trong đời là niềm công phần của xã hội, để giải quyết không thể không dùng đến sức mạnh. Đó cũng là tinh thần “*Giữa đường thấy chuyện bất bằng chẳng tha.*” của một Hồn Minh.

132.

Bất đắc dĩ mà phải nịnh thì thà dùng miệng, không nên dùng bút; bất đắc dĩ mà phải mắng cũng thà dùng miệng, không nên dùng bút.

不得以而諛之者，寧以口，毋以筆；不可耐而罵之者，亦寧以口，毋以筆。

Bất đắc dĩ nhi du chi giả, ninh dĩ khẩu, vô dĩ bút; bất khả nại nhi mạ chi giả, diệc ninh dĩ khẩu, vô dĩ bút.

NHÀN ĐÀM

Câu này có điểm trùng hợp lý thú với ngạn ngữ cổ của phương Tây “*verba volant, scripta manent*” (lời nói bay đi, chữ còn ở lại).

Đối với người có nhân cách thì nịnh người là điều nhơ bẩn nhất, mà mắng người là điều đáng phải hổ thẹn. Nhưng sống trong đời, có đôi khi cũng phải nịnh, có đôi lúc cũng phải mắng. Nếu phải nịnh một ngu quan để cứu được mạng người mang án oan thì không nên không nịnh. Nếu phải mắng người để giúp cho người đó trở nên

tốt đẹp hơn thì không thể không mắng. Nhưng trong những trường hợp chẳng đáng dừng đó, chớ nên dùng bút. Trong lịch sử văn học, có một vài nhà thơ không phải là không có tài, nhưng chỉ vì những câu thơ xu nịnh cấp trên mà bị người đọc xem thường, coi như là tay bồi bút rẻ tiền trong văn chương. Sinh ra làm người mà có tài văn chương đã là điều may mắn, nhưng nếu dùng văn chương vào việc xu nịnh thì cả văn chương lẫn người viết đều là những thứ đáng vứt đi.

Nóng giận là cảm xúc bộc phát khó kiềm chế nhất. Hễ đã nóng giận thì dễ buột miệng mắng bừa. Đã mắng mà phải dùng đến ngòi bút thì cơn giận đó hẳn rất sâu. Trút cơn giận vào ngòi bút để mắng người thì ngòi bút thường đi đến chỗ quá đà. Một thời gian sau, đọc lại có thể thấy hối.

Tôi bình sinh từng bị vài người quen biết – bình dân có, quý hiển có, thân có, sơ có – “chơi” cho mấy vỗ xiềng liếng, lên bờ xuống ruộng, đảo tứ diên tam. Đôi phen, muốn làm thơ để tự vịnh cái sự tình cay đắng đó, nhưng làm mãi vẫn không thành, thì hiểu rằng: đến thi ca mà cũng khước từ thì những kẻ đó không thể nào giao du được nữa, nên đành phải tuyệt giao, mà trong lòng lại thấy thanh thản. Hôm nay đọc câu nói của Trương Trào, thấy mắng mà còn dùng được đến ngòi bút thì dù sao những kẻ bị mắng đó vẫn còn được văn chương dung nạp, nên cũng chưa đến nỗi là hạng người “vô sở bất chí” trong thiên hạ!

133.

Kẻ đa tình tất háo sắc, nhưng kẻ háo sắc chưa hẳn đã đa tình; hồng nhan ắt bạc mệnh, nhưng kẻ bạc mệnh chưa hẳn đã là khách hồng nhan; kẻ biết làm thơ ắt thích rượu, nhưng kẻ thích rượu chưa hẳn đã biết làm thơ.

多情者必好色，而好色者未必盡屬多情；紅顏者必薄命，而薄命者未必盡屬紅顏；能詩者必好酒，而好酒者未必盡屬能詩。

Đa tình giả tất háo sắc, nhi háo sắc giả vị tất tận thuộc đa tình; hồng nhan giả tất bạc mệnh, nhi bạc mệnh giả vị tất tận thuộc hồng nhan; năng thi giả tất háo tửu, nhi háo tửu giả vị tất tận thuộc năng thi.

NHÀN ĐÀM

Tôi xin lai rai thêm một đôi câu:

- *kẻ đa tài tất đa tình, nhưng kẻ đa tình chưa hẳn đã đa tài;*
- *người có thiện tâm thường bố thí, nhưng người thường bố thí chưa hẳn đã có thiện tâm;*
- *người đạt đạo thì không thích tranh luận, nhưng kẻ không thích tranh luận chưa hẳn đã đạt đạo;*
- *kẻ tài hoa thường lặn độn nhưng chưa hẳn người thường lặn độn là kẻ tài hoa;*

134.

Mai khiến người cao nhã, lan khiến người lạng lẽ, cúc khiến người quê mùa, sen khiến người điễm đạm, xuân hải đường khiến người xinh đẹp, mẫu đơn khiến người hào sảng, chuối và trúc khiến người phong vận, thu hải đường khiến người kiều my, thông khiến người phóng dật, ngô đồng khiến người thanh cao, liễu khiến người sâu cảm.

梅令人高，蘭令人幽，菊令人野，蓮令人淡，
春海棠令人艷，牡丹令人豪，蕉與竹令人韻，秋
海棠令人媚，松令人逸，桐令人清，柳令人感。

Mai linh nhân cao, lan linh nhân u, cúc linh nhân dã,
liên linh nhân đạm, xuân hải đường linh nhân điễm, mẫu
đơn linh nhân hào, tiêu dũ trúc linh nhân vận, thu hải
đường linh nhân mị, tùng linh nhân dật, đồng linh nhân
thanh, liễu linh nhân cảm.

NHÀN ĐÀM

Cảm thụ của Trương Trào đã đến mức thượng thừa.
Tôi là người chỉ đứng *ngõ ngoài*, không dám lạm bàn.

135.

Vật có thể làm cảm động lòng người thì trên trời không có gì bằng ánh trăng, trong âm nhạc không có gì bằng đàn cầm, trong động vật không có gì bằng chim quyên, trong thực vật không có gì bằng cây liễu.

物之能感人者：在天莫如月，在樂莫如琴，
在動物莫如鵲，在植物莫如柳。

Vật chi năng cảm nhân giả, tại thiên mạc như nguyệt, tại nhạc mạc như cầm, tại động vật mạc như quyên, tại thực vật mạc như liễu.

NHÀN ĐÀM

Trăng bàng bạc trong toàn bộ tác phẩm *U Mộng Ảnh* của Trương Trào nên không cần phải nói gì thêm.

Tôi chưa được nghe đàn cầm, nên chỉ muốn nói thêm: *Vật có thể làm cảm động lòng người thì trong âm nhạc không có gì bằng đàn vĩ cầm.* Nhiều buổi chiều buồn, nhìn mưa rơi, nghe tiếng vĩ cầm da diết, ta mới hiểu nó làm lay động lòng người đến độ nào. Sống giữa lòng phố thị, đôi khi nhớ đến mùa thu trong trí tưởng, tôi vẫn luôn thích những câu thơ buồn thiết tha trong bài *Thu ca* (*Chanson d'automne*) của Paul Verlaine, qua tiếng vĩ cầm:

Les sanglots longs

Des violons

De l'automne

Blessent mon cœur

D'une langueur

Monotone.

Điệu vĩ cầm mùa thu

Buồn như tiếng thở dài

Khiến hồn tôi rướm máu

Trong nỗi nhớ tàn phai.

Tiếng kêu buồn của loài vật, chắc không có gì nào nùng thấm thiết bằng tiếng đỗ chim vang lên trong đêm vắng. Còn hình ảnh cây liễu rũ làm cảm động lòng người có lẽ không đâu bằng những câu thơ Xuân Diệu:

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,

Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng,

Đây mùa thu tới, mùa thu tới,

Với áo mơ phai dệt lá vàng...

(Đây mùa thu tới)

Trong văn học thế giới, hiếm có lời thơ nào tả cảnh vào thu đẹp đến vậy. Trời thu se lạnh, gió thu hắt hiu, những hàng liễu rũ như những giọt lệ khóc than giữa cảnh trời buồn với khói sương giăng lãnh đăng. Người

Trung Quốc thường dùng chữ “*thu ý* 秋意” để diễn tả gió thổi hắt hiu hoặc cảnh tượng ảm đạm của mùa thu. Có lẽ không có lời thơ nào diễn đạt thu ý tuyệt diệu bằng lời thơ Xuân Diệu. Đó là nhờ hình ảnh “*Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang*”. Nếu Trương Trào đọc được bài thơ này hẳn sẽ có thêm muôn phần cảm xúc.

136.

Vợ con làm lụy đến người, nên chuộng cảnh “mai thê hạc tử” của Hòa Tĩnh; nô tỳ cũng làm được việc, nên thích cảnh “tiểu tỳ, ngư nô” của Chí Hòa.

妻子頗足累人，羨和靖梅妻鶴子；奴婢亦能供職，喜志和樵婢漁奴。

Thê tử phạ túc lụy nhân, tiền Hòa Tĩnh mai thê hạc tử; nô tỳ diệc năng cung chức, hỷ Chí Hòa tiểu tỳ ngư nô.

NHÀN ĐÀM

Hòa Tĩnh tức Lâm Bô 林逋 (967—1028) tự Quân Phục 君復, người đất Tiên Đường (nay là thành phố Hàng Châu, tỉnh Triết Giang). Theo *Tống sử* thì lúc tuổi trẻ, ông đã dốc sức vào việc học, nhưng là để tìm đạo lý chứ không phải theo cách học tằm chương trích cú. Tính tình cao khiết, điềm đạm mà hiếu cổ, không muốn bon chen vào chốn phù hoa, danh lợi. Nhà nghèo, ăn mặc đều

không được đầy đủ, nhưng lúc nào cũng vui vẻ tự như. Ban đầu thì ông sống ở các vùng Giang 江, Hoài 淮, về sau quay về Hàng Châu, kết lều tranh tại Cô Sơn bên Tây Hồ. Hai mươi năm không đặt chân ra ngoài phố chợ.

Ông trồng mai nuôi hạc, thường đùa là “*lấy mai làm vợ, lấy hạc làm con*” (dĩ mai vi thê, dĩ hạc vi tử). Danh tiếng cao khiết của ông vang dội khắp thiên hạ, biết bao cao sĩ danh tăng đến xin yết kiến. Ông cùng với các danh sĩ như Phạm Trọng Yêm, Mai Nghiêu Thần, Cửu Tăng thường cùng nhau xướng họa.

Lâm Bô suốt đời sống thanh bạch, mất năm 62 tuổi, khi mất được phong tên thụy là Hòa Tĩnh tiên sinh. Danh thần trong triều Tống Nhân Tông là Từ Tĩnh, lúc thiếu thời có duyên đến Hàng châu gặp được Lâm Bô, vì quá hâm mộ cao phong của ông, nên mới đổi tên là *Tĩnh*.

Thơ ông phần lớn đều bị thất lạc. người sau gom được khoảng 300 bài, phần lớn là những bài thơ vịnh cảnh Tây Hồ, nhưng được truyền tụng thiên cổ vẫn là bài *Mai Hoa*, bởi vậy Trương Trào mới nói “*mai lấy Hòa Tĩnh làm tri kỷ*”, tức chỉ nghĩ đến vợ là mai, mà quên mất con là hạc! Hạc không có duyên với Vệ Ý nhưng lại có duyên với Lâm Bô.

Trong tác phẩm *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, Kim Dung đã dựa vào phong cảnh Tây Hồ để bố trí nên tòa Cô Sơn Mai Trang của nhóm Giang Nam tứ hữu, làm nơi giam cầm cựu giáo chủ Nhật Nguyệt thần giáo là Nhậm Ngã Hành. Bốn nhân vật tài hoa này thoái ẩn giang hồ để làm

người canh giữ tên trọng phạm cực kỳ nguy hiểm giữa phong cảnh thơ mộng xứ Hàng Châu.

Trương Chí Hòa (730? – 810?) là nhà thơ đạo sĩ thời Trung Đường, tự Tử Đồng 子同, hiệu Huyền Chân Tử 玄真子. Ông là người thông minh đỉnh ngộ, ba tuổi biết đọc sách, sáu tuổi đã lộ tài thi văn, mười sáu tuổi đậu khoa minh kinh, làm nhiều chức quan, được Đường Túc Tông ban cho danh hiệu Chí Hòa. Ông vốn đã có chí xuất trần, nên khi mẹ và vợ nối tiếp nhau qua đời, ông càng cảm nhận được lẽ vô thường của cõi nhân sinh nên từ quan, sống phiêu lãng giang hồ. Đường Túc Tông tặng ông hai nô tỳ, một nam người nữ. Ông đặt tên cho người nam là Ngư Đồng 漁童, người nữ là Tiểu Thanh 樵青. Ông cùng hai người này ẩn cư ở Thái Hồ, sống trôi nổi trên sông hồ, lấy việc hái củi, đánh cá làm vui.

Sống như Lâm Bô với Tử Đồng, mấy ai có được cơ duyên đó?

137.

Xem lướt sách vở tuy gọi là vô dụng, nhưng còn hơn là không hiểu chuyện cổ kim; thanh cao cố nhiên là tốt đẹp, nhưng không gì tri trệ hơn là chẳng hiểu thời vụ.

涉獵雖曰無用，猶勝于不通古今；清高固然可嘉，莫流于不識時務。

Thiệp liệt tuy viết vô dụng, do thắng vu bất thông cổ kim; thanh cao cố nhiên khả gia, mặc lưu vu bất thức thời vụ.

NHÀN ĐÀM

Người xưa chia đọc sách làm hai loại: *tinh độc* 精讀 và *phiếm độc* 泛讀. Tinh độc là đọc kỹ, nghiên cứu chuyên sâu một lĩnh vực; phiếm độc thì đọc nhiều nhưng không chuyên sâu một lĩnh vực nào. *Thiệp liệt* là loại phiếm độc. Người *tinh độc* chỉ chuyên sâu một lĩnh vực, có thể đạt được những thành tựu trong lĩnh vực đó, nhưng có nhiều vấn đề họ không hiểu được, bởi vậy không có tầm nhìn bao quát. Người *thiệp liệt* thì đọc nhiều nhưng chỉ lướt ở bề ngoài, điều đó dĩ nhiên không có ích nhiều về mặt học vấn, nhưng dẫu sao cũng biết được nhiều vấn đề cổ kim, hiểu rõ lẽ hưng vong trị loạn, biết cách ứng xử trong đời, so với người *tinh độc* vẫn có điểm hay hơn. Kiềm được cả *tinh độc* lẫn *phiếm độc* họa chăng chỉ có người bác học tinh thâm.

Người xưa đọc sách là để làm học đạo làm người mà biết cách đối nhân xử thế. Nhưng dù là *tinh độc* hay *phiếm độc* thì cũng nên dừng làm con mọt sách. Nếu chỉ biết đắm chìm trong sách vở, đến khi đối diện với thực tế đầy cạm bẫy không có được năng lực cạnh tranh, không biết xoay xử ra sao vì không có kỹ năng sống thì đó cũng là người bất trí, đọc sách phí công.

Thanh cao ở đây là giữ tiết tháo, không chịu hòa với

xã hội ô trọc. Giống như Khuất Nguyên thà ôm mối cô
trung trầm mình dưới dòng Mịch La chứ không chịu hòa
mình theo với đám tiểu nhân:

Cử thế giai trọc, ngã độc thanh,

Cử thế giai túy, ngã độc tỉnh.

舉世皆濁我獨清，

舉世皆醉我獨醒。

(Người đời đều đục, riêng ta trong,

Người đời đều say, riêng ta tỉnh.)

Hay cao ngạo như thi tiên Lý Bạch:

Tự cổ thánh hiền giai tịch mịch,

Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh!

自古聖賢皆寂寞，

惟有飲者留其名！

(Xưa nay thánh hiền đều bật tiếng,

Chỉ kẻ uống rượu mới lưu danh!)

Ngày trước, mỗi khi xã hội biến động theo chiều
hướng xấu, nghĩa là quyền lực rơi vào trong tay những
kẻ vô lại, khiến đạo đức suy đồi, phong hóa đổ nát thì
kẻ sĩ có nhân cách thường chọn con đường ẩn dật để
vui thú điền viên hoặc bất hợp tác. Họ theo chủ trương
“hành tàng” của Nho giáo “Cùng tắc độc thiện kỳ thân,
đạt tắc kiêm thiện thiên hạ. 窮則獨善其身，達則兼善

天下。” Lúc bế tắc, chưa gặp thời thì tự hoàn thiện lấy bản thân, khi hiển đạt thì giúp cho cả thiên hạ đều được hoàn thiện. Thanh cao ở đây ý muốn nói đến “*độc thiện kỳ thân*”.

Người Trung Quốc có câu ngạn ngữ vô cùng nổi tiếng “*Thức thời vụ giả vi tuấn kiệt*. 識時務者為俊傑。” (Kẻ thức thời mới là người tuấn kiệt.) Câu này thường được dùng để chiêu dụ một kẻ có tài đang đứng trước hai chọn lựa: hoặc tiếp tục theo đuổi lý tưởng cũ, hoặc chấp nhận cộng tác với thế lực đối lập mới đang chiếm ưu thế. Thức thời là thái độ của kẻ sĩ có tài nhưng hiểu được xu thế tất yếu của thời đại nên chấp nhận cộng tác với thế lực đối lập mới. Có thể vì họ thấy thế lực mới đó tốt đẹp hơn, nhưng trường hợp Ngô Thời Nhiệm ra làm quan với triều Tây Sơn, cũng có thể là họ thấy thấy thế lực mới đó tuy không tốt đẹp nhưng cũng không đến nỗi đối bại, nên họ cộng tác vì muốn tiếp tục thực thi hoài bão của mình như trường hợp Nguyễn Bình Khiêm làm quan cho triều nhà Mạc. Đối với những kẻ thức thời thì chẳng có Nhưng hai chữ *thức thời* cũng giống như con dao hai lưỡi. Nó hoàn toàn khác với xu thời, theo kiểu “*gió thổi chiều nào xoay theo chiều đó*”. Dẫu biết rằng lịch sử luôn vận động, không một cá nhân nào có thể làm thay đổi được vận mệnh lịch sử.

138.

Được gọi là mỹ nhân thì: mặt đẹp như hoa tươi, tiếng nói như chim hót, tinh thần như trăng, dáng vẻ như liễu, xương cốt như ngọc, da trắng như băng tuyết, phong tư như nước mùa thu, lòng như thơ ca. Ta không chỗ nào chê được cả.

所謂美人者：以花為貌，以鳥為聲，以月為神，以柳為態，以玉為骨，以冰雪為膚，以秋水為姿，以詩詞為心。吾無間然矣。

Sở vì mỹ nhân giả: dĩ hoa vi mạo, dĩ điểu vi thanh, dĩ nguyệt vi thần, dĩ liễu vi thái, dĩ ngọc vi cốt, dĩ băng tuyết vi phu, dĩ thu thủy vi tư, dĩ thi từ vi tâm. Ngô vô gián nhiên hỹ!

NHÀN ĐÀM

Mỹ nhân của Trương Trào là loại “chim sa cá lặn”, thuộc nói “quốc sắc, thiên hương”, mà cách diễn đạt cũng mang tính ước lệ, như:

*Chìm đáy nước cá lơ dờ lặn,
Lững da trời nhạn ngẩn ngơ sa,
Hương trời đắm nguyệt say hoa,
Tây Thi khiếp vía, Hằng Nga giật mình.
(Ôn Như Hầu)*

hoặc

*Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.*

(Tố Như).

Thử so sánh với cách diễn tả vẻ đẹp phụ nữ dưới bàn tay sáng tạo của Thượng Đế, theo cách của người Ấn Độ:

Ngài lấy đường tròn vành vạnh của mặt trăng, đường cong của loài bò sát, tua cuốn của dây leo, nét run rẩy của lá cỏ, dáng mềm mai của lách lau, vẻ rực rỡ của muôn hoa, ánh rạng ngời của lá cây, hình thon thả của vò voi, ánh mắt nhìn của con hoẵng, sự đều đặn của các hàng trong tổ ong, vẻ hân hoan của tia nắng, nét sâu muện của đám mây, sự bất thường của cơn gió, tính e lệ của con thỏ, nét phô trương của con công, nét mềm mại của ức con vẹt, độ cứng rắn của kim cương, sự ngọt ngào của mật ong, sự tàn bạo của con cọp, sự ấm áp của tia lửa, độ giá lạnh của tuyết, tiếng riu rít của chim dẽ, tiếng gù gù của con kokila, tính giả dối của con sếu, lòng trung thành của con chakrawaka; ngài đem tất cả những thứ đó nhào nặn thành người đàn bà, rồi đem tặng người đàn ông. (Di sản phương Đông, W.Durant, Huỳnh Ngọc Chiến dịch, nxb Hồng Đức, 2014, tr. 585)

Người phương Tây luôn diễn tả sắc đẹp “*mỹ nhân*” bằng các con số cụ thể: chiều cao, cân nặng là bao nhiêu, số đo ba vòng là bao nhiêu, đã qua dao kéo thẩm mỹ chưa, v.v.... Đúng là cụ thể, nhưng cách xác định vẻ đẹp kiểu đó hơi... thô bạo, khiến người đẹp chỉ còn là một con *mannequin* mặc quần áo thời trang, mất đi cái *mystère* quyến rũ của người phụ nữ, vốn bàng bạc trong cách mô tả của phương Đông.

139.

Ruồi bay trước mắt, muỗi đốt vào da, không hiểu chúng xem con người ta là vật gì vậy?

蠅集人面，蚊噉人膚，不知以人為何物？

Dã tập nhân diện, văn toát nhân phu, bất tri dĩ nhân vi hà vật?

NHÀN ĐÀM

Ruồi và muỗi là hai loại côn trùng đáng ghét và đáng sợ nhất thế gian. Đố ai có thể làm được gì hoặc suy nghĩ được gì khi bị ruồi bầu, muỗi đốt. Câu này nhân được nhiều lời bình, nhưng câu của Trần Khang Trù 陳康疇, tôi cho là thú vị nhất:

*Đó là những đầu đà chuyển thế, ý muốn cầu xin
bồ thí vậy. (Ứng thị đầu đà chuyển thế, ý trung*

*đăn cầu bố thí dã.*應是頭陀轉世，意中但求布施也。)

140.

Có cái vui ẩn dật ở cảnh núi rừng mà không biết hưởng, đó là hạng đánh cá, đốn củi, hạng làm vườn và hạng thầy chùa; có cái vui với vườn tược, thê thiếp mà không biết hưởng, đó là hạng phú thương và hạng quan lớn.

有山林隱逸之樂，而不知享者，漁樵也，農圃也，緇黃也；有園亭姬妾之樂，而不能享，不善享者，富商也，大僚也。

Hữu sơn lâm ẩn dật chi lạc nhi bất tri hưởng giả, ngư tiều dã, nông phổ dã, truy hoàng dã; hữu viên đình cơ thiếp chi lạc, nhi bất năng hưởng, bất thiện hưởng giả, phú thương dã, đại liêu dã.

NHÀN ĐÀM

Thời buổi này, ta phải sửa lại: có cái vui ẩn dật ở cảnh núi rừng mà không biết hưởng, đó là những người quản lý công viên; có cái vui với vườn tược mà không biết hưởng, đó là những người buôn cây cảnh; có cái vui thê thiếp mà không biết hưởng, đó là những ông chủ độc thân của các quán kinh doanh có tiếp viên nữ!

141.

Lê Cử nói: “Muốn đem hoa mai gả cho hải đường, đem cây cam làm bề tôi của anh đào, đem rau cải gả cho măng tre, có điều chúng lại chẳng sinh cùng thời.” Tôi nói vật nào cũng có lứa đôi, phối hợp cũng phải có đạo lý, đem gán ghép vậy chưa hẳn đã tương xứng. Như mai là vật có phẩm hạnh rất thanh cao, hải đường lại là vật có tư chất cực kỳ xinh đẹp mà đồng đánh, dù có sinh cùng thời cũng không thể làm phu phụ, không bằng đem mai gả cho hoa lê, hải đường gả cho hạnh, đem chanh làm bề tôi phật thủ, đem lệ chi làm bề tôi anh đào, đem thu hải đường gả cho nhạn lai hồng thì cũng khá tương xứng. Còn đến như đem rau cải gả cho măng tre, nếu măng tre mà biết được ắt sẽ bị chịu cái lụy của sư tử Hà Đông.

黎舉云：「欲令梅聘海棠，橙子臣櫻桃，以芥嫁筍，但時不同耳。」予謂物各有偶，擬必於倫，今之嫁娶，殊覺未當。如梅之為物，品最清高；棠之為物，姿極妖艷。即使同時，亦不可為夫婦。不若梅聘梨花，海棠嫁杏，櫟臣佛手，荔枝臣櫻桃，秋海棠嫁雁來紅，庶幾相稱耳。至若以芥嫁筍，筍如有知，必受河東獅子之累矣。

Lê Cử vân: “Dục linh mai sinh hải đường, tranh tử thân anh đào, dĩ giới giá duẩn, dẫn thời bất đồng nhĩ.” Dư vị vật các hữu ngẫu, nghĩ tất ư luân, kim chi giá thú, thù giác vị đương. Như mai chi vi vật, phẩm tối thanh cao, đường chi vi

vật, tư cực yêu diễm. Tức sử đồng thời, diệc bất khả vị phụ phụ. Bất nhược mai sính lê hoa, hải đường giá hạnh, duyên thần Phật thủ, lệ chi thần anh đào, thu hải đường giá nhận lai hồng, thứ kỷ tương xứng nhĩ. Chí nhược dĩ giới giá duẩn, duẩn như hữu tri, tất thụ Hà Đông sư tử chi lụy hỹ.

NHÀN ĐÀM

Chỉ những tay chơi như Trương Triều mới có những câu nói lý thú này.

142.

Năm màu đều có khi thái quá có khi bất cập, chỉ có màu đen và màu trắng là không.

五色有太過，有不及，惟黑與白無太過。

Ngũ sắc hữu thái quá hữu bất cập, duy hắc dữ bạch vô thái quá.

143.

“Thuyết Văn Giải Tự” của Hứa Thận chia ra thành từng bộ, có chữ chỉ có bộ không thôi mà không có chữ phụ thuộc thì lại ghi chú: “Phàm thuộc bộ đó đều từ bộ đó.” Câu viết thừa như vậy thật cuốn cười, sao không tỉnh lược bớt một câu?

許氏《說文》分部，有止有其部，而無所屬之字者，下必注云：“凡某之屬，皆從某。”贅句殊覺可笑，何不省此一句乎？

Hứa thị “Thuyết Văn” phân bộ, hữu chỉ hữu kỳ bộ, nhi vô sở thuộc chi tự giả, hạ tất chú vân: “Phàm mỗ chi thuộc, giai tòng mỗ.” Chuế cú thù giác khả tiếu, hà bất tỉnh thử nhất cú hồ?

NHÀN ĐÀM

Hứa Thận 許慎 (khoảng 58 – 147) là một nhà ngôn ngữ học lỗi lạc của Trung Quốc thời cổ. Cuốn *Thuyết Văn Giải Tự* 說文解字 của ông là cuốn từ điển từ nguyên chữ Hán đầu tiên. Tác phẩm này hoàn tất năm 121, liệt kê 9353 chữ Hán và sắp xếp thành 540 nhóm, tức là 540 bộ thủ nguyên thủy. Các học giả đời sau giản lược dần còn lại 214 bộ thủ, được giữ tới nay. *Thuyết Văn Giải Tự* sắp xếp chữ theo các bộ, và giải thích nguồn gốc dựa vào chữ triện buổi ban đầu. Có những bộ như bộ *phi* 飛 (bay) chỉ có tên bộ chứ không có chữ nào phụ thuộc.

144.

Xem Thủy Hử đến đoạn Lỗ Đạt đánh Trấn Quan Tây, Võ Tòng đánh cọp, nhân đó mà nghĩ con người ta tất phải có việc làm cực kỳ khoái ý như thế, mới không sống uổng

một đời. Còn nếu không làm được việc đó, thì cũng nên viết sách tả được những điều đặc ý mới khỏi ân hận.

閱《水滸傳》，至魯達打鎮關西，武松打虎，因思人生必有一樁極快意事，方不枉在生一場；即不能有其事，亦須著得一種得意之書，庶幾無憾耳。

Duyệt “*Thủy hử truyện*”, chí Lỗ Đạt đả Trấn Quan Tây, Võ Tòng đả hổ, nhân tư nhân sinh tất hữu nhất thung cực khoái ý sự, phương bất uống sinh nhất trường. Tức bất năng hữu kỳ sự, diệc tu trước đặc nhất chủng đặc ý chi thư, thứ cơ vô hám nhĩ.

NHÀN ĐÀM

Lỗ Đạt đánh Trấn Quan Tây, Võ Tòng đánh cọp, trong *Thủy Hử*, đều là những cảnh tượng khiến người đọc khoái ý, nhưng vẫn còn kém một bậc. Cảnh tượng Tiêu Phong một mình dùng *Hàng Long Thập Bát Chương* để trấn áp quần hùng tại Tiết gia trang và Thiếu Lâm tự trong *Thiên Long Bát Bộ* mới thực sự khiến người đọc không những khoái ý, mà còn thấy bông bột hùng tâm. Đọc *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, khi Lệnh Hồ Xung toàn thân mất hết nội lực mà dùng *Độc Cô Cửu Kiếm* giao đấu với Phong Bất Bình nơi miếu Dưộc Vương, rồi giao đấu với Nhâm Ngã Hành chốn địa lao, hay lúc phá được *Thái Cực Kiếm Pháp* của Xung Hư dưới chân núi Võ Đương đều là những đoạn khiến người đọc không những khoái trá, mà còn thấy tâm ý phiêu nhiên đi vào cõi đạo!

Những ai từng cầm bút, khi viết được một câu hay tả được một đoạn khoái ý, đọc câu này không khỏi có niềm tương cảm! Đó là chỗ mà Bùi Trung niên gọi là: “*Tả nhi nữ tư tình, đăng khí hồi trường. Tả anh hùng sự tích, nghĩa bạc vân tiêu*”. Tả tình riêng con gái thì lâm ly bổng bột, tả sự tích anh hùng thì nghĩa át trời mây!

145.

*Gió xuân lâng lâng như rượu, gió hè sảng khoái như trà,
gió thu mênh mang như khói, gió đông giá buốt như gừng, cải.*

春風如酒，夏風如茗，秋風如煙，冬風如薑芥。

Xuân phong như tửu, hạ phong như mỉnh, thu phong như yên, như khương giới.

NHÀN ĐÀM

Khi dịch, tôi thêm vào các từ “*lâng lâng, sảng khoái, mênh mang, giá buốt*”, tự nhiên thấy thú như được uống rượu giữa mùa thu!

146.

Hoa văn bằng rạn trông cực nhã, nhưng nên mảnh không nên dày; nếu dùng làm song cửa thì lại không sao coi được.

冰裂紋極雅，然宜細，不宜肥。若以之作窗欄，殊不耐觀也。

Băng liệt văn cực nhã, nhiên nghi tế, bất nghi phì.
Nhược dĩ chi tác song lan, thù bất nại quán dã

147.

Những chim có tiếng hót cực hay thì họa mi là nhất, kế đó là hoàng anh, rồi tới bách thiết. Có điều hoàng anh, bách thiết trong đời chưa có ai nuôi được trong lồng cũi, cơ hồ là bạn lứa của bậc cao sĩ, chỉ có thể cho nghe hót chứ không chịu khuất phục.

鳥聲之最佳者：畫眉第一，黃鸝，百舌次之。然黃鸝，百舌，世未有籠而畜之者，其殆高士之儔，可聞而不可屈者耶。

Điều thanh chi tối giai giả, họa mi đệ nhất, hoàng ly, bách thiết thứ chi. Nhiên hoàng ly, bách thiết, thế vị hữu lung nhi súc chi giả, kỳ đãi cao sĩ chi trù, khả văn nhi bất khả khuất giả da.

NHÀN ĐÀM

Họa my có lẽ là chim hót hay nhất trong loài chim. Điều đó chắc không cần phải nói. Hoàng ly là con chim vàng anh, cũng có tên khác là hoàng oanh 黃鸝. Thơ Đỗ Phủ có câu:

*Lưỡng cá hoàng ly minh thúy liễu,
Nhất hàng bạch lộ thưởng thanh thiên.*

两个黄鹂鸣翠柳，
一行白鹭上青天。

*Hai cái oanh vàng kêu liễu biếc,
Một hàng cò trắng vút trời xanh. (Tản Đà)*

Chim bách thiết còn có tên là phản thiết 反舌, bá lao 伯勞. Cứ sau tiết lập xuân là loài chim này hót không ngừng, tựa hồ như có hàng trăm loài chim cùng đua nhau hót, cho nên mới tên là bách thiết, nghĩa là có hàng trăm cái lưỡi.

Kể tên các loài chim hót hay là điều quá bình thường; nhưng đem chuyện chim hoàng ly và bách thiết không chịu sống trong lồng để liên tưởng đến bậc cao sĩ, đứng là chỗ diệu bút của Tâm Trai.

148.

Không gây sản nghiệp, về sau ắt lụy nơi người; chỉ thích giao du, về sau ắt lụy đến ta.

不治生產，其後必致累人；專務交遊，其後必致累己。

Bất trị sinh sản, kỳ hậu tất trí lụy nhân; chuyên vụ giao du, kỳ hậu tất trí lụy kỷ.

NHÀN ĐÀM

Trong tiếng Việt có hai từ *ăn làm* và *ăn chơi*, bao hàm hết ý nghĩa của câu này. “*Trị sinh sản*” tức *ăn làm*, “*vụ giao du*” tức *ăn chơi*. Sống trong đời là đã tự phải mang trách nhiệm rồi. Trách nhiệm với bản thân, với xã hội, với gia đình. Trách nhiệm cơ bản nhất phải là trách nhiệm đối với bản thân, nghĩa là khi vào đời, ta phải biết tự sống được bằng đôi tay và khối óc, không để phiền lụy đến ai. Đó là lòng tự trọng của một người có nhân cách. Người duy nhất mà chúng ta gây phiền lụy chỉ nên là cha mẹ. Bởi vậy, đó là công ơn trời biển mà suốt đời ta không sao đền đáp nổi. Nếu không tự lo được cho bản thân để sống độc lập ắt phải nhờ vả, khẩn cầu nơi người; mà đã nhờ vả, khẩn cầu thì có nghĩa là lệ thuộc nơi người.

Người Trung Quốc có ngạn ngữ rất hay: “*Tri sự thiếu thời phiền não thiếu, Thúc nhân đa xứ thị phi đa*.” 知事少時煩惱少，識人多處是非多。” (Càng ít biết đến việc đời thì càng ít bị phiền não; càng biết người ở nhiều nơi thì chuyện thị phi càng nhiều). *Thị phi* có nghĩa là “*đúng sai*”, “*phải trái*”, mở rộng ra còn có nghĩa là những chuyện hiềm khích, xích mích gây ân oán với nhau. Biết nhiều người, giao du nhiều thì gặp lắm chuyện thị phi nhiều là điều dĩ nhiên. Cứ nhìn vào mạng xã hội sẽ hiểu ngay. Về ý nghĩa của hai chữ *thị phi*, người Việt có một từ rất hay là “*phải không*”, dùng để chỉ những thủ tục trong giao tế. Hai chữ “*thị phi*” mà dịch thành “*phải không*” thì quá tuyệt. Đi ăn cưới, ăn giỗ, thăm viếng, v.v... nói chung là những giao tế xã hội, hễ

đụng đến hầu bao thì đều được gọi chung là “*chuyện phải không*”. Quen biết người càng nhiều nơi thì “*chuyện phải không*” kiểu đó càng nhiều là điều không sao tránh được. Cái gọi là “*phải không*” đó cũng chính là cái “*thị phi*”.

149.

Người xưa nói: “Phụ nữ mà biết chữ, phần nhiều đều thích chuyện dâm ô.” Tôi cho rằng đó không phải là lỗi do biết chữ. Đã biết chữ tất không phải là người không nổi tiếng, mà vì điều dâm người ta tự nhiên dễ biết.

昔人云：「婦人識字，多致誨淫。」予謂此非識字之過也。蓋識字則非無聞之人，其淫也，人易得而知耳。

Tích nhân vân: “Phụ nhân thức tự, đa trí hối dâm.” Dư vị thử phi thức tự chi quá dã. Cái thức tự tắc phi vô văn chi nhân, kỳ dâm dã, nhân dị đắc nhi tri nhĩ.

NHÀN ĐÀM

Cứ gì phụ nữ? Hễ người đã thích chuyện tình dục thì dù có học thức hay không cũng vẫn thích, nào có gì khác biệt đâu? Lý Nhược Kim 李若金 nhận định:

Phụ nữ trinh thì biết chữ càng trinh, phụ nữ dâm không biết chữ vẫn dâm. (Trinh giả thức tự dã trinh, dâm giả bất thức tự diệc dâm. 貞者識字愈貞，淫者不識字亦淫。)

150.

Kẻ khéo đọc sách thì chẳng có gì không là sách: sơn thủy cũng là sách, hoa nguyệt cũng là sách. Kẻ khéo du ngoạn sơn thủy thì chẳng có gì không là sơn thủy: sử sách cũng là sơn thủy, thơ rượu cũng là sơn thủy, hoa nguyệt cũng là sơn thủy.

善讀書者，無之而非書：山水亦書也，棋酒亦書也，花月亦書也。善遊山水者，無之而非山水：書史亦山水也，詩酒亦山水也，花月亦山水也。

Thiện độc thư giả vô chi nhi phi thư: sơn thủy diệc thư dã, kỳ tửu diệc thư dã, hoa nguyệt diệc thư dã, thiện du sơn thủy giả, vô chi nhi phi sơn thủy, thư sử diệc sơn thủy dã, thi tửu diệc sơn thủy dã, hoa nguyệt diệc sơn thủy dã.

NHÀN ĐÀM

Sử kiếm đến bậc thượng thừa như Phong Thanh Dương thì kiếm gỗ cũng là kiếm, cánh tay cũng là kiếm, mà đến nhánh cây, cộng cỏ cũng là kiếm. Làm thơ đến mức thượng thừa như Bùi Giáng thì những câu chữ tầm thường cũng biến thành châu ngọc.

Bằng bút chì đen,

Tôi chép bài thơ,

Trên tường vôi trắng

Bằng bút chì trắng,
Tôi chép bài thơ,
Trên lá lục hồng,
Bằng cục than hồng,
Tôi đốt bài thơ,
Từng phút từng giờ.
Tôi cười, tôi khóc bằng quơ,
Người nghe người khóc có ngờ chi không.
(Bao giờ)

Kim Thánh Thán, khi phê bình Mái Tây, có một đoạn rất hay:

Tôi đọc các du ký ở thế gian, mà biết đời thật không có ai biết chơi. Người biết chơi, đối với hết thấy những cảnh sông, biển, núi non, động thiên, phúc địa, ở trong đời, cố nhiên không ngại nghìn dặm, muôn dặm, sao cũng tìm đến để thăm cho hết cảnh lạ. Thế nhưng trong lòng có một tài tình riêng, dưới mi có một cặp mắt riêng, thì có cứ gì phải đến hẳn những cảnh sông, biển, núi non, động thiên, phúc địa..... Nay lấy cái bản lĩnh lớn, cái thông minh lớn, cái khí lực lớn của thợ tạo, bỗng dựng bày ra một cảnh động thiên, một cảnh phúc địa, thì đó thật là những cái lạ tai, lạ mắt, chả cần phải nói nhiều! Thế nhưng ta thường nhìn kỹ trong khoảng trời đất, lật vật một con

chim, một con cá, một bông hoa, một ngọn cỏ, cho đến một cái lông chim, một cái vẩy cá, một cái cánh hoa, một cái lá cỏ, chả có cái gì là không phải tồn đến cái bản lĩnh lớn, cái thông minh lớn, cái khí lực lớn của ông thợ Tạo kia, mà gây dựng được nên!....

... Trong lòng ta đã có một tài tình riêng, dưới my ta đã có một cặp mắt riêng, hễ chỗ nào không có, ta lại đem ra mà bay lượn nhõn nhơ, thì nào có cú gì phải tìm đến những nơi động thiên, phúc địa.... Một dịp cầu cheo leo, một gốc cây cằn cỗi, một làn nước, một cái làng, một bức dậu, một con chó, ta bay lượn chơi, ta nhõn nhơ chơi; thử so với những cảnh động thiên, phúc địa, đã chắc gì cái lạ, cái đẹp lạ chả không ở những cảnh ấy, mà ở những cảnh này?

Cứ thế mà coi, nếu ta cú phải động thiên, phúc địa mới chơi, thì những nơi ta bỏ sót không chơi, có lẽ đã nhiều lắm. Thế mà, cú phải đến động thiên, phúc địa mới chơi, thì ngay những cảnh động thiên, phúc địa đó cũng là không biết chơi mà thôi! Vì sao? Họ đã không nhận được vẻ đẹp, vẻ lạ của bức dậu, một con chó, thì dù có trông thấy những cảnh động thiên, phúc địa nữa, cũng chỉ biết được những cái không đẹp không lạ mà thôi! (Mái Tây, tr.156 – 160, Nhượng Tống dịch, NXB Tân Việt, Sài Gòn).

Nay đọc đến câu này của Trương Trào, bất giác nhớ lại đoạn văn trên của Thánh Thán, bèn ghi lại đây. Đối với kẻ giỏi du lãm, dù là một hòn đất, một khe nước, một bức dậu cũng là cảnh “*động thiên, phúc địa*”, thì đối với kẻ khéo đọc sách chẳng có gì không là sách, mà đối với kẻ khéo du ngoạn sơn thủy chẳng có gì không là sơn thủy.

151.

Vườn đẹp ở chỗ bố trí gò hang, chứ không phải ở chỗ chạm trổ chi li; đi xem cảnh vườn nhà người, thấy trên đầu tường cần gạch khảm ngói, không phải là không cực kỳ tinh xảo, nhưng sau khi hư thì rất khó lòng sửa lại, sao bằng cái đẹp chất phác tự nhiên?

園亭之妙在邱壑布置，不在雕繪瑣屑。往往見人家園亭，屋脊牆頭，雕磚鏤瓦。非不窮極工巧，然未久即壞，壞後極難修葺。是何如樸素之為佳乎？

Viên đình chi diệu tại khâu hác bố trí, bất tại điêu hội tảo tiết. Vãng vãng kiến nhân gia viên tử ốc tích tường đầu, điêu chuyên lữ ngõa, phi bất cùng cực công xảo, nhiên vị cửu tức hoại, hoại hậu cực nan tu tập, thị hà như phác tố chi vi giai hồ?

NHÀN ĐÀM

Quá đúng, nên chẳng có gì để nói thêm.

152.

*Đêm thanh ngồi cô độc, mời trăng kể lẽ chuyện buồn;
canh khuya ngủ một mình, gọi để nói niềm sầu hận.*

清宵獨坐，邀月言愁；良夜孤眠，呼蛩語恨。

Thanh tiêu độc tọa, yêu nguyệt ngôn sầu; lương dạ cô miên, hô cung ngữ hận.

NHÀN ĐÀM

Tôi đọc *U Mộng Ảnh* trong những ngày đi công tác trên thành phố cao nguyên. Thành phố Ban Ma Thuột thơ mộng và yên tĩnh đã giúp tôi cảm nhận thêm ý vị trong những câu nói của Trương Trào. Nhiều buổi tối, dưới bóng trăng mờ ảo, ngồi uống cà phê một mình nơi quán cóc vắng vẻ ở vùng ngoại ô tĩnh lặng trên cao nguyên, trong bụi cỏ rậm là tiếng côn trùng rả rích, giữa lúc trong cuộc sống đang gặp bao điều phiền muộn mà không biết ngổ cùng ai, tôi mới thấy thấm thía ý nghĩa của câu này. Nỗi lòng chỉ biết ngổ cùng ánh trăng mờ ảo, tâm sự chỉ có thể kể lẽ với tiếng để khuya. Tôi nghĩ, bình sinh Trương Trào hẳn phải mang trong lòng bao niềm sầu hận mới có thể viết nên câu văn tuyệt diệu này, trong một đêm khuya.

153.

Tên quan nghe qua dư luận, thì miệng kẻ giàu có với miệng kẻ bần cùng đều không chắc đâu là thật; hoa án định sẵn trong lòng, thì lời bàn hoa mỹ với lời bình thô lậu e đều đánh mất điều chân.

官聲採於輿論，豪右之口與寒乞之口，俱不得其真；花案定於成心，艷媚之評與寢陋之評，概恐失其實。

Quan thanh thái ư dư luận, hào hữu chi khẩu, dĩ hàn khát chi khẩu, câu bất đắc kỳ chân; hoa án định ư thành tâm, diễm mị chi bình, dĩ tầm lậu chi bình, khái khủng thất kỳ thực.

NHÀN ĐÀM

Hoa án là bình chọn để xác định thứ bậc của kỹ nữ chốn thanh lâu.

154.

Trong bụng có chứa gò hang thì thành thị chẳng khác sơn lâm; cảm hứng gợi chốn yên hà, thì Diêm Phù cũng như Bồng Đảo.

胸藏邱壑，城市不異山林；興寄煙霞，閭浮有如蓬島。

Hung tàng khâu hác, thành thị bất dị sơn lâm; hứng ký yên hà, Diêm Phù hữu như Bồng Đảo.

NHÀN ĐÀM

Theo Phật giáo, Diêm Phù (Jambu) hay Diêm Phù Đề là một trong bốn châu lớn, dùng chỉ cảnh thế gian. Còn Bồng Đảo, tức Bồng Lai 蓬萊, một trong ba đảo ở biển Bột Hải 渤海, là nơi ở của thần tiên, theo truyền thuyết Trung Quốc.

Vạn pháp giai do tâm tạo. Tâm thanh tịnh, bình yên thì thế gian đâu không là nước Phật? Trong lòng đã có cảnh gò hang của tự nhiên thì chốn phố thị đâu chẳng là rừng núi? Đã mang tâm đùa bỡn với lợi danh thì đâu có sống chốn cung đình như Đông Phương Sóc cũng có khác gì ẩn dật chốn rừng sâu?

Hạ Tri Chương có bài thơ *Đề Viên thị biệt nghiệp* 題袁氏別業 (Đề tại nhà riêng của họ Viên) thường được truyền tụng:

Chủ nhân bất tương thức,

Ngẫu tọa vị lâm tuyền.

Mạc mạn sâu cô tữu,

Nang trung tự hữu tiền.

主人不相識，
偶坐為林泉。
莫謾愁沽酒，
囊中自有錢。

*Chưa được một lần biết chủ nhân,
Vì cảnh suối rừng, xin kết thân.
Chén rượu để vui xin chớ ngại
Túi kia tiền sẵn những khi cần.*

Chữ *vị* 為 (vì) trong bài thơ cũng có thể đọc là *vi*. Với bài thơ này, tôi thường thích đọc là *vi*, chứ không đọc là *vị*, và khi đọc là *vi* cảm thấy có nhiều ý vị hơn! *Ngẫu tọa vi lâm tuyền*. Nơi nào ta ngẫu nhiên ghé lại chơi thì cảnh vật nơi đó đều biến thành cảnh suối rừng, rồi chủ nhân nơi đó sẽ trở thành bạn, chứ cần gì phải là cảnh lâm tuyền mới cảm chân được khách tài tử phong lưu? Trong lòng đã có sông suối, gò hang thì nơi đâu chẳng là lâm tuyền? Cảm hứng đã gọi vào cảnh khói mây thì chỗ nào không là Bồng Lai tiên cảnh?

Khi tâm ta, như con ngỗng trắng trong hồ nước, giữ được vô nhiễm với vật chất và tiền bạc thì trong lòng tự nhiên sẽ có niềm vui, sẽ đủ nguồn cảm hứng để thấy cỏi Diêm Phù Đề cũng chính là Bồng Đảo, và ta có thể thông dong “*thông tay vào chợ*” để mặc tình rong chơi mà thưởng ngoạn muôn ngàn cảnh tượng giữa cỏi Ta Bà.

155.

Ngô đồng là loài có phẩm hạnh thanh cao hạng vừa trong thực vật, nhưng hình thù khiến nhiều người kiêng kỵ; thậm chí còn nói: “Ngô đồng to bằng miệng đấu, chủ nhân ra ngoài bốn tẩu.”, xem nó như vật bất tường. Chuyện bề cảnh ngô đồng phong đất cho em, ngô đồng trong cung đều biết, thế mà xét về lâu dài thì không có triều đại nào hơn được nhà Chu. Lời của thói tục không đủ để làm bằng cứ, cũng giống như loại này vậy.

梧桐為植物中清品，而形家獨忌之，甚且謂「梧桐大如斗，主人往外走。」若竟視為不祥之物也者。夫翦桐封弟，其為宮中之桐可知。而卜世最久者，莫過於周。俗言之不足據，類如此夫！

Ngô đồng vì thực vật trung thanh phẩm, nhi hình gia độc kỵ chi, thậm thư vị ”Ngô đồng đại như đấu, chủ nhân vãng ngoại tẩu.” Nhược cảnh thị vi bất tường chi vật dã giả. Phù tiên đồng phong đệ, kỳ vi cung trung chi đồng khả tri. Nhi bực thế tối cửu giả, mạc quá ư Chu. Tục ngôn chi bất túc cứ, loại như thử phù!

NHÀN ĐÀM

Sử ký chép vua Chu Thành Vương lúc vui đùa với em là Thúc Ngự, bứt lá ngô đồng đưa cho em nói đùa: “Phong cho người đất Đường đấy.” Quan thái sử đứng

hầu xin vua chọn ngày để làm lễ. Thành Vương nói “Ta đùa đấy mà”. Quan thái sử tâu: “*Làm vua không được nói đùa.*” Vua bèn phong đất Đường cho em.

Nhà Chu tính từ Chu Vũ vương đến Đông Chu có 37 vua. Đây là thời hoàng kim trong lịch sử Trung Quốc. Trương Triều không tin câu chuyện này, vì một triều đại mà có những ông vua như thế khó lòng mà tồn tại đến 8 thế kỷ, như nhà Chu.

156.

Kẻ đa tình không vì sinh tử mà thay lòng, kẻ thích rượu không vì nóng lạnh mà đổi tửu lượng, người ham đọc sách không vì bận rồi mà bỏ dở nửa chừng.

多情者，不以生死易心；好飲者，不以寒暑改量；喜讀書者，不以忙閒作輟。

Đa tình giả bất dĩ sinh tử dịch tâm, hảo ẩm giả bất dĩ hàn thử cải lượng, hỷ độc thư giả bất dĩ mang nhàn tác chuyết.

NHÀN ĐÀM

Kẻ đa tình khi đã thực sự yêu thì yêu trọn vẹn với cả tấm lòng, dù người yêu còn sống hay đã chết cũng đều trở thành hình tượng thiên thu trong tâm tưởng. Như Út Lãnh yêu vợ trong *Chùa Đàn* của Nguyễn Tuân, như Nghi Lâm yêu Lệnh Hồ Xung, như Ân Ly yêu Trương Vô Kỵ, như Tiêu Phong yêu A Châu, như A Tử yêu Tiêu Phong, v.v... trong

những tác phẩm của Kim Dung. Khi tình yêu chớm nở thì nó đã thành tượng với thời gian. Trong cõi chết, người ta sẽ tiếp nối những gì còn để dở dang trong cuộc sống.

Kẻ thích rượu không vì nóng lạnh mà đổi tửu lượng, điều đó tôi không dám chắc, nhưng đã là người ham đọc sách thì chắc chắn không vì bận rồi mà bỏ đọc nửa chừng, giống như người nghiện facebook thì dù có bận hay rồi thì cũng không ngày nào xa rời được cái smartphone!

157.

Nhện là nước thù địch của bướm, lừa là nước chư hầu của ngựa.

蛛為蝶之敵國，驢為馬之附庸。

Thù vi điệp chi địch quốc, lư vi mã chi phụ dung.

NHÀN ĐÀM

Chỉ những tay tài hoa như Trương Triều, tài lớn tâm trong, mới có thể cảm nhận đến mức vi tế dường kia. Văn học cổ kim thật chưa từng đâu có một lời nói tuyệt vời đến thế, nên Hoàng Tam Giao bình:

Từ thuở khai thiên lập địa đến nay, chưa từng được nghe lời diệu kỳ như vậy. (Tự khai tịch dĩ lai, vị văn hữu thử kỳ luận. 自開闢以來，未聞有此奇論。)

158.

Lập phẩm hạnh, nên noi người Tống mà phát huy đạo học; sống với đời, nên theo đời Tấn mà học cách phong lưu.

立品，須發乎宋人之道學；涉世，須參以晉代之風流。

Lập phẩm tu phát hồ Tống nhân chi đạo học, thiệp thế tu tham dĩ Tấn đại chi phong lưu.

NHÀN ĐÀM

Vào đời Tống, Trung Quốc phát triển đạo học rất mạnh, với những tên tuổi như Chu Liêm Khê, Trình Di, Trình Hạo, Lục Tượng Sơn, Chu Hy, hình thành nên tư tưởng Tống Nho, dung hợp cả Nho và Lão Trang.

Cái học của Tống Nho, bên cạnh những tư tưởng thâm viễn về vũ trụ, lại thiên về tinh thần “*cư kính, thượng lễ*” (xử sự kính cẩn, coi trọng nghi lễ) rất đối khắc khe. Cái học đó tạo nên một xã hội tốt đẹp về đạo đức, đề cao danh tiết, khiến mọi người xem trọng nhân cách và phẩm hạnh; nhưng con người đối với bản thân phải vô cùng nghiêm túc, lúc nào cũng phải thận trọng, giữ gìn khiến cuộc nhân sinh không khỏi mất đi phần nào thi vị. Chẳng hạn như Chu Hy, một danh nho đời Tống, khi được quan sở tại là Đường Trọng Hữu, do mến mộ, mà thưởng cho ông một kỹ nữ xinh đẹp có tài thi họa, Chu Hy đã không nhận thì

thời, ông lại bắt người kỹ nữ ấy và luận tội Đường Trọng Hữu, gây ra sự thù hiềm về sau. Đúng là thái độ cứng nhắc “*bất cận nhân tình*” của một bác đồ gàn “*thượng lễ*”. Nó khác hẳn phong cách chịu chơi của cụ Nguyễn Công Trứ nhà ta. Đưa đào nương đi hát, đến giữa đồng vắng không người, thấy lòng xuân phơi phới, thế là xong!

Vào đời Tấn, phong trào sống phong lưu nổi bật với các tên tuổi: Đào Uyên Minh, Trúc Lâm thất hiền. Trúc Lâm Thất Hiền chỉ bảy người hiền sinh sống vào khoảng cuối đời nhà Ngụy, đầu nhà Tấn khoảng thời gian giữa những năm 200 - 300, gồm Nguyễn Tịch, Kê Khang, Lưu Linh, Sơn Đào, Hưởng Tú, Vương Nhung, Nguyễn Hàm.

Phong lưu, theo nghĩa đen, là “*gió thổi và nước chảy*”. Rất khó định nghĩa cho chính xác phong lưu có nghĩa là, nhưng phong lưu theo đời Tấn là phong cách sống của người có tài hoa và trí tuệ, với những đặc điểm lãng mạn, thiên về tình hơn lý, sống theo cảm hứng để thưởng ngoạn cuộc đời.

Đặc điểm của cách sống phong lưu này được ghi rõ qua những giai thoại trong tác phẩm *Thế Thuyết Tân Ngữ* 世說新語. Cuốn này là một trong những tác phẩm thú vị nhất của văn học Trung Quốc. Tôi xin ghi lại vài giai thoại để bạn đọc dễ hình dung được hai chữ *phong lưu*.

1. Vương Huy Chi (con trai nhà thứ pháp lỗi lạc Vương Hy Chi), sống ở vùng Sơn Âm. Một đêm khuya, tuyết rơi nhiều, Vương mở cửa, sai người nhà mang rượu ra uống. Nhìn quanh thấy bốn bề tuyết rơi trắng xóa,

bền ngâm thơ *Chiêu Ẩn* 招隱 của Tả Tư 左思. Sức nhớ đến người bạn tên Đái An Đạo 戴安道, bèn chèo chiếc thuyền nhỏ đến thăm. Chèo suốt đêm mới đến nhà Đái, nhưng không vào mà lại chèo thuyền quay về. Có người hỏi, Vương đáp: “*Ta vốn thừa hứng mà đi, hết hứng thì về, hà tất phải gặp Đái!*” (Ngô bản thừa hứng nhi hành, hứng tận nhi phản, hà tất kiến Đái? 吾本乘興而行, 興盡而返, 何必見戴?) (chương 23).

2. Vương Huy Chi từng nghe danh Hoàn Tử Dã 桓子野 là người thối sáo nổi tiếng thời bấy giờ nhưng chưa được gặp. Vương dạo thuyền trên sông, tình cờ gặp Hoàn trên bờ. Trong thuyền có một vị khách biết Hoàn, liền nói: “*Hoàn Tử Dã kia!*”. Vương liền sai người đến gặp Hoàn, nói: “*Nghe ngài có tài thối sáo, xin vì tôi mà thổi cho một khúc.*” Hoàn cũng từng nghe danh Vương, bèn xuống xe, ngồi trên ghế, thổi ba khúc. Xong, lên xe mà đi. Chủ với khách không ai nói một lời. (chương 23).

3. Vương Nhung 王戎 (một nhân vật trong *Trúc Lâm thất hiền*) mất con thơ, Sơn Giản 山簡 đến viếng, Vương không cầm được nổi bi ai. Giản nói: “*Chỉ là đứa bé thôi, sao lại đến nỗi này?*”. Vương đáp: “*Thánh nhân thì quên tình, kẻ cực ngu thì không biết đến tình; chỗ mà tình dồn lại, chính là bộn ta đây.*” (Thánh nhân vong tình, tối hạ bất cập tình; tình chi sở鍾, chính tại ngã bối. 聖人忘情, 最下不及情; 情之所鍾, 正在我輩.). Giản nghe, lấy làm phục, cũng khóc theo. (chương 17)

4. Lưu Linh 劉伶, tự Bá Luân, quá ham mê uống

rượu. Một hôm, vợ đập vỡ vò rượu, khóc bảo: “Ông uống rượu quá nhiều, đó không phải là cái đạo nhiếp sinh, phải bỏ bớt đi!”. Lưu Linh nói: “Ta không thể tự cấm được, phải cầu quỷ thần lên để khẩn nguyện, vậy phải đủ rượu thật để làm lễ chứ!” Vợ nghe lời làm theo. Lưu Linh bèn quỳ xuống khẩn rằng: “Thiên sinh Lưu Linh, Dĩ tửu vi danh, Nhất ẩm nhất hộc, Ngũ đấu giải tỉnh. Phụ nưon chi ngôn, Thận bất khả thính. 天生劉伶，以酒為名，一飲一斛，五斗解醒。婦人之言，慎不可聽。” (Trời sinh ra Lưu Linh, Nhờ rượu mà nổi danh. Mỗi lần uống một hộc, Năm đấu mới giải tỉnh. Lời của đàn bà nói, Xin cẩn thận đừng nghe!) (chương 23).

5. Nguyễn Tịch và cháu là Nguyễn Hàm đều mê rượu. Đôi khi cả hai ngồi uống rượu, có đàn heo chạy đến, cả hai đều uống chung với đàn heo, không có gì phân biệt. (chương 23).

6. Hoàn Tử Dã mỗi khi nghe bài hát hay đều than: “Ôi! biết làm sao đây!” Tạ Công nghe được, bèn nói: “Hoàn có thể gọi là người có tình sâu.” (Tử Dã khả vị nhất vãng hữu thâm tình. 子野可謂一往有深情。) (chương 23)

7. Vương Phật Đại 王佛大 than: “Ba ngày không uống rượu, mới hay hình hài và tinh thần không còn gần nhau nữa rồi.” (Tam nhật bất ẩm tửu, giác hình thần bất phục tương thân. 三日不飲酒，覺形神不復相親。) (chương 23)

8. Lưu Linh thường uống rượu say mê, sống phóng túng, ở trong nhà cứ để trần truồng. Có người thấy được, cười nhạo. Linh bảo: “Ta lấy trời đất làm mái nhà, lấy

phòng ốc làm quần áo, các ông việc gì lại chui vào quần của ta?” (Ngã dĩ thiên địa vi đồng vũ, ốc thất vi quần y, chư quân hà vi nhập ngã quần trung? 我以天地為棟宇，屋室為禪衣，諸君何為入我禪中？). (chương 23)

9. Chị dâu của Nguyễn Tịch bỏ về nhà mẹ, Tịch theo đưa tiễn. Người ta lấy làm lạ [vì theo lễ giáo phong kiến thì “*Nam nữ thụ thụ bất thân*”, em chồng và chị dâu hạn chế tiếp xúc nhau], Tịch bảo: “*Lễ há đặt ra vì bọn ta sao?*” (*Lễ khởi vì ngã bối thiết dã?* 禮豈為我輩設也？). (chương 23)

Theo *Lưu Linh truyện* trong Tấn thư, Lưu Linh đi đâu cũng mang theo bầu rượu, sai đầy tớ vác mai đi cùng, báo “*Hễ ta chết thì đào đất chôn luôn*” (*Tử tiện mai ngã. 死便埋我。)*

Phong lưu đời Tấn có một chút gì đó tương giống với chủ nghĩa lãng mạn (*romanticism*) của phương Tây. Nếu so sánh với phương Tây thì ta có thể mô phỏng câu nói của Trương Trào để tạm nói rằng lập phẩm thì nên theo trường phái cổ điển, nhưng giao thiệp giữa đời thì nên theo phong cách lãng mạn!

Khái niệm phong lưu đời Tấn khác nhiều với khái niệm phong lưu của ta hiện nay. Tác giả Vương Hồng Sển, khi viết cuốn *Phong Lưu Cũ Mới*, cũng phải loay hoay lục đủ loại từ điển để tra cứu ý nghĩa của hai chữ *phong lưu*. Ông mở đầu tác phẩm bằng mấy lời dẫn rất lý thú, tôi ghi lại đây và xin giữ nguyên tự dạng, để cùng bạn đọc chia sẻ ý vị trong trang viết của một khách phong lưu miền Nam.

Khoan vội vào đề, và xin hãy cùng tôi tra cứu về danh từ PHONG LƯU trước đã.

Hán Việt từ điển ĐÀO DUY ANH ghi:

PHONG LƯU: Cái đức tốt như ngọn gió chỗ này bay đến chỗ khác, như dòng nước nơi nó chảy đến nơi kia.

Tỷ dụ: LƯU PHONG DU VẬN.

- Dáng dấp và thái độ cũng gọi PHONG LƯU.
- Phẩm cách của con người.
- Cái tinh thần riêng.
- Ngày nay thường gọi người hay chơi bời đi thoả là PHONG LƯU. Tuy rõ rệt, nhưng các nghĩa ấy, chưa ai bằng lòng.

Hãy tra bộ Từ điển Khai Trí Tiến Đức:

PHONG LƯU - Thái độ nhàn nhã : tính người phong lưu.

- Đủ ăn tiêu không phải phiền lụy gì.

Tỷ dụ : nhà ấy độ này đã phong lưu.

- Ăn chơi hoa nguyệt: Bình khang là chốn phong lưu.

Cắt nghĩa như thế đã thấu đáo đến nơi đến chốn. Nhưng dường như thấy đều chưa bằng bụng. Khảo qua bộ ĐẠI NAM QUỐC ÂM TỰ VỊ của nhà tiên bối trong Nam, cụ Huỳnh Tịnh Của, thấy vốn vẹn một hàng:

PHONG LƯU – Thông thả vô sự; cuộc ăn chơi.

Đến đây, cũng chưa thỏa mãn. Bèn nhờ Từ điển ĐÀO VĂN TẬP:

PHONG LƯU – Chơi bời hoa nguyệt. Tỷ dụ:

“Phong lưu là cạm ở đời.

Hồng nhan đánh bẫy những người tài hoa”. (câu hát xưa).

- Sống nhàn hạ, đủ ăn đủ tiêu, không phải vay mượn ai.

Tỷ dụ: sống phong lưu.

Rốt lại, đành xếp các bộ sách thầy, và tạm mượn nghĩa của bộ Khai Trí Tiến Đức:

PHONG LƯU – Thái độ nhàn nhã.

Dựa theo đó, những thú phong lưu, tức là những thú tiêu khiển để giết thì giờ trong những cơn rỗi rảnh, nhàn hạ.

Phong lưu của tác giả Vương là cái phong lưu của cụ Hy Văn:

*Mang danh tài sắc cho nên nợ,
Quen thói phong lưu hóa phải vay.*

hoặc là cái phong lưu trong ca dao:

*Dù cho nợ kéo nợ đòi,
Phong lưu vẫn giữ cái nòi phong lưu.*

Phong lưu của người đời Tấn hoàn toàn khác. Nó thuộc một đẳng cấp cao hơn, về tài hoa, cảm xúc và trí tuệ. Đó là cuộc chơi phiêu bồng của những tay lãng tử tài hoa xem cõi đời là quán trọ để họ dừng chân mà thưởng ngoạn thanh sắc của trần gian. Nếu không hưởng được thói phong lưu của người đời Tấn thì chúng ta cũng nên hưởng nét phong lưu của cụ Hy Văn. Mà tôi đang cùng các bạn nhàn đàm về hai chữ *phong lưu* để tạm quên đi những muộn phiền thường nhật thì đó là cũng là một *thể cách phong lưu* đấy!

159.

Người xưa nói cầm thú cũng biết đến nhân luân. Tôi nói đâu chỉ cầm thú, cả thảo mộc cũng vậy. Mẫu đơn là vua, thực được là tể tướng, đó là vua tôi vậy; cây lớn ở núi Nam, cây tử ở núi Bắc, đó là cha con vậy; nghe nói cây kinh

chia ra thì chết, để nguyên đám thì sống, đó là anh em vậy; sen mọc cùng đài, đó là vợ chồng vậy; hoa lan cùng nhụy, đó là bè bạn vậy.

古謂禽獸亦知人倫。予謂匪獨禽獸也，即草木亦復有之。牡丹為王，芍藥為相，其君臣也；南山之喬，北山之梓，其父子也；荊之聞分而枯，聞不分而活，其兄弟也；蓮之並蒂，其夫婦也；蘭之同心，其朋友也。

Cổ vị cầm thú diệc tri nhân luân. Dữ vị phi độc cầm thú dã, tức thảo mộc diệc phục hữu chi. Mẫu đơn vi vương, thược dược vi tướng, kỳ quân thần dã; Nam sơn chi kiều, Bắc sơn chi tử, kỳ phụ tử dã; kinh chi văn phân nhi khô, văn bất phân nhi hoạt, kỳ huynh đệ dã; liên chi tính đế, kỳ phu phụ dã; lan chi đồng tâm, kỳ bằng hữu dã.

NHÀN ĐÀM

Cây kinh là cây gai, một loài cây thuộc họ Rubus, thường mọc thành từng bụi rải rác ở gò, đồi.

Người được nuôi dưỡng bằng nền tảng nhân luân thì nhìn đâu cũng thấy được nhân luân, đạo lý. Kẻ được nuôi dưỡng trong nền giáo dục cừu hận thì nhìn đâu cũng thấy kẻ thù. Mỗi tương quan nhân quả giữa giáo dục và đạo đức xã hội có thể thấy được nhân tiền. Há phải chờ lâu đâu!

160.

Hào kiệt khác với thánh hiền, văn nhân nhiều hơn tài tử.

豪傑易于聖賢，文人多於才子。

Hào kiệt dị vu thánh hiền, văn nhân đa ư tài tử.

NHÀN ĐÀM

Hào kiệt là nói về tài năng và đảm lược, thánh hiền là nói về đạo đức và trí tuệ. Dù hào kiệt và thánh hiền đều có tài đức hơn người, nhưng hào kiệt không thể là thánh hiền. Trương Trào xem “*Thánh hiền là những bậc hóa thân của trời đất.*” (câu 60)

Văn nhân là những người đọc sách, hiểu biết về văn chương, thi phú. Tài tử là những người kẻ có văn tài. Văn nhân nhiều hơn tài tử là điều đã hẳn. Một tay tài tử thì dĩ nhiên là văn nhân, nhưng một văn nhân chưa hẳn đã là tài tử.

161.

Trâu với ngựa: một nhập thế, một ẩn dật. Nai với lợn: một thần tiên, một phàm phu.

牛與馬，一仕而一隱也。鹿與豕，一仙而一凡也。

Ngưu dữ mã, nhất sĩ nhi nhất ẩn dã. Lộc dữ thi, nhất tiên nhi nhất phạm dã.

NHÀN ĐÀM

Trâu gánh vác công việc nhà nông, nên xem như nhập thế; ngựa hoang thường sống tự tại, xa lánh loài người, nên xem như ẩn dật. Nai thường gắn liền với các vị thần tiên cao khiết, còn lợn sống nơi uế tạp, như đời sống kẻ phạm phu.

162.

Văn chương tuyệt đỉnh cổ kim đều được viết bằng máu và nước mắt.

古今至文，皆以血淚所成。

Cổ kim chí văn, giai huyết lệ sở thành.

NHÀN ĐÀM

Nếu các học giả trong thiên hạ mà suy ngẫm được câu này và cảm nhận được câu này thì biết bao tác phẩm được viết bằng huyết lệ suốt cổ kim hẳn đã không còn bị đắm chìm trong những cuốn sách biên khảo theo thể lệ giáo khoa.

Trong văn chương Việt Nam, chỉ có cuốn Truyện Kiều của Nguyễn Du với “*con mắt trông cả sáu cõi, tấm*

lòng nghĩ suốt nghìn đời” mới xứng đáng với câu này. Ta hãy chậm rãi đọc lại lời tựa của chủ nhân Mộng Liên Đường viết cho Truyện Kiều:

Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn đứt ruột... Tố Như Tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trong thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy. (theo bản dịch của Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim)

Và câu thơ của Phạm Quý Thích:

*Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy,
Tân Thanh đáo để vị thủy thương.*
一片才情千古累，
新聲到底為誰傷。

Một điều kỳ lạ là hình như đã gần một thế kỷ trôi qua, nhưng lời tựa chan chứa cảm thông đó và câu thơ thống thiết đó vẫn không cảnh tỉnh nổi các nhà biên khảo ù lì. Rất nhiều ông giáo sư, học giả bút lực chưa viết nổi một câu vè, trình độ chưa cảm nổi một câu thơ nhưng cũng đem những thứ kiến thức tủn mủn từ chương của sách vở, nhà trường ra để khệnh khạng khen, chê Truyện Kiều theo kiểu bác học hồ đồ, thậm chí còn muốn sửa đổi cả thơ. Đọc những lời phê bình đó của các học giả, ta không khỏi tê cóng cả linh hồn, chẳng khác nào nghe Thúy Vân

giải thích ý nghĩa của hai chữ “*phong trần*”, hoặc nghe thái giám giảng về phương pháp sinh con theo ý muốn! Ta sẽ hiểu vì sao Bùi Giáng rất mực khinh thường đám học giả trường trại đó, mà chỉ muốn làm thơ để “*vịnh cô Kim Cương đi tiểu*” và ca ngợi chuồn chuồn châu châu!

Thơ Lý Hạ – một thi tài yếu mệnh, được gọi là Quỷ Thi trong thi ca Trung Quốc – cũng xứng đáng với câu này. Chu Ích Công 周益公, trong *Bình Viên Tục Cảo* 平園續稿, nói:

Người xưa nói thơ có thể làm khốn cùng con người, cũng có người nói thơ đâu chỉ làm khốn cùng con người mà thôi đâu, đôi khi còn giết chết người nữa. Cho nên đẽo gọt gan ruột để làm thơ là đã sai với thuật dưỡng sinh, còn trào lộng vạn tượng đâu phải là điều làm vui lòng tạo hoá? Cho nên người đất Hình của bản triều Lý Hạ không thể sống lâu được là vì thế.

(Tích nhân vị thi năng cùng nhân, hoặc vị phi chỉ cùng nhân, hữu thời nhi sát nhân. Cái điều trác can trường, dĩ quai vệ sinh chi thuật; trào lộng vạn tượng, diệc khởi tạo vật chi sở lạc tai? Đường Lý Hạ, bản triều Hình cư thực chi bất thọ, đãi dĩ thử dã. 昔人謂詩能窮人，或謂非止窮人，有時而殺人。蓋雕琢肝腸，已乖衛生之術；嘲弄萬象，亦豈造物之所樂哉？唐李賀，本朝邢居實之不壽，殆以此也。)

Trong thiên hạ, còn biết bao nhiêu tác phẩm được viết bằng huyết lệ? Nếu ta đi vào thế giới đó bằng những suy niệm chân thành thì sẽ nhận ra một điều gì đó hoàn toàn lọt ra ngoài *cõi nghe* của các học giả và các nhà biên khảo. Nhưng nhận ra ở mức độ nào, hoặc nhận ra được điều gì thì điều đó còn tùy thuộc vào thông tuệ và cơ duyên của từng người.

163.

Một chữ tình để duy trì thế giới, một chữ tài để tô điểm càn khôn.

情之一字，所以維持世界；才之一字，所以粉飾乾坤。

Tình chi nhất tự, sở dĩ duy trì thế giới; tài chi nhất tự, sở dĩ phấn sức càn khôn.

NHÀN ĐÀM

Đây là một trong những câu tuyệt diệu trong *U Mộng Ảnh*. Nghe như hòa điệu với câu nói của Vương Nhung: “*Thánh nhân thì quên tình, kẻ cực ngu thì không biết đến tình; chỗ mà tình đồn lại, chính là bọn ta đây.*” Con người – đúng nghĩa là một con người – suy cho cùng vẫn thường thiên về tình hơn là về lý. Chữ tình trói buộc con người vào vòng khổ lụy. Nhưng thử hỏi không có cái lụy

ấy thì cõi đời sẽ buồn tẻ và đơn điệu biết bao nhiêu? Chỉ một có chữ tình mới có thể duy trì thế giới, không để cõi đời biến thành một sa mạc khô cằn với những tính toán, cơ mưu của lý trí lạnh lùng, vô cảm. Không có tình, chúng ta chỉ còn là những con robot thông minh.

Chỉ có bậc thánh nhân mới quên được tình, và chỉ có người ngu mới không biết đến tình. Thánh nhân thì vong tình, ngu phu thì vô tình. Bọn chúng ta mang một trái tim biết thương yêu, buồn vui, hờn giận ắt hẳn không thể đạt đến cảnh giới vong tình, nhưng cũng không thể là những kẻ hờ hững vô tình. Nên suốt đời cứ mãi vì một chữ tình mà đắm chìm giữa cõi trăm năm. Và chính nhờ sự đắm chìm đó mà thế giới mới được là thế giới.

Thế giới tồn tại được là nhờ chữ tình, nhưng trở nên đẹp là nhờ chữ tài. Thiên nhiên hầu như chỉ ban tặng cho con người những vật liệu thô, và con người dùng tài năng để biến những vật liệu thô đó thành tác phẩm nghệ thuật, như một tặng vật trao lại thiên nhiên để điểm tô càn khôn thêm muôn ngàn vẻ đẹp đôi khi muốn vượt cả hóa công.

164.

Khổng Tử sinh ở Sơn Đông nước Lỗ, Đông là phương sống. Cho nên lễ nhạc văn chương, đạo lý đó từ không mà thành có; Thích Ca sinh ở Tây phương, Tây là đất chết, cho nên thọ tưởng hành thức, lời giáo hóa từ có hóa thành không.

孔子生於東魯，東者生方。故禮樂文章，其道皆自無而有。釋迦生於西方，西者死地。故受想行識，其教皆自有而無。

Khổng Tử sinh ư Đông Lỗ, đông giả sinh phương. Cố lễ nhạc văn chương, kỳ đạo giai tự vô nhi hữu. Thích Ca sinh ư Tây phương, tây giả tử địa. Cố thụ tướng hành thức, kỳ giáo giai tự hữu nhi vô.

NHÀN ĐÀM

Trương Triều giải thích Nho, Phật theo quan niệm ngũ hành truyền thống của người Trung Quốc. Đông thuộc mùa xuân, tây thuộc mùa thu. Vào mùa xuân thì hoa lá tốt tươi, cây cối đâm chồi nảy lộc, trời đất tràn trề sinh khí, nên phương Đông là phương sống. Sang mùa thu thì cảnh vật tiêu điều, hoa lá tàn tạ, trời đất hắt hiu, nên phương Đông là đất chết.

Dùng thi ca, văn chương để mở rộng kiến thức, hàm dưỡng tâm linh, và dùng lễ để ước thúc con người, đó là cách giáo hóa “*bác văn, ước lễ*” của Nho giáo. Theo Trương Triều, Nho giáo phát triển thành dòng tư tưởng chủ lưu của Trung Quốc, nên gọi đó là “từ không mà thành có”.

Ngũ uẩn (sắc, thụ, tưởng, hành, thức) chính là 5 yếu tố tích tụ lại mà tạo ra xác thân con người. *Sắc* là hình thể, *thụ* là cái mình cảm nhận, *tưởng* là tư tưởng, *hành* là hành động, hành vi, *thức* là tri thức, sự hiểu biết. Đây là các khái niệm cơ bản trong giáo lý Phật giáo. Theo Trương Triều, giáo lý Phật giáo sẽ dần suy vi, nên gọi đó là “từ có hóa thành không”.

Trương Triều không phải là nhà tư tưởng, nên những nhận định này không được chuẩn xác. Trong lịch sử Trung Quốc, Nho hay Phật cũng đều trải qua những giai đoạn suy vi, hưng thịnh theo lẽ tự nhiên.

165.

*Có non xanh rồi mới có nước biếc, nước mượn sắc ở non;
có rượu ngon rồi mới có thơ hay, thơ mượn thần ở rượu.*

有青山方有綠水，水惟借色於山；有美酒便有佳詩，詩亦乞靈於酒。

Hữu thanh sơn phương hữu lục thủy, thủy duy tá sắc ư sơn; hữu mỹ tửu tiện hữu giai thi, thi diệc khát linh ư tửu.

NHÀN ĐÀM

Thơ hay không hẳn phải cần đến rượu, thuốc lá và cà-phê cũng trợ hứng được cho thơ. Rượu không chỉ trợ hứng cho thơ, mà còn trợ hứng cho tiếng đàn, câu hát.

166.

*Nghiêm Quân Bình dùng việc bói toán mà giảng học,
Tôn Tư Mạo dùng nghề thuốc mà giảng học, Chu Cát Vỹ
Hầu dùng việc ra quân mà giảng học.*

嚴君平，以卜講學者也；孫思邈，以醫講學者也；諸葛武侯，以出師講學者也。

Nghiêm Quân Bình dĩ bốc giảng học giả dã, Tôn Tư Mạc dĩ y giảng học giả dã, Chư Cát Vô Hâu dĩ xuất sư giảng học giả dã.

NHÀN ĐÀM

Nghiêm Quân Bình là nhà tư tưởng, và là đạo gia lỗi lạc thời Tây Hán, tên là Tôn. Người đất Thành Đô, Ba thực. Đời Hán Thành Đế (32-7 trước C.N), ông ẩn cư chốn kinh sư, lấy nghề bói toán mưu sinh. Mỗi ngày được 100 tiền đủ để sống thì đóng cửa đọc sách Lão Trang, suốt đời không làm quan, viết sách hơn mười vạn lời, được học giả đương thời vô cùng kính trọng.

Tôn Tư Mạc (581 – 682). người đời Tùy - Đường, đất Hoa Nguyên. Ông là một trong những danh y vĩ đại của Trung Quốc, tinh thông Bách gia chư tử, sành học thuyết Lão trang và thuật số, được đời sau tôn xưng là Dược vương. Các vua Tùy Văn Đế và Đường Thái tông nhiều lần hạ chiếu mời ông ra làm quan nhưng ông đều cáo từ trở về ẩn cư ở núi Thái Bạch. Ông có sách *Thiên Kim Yếu Phương* lưu truyền ở đời.

Gia Cát Vô Hâu tức Khổng Minh, thừa tướng đời Hậu Hán, có công giúp Lưu Bị trừng hưng Hán thất. Tài quân sự của ông được thêu dệt thành nhiều giai thoại. Người dân Trung Quốc xem ông như thần thánh. Tác phẩm *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa* khắc họa ông thành

một nhân vật tài trí lỗi lạc, pha lẫn đôi chút huyền bí.

Bậc giảng học chân chính đâu cần đến nghi thức của học đường, mà có thể vận dụng mọi “*phương tiện thiện xảo*” để truyền đạt kiến thức và đạo lý. Ta có thể nói thêm: Mễ Phí dùng đá để giảng học, Dữ Khả dùng hội họa để giảng học, Sư Khoáng dùng âm nhạc để giảng học.

167.

Loài người thì nữ đẹp hơn nam, loài cầm thì trống đẹp hơn mái, loài thú thì đực cái chẳng phân.

人則女美于男，禽則雄華于雌，獸則牝牡無分者也。

Nhân tắc nữ mỹ vu nam, cầm tắc hùng hoa vu thụ, thú tắc tẫn mẫu vô phân dã.

NHÀN ĐÀM

Một nhận xét tinh tế!

168.

Gương chẳng may gặp phải người đàn bà xấu, nghiên mực chẳng may gặp phải tục tử, kiếm chẳng may gặp phải vị tướng tồi, đều là những chuyện chẳng ra sao.

鏡不幸而遇嫖母，硯不幸而遇俗子，劍不幸而遇庸將，皆無可奈何之事。

Kính bất hạnh nhi ngộ Mạc Mẫu, nghiêng bất hạnh nhi ngộ tục tử, kiếm bất hạnh nhi ngộ dung tướng, giai vô khả nại hà chi sự.

NHÀN ĐÀM

Mạc Mẫu là vợ của hoàng Đế, ông vua thần thoại của Trung Quốc, rất xấu xí.

Cây đàn hay nằm trong tay kẻ chơi tồi, dàn âm thanh quý giá dùng để nghe nhạc ba xu, tài tử lâm cảnh khốn cùng, hồng nhan luân lạc phong trần cũng “đều là những chuyện chẳng ra sao.”

169.

Thiên hạ không có sách thì thôi, đã có tất phải đọc; không có rượu thì thôi, đã có tất phải uống; không có danh sơn thì thôi, đã có tất phải tới chơi; không có hoa có trăng thì thôi, đã có tất phải thưởng ngoạn; không có tài tử giai nhân thì thôi, đã có tất phải mến yêu luyện tiếu.

天下無書則已，有則必當讀；無酒則已，有則必當飲；無名山則已，有則必當遊；無花月則已，有則必當賞玩；無才子佳人則已，有則必當愛慕憐惜。

Thiên hạ vô thư tắc dĩ, hữu tắc tất đương độc; vô tửu tắc dĩ, hữu tắc tất đương ẩm; vô danh sơn tắc dĩ, hữu tắc tất đương du; vô hoa nguyệt tắc dĩ, hữu tắc tất đương thưởng ngoạn; vô tài tử giai nhân tắc dĩ, hữu tắc tất đương ái mộ lân tích.

NHÀN ĐÀM

Nhiên!

170.

Trùng mùa thu, chim mùa xuân còn biết hòa thanh uốn lượn, cất những tiếng hay; bọn ta trau chuốt bút lông, sao lại cam chịu làm quạ kêu, trâu rống?

秋蟲春鳥，尚能調聲弄舌，時吐好音。我輩搦管拈毫，豈可甘作鴉鳴牛喘？

Thu trùng xuân điểu, thượng năng điều thanh lộng thiết, thời thổ hảo âm. Ngã bối nạch quản niêm hào, khởi khả cam tác nha minh ngư suyễn!

NHÀN ĐÀM

Nghe Vĩnh Thanh 倪永清 bình một câu hay tuyệt:

Người đời đều cho tiếng quạ kêu trâu rống là phượng hát loan ca, biết phải làm sao? (Thế giai dĩ nha minh ngư suyễn vi phượng ca loan

xướng, nại hà? 世皆以鴉鳴牛喘為鳳歌鸞
唱，奈何？)

Nhìn vào tình trạng văn nghệ hiện nay, đọc câu này
không khỏi thở dài cảm khái!

171.

*Người đàn bà xấu xí thô kệch không cho gương là kẻ
thù, vì xem nó là vật chết vô tri. Nếu như gương mà hiểu
biết tất đã bị đập vỡ tan tành rồi.*

媼顏陋質，不與鏡為仇者，亦以鏡為無知之死
物耳。使鏡而有知，必遭撲破矣。

Xi nhan lậu chất, bất dữ kính vi cừ giả, diệc dĩ kính
vi vô tri chi tử vật nhĩ. Sử kính nhi hữu tri, tất tao phác
phá hỹ.

NHÀN ĐÀM

Trương Trúc Pha bình rất lý thú:

*Gương mà hiểu biết ắt sẽ biến người phụ nữ xấu
thành tỳ thiếp mất rồi. (Kính nhi hữu tri, tất
đương hóa xi vi phanh. 鏡而有知，必當化
媼為妍。)*

172.

“Công việc trong nhà, nhờ vào trăm điều nhẫn mà sống chung”, ngàn năm đều cho đó là câu nói hay. Đâu hay rằng phải nhẫn đến một trăm điều thì gia đình đó là nơi quá đổi khắc khe, cách biệt, không dễ gì mà kiếm được người giúp việc.

吾家公藝，恃百忍以同居，千古傳為美談。殊不知忍而至于百，則其家庭乖戾睽隔之處，正未易更僕數也。

Ngô gia công nghệ, thị bách nhẫn dĩ đồng cư, thiên cổ truyền vi mỹ đàm. Thù bát tri nhẫn nhi chí vu bách, tắc kỳ gia đình quai lệ khuê cách chi xứ, chánh vị dị canh bực số dã.

173.

Chín đời sống chung một nhà, thực là thịnh sự. Nhưng còn việc cắt thịt đùi để nuôi cha mẹ hoặc làm lều tranh ở bên mộ cha mẹ để trả hiếu thì chỉ nên coi là việc khó làm chứ không phải là phép tắc, vì nó trái với đạo trung dung.

九世同居，誠為盛事，然止當與割股廬墓者，作一例看，可以為難矣，不可以為法也，以其非中庸之道也。

Cửu thể đồng cú, thành vi thịnh sự, nhiên chỉ đương dữ cát cổ lục mộ giả, tác nhất lệ khan, khả dĩ vi nan hỹ, bất khả dĩ vi pháp dã, dĩ kỳ phi trung dung chi đạo dã.

174.

Phép làm văn: ý mà gầy gọn, nên dùng lời đơn giản để miêu tả; lý mà gầy gọn nên dùng ngọn bút gầy gọn để nổi lên; đầu đề mà cũ, nên đưa vào ý tưởng tân kỳ; đầu đề mà tầm thường, nên dùng lập luận quan hệ để đào sâu thêm. Còn đến chỗ bế tắc thì giản ra để thêm dài, chỗ rườm rà thì rút gọn để cho ngắn, chỗ què mùa thì dùng văn vẻ để thêm thanh nhã, chỗ ồn ào thì dùng yên lặng để thu nhiếp, đó đều là phép gia giảm thêm bớt.

作文之法：意之曲折者，宜寫之以顯淺之詞；理之顯淺者，宜運之以曲折之筆；題之熟者，參之以新奇之想；題之庸者，深之以關繫之論。至于窘者舒之使長，縛者刪之使簡，俚者文之使雅，鬧者攝之使靜，皆所謂裁制也。

Tác văn chi pháp: ý chi khúc chiết giả, nghi tả chi dĩ hiển thiển chi từ; lý chi hiển thiển giả, nghi vận chi dĩ khúc chiết chi bút; đề chi thực giả, tham chi dĩ tân kỳ chi tưởng; đề chi dung giả, thâm chi dĩ quan hệ chi luận. Chí vu quần giả thư chi sử trường, nhục giả san chi sử giản, lý giả văn chi sử nhã, náo giả nhiếp chi sử tĩnh, giai sở vi tài chế dã.

NHÀN ĐÀM

Đây là phép viết văn, kẻ cầm bút đều hiểu điều này.

175.

Măng tre là vật quý trong loài rau, trái vải là vật quý trong loài trái cây, cua là vật quý trong loài thủy tộc, rượu là vật quý trong chuyện ẩm thực, trăng là vật quý trong thiên văn, Tây Hồ là vật quý trong sơn thủy, từ khúc là vật quý trong văn chương.

筍為蔬中尤物，荔枝為果中尤物，蟹為水族中尤物，酒為飲食中尤物，月為天文中尤物，西湖為山水中尤物，詞曲為文字中尤物。

Đuẩn vi sơ trung vũu vật, lệ chi vi quả trung vũu vật, giải vi thủy tộc trung vũu vật, tửu vi ẩm thực trung vũu vật, nguyệt vi thiên văn trung vũu vật, Tây Hồ vi sơn thủy trung vũu vật, từ khúc vi văn tự trung vũu vật.

NHÀN ĐÀM

Trong câu này, tôi chỉ “chịu” mỗi hai ý “rượu là vật quý trong chuyện ẩm thực” và “trăng là vật quý trong thiên văn”. Rượu đúng là vũu vật trong làng ẩm thực, còn trăng là vật chí bảo của thiên văn.

“Cua là vật quý trong loài thủy tộc” có lẽ là đúng với người Trung Quốc. Còn người mê cua nhất thiên hạ phải

nói đến Lý Lạp Ông (1610 – 1680), là nhà văn và nhà viết hý kịch lỗi lạc thời Minh mạt. Ông xem cua là món thượng phẩm trong loài thủy tộc vì có đủ ba đặc điểm: sắc, hương và vị.

Trương Trào không ra khỏi đất nước Trung Quốc nên về sơn thủy chỉ biết có Tây Hồ. Đâu cần đâu xa, động Phong Nha ở Quảng Bình, vịnh Hạ Long ở Quảng Ninh, động Tam Cốc ở Ninh Bình của Việt Nam ta cũng đáng gọi là vưu vật trong sơn thủy.

Còn vật quý trong văn chương thì tôi cho rằng không gì bằng thơ lục bát Việt Nam.

176.

Mua được một chậu hoa đẹp, còn biết nâng niu thương tiếc, huống gì là cánh hoa biết nói!

買得一本好花，猶且愛護而憐惜之，矧其為解語花乎！

Mãi đặc nhất bản hảo hoa, do thư ái lân nhi hộ tích chi, thần kỳ vi giải ngữ hoa hồ!

NHÀN ĐÀM

Nhưng *hoa biết nói* thường đem lại cho ta lắm điều phiền não!

177.

Nhìn chân tay diện mạo một người đủ biết người đó nhã hay tục, giao du ra sao.

觀手中便面，足以知其人之雅俗，足以識其人之交遊。

Quán thủ trung tiện diện, túc dĩ tri kỳ nhân chi nhã tục, túc dĩ thức kỳ nhân chi giao du.

NHÀN ĐÀM

Tục ngữ ta có câu: “giàu đôi con mắt, khó hai bàn tay”. Câu này thường được giải thích bằng đủ cách, nhưng ý nghĩa bốn chữ “khó hai bàn tay” rất gần với câu nói của Trương Trào. Nhìn diện mạo và đôi bàn tay của một người, ta cũng biết được phần nào người đó thanh hay tục. Có những đại gia giàu có loại tầm cỡ nhưng nhìn diện mạo và đôi tay của họ, ta vẫn thấy là người hèn mọn, dung tục. Có những người “gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung” thôi nhưng nhìn diện mạo và đôi tay, ta vẫn nhận ra phong thái của một kẻ thượng lưu thanh nhã.

178.

Nước là nơi những thứ nhơ bẩn nhất tập trung về, lửa là chỗ những thứ nhơ bẩn nhất không đến được, nhưng nếu biến cái nhơ bẩn thành cái thanh khiết nhất thì nước và lửa cũng như nhau.

水為至污之所會歸，火為至污之所不到，若變不潔為至潔，則水火皆然。

Thủy vi chí ô chi sở hội quy, hỏa vi chí ô chi sở bất đáo. Nhược biến bất khiết nhi vị chí khiết, tắc thủy hỏa giai nhiên.

NHÀN ĐÀM

Nước là nơi tập trung những thứ nhơ bẩn nhất, nhưng nước lại chuyển hóa những thứ nhơ bẩn đó thành thanh khiết, mà không bị bẩn theo. Nước ở đây, ta hãy hiểu là biển. Lửa là thứ thanh khiết nhất, vì nó hoàn toàn vô nhiễm đối với những vật nhơ bẩn, nhưng nó có thể chuyển hóa những thứ nhơ bẩn thành tro tàn thanh khiết.

Thủy hỏa là hai phạm trù đối lập, tương tranh, hủy diệt nhau. Nước là cái nhiễm ô nhất, lửa là thứ thanh khiết nhất, nhưng cả hai đều quy về một điểm là có thể chuyển hóa những thứ nhơ bẩn thành thanh khiết như nhau. Đó là một ý tưởng lạ lùng và kỳ diệu nhất mà Trương Trào phát hiện ra. Và đây là câu nói thâm thúy nhất trong *U Mộng Ảnh*.

179.

Có những gương mặt xấu mà dễ coi, có những gương mặt dù không xấu mà vẫn khó coi; văn chương có khi không thông suốt mà vẫn đáng yêu, có khi dù thông suốt mà đọc rất chán. Điều đó không dễ gì nói cho hạng nông cạn hiểu được.

貌有醜而可觀者，有雖不醜而不足觀者；文有不通而可愛者，有雖通而極可厭者。此未易與淺人道也。

Mạo hữu xú nhi khả quan giả, hữu tuy bất xú nhi bất túc quan giả, văn hữu bất thông nhi khả ái giả, hữu tuy thông nhi cực khả yếm giả. Thử vị dị dữ tiện nhân đạo dã.

NHÀN ĐÀM

“Điều đó không dễ gì nói cho hạng nông cạn hiểu được.”
Câu này đã nói lên được tất cả những gì cần nói. Và chúng ta, khi đọc xong, hãy im lặng mà thưởng thức ý vị của nó.

180.

Du ngoạn sơn thủy cũng phải có duyên. Nếu như cơ duyên chưa đến thì dù có cách vài chục dặm cũng không rồi mà đến được.

遊玩山水亦復有緣，苟機緣未至，則雖近在數十里之內，亦無暇到也。

Du ngoạn sơn thủy, diệp phục hữu duyên. Cầu cơ duyên vị chí, tắc tuy cận tại sở thập lý chi nội, diệp vô hạ đáo dã.

NHÀN ĐÀM

Đâu phải chỉ chuyện đi du lịch. Đọc sách, kết giao cùng bao nhiêu điều khác trong đời nếu không có cơ duyên cũng không sao thực hiện được.

181.

Nghèo mà không nịnh, giàu mà không kiêu, người xưa cho là hiền đức. Không kiêu với người nghèo, không xu nịnh kẻ giàu, người thời nay không có. Chừng đó cũng đủ để biết thói đời suy đồi.

貧而無諂，富而無驕，古人之所賢也；貧而無驕，富而無諂，今人之所少也。足以知世風之降矣。

Bần nhi vô siểm, phú nhi vô kiêu, cổ nhân chi sở hiền dã; bần nhi vô kiêu, phú nhi vô siểm, kim nhân chi sở thiếu dã. Túc dĩ tri thế phong chi giáng hỹ.

NHÀN ĐÀM

Sách Luận Ngữ ghi:

Tử Cống hỏi: “Nghèo mà không nịnh, giàu mà không kiêu, thì như thế nào?”. Khổng Tử đáp: “Cũng khá. Nhưng không bằng nghèo mà vui, giàu mà ham lẽ vậy.” (Tử Cống viết: “Bần nhi vô siểm, phú nhi vô kiêu, hà như?”) Tử viết: “Khả dã. Vị nhược bần nhi lạc, phú nhi hiếu lễ giả dã.” 子貢曰：「貧而無諂，富而無驕，何如？」子曰：「可也。未若貧而樂，富而好禮者也。」) (Học nhi, 15)

Trước đây tôi hiểu câu “bần nhi vô kiêu, phú nhi vô siểm” là “nghèo mà không kiêu. giàu mà không nịnh”, và cứ dịch như thế, nhưng trong lòng vẫn thấy lạ. Đã nghèo tất mặc cảm tự ty, lấy gì để mà kiêu ngạo? Đã giàu rồi thì còn cần xu nịnh ai? Đến khi đọc bài *Đệ Tử Quy* 弟子規 (những điều răn dạy con em), thấy câu “Vật siểm phú, vật kiêu bần, vật yếm cố, vật hỷ tân. 勿諂富，勿驕貧，勿厭故，勿喜新。” (Chớ nịnh kẻ giàu, chớ khinh người nghèo, chớ chán cái cũ, chớ vui cái mới) mới biết mình hiểu chưa đúng. “Bần nhi vô kiêu, phú nhi vô siểm” phải hiểu là “vật kiêu bần, vật siểm phú”.

182.

Người xưa muốn đọc sách mười năm, du ngoạn sơn thủy mười năm, kiểm điểm kinh nghiệm mười năm. Tôi cho rằng kiểm điểm kinh nghiệm không cần phải tới mười năm, chỉ

cần hai hay ba năm là đủ. Còn thời gian đọc sách hay du sơn ngoạn thủy cần phải tăng lên, e rằng cũng còn chưa thỏa mãn tâm nguyện. Có lẽ phải nó như Hoàng Cửu Yên tiên bối: “Đời người ắt phải tới ba trăm năm mới đủ chăng?”.

昔人欲以十年讀書，十年遊山，十年檢藏。予謂檢藏儘可不必十年，只二，三載足矣，若讀書與遊山，雖或相倍蓰，恐亦不足以償所願也，必也如黃九煙前輩之所云：「人生必三百歲而後可乎！」

Tích nhân dục dĩ thập niên đọc thư, thập niên du sơn, thập niên kiểm tàng. Dữ vị kiểm tàng tận khả bất tất thập niên, chỉ nhị tam tải túc hĩ. Nhược đọc thư dữ du sơn, tuy hoặc tương bội tử, khủng diệc bất túc dĩ thường sở nguyện dã. Tất dã như Hoàng Cửu Yên tiên bối chi sở vân “*Nhân sinh tất tam bách tuế*”, nhi hậu khả hồ!

NHÀN ĐÀM

Kẻ ham đọc sách thì đọc cả trăm năm cũng chưa thấy đủ. Kẻ ham du sơn ngoạn thủy thì có du ngoạn đến trăm năm vẫn còn thấy ít.

183.

Thà bị kẻ tiểu nhân mắng chửi, chứ không để người quân tử xem khinh; thà để quan giám khảo mù đánh rớt, chứ không để các bậc danh túc không biết đến mình.

寧為小人之所罵，毋為君子之所鄙；寧為盲主司之所擯棄，毋為諸名宿所不知。

Ninh vi tiểu nhân chi sở mạ, vô vi quân tử chi sở bỉ;
ninh vi manh chủ ty chi sở tẩn khí, vô vi chư danh túc chi
sở bất tri.

NHÀN ĐÀM

Một kẻ bị nhiều người ghét vị tất đã là người xấu.
Nhưng một kẻ bị nhiều người tốt ghét thì hiển nhiên kẻ
đó là người xấu.

Trương Trào, dù là tay tài tử, ở chỗ này cũng còn
chút tâm cầu danh. Các bậc danh túc cùng thời với ta
mà không biết đến ta thì cũng có sao đâu? Sao không bắt
chước như Khổng Tử “*Nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệc
quân tử hồ? 人不知而不慍, 不亦君子乎?*”

184.

*Ngạo cốt không nên thiếu, mà ngạo tâm thì không nên
có; không có ngạo cốt thì gần với hạng người thô lậu, mang
ngạo tâm thì không thể làm bậc quân tử.*

傲骨不可無，傲心不可有；無傲骨則近於鄙
夫，有傲心不得為君子。

Ngạo cốt bất khả vô, ngạo tâm bất khả hữu. Vô ngạo
cốt tắc cận ư bỉ phu, hữu ngạo tâm bất đắc vi quân tử.

NHÀN ĐÀM

Ngạo cốt là cốt cách kiêu ngạo, bất khuất; ngạo tâm là lòng kiêu ngạo. Ngạo cốt thuộc khí chất, ngạo tâm thuộc tâm tính. Không có ngạo cốt thì phong cách trở nên xoàng xĩnh, dễ biến thành tầm thường. Nhưng ngạo cốt của những kẻ có chân tài thực học là phong cách biểu hiện tự nhiên của tài hoa nội liễm, như con chim phượng tự nhiên nổi bật giữa đàn gà, nó hoàn toàn khác với cái gọi là “*ngạo cốt*” của những kẻ có đôi chút tài vật, nhưng lại thích làm ra vẻ khác người của những “*vĩ nhân tỉnh lẻ*”, mà ta thấy nhan nhản trong môi trường văn chương nghệ thuật.

Kẻ mang ngạo tâm thì luôn nghĩ mình cao hơn thiên hạ, dù đôi khi họ không biểu hiện cái ý tưởng đó ra bên ngoài. Ngẫm cho cùng, ngạo tâm cũng chỉ là một dạng *selfie* tinh thần đáng thương kiểu A.Q của hai hạng người. Hạng thứ nhất là những người học và biết chưa đến nơi đến chốn, luôn quanh quẩn trong cái ao làng theo kiểu “*ếch ngồi đáy giếng*”, không biết đến biển rộng sông dài. Trong hạng người đó không phải là không có những kẻ có tài, nhưng cái tài đó cũng giống như Hà Bá trong chương *Thu Thủy* của *Nam Hoa Kinh*, hay Bạch Tị Tị trong *Hiệp Khách Hành* của Kim Dung. Ta thử đọc chơi một đoạn trong chương *Thu Thủy*:

Nước thu khi mùa đến, trăm rạch đổ vào sông.
Dòng chảy rộng đến mức khoảng giữa hai bờ
không sao phân biệt được trâu với ngựa. Lúc

đó, Hà Bá khắp khởi mừng thầm, cho rằng cái đẹp trong thiên hạ ở cả nơi mình. Thuận dòng chảy về Đông, tới biển Bắc, ngoảnh lại hướng Đông, không thấy đâu là nguồn nước. Lúc đó, Hà Bá mới quay mặt sang Thần Nhược [thần Biển] mà nói:

– Lời quê có câu: *“Nghe đạo được một trăm, đã cho rằng không ai bằng mình.”*, lời đó là nói hạng người như tôi vậy. Vả lại, tôi thường nghe người ta xem cái học của Trọng Ni là ít, coi cái nghĩa của Bá Di là nhẹ, thoát đầu tôi không tin; nay tôi thấy được chỗ không cùng của ngài, nếu tôi không đến cửa ngài thì nguy vậy, các nhà đại phương ắt sẽ cười dài tôi mất.

(Thu thủy thời chí, bách xuyên quán hà, kinh lưu chi đại, lưỡng sĩ chữ nhai chi gian, bất biện ngưu mã. Ứ thị yên Hà Bá hân nhiên tự hỷ, dĩ thiên hạ chi mỹ vi tận tại kỷ. Thuận lưu nhi đông hành, chí ư Bắc Hải, đông diện nhi thị, bất kiến thủy đoan. Ứ thị yên Hà Bá thủy toàn kỳ diện mục, vọng dương hướng Nhược nhi thán, viết:

– Dã ngữ hữu chi viết: *“Văn đạo bách, dĩ vi mạc kỷ nhược”* giả, ngã chi vị dã. Thả phù, ngã thường văn thiếu Trọng Ni chi văn nhi khinh Bá Di chi nghĩa giả, thủy ngô phát tín, kim ngã đồ tử chi nan cùng dã, ngô phi chí ư tử chi môn tắc đãi hỷ, ngô trường kiến tiểu ư đại phương chi gia.” 秋水時至，百

川灌河，涇流之大，兩涘渚崖之間，不辯牛馬。於是焉河伯欣然自喜，以天下之美為盡在己。順流而東行，至於北海，東面而視，不見水端，於是焉河伯始旋其面目，望洋向若而歎，曰：「野語有之曰『聞道百，以為莫己若』者，我之謂也。且夫我嘗聞少仲尼之聞而輕伯夷之義者，始吾弗信，今我睹子之難窮也，吾非至於子之門則殆矣，吾長見笑於大方之家。」)

Được như Hà Bá còn hay, nhiều khi cả loài bống, mại sống trong ao tù nước đọng nhưng đôi khi vẫn mang ngạo tâm, vẫn cứ tự cho mình là kinh ngư và “dĩ thiên hạ chi mỹ vi tận tại kỷ.”

Hạng thứ hai là những người mang tâm lý tự ty mặc cảm vì cứ sợ người khác xem thường mình, theo kiểu Nam Hải Ngạc Thần trong *Thiên Long Bát Bộ*.

Chỉ những kẻ có cơ duyên đến được cửa thần Nhượng, như Hà Bá, mới ngộ được sự nhỏ bé của mình trước những cảnh giới bao la vô biên tế. Nhưng dấu là kẻ có tài năng lỗi lạc mà mang ngạo tâm cũng là đã đánh mất đi đức tính khiêm hư của người quân tử. Bình rỗng không mới chứa được nước, tâm khiêm hư mới tiếp thu được đạo. Chỉ khi nào ngộ được lẽ “*Thiên ngoại hữu thiên, nhân thượng hữu nhân*” thì mới có được tâm khiêm hư.

185.

Con ve là Di, Tê trong loài trùng; con ong là Quản, Yến trong loài trùng.

蟬為蟲中之夷齊，蜂為蟲中之管晏。

Thiên vi trùng trung chi Di Tê, phong vi trùng trung chi Quản Yến.

NHÀN ĐÀM

Di Tê tức Bá Di và Thúc Tề, hai ẩn sĩ nổi tiếng đời Chu. Hai ông can Võ Vương đừng đánh Trụ mà không được, nên sau Võ Vương tiêu diệt được Trụ, lập nên nhà Chu, hai ông thể suốt đời không ăn thóc nhà Chu, bỏ lên núi ở ẩn. Hai ông tượng trưng cho phẩm cách thanh cao trong lịch sử Trung Quốc thời viễn cổ.

Quản Yến tức Quản Trọng và Yến Anh, hai vị tể tướng lỗi lạc thời Chiến Quốc, giúp nước Tề lập được nghiệp bá.

Trong loài trùng, sánh với con ve tức là nói đến sự thanh khiết, mà so với con ong tức là nói đến đức cần cù.

Người Trung Quốc xưa kia xem con ve như là biểu tượng của sự thanh cao, bởi ve đậu thì chỉ chọn cành cao, ăn thì chỉ là ăn gió uống sương, không ăn những loại thực phẩm như con người, giống như những người thoát tục, theo đạo tu tiên. Bởi vậy, tính cách của ve được dùng để biểu hiện cho

phẩm hạnh cao khiết của con người. Ngu Thế Nam 虞世南 (558 – 638), nhà chính trị và nhà thơ nổi tiếng đời Đường, có bài *Thiễn* (con ve) với hai câu: “*Cư cao thanh tự viễn, Phi thị tạ thu phong.* 居高聲自遠, 非是借秋風。” Ý nói con ve ở trên cao nên tiếng ngâm của nó tự nhiên vang xa, chứ không phải là nương nhờ gió thu đưa đi.

186.

Nào “si mê”, nào “ngu dốt”, nào “vụng về”, nào “cuồng phóng” đều là những chữ không tốt đẹp, nhưng ai cũng đều vui dùng điều đó; nhưng nào “gian xảo”, nào “quỷ quyết”, nào “gượng gạo”, nào “nịnh hót” lại chẳng ai thích dùng điều đó; có sao vậy?

曰「癡」，曰「愚」，曰「拙」，曰「狂」，皆非好字面，而人每樂居之。曰「奸」，曰「黠」，曰「強」，曰「佞」反是，而人每不樂居之。何也？

Viết “si”, viết “ngu”, viết “chuyết”, viết “cuồng”, giai phi hảo tự diện, nhi nhân mỗi lạc cư chi. Viết “gian”, viết “hiệt”, viết “cưỡng”, viết “nịnh” phản thị, nhi nhân mỗi bất lạc cư chi. Hà dã?

NHÀN ĐÀM

Si, ngu, cuồng, chuyết thường được người xưa dùng làm danh hiệu, tên tự hoặc nói nhún về mình. Khi nói

chuyện với người lớn tuổi thì tự xưng một cách khiêm tốn là *ngu đê, ngu muội*; với người nhỏ tuổi thì tự xưng là *ngu huynh, ngu tỷ*; chồng nói về vợ mình thì gọi là *chuyết kinh, chuyết thê* (người vợ vụng về), vợ nói về chồng mình thì gọi là *chuyết phu* (người chồng vụng về); nói về tác phẩm của mình thì gọi là *chuyết tác* v.v... Ngay cả ông vua đứng đầu thiên hạ mà cũng tự xưng là *cô* hoặc *quả nhân*, có nghĩa là người ít tài, kém đức.

Sống trong đời, ta thường ít thích giao du với những người quá khôn ngoan, lanh lẹ. Họ làm ta thấy bất an và phải lo đề phòng. Nhất là đối với những kẻ ưa phô trương cái ranh ma xảo quyệt để lấn lướt người, và cứ tự mãn đó là sự thông minh, thì ta lại càng nên xa lánh. Người phương Tây thường nói “*Do not be too smart!*” (Đừng có tinh ranh quá!) Người tinh ranh quá, ai cũng ngại giao du. Chính những người *si, ngu, cuồng, chuyết* mới đem lại cho ta cảm giác ấm áp, thân thiện và gần gũi trong mỗi giao tình. Các bậc thức giả sống gần với chân tính thì thường *si, ngu, cuồng, chuyết*. *Si* như Uyên Minh si mê cúc, như Liêm Khê si mê sen, như Mễ Phi si mê đá, v.v...; *ngu* như Lão Tử “*ngã ngu nhân chi tâm dã tai*”; *cuồng* như Sở Cuồng Tiếp Dư, *chuyết* như người Trung Quốc thường nói:

*Thà để người đời cười mình vụng về, còn hơn để
bậc quân tử ghét mình khéo léo. (Ninh vi thế
nhân tiếu kỳ chuyết, vật vi quân tử bệnh kỳ xảo.
寧為世人笑其拙，勿為君子病其巧。)*

Trương Đại 張岱 đời Minh, trong cuốn Đào Am
Mộng Ưc 陶庵夢憶, nói một câu vô cùng thâm thúy:

*Người mà không có lắm lỗi thì không thể kết
giao, vì không có thâm tình; người mà không
có tỳ vết, cũng không thể kết giao vì không có
chân khí. (Nhân vô tích, bất khả dĩ giao, dĩ kỳ
vô thâm tình dã; nhân vô tỳ, bất khả dĩ giao,
dĩ kỳ vô chân khí dã. (人無癖，不可與交，
以其無深情也；人無疵，不可與交，以
其無真氣也。)*

Ta thử quan sát trong thiên nhiên. Nơi nào dòng
nước trong quá thì không có là tôm cá nào dám sống.
Cá phải sống nơi có chút bùn đục, có chút rong rêu.
Con người cũng vậy, hễ sống quá kỹ lưỡng thì không
ai dám giao du. Con người bình thường thì phải có
khuyết điểm, phải có sai lầm, phải một một vài nét
xấu, nếu hoàn hảo quá, toàn mỹ quá thì người đó
không còn là con người nữa, mà là một... ông thánh!
Vì đã là người thì phải “*nhân vô thập toàn*”. Đến cả ông
Trời còn “*tạo hóa đố toàn*” (tạo hóa ganh ghét điều
toàn mỹ) nữa là.

Thiên lâm có một câu chuyện thú vị.

Tại Đông Kinh, thời Minh Trị Thiên Hoàng, có hai vị
cao tăng, tính cách trái ngược hẳn nhau. Một vị là Unshō
(Vân Chiếu 雲照, 1827 – 1909), là một pháp sư Chân
Ngôn tông (Shingon), giữ giới luật rất nghiêm túc. Ông
không bao giờ uống rượu và chỉ ăn trước giờ Ngọ. Vị kia là

Hara Tanzan (Nguyên Thản Sơn 原坦山, 1819 – 1892) dạy triết tại Đại học Hoàng gia, lại chẳng hề giữ giới luật. Khi nào thích ăn thì ông ăn, giữa ban ngày mà thích ngủ thì ông ngủ.

Một hôm Unshō đến viếng Tanzan, và thấy ông này đang uống rượu, là thứ mà tu sĩ Phật giáo không được đụng đến, dù một giọt.

Tanzan lên tiếng:

– Chào sư huynh. Xin huynh uống cùng tôi nhé!

Unshō nghiêm khắc nói:

– Tôi không bao giờ uống rượu!

Tanzan nói

– Ai mà không uống rượu thì chẳng phải là con người.

Unshō giận dữ lên tiếng:

– Sư huynh gọi tôi không phải là con người chỉ vì tôi không đắm chìm trong rượu ư? Nếu không phải là con người, vậy tôi là gì chứ?

Tanzan trả lời:

– Một ông Phật.

(theo <http://www.101zenstories.org/tag/tanzan/>)

Câu trả lời của Tanzan thật tuyệt.

187.

Thời Đường Ngu, âm nhạc có thể làm cảm động đến cả cầm thú, bởi vì là đó là cầm thú thời Đường Ngu, nên mới cảm động. Nếu là cầm thú đời sau, chỉ e không chắc gì được vậy.

唐虞之際，音樂可感鳥獸，此蓋唐虞之鳥獸，故可感耳。若後世之鳥獸，恐未必然。

Đường Ngu chi tế, âm nhạc khả cảm điều thú, thử cái Đường Ngu chi điều thú, cố khả cảm nhĩ. Nhược hậu thế chi điều thú, khủng vị tất nhiên.

NHÀN ĐÀM

Đời Đường Ngu là triều đại của vua Thuấn, một ông vua huyền thoại của Trung Quốc, được xem là thời thiên hạ thái bình thịnh trị.

Giới cai trị mà liêm từ, hữu đức thì cảnh thái bình trong xã hội có thể cảm nhiễm đến cả loài cầm thú. Tôi tin điều đó. Trong một xã hội độc tài thì giới cai trị thường xảo trá, bất lương, nên con người trở nên hung hãn, điều đó còn tác động cả đến loài cầm thú. Cứ nhìn đạo đức của một xã hội thì phần nào cũng hiểu được bản chất của chế độ và đạo đức của giới cầm quyền.

188.

Đau chịu được chứ ngứa không chịu được; đắng chịu nổi chứ cay không chịu nổi.

痛可忍，而癢不可忍；苦可耐，而酸不可耐。

Thống khả nhẫn, nhi dưỡng bất khả nhẫn; khổ khả nại, nhi toan bất khả nại.

NHÀN ĐÀM

Tục ngữ có câu “ngứa ghê, hờn ghen” để chỉ hai thứ khó chịu nhất đời!

189.

Bóng trong gương làm rõ hình sắc nhân vật, bóng dưới trăng tả được thần thái nhân vật. Bóng trong gương như bức tranh rõ viền nét, bóng dưới trăng như bức tranh không viền nét. Bóng sông núi trong vùng trăng là địa lý trong thiên văn, hình tượng trăng sao trên sông nước là thiên văn trong địa lý.

鏡中之影，著色人物也；月下之影，寫意人物也。鏡中之影，鉤邊畫也；月下之影，沒骨畫也。月中山河之影，天文地理也；水中星月之象，地理天文也。

Kính trung chi ảnh, trước sắc nhân vật dã; nguyệt hạ chi ảnh, tả ý nhân vật dã. Kính trung chi ảnh, câu biên họa dã; nguyệt hạ chi ảnh, một cốt họa dã. Nguyệt trung sơn hà chi ảnh, thiên văn trung địa lý dã; thủy trung tinh nguyệt chi tượng, địa lý trung thiên văn dã.

NHÀN ĐÀM

Trước sắc là cách vẽ nhân vật giống như thực. *Tả ý* là một dạng ký họa, dùng một vài nét đơn giản để lột tả thần thái của nhân vật theo ý của người vẽ.

Trong kỹ thuật hội họa Trung Quốc, *cốt* – nghĩa đen là xương – là nét vẽ một đối tượng bằng bút mực. Cách vẽ đối tượng có đường viền gọi là *cốt pháp*, còn cách dùng mực tô màu để vẽ đối tượng gọi là *một cốt pháp* hay *vô cốt pháp*. Các bức tranh sơn thủy, hoa điều của Trung Quốc cổ đại đều được vẽ theo lối một cốt pháp.

Câu biên họa là bức tranh vẽ theo cốt pháp, *một cốt họa* là bức tranh vẽ theo một cốt pháp.

Bóng trong gương như bức ảnh chụp chân dung, đường nét rõ ràng, đó là bức tranh theo họa pháp câu biên. Bóng dưới trăng mờ ảo, tựa bức ký họa chân dung, đường nét mơ hồ, đó là bức tranh theo họa pháp một cốt.

Dùng hình ảnh lấp mô trên mặt trăng và bóng trăng soi trong nước để diễn tả ý tưởng địa lý trong thiên văn và thiên văn trong địa lý, chỉ có Trương Trào mới nghĩ ra được!

190.

Có đọc được cuốn sách không chữ mới có những câu nói tuyệt diệu kinh nhân, có thông được những điều khó hiểu mới tham ngộ được thiền cơ tối thượng.

能讀無字之書方可得驚人妙句；能會難通之解，方可參最上禪機。

Năng đọc vô tự chi thư phương khả đắc kinh nhân diệu cú, năng hội nan thông chi giải phương khả tham tối thượng thiền cơ.

NHÀN ĐÀM

“Thư bất tận ngôn. Ngôn bất tận ý.” Sách không thể nói hết lời, lời không thể nói hết ý. Cho nên đọc sách phải hiểu được cái được ý chỉ *“huyền ngoại chi âm”* (âm thanh ngoài dây đàn) và *“ý tại ngôn ngoại”* (ý ở ngoài lời) mới là điểm tinh yếu của việc đọc sách.

Đạo có khi càng nói lại càng trở nên mờ tối. Để hiểu được diệu lý, chúng ta phải – như thi hào Nguyễn Du – đọc được cuốn kinh không chữ.

Ngã độc Kim Cương thiên biến linh

Kỳ trung áo chỉ đa bất minh

Cập đáo Phân Kinh Thạch Đài hạ

Tài tri vô tự thị chân kinh.

我讀金剛千遍零，
其中奧旨多不明。
及到分經石臺下，
終知無字是真經。

*Kim Cương, ta đọc ngàn lần
Ý kinh uyên áo vạn phần cao xa.
Đến Thạch đài, bỗng ngộ ra,
Kinh không chữ mới thật là chân kinh.*

Đọc kinh hơn một ngàn lần, bỗng đến một ngày giờ trang kinh ra, thấy kinh không còn một chữ, và hoát nhiên đại ngộ “*vô tự thị chân kinh*”! Ngôn ngữ thù thắng của *Truyện Kiều* xuất phát từ cảnh giới “*vô tự chân kinh*” bất khả tư nghì đó, nên lời thơ toàn là những “*diệu cú kinh nhân*”. Đó là cảnh giới mà nhà thơ Bùi Giáng cho rằng phải đọc truyện *Kiều* cho đến khi:

*... chỉ còn thấy nguyên một vùng Thiên Nhiên
Thành Tượng man mác khắp mọi nơi, hiện diện
thấy thấy, đổ ra làm phong cảnh phiêu bồng,
trút vào làm cảnh phong du hý, tỏa ra bốn phía
làm Tam Muội Thượng Thừa thì lúc bấy giờ bất
thình lình thấy ra cội miền riêng biệt thù thắng
... (Lễ Hội Tháng Ba, tr.221, nxb Một Hòm
Sa Mạc, Sài Gòn, 1972).*

Điều đó hoàn toàn nằm ngoài sự thể hội của các ông giáo sư học giả hồ đồ, cứ hì hục đem mớ kiến thức từ

chương khệnh khạng hạ thừa để bắt bẻ và phê phán ngôn ngữ thượng thừa. Mà thể hội được ngôn ngữ thượng thừa của các bậc chân nhân tức cũng là “*năng hội nan thông chi giải*”, nên có thể tham ngộ được “*tối thượng thiên cơ*”.

191.

Nếu không có thơ rượu thì sơn thủy cũng chỉ là vẻ đẹp suông, không có giai nhân thì trăng hoa cũng chỉ bày ra cho uống phí.

若無詩酒，則山水為具文；若無佳麗，則花月皆虛設。

Nhược vô thi tửu, tắc sơn thủy vi cụ văn, nhược vô giai lệ, tắc hoa nguyệt giai hư thiết.

NHÀN ĐÀM

Không có thơ, rượu làm bầu bạn thì sơn thủy cũng mất đi vẻ hữu tình. Không có giai nhân cận kề đối ẩm để khán hoa, thưởng nguyệt thì hoa thiếu đi vẻ thắm tươi, trăng cũng phai nhạt nét lung linh mà người đẹp cũng mất đi phần huyền ảo.

Mất Viên Tính, người hùng Hồ Phi chỉ còn là kẻ cô đơn giữa sa mạc cuộc đời; Tiêu Phong thiếu A Châu phải sống trong tâm sự ngậm ngùi khôn tả. Lệnh Hồ Xung mà không có Nhậm Doanh Doanh thì khúc *Tiểu Ngạo Giang Hồ* sẽ tẻ nhạt khôn cùng.

Tài tử mà lại xinh đẹp, giai nhân mà lại biết làm thơ văn thì không thể nào thọ được. Không phải chỉ vì Tạo vật đố kỵ, mà còn vì hạng người đó không chỉ là vật báu một thời mà là vật báu của vạn đời, cho nên không thể lưu lại lâu trên cõi thế mà hóa ra nhàm.

才子而美姿容，佳人而工著作，斷不能永年者。匪獨為造物之所忌，蓋此種原不獨為一時之寶，乃古今萬世之寶，故不欲久留人世，以取褻耳。

Tài tử nhi mỹ tư dung, giai nhân nhi công trước tác, đoạn bất năng vĩnh niên giả. Phi độc vị tạo vật chi sở kỵ, cái thử chủng nguyên bất độc vi nhất thời chi bảo, nãi cổ kim vạn thế chi bảo, cố bất dục cửu lưu nhân thế, dĩ thủ tiết nhĩ.

NHÀN ĐÀM

Lý Bạch là thi tiên, Lý Hạ là thi quý. Một tiên, một quý trong thơ đã làm kinh động cả cõi Đường thi. Thơ của Lý Bạch thì phiêu dật phóng túng, ngạo khí lãng vãng; thơ của Lý Hạ thì ly kỳ quái đản, cảnh tượng kinh người. Nghiêm Thương Lãng bình thơ Lý Hạ, nói:

Lý Bạch là tiên tài, Lý Hạ là quý tài. Nhưng thơ của tiên, của quý đều không nên xem nhiều.

Xem nhiều thì tiên không còn làm người ta kính, mà quỷ cũng không còn làm người ta sợ. (Lý Bạch tiên tài, Lý Trường Cát quỷ tài. Nhiên tiên thi, quỷ thi giai bất kham đa kiến. Đa kiến tắc tiên diệc sử nhân bất kính, quỷ diệc sử nhân bất kinh. 李白仙才, 李長吉鬼才。然仙詩鬼詩皆不堪多見。多見則仙亦使人不敬, 鬼亦使人不驚。)

So với câu nói của Trương Trào, ý nào có khác đâu?

193.

陳平封“曲逆侯”，《史》，《漢》注皆云：“音去遇。”予謂此是北人土音耳。若南人四音俱全，似仍當讀作本音為是。

194.

Người xưa bốn thanh đều đủ, như các chữ lục, chữ quốc đều theo nhập thanh. Nay đào kép diễn tuồng Tô Tần tất đọc lục [liù] thành lưu [liū], quốc [guó] thành quý [guǐ], từ chỗ không mà đọc thành thanh nhập. Nhưng khảo cứu lại Kinh Thi, các câu như: “lương mã lục chi”, “vô y lục hễ” không hợp với thanh khứ, mà hợp với các âm chúc, cáo, áo. Chữ quốc không hợp với thanh thượng mà hợp với các vần nhập, mạch,

chất. Người xưa ắt cũng có thanh nhập, chưa hẳn đã đọc lục [liù] thành lưu [liũ], quốc [guó] thành quỷ [guĩ].

古人四聲俱備，如「六」「國」二字，皆入聲也。今梨園演《蘇秦劇》，必讀「六」為溜，讀「國」為鬼，從無讀入聲者。然考之《詩經》，如「良馬六之」，「無衣六兮」之類，皆不與去聲協，而協祝，告，燠。「國」字皆不與上聲協，而協入，陌，質韻。則是古人似亦有入聲，未必盡讀「六」為溜，讀「國」為鬼也。

Cổ nhân tứ thanh câu bị, như”Lục” “Quốc” Nhị tự, giai nhập thanh dã. Kim lê viên diễn “Tô Tần kịch”, tất đọc ”Lục” vi “Lưu”, đọc ”Quốc” vi “Quỷ”, tông vô độc nhập thanh giả. Nhiên khảo chi “Thi Kinh”, như ”Lương mã lục chi”, ”Vô y lục hề” chi loại, giai bất dữ khứ thanh hiệp, nhi hiệp thuộc, cáo, úc.”Quốc” tự giai bất dữ thượng thanh hiệp, nhi hiệp nhập, mạch, chất vận. Tắc thị cổ nhân tự diệc hữu nhập thanh, vị tất tận độc ”Lục” vi “Lưu”, đọc ”Quốc” vi “Quỷ” dã.

195.

Nghiên mục của người nhàn nhã cố nhiên cần phải đẹp, nhưng nghiên mục của người bận rộn lại càng không thể không đẹp được. Vợ lẽ để vui tình cố nhiên là phải đẹp, nhưng vợ lẽ để sinh con nối dõi cũng không thể không đẹp được.

閒人之硯，固欲其佳，而忙人之硯，尤不可不佳；娛情之妾，固欲其美，而廣嗣之妾，亦不可不美。

Nhàn nhân chi nghiễn cố dục kỳ giai, nhi mang nhân chi nghiễn vưu bất khả bất giai; ngu tình chi thiếp cố dục kỳ mỹ, nhi quảng tự chi thiếp diệc bất khả bất mỹ.

NHÀN ĐÀM

Ở đâu ra mà ra lắm người đẹp thế, nếu không có tiền?

196.

Thế nào là tự vui một mình? Đó là gảy đàn cầm. Thế nào là cùng vui với một người? Đó là đánh cờ. Thế nào là cùng vui với nhiều người? Đó là đánh bài.

如何是獨樂樂？曰鼓琴；如何是與人樂樂？曰弈棋；如何是與眾樂樂？曰馬吊。

Như hà thị độc lạc lạc? Viết cổ cầm. Như hà thị dữ nhân lạc lạc? Viết dịch kỳ. Như hà thị dữ chúng lạc lạc? Viết mã điếu.

NHÀN ĐÀM

Gảy đàn cầm để tự vui là thú tao nhã của những cao nhân để tâm ngoài vòng tục lụy. Có lẽ không bài thơ nào diễn đạt ý tưởng “độc lạc lạc” một cách bình dị cho bằng

bài *Trúc Lý quán* 竹里館 của Vương Duy.

*Độc toạ u hoàng lý,
Đàn cầm phục trường khiếu.
Thâm lâm nhân bất tri,
Minh nguyệt lai tương chiếu.*

獨坐幽篁裡，
彈琴復長嘯。
深林人不知，
明月來相照。

*Ngồi trong bụi trúc xanh um,
Đàn cầm nhẹ gảy, một mình hát ca.
Rừng sâu, ai có biết ta,
Ánh trăng đến, chiếu bao la trên người.*

Kim Dung, trong *Ỗ Thiên Đồ Long Ký*, đã thể hiện bài thơ này qua nhân vật Côn Luân Tam Thánh Hà Túc Đạo, một cao thủ kiệt xuất chốn giang hồ, thích đánh đàn cầm một mình giữa chốn rừng sâu. Mạc Đại tiên sinh trong *Tiểu Ngạo Giang Hồ* cũng là một quái kiệt võ lâm dùng tiếng hồ cầm ai oán để tự vui trong cõi cô đơn tịch mịch. Nhưng nếu đánh đàn cầm mà có khách tao nhân thưởng ngoạn, như Tăng Tuấn đất Thục đánh đàn cho Lý Bạch nghe (xem câu 44) thì đó cũng là “*dữ nhân lạc lạc*”, chứ đâu chỉ là “*độc lạc lạc*”?

Mã điệu là một trò chơi dân gian đời Minh, gồm 40 quân bài, chia làm 4 loại: thập vạn quán 十萬貫, vạn quán 萬貫, sách tử 索子 và văn tiền 文錢, mỗi loại một màu. Có lẽ giống như loại bài tứ sắc hiện nay. Tôi cũng không rõ cách chơi, nên không thể trình bày cùng bạn đọc.

197.

Không đợi dạy đã biết thiện biết ác, đó là thai sinh; phải đợi dạy rồi mới biết biết thiện biết ác, đó là noãn sinh; nhân ngẫu nhiên cảm xúc một sự việc mà biết thiện biết ác, đó là thấp sinh; phân rõ rạch ròi sau trước, không phải duyên cớ một ngày, đó là hóa sinh.

不待教而為善為惡者，胎生也；必待教而後為善為惡者，卵生也；偶因一事之感觸，而突然為善為惡者，濕生也；前後判若兩截，究非一日之故者，化生也。

Bất đãi giáo nhi vi thiện vi ác giả, thai sinh dã, tất đãi giáo nhi hậu vi thiện vi ác giả, noãn sinh dã, ngẫu nhân nhất sự chi cảm xúc, nhi đột nhiên vi thiện vi ác giả, thấp sinh dã, tiền hậu phán nhược lượng tiết, cứu phi nhất nhật chi cố giả, hóa sinh dã.

NHÀN ĐÀM

Theo Phật giáo, có bốn loại tái sinh là hóa sinh, thai sinh, noãn sinh và thấp sinh. Hóa sinh là do dựa vào

nghiệp lực mà hóa sinh, như chư thần; thai sinh là sinh ra từ bào thai, như con người, muông thú; noãn sinh là sinh do ra từ trứng, như gia cầm, chim chóc; thấp sinh là sinh ra từ những nơi ẩm thấp, như các loài vi sinh, phiêu sinh vật Quan điểm của Phật giáo là quan điểm sinh vật học, câu nói của Trương Trào là bàn về trí lực.

198.

Phàm vật đều dùng hình thể, nếu dùng đến tinh thần ắt chỉ có kính, phù ấn, nhật quỹ và kim nam châm.

凡物皆以形用，其以神用者，則鏡也，符印也，日晷也，指南針也。

Phàm vật giai dĩ hình dụng; kỳ dĩ thần dụng giả tắc kính dã, phù ấn dã, nhật quỹ dã, chỉ nam châm dã.

NHÀN ĐÀM

Nhật quỹ là dụng cụ đo bóng mặt trời thời cổ để tính thời gian.

199.

Tài tử gặp tài tử đều có lòng mến tài, mỹ nhân gặp mỹ nhân đều có ý ganh sắc. Tôi nguyện kiếp sau thác sinh

làm tuyệt đại giai nhân, làm ngược lại chuyện đó mới là khoan khoái.

才子遇才子, 每有憐才之心; 美人遇美人, 必無惜美之意。我願來世托生為絕代佳人, 一反其局而後快。

Tài tử ngộ tài tử, mỗi hữu lân tài chi tâm, mỹ nhân ngộ mỹ nhân, tất vô tích mỹ chi ý. Ngã nguyện lai thế thác sinh vi tuyệt đại giai nhân, nhất phiên kỳ cục nhi hậu khoái.

NHÀN ĐÀM

Tái tử mến tài, mỹ nhân ganh sắc. Đó là thông lệ ngàn thu. Người ta thường đùa sở dĩ thành lập một đội bóng nữ luôn khó khăn một đội bóng nam vì mười phụ nữ ở cạnh nhau mà chấp nhận mặc cùng một loại quần áo như nhau là điều cực khó! Hình như mỗi phụ nữ đều không chấp nhận chuyện mình giống bất kỳ người nào. Họ chia thế giới thành hai phần, một phần cho bản thân họ và phần kia cho tất cả mọi người còn lại trong thiên hạ, mà phần dành cho họ luôn có giá trị hơn phần còn lại. Vì mỗi khi phụ nữ cãi nhau với ai mà muốn khẳng định mình, dường như đều dùng đến câu này: “Tôi chứ không phải như người khác đâu!”

Cho nên, sinh ra làm tuyệt đại giai nhân mà không ganh sắc thì đúng là Bồ Tát tâm trường, mà nếu như có được chuyện đó thì quả là điều cực khoái của thế gian. Nhưng dường như Trương Trào vẫn còn ham mê du lâm ở cõi âm, nên đã mấy trăm năm rồi vẫn chưa chịu đầu thai.

Các bạn đọc nữ đọc câu này xin mỉm cười và đánh cho tại hạ hai chữ *đại xá*. Ấy mới là Bồ Tát tâm trường!

200.

Tôi từng muốn lập Vô già đại hội để xét hết tài tử giai nhân của mọi thời. Chờ đến khi gặp được cao tăng chân chính thì mới nên làm.

予嘗欲建一無遮大會，一祭歷代才子，一祭歷代佳人。俟遇有真正高僧，即當為之。

Dư thường dự kiến nhất Vô già đại hội, nhất sát lịch đại tài tử, nhất sát lịch đại giai nhân. Sĩ ngộ hữu chân chính cao tăng, tức đương vi chi.

NHÀN ĐÀM

Vô già đại hội là đại hội tài thí và pháp thí của Phật giáo, dành cho mọi tầng lớp chúng sinh, không phân biệt sang hèn, tăng tục, trí ngu, cứ 3 năm tổ chức một lần.

201.

Thánh hiền là hóa thân của trời đất.

聖賢者，天地之替身。

Thánh hiền giả, thiên địa chi thế thân.

NHÀN ĐÀM

Thánh hiền là nơi chung đúc linh khí trong vũ trụ, là chỗ hội tụ tinh hoa của đất trời. Cho nên, đã là bậc thánh hiền thì trí mệnh mông như trời, tâm bao la như đất. Đến Đức Khổng Tử mà còn phải nói:

Nếu sánh với bậc thánh, bậc nhân thì ta há dám. (Nhuộc thánh dữ nhân, tắc ngộ khởi cảm.
若聖與仁,則吾豈敢。)

Há có thể đem hai chữ *thánh hiền* để tùy tiện tôn vinh người nào đó ư?

202.

Điều mà Trời dễ làm nhất là chỉ nên sinh bậc nhân đức, quân tử, kẻ có tài đức, chỉ cần hai ba chục người là đủ. Vua một người, tướng quốc một người, tể tướng một người, rồi đến các bậc thống chế phủ quân.

天極不難做，只須生仁人，君子，有才德者，二，三十人足矣。君一，相一，冢宰一，及諸路總制撫軍是也。

Thiên cực bất nan tố, chỉ tu sinh nhân nhân, quân tử, hữu tài đức giả, nhị, tam thập nhân túc hỹ! Quân nhất, tướng nhất, trung tể nhất, cập chư lộ tổng chế phủ quân thị dã.

203.

Cảnh lên xuống trong chốn quan trường, điều quan trọng là đạo đức, điều cần tránh là hối lộ. Sao tên mới đăng vào danh sách quan, mà đã làm ngược ngay rồi?

擲陞官圖，所重在德，所忌在贓。何一登仕版，輒與之相反耶？

Trịch thăng quan đồ, sở trọng tại đức, sở kỵ tại tang. Hà nhất đăng sĩ bản, triếp dữ chi tương phản da?

NHÀN ĐÀM

Chốn quan trường mà không có cảnh hối lộ chắc cũng giống chốn thanh lâu không có cảnh ăn chơi.

204.

Trong động vật có tam giáo: các loài giao, long, lân, phượng gần gũi với đạo Nho; các loài vượn, cáo, hạc, nai gần gũi với đạo Tiên; các loài sư tử, trâu bò gần gũi với đạo Phật. Trong thực vật cũng có tam giáo: các loài trúc, ngô đồng, lan huệ gần gũi với đạo Nho; các loài bàn đào, quế già gần gũi với đạo Tiên; hoa sen, cây nho gần gũi với đạo Phật.

動物中有三教焉：蛟 麟鳳之屬，近於儒者也；猿狐鶴鹿之屬，近於仙者也；獅子牯牛之屬，近於釋者也。植物中有三教焉：竹梧蘭蕙之屬，近於儒者也；蟠桃老桂之屬，近於仙者也；蓮花薔蔔之屬，近於釋者也。

Động vật trung hữu tam giáo yên: giao long, lân phượng chi thuộc, cận ư Nho giả dã, viên hồ hạc lộc chi thuộc, cận ư Tiên giả dã, sư tử cổ ngư chi thuộc, cận ư Thích giả dã. Thực vật trung hữu tam giáo yên: trúc, ngô, lan, huệ chi thuộc, cận ư Nho giả dã; bàn đào, lão quế chi thuộc cận ư Tiên giả dã; liên hoa, bồ đào chi thuộc, cận ư Thích giả dã.

NHÀN ĐÀM

Các loài thú giao long, lân, phụng, các loài cây như trúc, ngô, lan, huệ thường xuất hiện trong kinh sách Nho gia.

Lân, phụng là những loài linh vật thời xưa. Kỳ là con đực, lân là con cái, gọi chung là kỳ lân. Phượng là chim trống, hoàng là chim mái, thường gọi chung là phượng hoàng.

Tương truyền, khi nào có bậc thánh nhân ra đời để cứu nhân độ thế thì có kỳ lân hay phụng hoàng xuất hiện để báo trước điềm lành.

Trong đời của đức Khổng Tử, Kỳ lân xuất hiện hai lần. Lần thứ nhất, khi bà Nhan thị đang mang thai đức Khổng Tử, kỳ lân đến trước mặt nằm phục xuống, sau đó bà sinh ra đức Khổng Tử. Lần thứ hai, vào mùa xuân năm Lỗ Ai Công thứ 14, người nước Lỗ đi săn, bắt được

con lân què một chân. Đức Khổng nghe được, đến xem, rồi ôm mặt khóc. Về nhà, ngài than với học trò: “Ngô đạo cùng hỹ! 吾道窮矣! (Đạo của đã đến lúc cùng rồi!). Ba năm sau, Khổng Tử mất, thọ 73 tuổi. Khổng Tử soạn kinh *Xuân Thu*, chép đến chuyện bắt được kỳ lân thì dùng bút, không chép nữa, nên kinh *Xuân Thu* còn được gọi là *Lân Kinh*.

Khổng Tử có lần than: “Phụng điều bất chí, Hà bất xuất đồ, ngô dĩ hỹ phù! 鳳鳥不至，河不出圖，吾已矣乎!” (Chim phượng không đến, sông Hoàng Hà không xuất hiện bức vẽ, ta đã xong rồi ư!)

Các loài cầm thú như vượn, cáo, hạc, nai, các loài cây như bàn đào, quế lại thường gắn liền với thế giới của các bậc tu tiên. Chúng ta hẳn đã quá quen thuộc với hình ảnh các vị tiên cưỡi hạc, cưỡi nai giữa cảnh trời mây, trong các truyện Tàu xưa. Hình ảnh cây quế gắn liền với các vị tiên. Bàn đào do vượn dâng lên thường món “nhấm” chính trên những bàn tiệc của chư tiên. Và nói đến cây đào không thể không nhớ đến Tây Vương Mẫu.

Còn các loài cầm thú như sư tử, voi, trâu bò cùng với hoa sen thường xuất hiện trong kinh điển Phật giáo, nhưng mang tính cách biểu tượng là chính. Đức Phật thuyết pháp được gọi là “sư tử hống”. Đây là môn thân công của Phật môn mà Kim Mao Sư Vương Tạng Tồn làm khiếp đảm cả đám quần hùng trên Vương Bàn đảo! Bồ đoàn của đức Phật ngồi được gọi là “sư tử tọa”. Trong kinh Pháp Hoa, xe trâu (ngưu xa) được dùng chỉ Bồ Tát

thừa để phân biệt với xe dê (*dương xa*) chỉ Thanh Văn thừa và xe hươu (*lộc xa*) chỉ Duyên Giác thừa. Nơi Phật ngồi gọi là tòa sen. Hoa sen được tượng trưng cho tinh thần vô nhiễm trong Phật giáo.

205.

Phật nói: “Mặt trời mặt trăng ở bên hông núi Tu Di.” Nếu quả vậy thì mặt trời mặt trăng phải đi vòng quanh quả núi Tu Di mới phải, vì nếu có mọc lặn thì sẽ vướng vào đỉnh núi mất. Lại nói: “Trên mặt đất có ao A Nậu Đạt, nước chảy bốn bề, chảy vào Ấn Độ.” Lại nói: “Dưới địa luân là thủy luân, dưới thủy luân là phong luân, dưới phong luân là không luân.” Tôi cho rằng đây chỉ là hình ảnh ví dụ về thân thể con người. Núi Tu Di dụ cho đầu người, mặt trời mặt trăng dụ cho hai mắt, ao nước chảy bốn bề dụ cho mạch máu lưu động, địa luân dụ cho thân thể, nước chỉ các chất dịch, gió chỉ hơi thở, ngoài ra chẳng có gì khác.

佛氏云：「日月在須彌山腰。」果爾，則日月必是遶山橫行而後可，苟有升有降，必為山巔所礙矣。又云：「地上有阿耨達池，其水四出，流入諸印度。」又云：「地輪之下為水輪，水輪之下為風輪，風輪之下為空輪。」余謂此皆喻言人身也，須彌山喻人首，日月喻兩目，池水四出喻血脈流動，地輪喻此身，水為便溺，風為洩氣，此下則無物矣。

Phật thị vân: "Nhật nguyệt tại Tu Di sơn yêu." Quả nhi, tắc nhật nguyệt tất thị nhiều sơn hoành hành nhi hậu khả, cấu hữu thăng hữu giáng, tất vi sơn điền sở ngại hỹ. Hựu vân: "Địa thượng hữu A Nậu Đạt trì, kỳ thủy tứ xuất, lưu nhập chư Ấn Độ." Hựu vân: "Địa luân chi hạ vị thủy luân, thủy luân chi hạ vị phong luân, phong luân chi hạ vị không luân." Dư vị thử giai dụ ngôn nhân thân dã: Tu Di sơn dụ nhân thủ, nhật nguyệt dụ lượng mục, trì thủy tứ xuất dụ huyết mạch lưu thông, địa luân dụ thử thân, thủy vị tiện nịch, phong vị duệ khí. Thử hạ tắc vô vật hỹ.

NHÀN ĐÀM

Một ý tưởng rất mới!

206.

Tô Đông Pha họa thơ Đào Tiềm, hãy còn để lại độ mấy chục bài. Tôi vẫn hằng muốn gộp các câu thơ của Đông Pha để thêm vào, nhưng khổ về nổi vẫn chưa được hoàn bị. Như trong bài thơ "Trách tử thi" có câu "Bất thức lục dữ thất, đăn mịch lê dữ lật." Chữ "thất" và chữ "lật" không cùng vần.

蘇東坡〈和陶詩〉，尚遺數十首。予嘗欲集坡句以補之，苦于韻之弗備而止。如〈責子詩〉中：「不識六與七，但覓梨與栗。」「七」字，「栗」字，皆無其韻也。

Tô Đông Pha họa Đào thi, thượng di sổ thập thủ. Dư thường dục tập Pha cú dĩ bổ chi, khổ vu vận chi phát bị nhi chi. Như "Trách tử thi" trung: "Bất thức lục dữ thất, đán mịch lê dữ lật". "Thất" tự, "Lật" tự giai vô kỳ vận dã.

NHÀN ĐÀM

Lật là cây dễ. Bài *Trách tử thi* (thơ trách con) như vậy:

Bạch phát phi lương mẫn,

Cơ phu bất phục thực.

Tuy hữu ngũ nam nhi,

Tổng bất hiểu chỉ bút.

A Thư dĩ nhị bát,

Lãn nọa cố vô thất.

A Tuyên hành chí học,

Nhi bất hiểu văn thuật.

Ung Đoan niên thập tam,

Bất thức lục dữ thất.

Thông tử thùy cứu linh,

Đãn mịch lê dữ lật.

Thiên vận cầu như thủ,

Thả tiến bôi trung vật.

白髮被兩鬢,

肌膚不復實。

雖有五男兒，
總不好紙筆。
阿舒已二八，
懶惰故無匹。
阿宣行志學，
而不好文術。
雍端年十三，
不識六與七。
通子垂九齡，
但覓梨與栗。
天運苟如此，
且進杯中物。

*(Tóc bạc đã phủ hai bên thái dương,
Thân thể đã suy, đâu còn khỏe mạnh nữa.
Dù có đến năm đứa con trai,
Nhưng chẳng đứa nào ham thích bút nghiên,
A Thư đã mười sáu tuổi,
Lười biếng không ai bằng.
A Tuyên tuổi mười lăm,
Nhưng cũng chẳng ham sách vở.
A Ung và A Đoan vào tuổi mười ba,*

Chẳng biết đến chữ lục hay chữ thất.

A Thông đã gần được chín tuổi.

Chỉ biết tìm cây lê, cây lặt.

Số mệnh đã như vậy rồi,

Ta chỉ biết giải sầu trong chén rượu.)

Đào Uyên Minh có năm con trai, tên Thư 舒, Tuyên 宣, Ung 雍, Đoan 端, Thông 通. Cha tài năng hơn đời, cốt cách thanh cao, chỉ vì chán cảnh quan trường, rũ áo từ quan để vui thú điền viên mà đến đời con thì hoàn toàn biến thành những kẻ nông dân cật mịch, lam lũ cày bừa, không biết đến chữ nghĩa. Đây là một bi kịch khiến những kẻ hữu tâm trong làng bút mực đọc đến bài này không khỏi bùi ngùi thương cảm.

207.

Tôi thường ngẫu nhiên làm được một câu, vui mừng khôn kể, đáng tiếc là không có câu đối hay, nên chưa thành thơ được. Một câu là: “Khô điệp đối trùng phi.”, một câu khác là: “Hương nguyệt đại ư thành.” đành để đó chờ đến ngày khác vậy.

予嘗偶得句，亦殊可喜，惜無佳對，遂未成詩。其一為「枯葉帶蟲飛」，其一為「鄉月大於城」，姑存之，以俟異日。

Dư thường ngẫu đắc cú, diệp thù khả hỷ, tích vô giai đối, toại vị thành thi. Kỳ nhất vi “*khô diệp đối trùng phi*”, kỳ nhất vi “*Hương nguyệt đại ư thành*”. Cô tồn chi dĩ sĩ dị nhậ.

NHÀN ĐÀM

Câu “*Khô diệp đối trùng phi*.” (chiếc lá khô mang con sâu bay đi), tôi xin thử đối là “*Diễm hoa tùy sương lạc*.” (cánh hoa đẹp theo giọt sương rơi xuống), thành ra một cặp.

Khô diệp đối trùng phi.

Diễm hoa tùy sương lạc.

枯葉帶蟲飛,

艷花隨霜落。

Lá khô mang sâu bay,

Hoa thắm theo sương rụng.

Đây là câu đối chơi, xem như để Nhàn đàm, xin các bậc túc học đừng cười.

Còn câu “*Hương nguyệt đại ư thành*.” (Trăng quê lớn hơn thành), tôi nghĩ mãi mà chưa tìm ra được câu đối. Xin chờ bạn đọc vậy!

208.

Hai câu “*Không sơn vô nhân, thủy lưu hoa khai*.” cực tả được diệu cảnh của thú chơi đàn cầm; hai câu “*Thắng cố hân*

nhiên, bại diệp khả hỷ.” cực tả được điệu cảnh của thú đánh cờ vậy; hai câu “Phàm tùy Tương chuyển, vọng hoành cửu diện.” cực tả được điệu cảnh của thú đi thuyền; hai câu “Hỗ nhiên nhi Thiên, hồ nhiên nhi Đế.” cực tả được điệu cảnh của mỹ nhân.

「空山無人，水流花開」二句，極琴心之妙境；「勝固欣然，敗亦可喜」二句，極手談之妙境；「帆隨湘轉，望衡九面」二句，極泛舟之妙境；「胡然而天，胡然而帝」二句，極美人之妙境。

“Không sơn vô nhân, thủy lưu hoa khai” nhị cú, cực cảm tâm chi điệu cảnh, “Thắng cố hân nhiên, bại diệp khả hỷ” nhị cú, cực thủ đàm chi điệu cảnh, “Phàm tùy Tương chuyển, vọng hoành cửu diện” nhị cú, cực phiếm chu chi điệu cảnh, “Hỗ nhiên nhi thiên, hồ nhiên nhi Đế” nhị cú, cực mỹ nhân chi điệu cảnh.

NHÀN ĐÀM

Bá Nha đàn khúc “Cao sơn, Lưu thủy” chỉ có Từ Kỳ là người biết thưởng thức. Cho nên “Không sơn vô nhân, thủy lưu hoa khai” (Núi vắng không người; nước trôi, hoa nở.) là cảnh giới tối diệu của tiếng đàn cầm.

Thủ đàm là chơi cờ vây. Chơi cờ với cái tâm “Thắng cố hân nhiên, bại diệp khả hỷ.” (Thắng được thì vui, thua cũng chẳng sao.) mới là cái thú chơi cờ. Những quân cờ lúc đó chỉ là phương tiện không phải dùng để đấu trí với nhau mà để dưỡng trí.

Đi chơi thuyền trên sông lớn, nhìn sông nước mênh mang, bốn bề lộng gió, nhìn thỏa thích cảnh tượng hai

bên bờ mà ánh mắt không bị ngăn ngại, giống như hai câu “*Phàm tùy Tương chuyển, vọng hoành cứu diện.*” (Buồm lướt sông Tương, nhìn ngang chín phía.) thì đây là điệu cảnh của cái thú đi thuyền.

Hai câu: “*Hồ nhiên nhi Thiên, hồ nhiên nhi Đế.*” có xuất xứ từ chương *Dung Phong* trong *Kinh Thi* tả nhan sắc một mỹ nhân: “*Hồ nhiên nhi Thiên dã! Hồ nhiên nhi Đế dã! 胡然而天也! 胡然而帝也!*” (Sao mà đẹp tựa người Trời! Sao mà xinh như thiên thần!) Chỉ hai câu ngắn ngủi cũng đã cực tả nhan sắc kiều mỹ kia rồi.

Chu Lượng 周亮 có hai câu thơ:

Hồ Thiên hồ Đế tâm như túy,

Nghi vũ nghi vân mộng chính nùng.

胡天胡帝心如醉，

疑雨疑雲夢正濃。

Xinh tựa người Trời, tâm đắm đuối,

Mây mưa mờ ảo, mộng say nồng.

209.

Bóng trong gương và dưới nước là bóng nhận, bóng dưới nắng và trước đèn là bóng cho. Bóng trắng trên trời là bóng cho, còn bóng trắng dưới đất là bóng nhận.

鏡與水之影，所受者也；日與燈之影，所施者也。月之有影，則在天者為受，而在地者為施也。

Kính dữ thủy chi ảnh, sở thụ giả dã, nhật dữ đăng chi ảnh, sở thí giả dã. Nguyệt chi hữu ảnh, tắc tại thiên giả vi thụ nhi tại địa giả vi thí dã.

NHÀN ĐÀM

Trịnh Phá Thủy 鄭破水 bình:

*Hai chữ thụ, thí hiểu sâu được cái lý âm dương.
(Thụ, thí nhị tự, thâm đắc âm dương chi lý. 受,
施二字, 深得陰陽之理。)*

210.

Nước có bốn thứ tiếng: có tiếng thác đổ, có tiếng suối reo, có tiếng ghềnh chảy, có tiếng ngòi lạch róc rách. Gió có ba thứ tiếng: có tiếng gió lao xao thổi ngọn thông như sóng dậy, có tiếng gió xào xạc trong cây cỏ mùa thu, có tiếng gió thổi sóng vỗ rì rầm. Mưa có hai thứ tiếng: có tiếng mưa rơi trên lá ngô đồng, lá chuối lá sen; có tiếng mưa rơi trong thùng tre hứng dưới mái hiên.

水之為聲，有四：有瀑布聲，有流泉聲，有灘聲，有溝澮聲。風之為聲，有三：有松濤聲，有秋葉聲，有波浪聲。雨之為聲，有二：有梧葉荷葉上聲，有承簷溜竹筩中聲。

Thủy chi vi thanh hữu tứ: hữu bộc bố thanh, hữu lưu tuyến thanh, hữu than thanh, hữu câu hội thanh. Phong chi vi thanh hữu tam: hữu tùng đào thanh, hữu thu thảo thanh, hữu ba lãng thanh. Vũ chi vi thanh hữu nhị: hữu ngô tiêu hà diệp thượng thanh, hữu thừa diêm lưu đồng trung thanh.

NHÀN ĐÀM

Trương Trào đã nghe được hết tiếng hay tinh tế trong tự nhiên và tả được hết tiếng hay đó, chúng ta còn biết nói gì thêm?

211.

Văn nhân thường chê bai khinh rẻ bọn nhà giàu, nhưng đối với thơ văn hay thì lại dùng toàn vàng ngọc, châu báu, gấm vóc để ca ngợi. Vì sao vậy?

文人每好鄙薄富人，然於詩文之佳者，又往往以金玉，珠璣，錦繡譽之，則又何也？

Văn nhân mỗi háo bi bạc phú nhân, nhiên ư thi văn chi giai giả, hựu vãng vãng dĩ kim ngọc châu cơ cẩm tú dự chi, tắc hựu hà dã?

NHÀN ĐÀM

Đây là câu hóm hình nhất trong toàn tập. Đặt câu hỏi là đã trả lời.

212.

Kẻ có thể nhàn nhã về chuyện người đời bận rộn mới có thể bận rộn về chuyện người đời nhàn nhã.

能閒世人之所忙者，方能忙世人之所閒。

Năng nhàn thế nhân chi sở mang giả, phương năng mang thế nhân chi sở nhàn.

NHÀN ĐÀM

Vào những ngày cuối năm, nhà nào cũng bận rộn, ai nấy đều tất bật. Tôi mọi năm cũng vậy, nhưng năm nay lại muốn vui Tết chứ không ăn Tết, nghĩ mông 3 đã có chợ, nên chỉ sắm sửa gọi là cho có. Tự nhiên thấy thanh thoi. Chiều cuối năm lấy xe thong thả chạy dọc theo con phố rồi ra chơi vùng ngoại ô, chỗ nào cũng thấy mọi người vội vội vàng vàng chuẩn bị Tết, bỗng thấy riêng mình nhàn nhã, chợt nhớ đến câu này của Trương Trào mà mỉm cười thú vị!

213.

Đọc kinh trước rồi đọc sử sau thì bàn luận mới không sai với ý thánh hiền, đọc sử trước rồi đọc kinh sau thì thấy sách vở chỉ toàn là chương cú.

先讀經，後讀史，則論事不謬於聖賢；既讀史，復讀經，則觀書不徒為章句。

Tiên đọc kinh, hậu đọc sử, tác luận sự bất mậu ư thánh hiền; ký đọc sử, hậu đọc kinh, tác quan thư bất đồ vi chương cú.

NHÀN ĐÀM

Cái này cũng giống như đọc tác phẩm của một tác giả trước khi đọc sách bình luận về tác giả đó.

214.

Sống ở thành thị thì lấy tranh vẽ làm sơn thủy, bốn chậu làm vườn cây, lấy sách vở làm bè bạn.

居城市中，當以畫幅當山水，以盆景當苑囿，以書籍當朋友。

Cư thành thị trung, đương dĩ họa phú đương sơn thủy, dĩ bốn cảnh đương uyển hựu, dĩ thư tịch đương hữu bằng.

NHÀN ĐÀM

Sống nơi thành phố lớn có thể lấy công viên làm sơn thủy, vườn cây, chỉ hiếm không khí quá dỗi xô bồ. Nếu biết lấy sách vở làm bạn thì ở thành phố lớn ta sẽ có được nhiều người bạn uyên bác.

215.

Sống ở hương thôn cần phải có bạn hiền mới là hay. Nếu là nông dân hay tiểu phu thì chỉ biết phân loại ngũ cốc và đoán thời tiết gió mưa, không khỏi mau chán; cho nên nếu trong bạn bè có người biết làm thơ là quý nhất, kế đến là bạn biết nói chuyện, sau đó là bạn biết ca hát, sau cùng là bạn biết uống rượu.

鄉居須得良朋始佳。若田夫樵子，僅能辨五穀而測晴雨，久且數，未免生厭矣。而友之中，又當以能詩為第一，能談次之，能畫次之，能歌又次之，解觴政者又次之。

Lân cư tu đắc lương bằng thủy giai. Nhược điển phù tiêu tử, cận năng biện ngũ cốc nhi trắc tình vũ, cửu thả số, vị miễn sinh yếm hỹ. Nhi hữu chi trung, hựu đương dĩ năng thi vi đệ nhất, năng đàm thứ chi, năng họa thứ chi, năng ca hựu thứ chi, giải trường chính giả hựu thứ chi.

NHÀN ĐÀM

Nếu có người bạn biết làm thơ, biết nói chuyện, biết ca hát, chơi đàn và biết uống rượu thì không chỉ ở hương thôn mà ở bất cứ nơi đâu, đó vẫn luôn là người bạn tuyệt vời.

216.

Ngọc lan là Bá Di trong loài hoa, hoa quỳ là Y Doãn trong loài hoa, hoa sen là Liễu Hạ Huệ trong loài hoa. Hạc là Bá Di trong loài chim, gà là Y Doãn trong loài chim, chim oanh là Liễu Hạ Huệ trong loài chim.

玉蘭，花中之伯夷也；葵，花中之伊尹也；蓮，花中之柳下惠也。鶴，鳥中之伯夷也；雞，鳥中之伊尹也；鶯，鳥中之柳下惠也。

Ngọc lan, hoa trung chi Bá Di dã. Quỳ, hoa trung chi Y Doãn dã. Liên, hoa trung Liễu Hạ Huệ dã. Hạc, điều trung chi Bá Di dã; kê, điều trung chi Y Doãn dã; oanh, điều trung chi Liễu Hạ Huệ dã.

NHÀN ĐÀM

Y Doãn (1648 trước C.N? – 1549 trước C.N?) là vị tể tướng giỏi của nhà Thương, giúp vua Thành Thang phạt vua Kiệt nhà Hạ và lập nhà Thương. Liễu Hạ Huệ đồng thời với Khổng Tử, nổi tiếng thanh khiết, được đời sau xưng là “*Thánh chi thanh*”.

217.

Vô tội nhưng tự đứng lại mang tiếng ác, đó là con bọ bạc; có tội nhưng vẫn tránh được lời chê bai, đó là con nhện.

無其罪而虛受惡名者，蠹魚也；有其罪而恆逃清議者，蜘蛛也。

Vô kỳ tội nhi hư thụ ác danh giả, đố ngư dã; hữu kỳ tội nhi hằng đào thanh nghị giả, tri thù dã.

NHÀN ĐÀM

Đố ngư là loại côn trùng cánh trắng như bạc thường ăn giấy trong sách.

218.

Hôi nát mà biến thành thần kỳ đó là tương, đậu hủ; còn từ thần kỳ biến lại thành hôi nát ắt cũng chỉ là vật này vậy.

臭腐化為神奇，醬也，腐乳也，金汁也；至神奇化為臭腐，則是物皆然。

Xú hủ hóa vi thần kỳ, tương dã, hủ nhũ dã, kim trấp dã; chí thần kỳ hóa vi xú hủ, tắc thị vật giai nhiên.

NHÀN ĐÀM

Xú hủ và thần kỳ là hai khái niệm xuất phát từ chương Trí Bắc Du trong Nam Hoa Kinh của Trang Tử:

Cho nên muôn vật là một. Phần tốt đẹp của muôn vật là thần kỳ, phần xấu xa của hôi nát.

Hôi nát lại biến thành cái thần kỳ, thần kỳ lại

biến thành cái hôi nát. Cho nên nói: “Suốt thiên hạ chỉ một khí vậy.” Vì thế mà thánh nhân quý lẽ một.

(Cổ vạn vật nhất dã, thị kỳ sở mỹ giả vi thần kỳ, kỳ sở ố giả vi xú hủ. Xú hủ phục hóa vi thần kỳ, thần kỳ phục hóa vi xú hủ. Cổ viết: “Thông thiên hạ nhất khí nhĩ.” Thánh nhân cố quý nhất. 故萬物一也，是其所美者為神奇，其所惡者為臭腐。臭腐復化為神奇，神奇復化為臭腐。故曰：『通天下一氣耳。』聖人故貴一。)

Đây cũng là ý nghĩa của bốn chữ: “bất cấu, bất tịnh” trong *Bát Nhã Tâm Kinh*. Đây là cấu, đây là tịnh? Cái nào là thần kỳ, cái nào là xú hủ? Những cặn bã hôi nát mà ta thải ra ngoài cũng đã từng là cái thần kỳ mà ta đưa vào miệng đấy!

Tôi đã một lần diễn đạt ý này qua hình ảnh vị vô danh tăng trong bài *Huyền nghĩa Vô Danh Tăng*. Nay xin ghi lại để chia sẻ cùng bạn đọc.

Trong đời, có lẽ không có gì đáng ghê người bằng hình ảnh ngọ nguậy của con sâu, và không có gì đẹp bằng hình ảnh phát phới bay của con bướm màu sắc sỡ. Nhưng hai con chỉ là một từ trong bản chất. Đó là điều huyền mật nhất giữa trần gian. Sinh tử hoà nhập với Niết Bàn, tội lỗi trộn lẫn với thanh cao, giác ngộ ẩn tàng trong vô minh, bóng tối chan hòa

cùng ánh sáng, tất cả đều chỉ là một. (*Lai Rai Chén Rượu Giang Hồ*, tr. 259, bản in lần thứ 4, nxb Hồng Đức, 2019)

Viên Trung Giang thì cho rằng:

Cái thần kỳ mà không biến thành cái hôi nát, đó là hoàng kim và thơ văn chân chính. (*Thần kỳ bất hóa xú hủ giả, hoàng kim dã, chân thi văn dã.* 袁中江曰：神奇不化臭腐者，黃金也，真詩文也。)

Còn Vương Ty Trực thì liên hệ với những nhân vật lịch sử:

Văn chương của Tào Tháo, Vương An Thạch là cái thần kỳ sinh ra từ chỗ hôi nát. (*Tào Tháo, Vương An Thạch văn tự, diệc chân thị thần kỳ xuất ư xú hủ.* 王司直曰：曹操，王安石文字，亦真是神奇出於臭腐。)

219.

Màu đen hòa với màu trắng, màu đen làm hoen màu trắng, mà màu trắng không che nổi màu đen; mùi thơm trộn lẫn với mùi thối, mùi thối lẫn mùi thơm, mà mùi thơm không địch nổi mùi thối; đó là cái xu thế của quân tử so với tiểu nhân vậy.

黑與白交，黑能污白，白不能掩黑；香與臭

混，臭能勝香，香不能敵臭；此君子小人相攻之大勢也。

Hắc dữ bạch giao, hắc năng ô bạch, bạch bất năng yểm hắc; hương dữ xú hỗn, xú năng thắng hương, hương bất năng địch xú. Thử quân tử tiểu nhân tương công chi đại thế dã.

NHÀN ĐÀM

Trong thời buổi xã hội nhố nhăng, nhân tài chìm đắm, kẻ tiểu nhân đắc thế hoành hành như ngày nay, đọc câu này há chẳng động tâm ư?

220.

Một chữ "sỉ" (xấu hổ) có thể trị được người quân tử, một chữ "thống" (đau đớn) có thể trị được kẻ tiểu nhân.

「恥」之一字，所以治君子；「痛」之一字，所以治小人。

“Sỉ” chi nhất tự, sở dĩ trị quân tử; “thống” chi nhất tự, sở dĩ trị tiểu nhân.

NHÀN ĐÀM

Sỉ là biết xấu hổ. Phải biết xấu hổ thì mới có thể tự kiểm chế mình. Mà tự kiểm chế được mình, đó là dũng. Cho nên đức Khổng Tử bảo: “Tri sỉ cận hồ dũng. 知恥

近乎勇” (biết xấu hổ là đã gần đạt đến đức dũng). Chỉ những người có nhân cách, có lòng tự trọng mới biết đến *sĩ*. Hai từ *quân tử* và *tiểu nhân* trong câu này chỉ bàn về mặt đạo đức và nhân cách.

Người quân tử có tinh thần bén nhạy hơn nên đôi khi chỉ cần nghe một câu nói xúc phạm là đã thấy xấu hổ; còn kẻ tiểu nhân thì thường chỉ cảm thấy đau đớn khi thân xác bị đánh đập.

221.

Gương không thể tự soi, cân không thể tự cân, kiếm không thể tự chém.

鏡不能自照，衡不能自權，劍不能自擊。

Kính bất năng tự chiếu, hành bất năng tự quyền, kiếm bất năng tự kích.

NHÀN ĐÀM

Nghe Vĩnh Thanh 倪永清 nói thêm:

Thơ không thể tự truyền bá, văn không thể tự ngợi khen. (*Thi bất năng tự truyền, văn bất năng tự dự. 詩不能自傳，文不能自譽。*)

Người xưa: “Thơ tất phải cùng khốn rồi sau mới hay.” Bởi cùng khốn thì có nhiều cảm khái, dễ tìm thấy được cái sở trường. Nếu là kẻ phú quý, đã không thể lo khổ than nghèo, lời đàm luận chẳng qua cũng chỉ nói đến trăng gió khói mây, thì thơ làm sao mà hay cho được? Muốn biến đổi thì có một cách là đi du ngoạn, thấy được núi sông phong thổ, sản vật nhân tình, những cảnh lửa binh tang tóc, hoặc cảnh hạn hán thiên tai, chẳng có gì là không thể gởi vào thơ. Đem nỗi sầu bi cùng khốn của người để hỗ trợ cho lời ta thán trong thơ của ta, thì thơ cũng không cần “phải cùng khốn rồi sau mới hay” vậy.

古人云：「詩必窮而後工。」蓋窮則與多感慨，易於見長耳。若富貴中人，既不可憂貧歎賤，所談者不過風雲月露而已，詩安得佳？苟思所變，計惟有出遊一法。即以所見之山川風土物產人情，或當瘡痍兵燹之餘，或值旱潦災祲之後，無一不可寓之詩中。借他人之窮愁，以供我之詠歎，則詩亦不必待窮而後工也。

Cổ nhân vân: “Thi tất cùng nhi hậu công”. Cái cùng tắc ngữ đa cảm khái, dị ư kiến trường nhĩ. Nhược phú quý trung nhân, ký bất khả ưu bản thán tiện, sở đàm giả bất quá phong vân nguyệt lộ nhi dĩ, thi an đắc giai. Cầu tư sở biến, kế duy hữu xuất du nhất pháp, tức dĩ sở kiến chi sơn xuyên phong thổ vật sản nhân tình, hoặc đương

sang di binh tiến chi dư, hoặc trị hạn lạo tai tẩm chi hậu, vô nhất bất khả ngụ chi thi trung, tá tha nhân chi cùng sâu, dĩ cung ngã chi vịnh thán, tắc thi diệc bất tất đãi cùng nhi hậu công dã.

NHÀN ĐÀM

Một người sống như kẻ tài tử giữa nhân gian, suốt bình sinh chỉ đam mê cái đẹp, chỉ muốn tận hưởng mọi thanh sắc trên đời, không màng chi đến thế sự như Trương Trào mà có được câu nói này quả lạ chuyện lạ.

Thơ ca muốn hay thì phải thực và phải trải qua những nỗi đau đời:

Văn phi sơn thủy vô kỳ khí,

Nhân bất phong sương vị lão tài.

文非山水無奇氣，

人不風霜未老才。

(*Quá Hải Vân quan* 過海雲關

— *Trần Bích San*)

Văn chương mà không có sơn thủy thì không có khí cốt kỳ lạ. Con người mà chưa dãi dầu sương gió thì tài năng chưa thể già dặn. Tài năng, trong lĩnh vực thơ ca, phải là người đã đào xới được hết mọi cảm xúc bi hoan khổ lụy của tâm hồn mình qua những cảnh ngộ thiên ma bách chiết, phải sống trọn vẹn với tất cả cảm xúc đó bằng máu và nước mắt, và đẩy chúng đến chỗ tận cùng. *Jusqu'à la fin*! Nếu không thì văn chương chỉ còn lại sự trau chuốt

phù hoa. Giống như cô tiểu thư đài các muốn tả cảnh vất vả của người nông dân lam lũ qua hình ảnh cuộc đời nhìn từ gác tía lầu son. Hay như các nhà văn ngồi tán gẫu trong quán cà phê ở Sài Gòn để rồi mô tả cảnh hùng vĩ của dòng sông Sê-rê-pok cuộn cuộn như thác đổ trên cao nguyên vậy.



HUỲNH NGỌC CHIẾN. 1955

QUẢNG NAM

*Huỳnh Ngọc Chiến
qua nét ký họa
của Trần Đạt*

Đã xuất bản:

01. *Lý Hạ, quỹ tài - quỹ thi*, NXB Trẻ, 2001.
02. *Lịch vạn niên phổ thông* (Đối chiếu lịch pháp Đông Tây), NXB Văn hóa Dân Tộc, 2002.
03. *Lai rai chén rượu giang hồ* (Tiểu luận về Kim Dung), NXB Văn Học, 2002; tái bản lần 1, NXB Văn Nghệ TPHCM, 2006; tái bản lần 2, NXB Trẻ, 2015).
04. *U mộng ảnh* 幽夢影 (dịch) Trương Trào, NXB Văn hóa Thông tin TPHCM, 2007.
05. *Đạo Phật và khoa học*, (dịch *Buddhism and Science*), P. Dahlke, NXB Phương Đông, 2009.

06. *Trúc thanh tập (Hương thiền qua tiếng trúc)*, tập tiểu luận về Phật giáo, NXB Thời Đại, 2012.
 07. *Cung Trầm*, tuyển tập ca khúc, NXB Hồng Đức, 2012.
 08. *Tây Tạng: Đạo sư & Huyền thuật* (dịch *Mystiques et Magiciens du Tibet*, Alexandra David-Neel), NXB Tôn giáo, 2012.
 09. *Chu Dịch thiền giải* 周易禪解 (dịch), Trí Húc Đại sư, NXB Hồng Đức, 2012).
 10. *Tánh Không: Cốt tủy của triết học Phật giáo*, (dịch *The Central Philosophy of Buddhism*, T.V.Murti) NXB Hồng Đức, 2013.
 11. *Di sản Phương Đông* (dịch *Our Oriental Heritage*, Will Durant). NXB Hồng Đức, 2014.
 12. *Triết học Trung Quốc thời Tiên Tần* (dịch *Trung Quốc Triết Học Sử Tân biên, tập thượng*), Phùng Hữu Lan, NXB Hồng Đức, 2018.
- Cùng một ít tác phẩm và dịch phẩm khác.

MỤC LỤC

THAY LỜI DẪN	5
ĐỌC U MỘNG ẢNH VỚI TRĂNG MỜ PHỐ NÚI.....	5
TRƯƠNG TRÀO VÀ U MỘNG ẢNH	13
TÁC PHẨM TRƯƠNG TRÀO	19
BÀI TỰA THỨ 1: DƯ HOÀI TỰ.....	21
BÀI TỰA THỨ 2: TÔN TRÍ DI TỰ.....	27
BÀI TỰA THỨ 3: THẠCH BÀNG TỰ.....	31
BÀI TỰA THỨ 4: TÙNG KHÊ VƯƠNG TỰ.....	40

